**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

**Quyển 41/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Mục Lục

[Tập 401 2](#_Toc420933036)

[Tập 402 24](#_Toc420933037)

[Tập 403 44](#_Toc420933038)

[Tập 404 65](#_Toc420933039)

[Tập 405 88](#_Toc420933040)

[Tập 406 108](#_Toc420933041)

[Tập 407 129](#_Toc420933042)

[Tập 408 149](#_Toc420933043)

[Tập 409 170](#_Toc420933044)

[Tập 410 191](#_Toc420933045)

# Tập 401

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian:08.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 501, bắt đầu xem đoạn giữa hàng thứ nhất.

*“Hựu Đại Từ Kinh vân, nhất xưng Phật danh, dĩ thị thiện căn, nhập niết bàn giới, bất khả cùng tận”.* Văn bên dưới còn rất dài, điều này chứng minh cho chúng ta thấy sự quan trọng của một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà. Đây là phương pháp tu học Tịnh độ. Trước tiên phải phát nguyện, dạy chúng ta phát tâm bồ đề. Sau khi phát tâm cần phải niệm Phật, phải một lòng chuyên niệm. Ở đây đưa ra bốn câu kệ kinh văn của Kinh Đại Bi đều là tán tụng công đức niệm Phật vô cùng thù thắng.

Trong kinh nói nhất xưng Phật danh, đây là nói niệm một câu A Di Đà Phật. “Dĩ thị thiện căn, nhập niết bàn giới”, điều này tưởng chừng như rất dễ, trong kinh nói là thật sao? Nhất định là thật nhưng không phải hiện tại, vậy thì khi nào? Khi duyên vãng sanh đã thuần thục. Hiện tại niệm một câu Phật hiệu chính là trồng một chủng tử Phật A Di Đà trong A lại da, như vậy quý vị có duyên với Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc. Kinh điển đại thừa thường nói Phật không độ chúng sanh không có duyên. Khi nào duyên này thuần thục quý vị nhất định được vãnh sanh. Sanh đến Tịnh độ là nhập niết bàn giới, niết bàn giới là gì? Chứng được quả Phật cứu cánh viên mãn gọi là niết bàn giới. Không nói là đại bát niết bàn, nhập đại bát niết bàn chỉ gọi niết bàn giới.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm là Viên giáo, sơ trú Bồ Tát là nhập niết bàn giới. Sơ trú Bồ Tát minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, họ không ở trong mười pháp giới, đương nhiên càng không ở trong lục đạo. Họ ở cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai. Tu pháp môn thường đại khái đều đến thế giới Hoa Tạng của đức Phật Tỳ Lô Giá Na. Cõi báo của Chư Phật Như Lai cũng là cõi báo của chính họ. Tự mình chưa tu đến tầng lớp này thì không vào được cõi báo. Từ sơ trú đến đẳng giác đều là niết bàn giới. Cũng như trong Đại Tạng Kinh thường nói 41 vị pháp thân đại sĩ họ là Phật thật chứ không phải giả.

Trí Giả đại sư tông Thiên Thai nói Phật trong mười pháp giới không phải là Phật thật gọi là tương tợ tức Phật, vì sao vậy? Vì họ không dùng chân tâm, họ vẫn dùng tám thức và 51 tâm sở giống như chúng ta vậy, 8 thức và 51 tâm sở là vọng tâm không phải chân tâm. Chúng sanh trong lục đạo dùng 8 thức nhưng dùng sai, hoàn toàn là dùng mặt phụ không phải dùng mặt chánh. Ý muốn nói rằng họ tương ưng với phiền não tâm sở\_26 loại phiền não, sáu căn bản phiền não, hai mươi tuỳ phiền não, họ tương ưng với những phiền não này nên họ ở trong luân hồi lục đạo.

Trong tứ thánh pháp giới họ đã buông bỏ phiền não, thông thường chúng ta nói là đã đoạn tận phiền não. Tuy dùng tám thức nhưng họ không tương ưng với 26 loại phiền não này họ tương ưng với 11 thiện pháp. Chúng ta thường nói thuần tịnh thuần thiện là tán thán họ, họ đã thoát ly luân hồi lục đạo không còn lục đạo. Phiền não biến hiện ra lục đạo nên phiền não không có thì lục đạo cũng không. Điều này chúng ta không thể không biết. Lục đạo từ đâu mà có cần phải biết, cần phải rõ ràng. Ngày nay chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, tạo đó là nghiệp gì? Tự mình rất rõ ràng minh bạch. Nếu tương ưng với phiền não tức là nghiệp luân hồi, chúng ta đang chế tạo luân hồi lục đạo, sự việc chính là như vậy. Lục đạo là nghiệp lực do chính mình biến hiện ra không liên quan đến người khác.

Họ thông minh trí tuệ nên buông bỏ những điều này. Sau khi buông bỏ liền tuỳ thuận giáo huấn của Chư Phật Bồ Tát, hành trì theo lời dạy của Chư Phật Bồ Tát. Những điều chư Phật Bồ Tát dạy, họ tin tưởng và lý giải và thật sự có thể thực hành. Thực hành trong sinh hoạt, thực hành trong công việc, thực hành trong việc xử sự đối nhân tiếp vật. Như vậy cảnh giới của họ được nâng cao, nâng cao ở tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới như Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật. Thanh văn, Duyên giác là tiểu thừa. Bồ Tát và Phật là đại thừa. Tuy vẫn dùng bát thức nhưng họ dùng ngay thẳng. Tiêu chuẩn của ngay thẳng chánh trực này là tuỳ thuận giáo huấn của Phật, họ tương ưng với thập thiện nghiệp đạo, tương ưng với tam học lục độ ba la mật của Bồ Tát, nên họ là tịnh độ, còn lục đạo là uế độ, là nhiễm ô. Tứ thánh pháp giới thanh tịnh gọi là tịnh độ, Tịnh độ của Đức Thế Tôn cũng đi đến đây.

Khi nào họ có thể chuyển thức thành trí nghĩa là không dùng bát thức.Trong Pháp Tướng Tông nói chuyển A lại da thành đại viên cảnh trí, chuyển Mạt na thành bình đẳng tánh trí, chuyển đệ lục ý thức thành diệu quan sát trí, chuyển tiền ngũ thức thành thành sở tác trí. Bát thức vừa chuyển thì mười pháp giới liền biến mất. Vì sao vậy? Vì nghiệp của mười pháp giới không còn, không dùng vọng tâm, chỉ dùng chân tâm. Trí chính là chân tâm gọi là tứ trí bồ đề. Dùng chân tâm không dùng vọng tâm. Trong Kinh Hoa Nghiêm dùng chân tâm nghĩa là trên sơ trú. Sơ trú Bồ Tát bắt đầu dùng chân tâm không còn dụng vọng tâm, nên mười pháp giới không còn. Lục đạo là giả không phải thật, giống như nằm mộng vậy. Mười pháp giới cũng không phải thật cũng là một giấc mộng. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, là giống như tỉnh lại, tỉnh lại sau giấc mộng. Đức Phật thường nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, tứ thánh pháp giới đều không thể lưu luyến huống gì luân hồi lục đạo? Luân hồi lục đạo là ác mộng, tứ thánh pháp giới là mộng đẹp, nhưng tất cả đều là giả không phải thật. Khi nào mới là thật? Cõi thật báo là thật nên gọi nó là nhất chân pháp giới.

Nhận xét về chân và vọng như thế nào? Phật giáo định nghĩa phàm những gì gọi là hư vọng thì nó chính là vô thường nó có sanh có diệt. Quý vị xem động vật có sanh lão bệnh tử, thực vật có sanh trụ dị diệt, khoáng vật có thành trụ hoại không, tất cả đều là vô thường! Lục đạo vô thường, tứ thánh pháp giới cũng vô thường, cũng có hiện tượng này, nhưng đến cõi Thật Báo của Chư Phật thì hiện tượng này không có. Người trong cõi Thật Báo là hoá sanh, không có thai sanh, không có noãn sanh, không có thấp sanh, chỉ có hoá sanh tức là biến hoá. Hoá sanh không phải từ nhỏ lớn dần lên, không có hiện tượng này. Hiện tượng này là hiện tượng sinh diệt. Đến đó hiện tướng như thế nào vĩnh viễn chính là tướng đó, nên vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc thật không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì trong tứ sanh - thai noãn thập hoá, thì ở thế giới Cực Lạc họ chỉ có hoá sanh, họ không có thai sanh, cũng không có noãn sanh mà vĩnh viễn không có biến hoá.

Cõi phàm thánh đồng cư của thế giới Cực Lạc có cõi phàm thánh đồng cư và lục đạo, nó chỉ có hai đường, vì họ là người thiện không phải người ác. Chỉ có hai đường thiên và nhân, nó không có ba đường ác, không có la sát, không có tu la, thuần thiện không có ác, chỉ có hai đường thiên và nhân. Như vậy có Tứ Thánh pháp giới chăng? Có. Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật có cõi phương tiện hữu dư. Cõi phương tiện hữu dư là tứ thánh pháp giới đều chưa kiến tánh. Tuy chưa kiến tánh, vậy họ đi như thế nào, làm sao để thành tựu? Tịnh độ tông nói là đới nghiệp vãng sanh. Những phiền não tập khí này chưa đoạn nhưng họ có thể đem nó về thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc rồi tiếp tục đoạn. Đúng là Phật A Di Đà từ bi, từ bi đến tột cùng!

Tuy tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương đều đã thành Phật. Thành Phật tự nhiên là bình đẳng, Phật Phật đạo đồng. Trí tuệ, thần thông, đạo lực, tướng hảo của Chư Phật Như Lai hoàn toàn tương đồng, tuy tương đồng nhưng nguyện lực không giống nhau. Nguyện lực không phải phát sau khi thành Phật, không phải. Sau khi thành Phật không khởi tâm không động niệm nên không có gì gọi là phát nguyện hay không phát nguyện. Nguyện phát khi còn ở nơi nhân địa, đa phần là phát nguyện khi còn đang tu Bồ Tát đạo.

Trong kinh này chúng ta thấy Đức Thế Tôn giới thiệu thân phận của Phật A Di Đà phát nguyện là một Tỳ Kheo\_Tỳ Kheo Pháp Tạng. Ở nơi nhân địa phát nguyện, nguyện mỗi người phát không giống nhau. Phật A Di Đà phát 48 nguyện, câu sau cùng trong nguyện thứ 20 nói: “phàm là người sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát”. Nguyện này thật quá tuyệt! A Duy Việt Trí Bồ Tát là Bồ Tát như thế nào? Là Bồ Tát đã minh tâm kiến tánh, cũng chính là trên viên giáo sơ trú trong Kinh Hoa Nghiêm. Họ ở đâu? Ở cõi thật báo trang nghiêm. Hiện tại những người đới nghiệp vãng sanh như chúng ta đến thế giới Cực Lạc là thân phận gì? Thân phận người không phải trời. Chúng ta vẫn chưa đủ tư cách để làm người của cõi trời, chỉ đủ tư cách làm người, nhưng do oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, nâng chúng ta lên đến cảnh giới của A Duy Việt Trí Bồ Tát.

Hay nói cách khác chúng ta ở thế giới tây phương Cực Lạc thì trí tuệ, thần thông, đạo lực đều giống như A Duy Việt Trí Bồ Tát, nên biết điều này không phải tự mình tu được, mà là hưởng phước báo của Phật A Di Đà, là Phật A Di Đà gia trì. Điều này trong quốc độ của mười Chư Phật không có, chỉ có thế giới Cực Lạc mới có. Cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, cõi phương tiện hữu dư thì không cần phải nói, cho nên oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì chính là gia trì cõi đồng cư, cõi phương tiện, cõi thật báo quý vị đã thành tựu rồi. Cõi thật báo đến đó đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, viên chứng tam bất thoái. A Duy Việt Trí gọi là bất thoái chuyển. Vị bất thoái, hành bất thoái, niệm bất thoái. Mỗi niệm đều hướng đến tát bà nhược hải, tát bà nhược hải chính là tự tánh. Trong cõi thật báo không có ý niệm thứ hai, thật sự chỉ có một phương hướng, một mục tiêu là trở về tự tánh.

Nhập tát bà nhược hải chính là trở về tự tánh. Trở về tự tánh đó là diệu giác Phật, là cứu cánh quả Phật, đẳng giác thì còn kém một tầng. Đẳng giác lên trên nữa là diệu giác. Do đây mà biết hạng người nào ở trong cõi thật báo trang nghiêm? 41 vi pháp thân đại sĩ. Thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác họ đều ở trong cõi thật báo trang nghiêm. Nếu chứng được diệu giác quả vị họ không ở trong cõi thật báo, họ đi về đâu? Nhập tát bà nhược hải là trở về tự tánh, tự tánh gọi là cõi thường tịch quang. Như vậy cõi thật báo trang nghiêm có tồn tại chăng? Không tồn tại. Chúng ta hiểu rõ phàm những gì có tướng đều là hư vọng, đức Phật không nói cõi thật báo trang nghiêm là ngoại lệ, không nói. Cõi thật báo trang nghiêm cũng không phải thật, nhưng trong cảnh giới này không có biến hoá, cho nên chúng ta nói nó gọi là nhất chân pháp giới, nó không có biến hoá. Động vật không có sanh lão bệnh tử, thực vật không có sanh trụ dị diệt, sơn hà đại địa không có thành trụ hoại không, nhất định không thấy những hiện tượng đó.

Thọ mạng của con người trong cõi thật báo là vô lượng thọ, vô lượng. Có một số vị nói: vô lượng đó của họ là vô lượng đối với hữu lượng, chứ không phải vô lượng thật. Hữu lượng là bao lâu? Trong kinh nói là ba đại a tăng kỳ kiếp, thọ mạng ba đại a tăng kỳ kiếp. Vì sao vậy? Vì ba đại a tăng kỳ kiếp thì tập khí vô thỉ vô minh của họ mới có thể đoạn tận. Tập khí vô thỉ vô minh không có phương pháp đoạn, vậy phải dùng phương pháp nào đoạn nó? Không có phương pháp nào. Vì sao vậy? Vì 41 vị Bồ Tát ở trong đó đều đã minh tâm kiến tánh. Vô minh phiền não đều đã phá, vô minh đã phá cũng chính là nói không khởi tâm không động niệm. Không khởi tâm không động niệm đương nhiên cũng không có phân biệt chấp trước, nên thế giới này là thế giới bình đẳng. Tại sao lại nói có 41 địa vị? Có địa vị tức là không bình đẳng, không bình đẳng nhất định có phân biệt chấp trước.

Ở đây chúng ta lãnh hội được, minh bạch được, là do tập khí vô thỉ vô minh dày mỏng không giống nhau. Người mới đến thế giới Cực Lạc như thập trú Bồ Tát tập khí rất dày, đến đẳng giác Bồ Tát thì tập khí rất mỏng manh, cho nên 41 địa vị là do tập khí dày hay mỏng mà phân ra, sự việc chính là như vậy. Tập khí có gì chướng ngại chăng? Không chướng ngại nhưng nó chướng ngại chúng ta trở về tự tánh. Đẳng giác còn có một phần, đoạn tận được phần đó họ liền trở về với tự tánh, liền trở về thường tịch quang, tất cả chính là như vậy.

Trong Tịnh Độ tông, Tịnh tông nói về Tịnh độ, Tịnh độ thật sự là cõi thật báo trang nghiêm. Ngang bằng với Tịnh độ, giống với cõi Tịnh độ đó là oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Cõi phương tiện và cõi đồng cư của thế giới Cực Lạc. Chúng ta biết rõ chân tướng sự thật này rồi, có thể đến thế giới Cực Lạc chăng? Không đến mà chúng ta muốn nâng cao đến cảnh giới này, thì điều này quả thật quá khó khăn. Dựa vào chính chúng ta làm sao có thể đoạn phiền não? Không nói gì khác, ngày nay chúng ta nói kiến tư phiền não, ít nhất là 88 phẩm kiến hoặc trong tam giới, đây là mức độ thấp nhất. Đoạn tận được những điều này mới chứng được Tu đà hoàn, tiểu thừa sơ quả giống như lớp một tiểu học vậy. Trong đại thừa Kinh Hoa Nghiêm nói 51 vị Bồ Tát, 51 địa vị. Đây là thập tín vị, thập tín ví như tiểu học. Sơ tín là lớp một tiểu học, điều kiện là gì? Điều kiện là đoạn được kiến hoặc.

Chúng ta thử nghĩ xem cái thứ nhất của kiến hoặc là phương tiện khởi kiến khi nghe Phật giảng kinh dạy học. Đem 88 phẩm kiến hoặc quy nạp thành năm loại lớn. Loại thứ nhất là thân kiến, ai có thể đoạn tận được thân kiến? Chúng ta đều biết thân không phải là ta, chỉ biết thôi thì không được, phải thật sự không phải ta mới được. Biết được nó vẫn là ta, vẫn đang chấp trước là ta, thật không chấp trước những điều này là ta, thân là gì? Thân là cái ta có, coi thân thể này như y phục vậy, y phục là tôi sở hữu. Quý vị xem y phục dơ thì thay nhanh bộ y phục khác. Tuổi đã lớn thân thể không dễ sử dụng đem nó vứt bỏ nhanh, thay lại một thân thể khác. Đối với việc sanh tử của thân này giống như việc mặc và cởi y phục vậy, không lưu luyến, không sợ hãi.

Con người đều tham sống sợ chết, nghe nói có thiên tai thì nghe ngóng xem nơi nào không có thiên tai để đến đó tránh, đây là vì sao? Chẳng phải là vì thân này sao? Lớp một tiểu học cũng không có đủ tư cách, quý vị xem điều này khó khăn biết bao.

Thứ hai gọi là biên kiến, biên kiến dùng cách nói của chúng ta hiện nay chính là tương đối. Trong Phật pháp không và có là tương đối, chấp trước có là sai, chấp trước không cũng sai. Chấp trước phi không phi hữu cũng sai, diệc không diệc hữu cũng sai. Vì sao vậy? Vì chấp trước là sai. Tất cả tương đối đều không tồn tại. Như vậy ngày nay chúng ta đối lập với người cũng sai, tôi nói như vậy mọi người dễ hiểu hơn, biên kiến chính là đối lập. Tôi đối lập với người, tôi đối lập lập với việc, tôi đối lập với tất cả vạn vật, bệnh tập khí này rất nặng! Khi nào mới buông bỏ được điều này? Buông bỏ thế giới này là bình đẳng với tôi, không có đối lập, chúng ta có thể làm được chăng? Cái đầu tiên buông bỏ là tôi, chỉ cần có tôi là có đối lập. Tôi không có thì đối lập không tồn tại.

Thứ ba là giới thủ kiến, thứ tư gọi là kiến thủ kiến. Hai điều này chúng ta hợp lại gọi nó là gì? Gọi là thành kiến. Người nào đó thành kiến rất sâu. Kiến thủ kiến là thành kiến về mặt quả, giới thủ kiến là thành kiến về mặt nhân, ý nói tu nhân, đây là có nhân quả. Điều này cũng là giả cũng cần phải buông bỏ. Loại sau cùng không thuộc về bốn loại lớn ở trước, tất cả kiến giải sai lầm đều buông bỏ hết, đây mới là sơ quả Tu đà hoàn, đại thừa sơ tín vị Bồ Tát. Quý vị thử nghĩ xem điều này khó khăn biết bao!

Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi pháp môn đều là tiêu chuẩn này, không có tiêu chuẩn thứ hai. Chúng ta tu một đời xem có chứng được sơ quả hay không, có thể chứng được sơ tín vị của thập tín chăng? Ngày xưa có, khoảng thời nhà Đường ở Trung quốc có, sau nhà Tống e rằng không còn nữa. Đặc biệt là sau thời Nam Tống, bất luận tại gia hay xuất gia đều không có chứng quả, có đắc thiền định, không có chứng quả. Đắc thiền định không được, không ra khỏi luân hồi lục đạo. Người đắc thiền định tương lai họ đi về đâu? Đến cõi trời sắc giới. Công phu cao thì sao? Thì họ đến cõi trời vô sắc giới. Không như niệm Phật cầu sanh Tịnh độ nên chỉ có niệm Phật cầu sanh Tịnh độ không những vượt ra khỏi lục đạo mà còn vượt ra mười pháp giới.

Thế giới Cực Lạc không ở trong lục đạo cũng không ở trong mười pháp giới. Cho nên vì sao đức Phật A Di Đà ở trong Chư Phật Như Lai ngài rất nổi bật, đặc biệt vượt trội? Chính là phương pháp của ngài xảo diệu, nguyện lực công phu thật không thể nghĩ bàn. Khi còn là thân Tỳ Kheo phát nguyện, ngài đã dùng thời gian bao nhiêu để thực hành? Trong kinh nói năm kiếp, chứ không nói là năm tiểu kiếp. Năm kiếp này thường chính là đại kiếp, thời gian dài như vậy, 48 nguyện mỗi nguyện đều đã thực hiện. Đây là điều Chư Phật Như Lai tuy đều có trí tuệ thần thông đạo lực nhưng không nghĩ đến, Phật A Di Đà đã nghĩ đến mà nghĩ đến rất tốt, Chư Phật khác có cần nghĩ chăng? Không cần. Vì sao vậy? Vì Phật A Di Đà đã làm. Mọi người chúng ta đem những chúng sanh khó độ và độ không được đều đưa đến cho ngài, như vậy không phải đã giải quyết rồi sao? Đích thực là như vậy.

Vậy 48 nguyện độ ai? Đối với chúng ta mà nói thì độ ta, còn đối với toàn bộ pháp giới mà nói ngài đích thực là phổ độ lục đạo chúng sanh, trong biến pháp giới hư không giới, hết thảy quốc độ của chư Phật, điều này thật đáng nể! Nên không có vị Phật nào không tán thán Phật A Di Đà. Vì sao vậy? Vì tất cả chư Phật đều chung một tâm nguyện là ước gì những chúng sanh này đều mau thành Phật. Trong kinh nói “nhất thiết giai thành Phật”, đây là bản tâm là chân tâm bản nguyện của Chư Phật Như Lai. Nhưng chúng sanh không buông bỏ được tập khí phiền não. Không buông bỏ được thì Phật cũng không có năng lực giúp họ nâng cao cảnh giới. Nhất định phải tự họ buông bỏ chứ Phật không giúp được. Phật giúp chúng sanh chính là sự giáo hoá, đem chân tướng sự thật nói với chúng ta sau đó thì tự mình tu, tự mình thành tựu, cho nên đức Phật là bậc đạo sư.

Đức Phật Di Đà nghĩ ra phương pháp này quá tuyệt diệu, kiến lập một thế giới tây phương Cực Lạc, đó là gì? Là đạo tràng, là trường học. Như thế nào mới có thể nhập học? Điều kiện nhập học là phát tâm bồ đề một lòng chuyên niệm. Tâm bồ đề trong chú giải này Hoàng Niệm Tổ dẫn chứng những điều Ngẫu Ích Đại Sư nói. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay, thật sự tin pháp môn này không hoài nghi, thật sự tin tưởng, thật sự muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, đây chính là tâm vô thượng bồ đề. Khác với những gì các bậc tổ sư khác nói, ngài nói điều này rất đơn giản, chúng ta vừa nghe là có thể hiểu được. Người khác nói là thâm tâm, trực tâm, đại bi tâm, khiến chúng ta hồ đồ. Ngẫu Ích Đại Sư nói điều này dứt khoát mạch lạc, thâm tín không hoài nghi, thật sự chịu phát tâm, tôi nhất định phải đến thế giới Cực Lạc, tôi nhất định thân cận Phật A Di Đà, tâm này chính là tâm vô thượng bồ đề. Tâm đã phát thì phải thực hiện, thực hiện bằng cách nào? Chính là nhất hướng chuyên niệm, một phương hướng, một mục đích ngoài ra đều bỏ hết không quan tâm đến nó.

Tất cả pháp Đức Thế Tôn nói trong suốt 49 năm tôi chỉ cần một cuốn Kinh Di Đà, một cuốn Kinh Vô Lượng Thọ là đủ, một câu A Di Đà Phật là được. Ngoài ra tất cả đều không cần, hoàn toàn buông bỏ, đây là hạng người nào? Là người có trí huệ nhất, người có phước báo nhất. Vì sao vậy? Vì đến thế giới tây phương Cực Lạc thì tất cả đều đạt được, thật sự buông bỏ mới có thể đạt được. Cho nên người xưa trên miệng thường nói thành ngữ “xả đắc”. Quý vị xem nếu có thể đem tất cả pháp mà Đức Thế Tôn giảng trong 49 năm xả bỏ hết, quý vị sẽ đạt được, đạt được hết. Gặp được Phật A Di Đà thì tất cả đều đạt được. Quý vị xả được mới có thể đạt được. Thế gian này còn có một chút phước báo, xả bỏ phước báo này khi đến thế giới Cực Lạc được phước báo lớn. Thế giới này không xả được thì thế giới Cực Lạc không có phần, đại hỷ đại xả đến thế giới Cực Lạc sẽ được niềm vui lớn lao. Người thật sự có trí huệ, thật sự có phước báo mới làm được điều này. Người không có phước báo họ không nghĩ đến, chỉ tham luyến phước báo trước mắt. Nếu như vậy là hỏng hết, thật là “nhất xưng Phật danh, dĩ thị thiện căn nhập niết bàn giới”, không sai chút nào.

*“*Nhập niết bàn giới, bất khả cùng tận”. Ngài Huệ Năng đại sư nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Thế Tôn nói: “tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai”. Trí huệ không cùng tận, đức năng không cùng tận, tướng hảo không cùng tận, thần thông đạo lực mỗi mỗi đều không cùng tận. Không cùng tận là tự tánh, quý vị đã chứng được tự tánh viên mãn điều này không đáng nể sao? Pháp môn này thực tế là khó tin dễ hành, tại sao chúng ta không chịu niệm? Tại sao không chịu phát tâm? Tại sao không chịu buông bỏ? Điều này khó, mà khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ không hiểu về chân tướng của nhân sinh vũ trụ, cũng không rõ về thế giới Ta Bà và thế giới Cực Lạc, cho nên không cách nào phát tâm được. Thật sự biết được Ta Bà là khổ mới chịu xả bỏ, thật sự thấu triệt niềm vui ở thế giới Cực Lạc tại sao không đến? Đương nhiên là đến rồi.

Hiện nay mọi người đều muốn tránh nạn, nói địa cầu thiên tai nhiều chúng ta phải trốn lánh. Tôi nói với quý vị vãng sanh thế giới Cực Lạc thì thiên tai gì cũng không có. Đây là di dân! Rời xa địa cầu này di dân đến thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, điều này tốt biết bao. Mỗi câu đều là thật nếu thật sự nghe hiểu và y giáo phụng hành thì vấn đề liền được giải quyết.

Mấy năm này có rất nhiều thông tin truyền đến chỗ chúng tôi, cũng có rất nhiều bạn đồng học đến hỏi tôi về vấn đề thiên tai. Tôi nói với mọi người trong tâm không thể có thiên tai. Vì sao vậy? Nếu học Phật chơn chánh thật sự hiểu được Phật pháp. Đức Phật nói tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, cứ nghĩ đến thiên tai thì thiên tai sẽ đến. Nghĩ đến điều gì thì điều đó sẽ đến, thế tại sao không nghĩ đến Phật A Di Đà? Tại sao không nghĩ đến thế giới Cực Lạc, mà lại nghĩ đến thiên tai? Thiên tai không liên quan đến chúng ta.

Bất luận là lời đồn đoán như thế nào truyền đến đây, đến đây là dừng. Tôi nhận được rất nhiều tin tức nhưng đều không coi trọng nó. Tôi chỉ hỏi họ dùng thái độ nào để đối phó thiên tai này, kết quả tuyệt đại đa số đều nói niệm Phật, như vậy chẳng phải là được rồi sao? Chỉ cần niệm Phật ngoài ra không cần quan tâm, về sau cũng không cần quan tâm. Niệm Phật có thể hoá giải thiên tai. Tôi nói với quý vị hoá giải đầu tiên là thiên tai của chính mình. Thiên tai của chính mình là gì? Phiền não là thiên tai, tạo tội nghiệp là thiên tai, thân tâm không mạnh khoẻ là thiên tai. Tạo tội nghiệp thì thiên tai càng nặng đây là tự mình tạo thiên tai. Sau khi giác ngộ niệm Phật A Di Đà. Vì sao vậy? Vì đời này nhất định phải đến thế giới Cực Lạc để làm Phật, như vậy chẳng phải thiên tai đều hoá giải rồi sao? Làm gì có thiên tai! Đây là người thật sự có đại trí huệ, đại phước đức.

Ngạn ngữ có câu: “người phước ở đất phước, đất phước thì người có phước ở”, quý vị là người có phước, người niệm Phật chính là người có phước, người niệm Phật nên học tốt kinh điển đại thừa này là phước báo đệ nhất trong phước báo, là trí tuệ đệ nhất trong trí tuệ, là người có trí tuệ đệ nhất, phước báo đệ nhất trong thế xuất thế gian. Họ ở đây thì chỗ này không có thiên tai. Quý vị nên thật niệm Phật, thật buông bỏ, làm giả không được phải làm thật.

Các nhà khoa học nước ngoài nói trên địa cầu nếu có được 8000 người chơn chánh niệm Phật, người thật sự tu phước tu huệ thì trên địa cầu này không có thiên tai. Họ đề xuất 8000 người nà là có căn cứ. Hiện tại trên địa cầu này tổng nhân khẩu là 65 ức, lấy chữ số này làm tiêu chuẩn. Một phần trăm căn bậc hai khoảng trên dưới 8000 người. Có nhiều người tu thiện tích đức như vậy, có thể giúp địa cầu hoá giải tất cả, hiện nay nói là thiên tai tự nhiên tất cả đều không còn.

Tin tức này mấy năm gần đây truyền đến chỗ chúng tôi. Tôi suy nghĩ rất lâu và cũng không giám tin. Quý vị xem 65 ức người, tám ngàn người này\_65 ức người tạo nghiệt, mà tám ngàn người có thể cứu được, hình như không cân xứng. Tôi đột nhiên nghĩ đến cổ nhân có câu ngạn ngữ nói: “tà không thắng chánh”, tà tuy nhiều chánh tuy ít nhưng tà không thể thắng chánh. Ở trước chúng ta có đọc đến một ví dụ là ví dụ trong Kinh Quán Phật Tam Muội nói về rừng Y Lan. Khu rừng này lớn bao nhiêu? Có 40 do tuần. Chúng ta tính do tuần nhỏ nhất là 40 dặm\_một do tuần 40 dặm, 40 do tuần là 1600 dặm. 1600 dặm, diện tích rừng Y Lan lớn như vậy. Rừng Y Lan, Y Lan là tiếng Ấn Độ. Loại cây này rất khó ngửi, nhưng trong rừng Y Lan này có một cây ngưu đầu chiên đàn. Cây chiên đàn, cây chiên đàn là cây hương, cây này ở đây dần dần lớn lên khi trưởng thành mùi hương của nó thay đổi cả khu rừng này. Quý vị xem một cây có thể thay đổi cả khu rừng đây là một ví dụ rất hay. Chúng ta có lý do tin rằng lời của Đức Thế Tôn không phải giả, không phải gạt chúng ta. Có niềm tin chơn chánh chúng ta sẽ có phước báo. Một người có thể thay đổi một đám người. Quý vị ở một chỗ có thể thay đổi một xóm một làng, có thể thay đổi một thành thị. Một người có thể làm được, nếu quý vị là người niệm Phật chân chánh thì Tam Bảo sẽ gia hộ quý vị, thiện thần sẽ ủng hộ quý vị, quý vị nhất định có thể làm được. Chúng ta ở đây phải sanh khởi tín tâm, không thể có chút hoài nghi nào, hãy làm một người tốt, làm một người thiện.

Chúng ta sống ở thế gian mấy mươi năm sẽ có giá trị, sẽ có ý nghĩa. Tương lai rời nơi này đến thế giới Cực Lạc. Sanh từ đâu đến, chết đi về đâu đều rõ ràng minh bạch không hề hồ đồ. Điều này chúng tôi tin rằng, có không ít bạn đồng tu có thể khẳng định, có thể tiếp nhận không hề hoài nghi. Mọi người chúng ta đều thực hành, nếu chư vị đồng học của Tịnh độ tông trên toàn thế giới, có được 8000 người y giáo phụng hành, như vậy thì mừng cho địa cầu này, thiên tai địa cầu có thể được hoá giải. Đối với người khác tâm họ hành bất thiện không nên để trong lòng. Đừng nói tâm lượng của Phật, đến tâm lượng của Khổng Lão Phu Tử đều có thể thông cảm cho những người tạo ác nghiệp này.

Vì sao họ tạo ác nghiệp? Trong Kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật nói rất hay: “Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã”. Không nên trách họ vì từ nhỏ không ai dạy họ, cha mẹ họ không hiểu luân lý đạo đức nhân quả nên không dạy họ. Cha mẹ họ cũng không biết vì tổ phụ mẫu của họ không dạy, trước đó nữa là tằng tổ phụ không dạy, cao tổ phụ không dạy như vậy họ làm sao biết được? Nên cần phải có tâm lượng “trung thứ” của Phu Tử. Chúng ta phải thật tâm tha thứ cho họ, không nên nhớ mãi sai lầm của họ. Hy vọng mọi người cùng nhau học tập giáo huấn truyền thống văn hoá của người xưa. Học luân lý, học đạo đức, học nhân quả, học Phật pháp. Phật pháp là triết học và khoa học tối cao, không nên xem Phật giáo như là Tôn giáo, nó không phải là Tôn giáo. Chúng ta siêng năng học tập để nâng cao cảnh giới của chính mình, thay đổi sai lầm của chúng ta như vậy là tốt.

Khổng Tử nói: “thành sự bất thuyết, toại sự bất gián, ký vãng bất cứu”. Tự chúng ta làm tấm gương tốt, tâm thanh tịnh tiết dục. Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần đều buông bỏ hết. Niềm an vui sau khi buông bỏ chính là câu đầu tiên trong Luận Ngữ nói: “học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”. Trong kinh điển đại thừa thường nói pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ, cuộc đời như vậy tốt đẹp biết bao. Ở đâu? Ngay ở đây, ngay lúc này. Ý niệm vừa chuyển thì hạnh phúc mỹ mãn, không chuyển được đó chính là tạo nghiệt thọ báo, khổ không sao nói hết, trong một niệm đã thay đổi hoàn toàn.

Chúng ta xem tiếp bên dưới đưa ra Kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức, trong kinh này nói như vậy. *“Nhược hữu đắc văn Vô Lượng Thọ Như Lai danh giả”.* Vô Lượng Thọ Như Lai chính là Phật A Di Đà. Nghe được Phật hiệu này *“nhất tâm tín lạc”* then chốt ở tại nhất tâm. Nhất tâm là chân tâm, niềm tin chân thật. Lạc là sở thích, xu hướng. *“Trì phúng tụng niệm*”, tự mình thật sự phát tâm niệm Phật. *“Kỳ nhân đương đắc vô lượng chi phước, vĩnh đương viễn ly tam đồ chi ách, mạng chung chi hậu giai đắc vãng sanh bỉ Phật sát độ, quả báo bất khả tư nghì”. N*ếu chúng ta muốn tu phước, phước báo lớn nhất là người niệm Phật. Người niệm Phật được phước báo hiện tiền là thanh tịnh vô vi. Người thường không biết đây là phước, nếu quan sát tường tận, thẩm tra tỷ mỉ và so sánh, mới thật sự phát hiện đây là phước báo lớn vô cùng thù thắng. Chúng ta dùng Đức Thế Tôn làm ví dụ, ngài xuất thân là vương tử, phụ thân làm quốc vương, ngài là thái tử. 19 tuổi từ bỏ vương vị rời xa đời sống cung điện ra đi cầu học. Cuộc sống cầu học như thế nào? Sống cuộc đời khổ hạnh tăng, người này có khờ dại lắm chăng? Người đời cho ngài là tiểu tử ngốc, có phước mà không biết hưởng. Không ai biết phước ngài hưởng vượt lên trên đời sống của đế vương. Ngài có trí tuệ, ngài không khờ dại chút nào.

Ngài tham học 12 năm. Chúng ta nên biết rằng lúc đó không có giao thông như bây giờ, tin tức hoàn toàn không có. Người xưa ghi chép thời đại của Đức Thế Tôn khi Phật ra đời là cách đây 3000 năm trước. Quý vị xem trong cuốn khoá tụng của chúng ta, trong cuốn Phật đản sanh đều nhắc đến. Đức Phật ra đời năm giáp dần thứ 24 của Châu Chiêu Vương. Đức Thế Tôn tuổi dần, ngài diệt độ vào thời Châu Mục Vương. Theo niên đại này, Trung quốc ngày xưa đều dùng niên đại này, đức Thế tôn đến ngày nay là 3038 năm, người nước ngoài dùng niên đại là hơn 2500 năm, khác biệt đến 600 năm điều này chúng ta không cần quan tâm đến nó. Vì sao vậy? Vì “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, cho nên không cần suy nghĩ vọng tưởng về vấn đề này. Nếu đi khảo chứng điều này gọi là vọng tưởng trong vọng tưởng, không bằng thật tâm niệm Phật. Chúng ta không nên suy nghĩ vọng tưởng về điều này.

Ba ngàn năm trước Đức Thế Tôn thị hiện cho chúng ta thấy, ngài là một khổ hạnh tăng. Mười hai năm cầu học cuối cùng cũng buông bỏ. 19 tuổi rời xa gia đình. Nhận định của tôi là ngài buông bỏ phiền não chướng. 30 tuổi không còn tham học nữa. Buông bỏ việc cầu học là buông bỏ sở tri chướng. Buông bỏ hai loại chướng ngại để nhập định dưới cây bồ đề. Ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật cả hai chướng đều không còn.

Ngài biểu diễn cho chúng ta thấy suốt một đời dạy học. Quý vị xem ngài dạy học lại không có đạo tràng. Ngài ở đâu? Ở trong rừng cây, sống cuộc sống du mục nay đây mai đó. Hôm nay sống ở đây ngày mai lại dọn nhà lại ra đi. Ngày ăn một bữa đêm ngủ dưới góc cây, đây chính là nói ngày ngày dọn nhà lang thang khắp nơi không có xứ sở nhất định. Đoàn thể này không nhỏ, chúng thường tuỳ 1255 vị thêm Đức Thế Tôn nữa là 1256 vị. Đoàn thể lớn như vậy chúng ta sẽ nghĩ đến chắc chắn có người nhất thời đến chứ không phải là chúng thường tuỳ, họ chỉ đi theo Phật một tháng nửa tháng, một năm nửa năm, số người này chắc chắn rất nhiều. Đoàn thể này của ngài tuyệt đối không dưới 3000 người. Điều này chúng ta có lý do để tin, một đoàn thể lớn như vậy hoạt động ở ngoài trời. Họ làm gì? Tất cả đều là dạy học. Ngoài việc đi khất thực ra còn lại là lên lớp. Theo Đức Thế Tôn cầu học không có điều kiện, ngài không thu học phí. Điều kiện của ngài đại khái là muốn họ sống cuộc đời như ngài vậy, cũng phải có năng lực ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây. Điều này chúng ta tin, đối với giáo huấn của Đức Thế Tôn nhất định tin tưởng, có thể lý giải, nghe rồi cảm thấy hoan hỷ, siêng năng học tập, nhất định phải đầy đủ những điều kiện này. Ngài dạy học suốt 49 năm, chưa từng nghe nói Đức Thế Tôn có ngày nào đó nghỉ phép. Trong Tôn giáo còn có ngày nghỉ chủ nhật, nhưng Đức Thế Tôn không có, đến cả lễ tết cũng không hề thấy trong kinh nói đến ngày nghỉ. Ngài là vị thầy tốt nhất, là người làm tròn trách nhiệm của một giáo viên tình nguyện, không thu học phí là một người thầy của văn hoá đa nguyên. Học sinh không phân biệt quốc tịch, không phân biệt chủng tộc, không phân trình độ văn hoá cũng không phân tôn giáo tín ngưỡng, chỉ cần chịu đến học thì đều đối đãi bình đẳng như nhau.

Khi tôi vừa mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi: anh muốn học Phật trước phải biết về Đức Phật Thích Ca, nếu không biết gì về ngài sẽ không biết bắt đầu học từ đâu. Tôi nghe đại sư nói cảm thấy rất thích. Đại sư dạy tôi xem, tôi xem cuốn sách thứ nhất chính là Thích Ca Phương Chí và Thích Ca Phổ do người thời nhà Đường viết, những điều trong cuốn sách này nói đều là câu chuyện về sự tích một đời của Phật Thích Ca Mâu Ni ghi trong kinh, rồi biên tập thành một cuốn sách. Chúng ta đã có nhận thức về Đức Thế Tôn, dùng cách nói hiện tại thì ngài chính là nhà giáo dục, là một nhà giáo dục xã hội văn hoá đa nguyên. Địa vị của ngài là một giáo viên tình nguyện, giáo dục xã hội văn hoá đa nguyên. Đức Phật là nhà giáo dục chứ không phải Tôn giáo, nhưng hiện nay nó đã biến thành Tôn giáo, chúng ta cũng không thể không thừa nhận nó là Tôn giáo.

Hiện tại ở thế gian này theo quan điểm của tôi có sáu loại Phật giáo khác nhau. Hiện nay ở xã hội này của chúng ta, Đức Thế Tôn là truyền thống giáo dục Phật giáo, rất ít người xem Phật giáo là giáo dục, rất ít thấy. Thời cổ đại của Trung Quốc thì rất nhiều, khoảng trước thời Càn Long Phật giáo còn là giáo dục, sau đó từ từ đã bị biến chất, lịch sử này không thể không biết, nên hiện tại có giáo dục tôn giáo, Phật giáo của Tôn giáo. Trong thời cận đại còn xuất hiện vài Tôn giáo học thuật.

Quý vị xem trong rất nhiều khoa triết học của các trường đại học dùng kinh Phật\_mở khoá trình triết học kinh Phật. Trước đó tôi có dạy 5 năm. Nó đã biến thành học thuật, đã biến thành tri thức đây không phải là Phật giáo chơn chánh. Thời cận đại những năm gần đây tôi phát hiện có tham quan du lịch Phật giáo, còn có xí nghiệp giống như mở chi nhánh dây chuyền vậy, xí nghiệp Phật giáo, loại sau cùng là Phật giáo tà giáo, tất cả sáu loại.

Ngày nay chúng ta học Phật là học loại nào? Điều này không thể không rõ ràng. Đức Thế Tôn thật sự truyền xuống đó là kinh điển, hoàn toàn học tập kinh điển. Đây là Đức Thế Tôn truyền lại, đời này truyền qua đời khác. Làm sao biết được? Quý vị xem các bậc cổ đức viết những chú giải này, đây chính là đời đời tương truyền, nên chúng ta khẳng định Phật giáo là dạy học, không liên quan gì đến các việc khác. Đây là điều đầu tiên chúng ta cần phải hiểu rõ và minh bạch về nó, không nên đi sai đường. Đây là con đường đầu tiên thầy Phương Đông Mỹ và Chương Gia đại sư chỉ cho tôi. Thầy Phương nói Phật giáo của Đức Thế Tôn trong kinh điển nhất định vào trong kinh điển sẽ tìm được. Chương Gia dạy tôi rất đơn giản, ngài dạy tôi học tập Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn là tấm gương tốt cho người học Phật chúng ta, điều này thì quá chính xác không có gì để nói.

Chúng ta nhận thức được bản chất của Phật giáo, Phật giáo nói về điều gì? Tất cả các kinh điển mà Đức Thế Tôn giảng trong suốt 49 năm chỉ trong một câu, ngài nói rõ cho chúng ta về chân tướng của nhân sinh vũ trụ. Thuật ngữ trong kinh Phật gọi là chân tướng của các pháp, thuật ngữ này là trong Kinh Bát Nhã nói, dùng cách nói hiện nay chính là chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Khoa học là nghiên cứu chân tướng triết học cũng là nghiên cứu chân tướng.

Khi tôi mới học Phật thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho tôi là triết học. Thầy nói Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới, triết học kinh Phật là đỉnh cao nhất của toàn thế giới, học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người, tôi đã nhập môn như vậy. Tôi chịu ảnh hưởng ba năm với thầy Phương chính là hoàn toàn dùng triết học để nhìn nhận Phật pháp. Cho nên sẽ có vấn đề, vì trong đó nói thiên địa quỷ thần, bộ phận này nên làm thế nào? Bộ phận này gọi là mê tín. Nó có triết học, có mê tín, đem phân thành hai bộ phận. Bộ phận triết học chúng tôi tập trung chuyên môn nghiên cứu, phần mê tín thì không để ý đến.

Đại khái giống như học Tôn giáo vậy. Học ba năm về sau càng học càng cảm thấy khác thường. Chính thầy Phương khi về già cũng đã thay đổi, cảnh giới của thầy cũng từng bước nâng cao. Khi tôi theo học thầy còn rất trẻ chưa đến 50 tuổi khoảng hơn 40 tuổi. Những năm tuổi già thầy không còn nhắc đến Phật giáo có một bộ phận mê tín nữa, mà đã khẳng định Phật giáo là giáo dục.

Đầu tiên chúng tôi cho rằng triết học cao nhất đó là diện mạo của Phật pháp. Chỉ thấy được diện mạo bên ngoài không thấy được bên trong. Phần mê tín mà thầy nói tiến dần từng bước càng vào sâu càng vi diệu. Thật hiếm có, ngày nay khoa học đã chứng minh một bộ phận, chỉ là chứng minh được một bộ phận. Bộ phận này là bộ phận vật lý còn bộ phận tâm lý vẫn chưa chứng minh được. Nhưng tâm lý là nền tảng của vật lý, đây là các nhà khoa học cận đại phát hiện. Không có tâm lý thì không thể có hiện tượng vật chất, hiện tượng vật chất là từ tâm lý biến hiện ra, tâm và vật vĩnh viễn không thể phân khai. Từ lúc sơ khởi nó đã kết hợp thành một thể, điều này hiện tại các nhà vật lý học đã thừa nhận, nhưng tâm lý từ đâu mà có thì họ vẫn chưa rõ được, vấn đề này vẫn chưa có đáp án. Trong Phật pháp có nói rất rõ ràng rất minh bạch. Ở đây chúng ta nên ghi nhớ một câu quan trọng nhất là: *“Nhất tâm tín lạc niệm Phật đương đắc vô lượng chi phước”*, câu này rất quan trọng, là phước báo đệ nhất trong thế xuất thế gian. Trong nhà Phật cầu\_thực tế không phải nhà Phật cầu, mà là từ trong tự tánh của chúng ta cầu. Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ ràng: tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai. Đức là đức năng, tướng là tướng hảo. Tướng hảo tức ngày nay chúng ta gọi là phước báo. Vô lượng phước báo, vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng. Năng lực quý vị là vạn đức vạn năng.

Trong Tôn giáo ca tụng thượng đế là đấng vạn đức vạn năng, không gì không biết và không điều gì không thể, đó là gì? Là tự tánh của quý vị. Chỉ cần quý vị buông bỏ chướng ngại. Kinh Hoa Nghiêm nói vọng tưởng phân biệt chấp trước là chướng ngại của quý vị. Trong đại thừa giáo thường nói vô minh phiền não, trần sa phiền não, kiến tư phiền não. Buông bỏ những thứ này liền hồi phục, hồi phục trí huệ đức năng đức năng tướng hảo trong tự tánh quý vị. *“Vĩnh đương viễn ly tam đồ chi ách”,* vĩnh viễn rời xa khổ báo trong tam đồ không còn đi vào đó nữa.

Chúng sanh trong tam đồ nếu có duyên với chúng ta họ sẽ cầu chúng ta giúp đỡ họ, quý vị có đi chăng? Đi. Tuy đi nhưng không chịu khổ báo của họ, vì sao? Vì chúng ta không có nghiệp nhân. Có nhân mới cảm thọ lấy khổ báo, chúng ta không có nghiệp nhân này. Chúng ta hiện thân Bồ Tát đến đó để cứu bạt họ, cần lấy thân gì để được độ thoát thì chúng ta liền hiện ra thân đó, chúng ta đều có lĩnh lớn như vậy. Họ cần dùng phương pháp gì chúng ta liền dùng phương pháp đó, rất hoạt bát nhưng tự mình không khởi tâm không động niệm, chúng sanh có cảm, chúng ta tự nhiên liền có ứng, ứng ở đây chính là phản ứng nên hiện thân khắp biến pháp giới. Thuyết pháp khắp biến pháp giới nhưng không hề khởi tâm hay động niệm, đương nhiên không có phân biệt chấp trước.

Đức Thế Tôn đương thời thị hiện tại Ấn Độ chính là như vậy. Đức Phật giảng kinh cho mọi người, đặc biệt là mục lớn như Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Phương Đẳng, Đại Tập, Bảo Tích những mục lớn này, đức Phật không soạn tài liệu, không có đại cương, không có, tất cả đều tuỳ phương tiện mà nói, nhưng khi ghi chép ra rất có hệ thống và rất có phương pháp. Thể hệ tư tưởng, ngôn ngữ, văn pháp biểu đạt của ngài đều rất nghiêm chỉnh, tìm không ra chút sơ suất nào, đó là gì? Đó gọi là tánh đức, nó vốn chính là như vậy. Do đó chúng ta hiểu được mục đích học Phật là gì, nên học như thế nào? Học Phật nhất định phải kiến tánh, nếu không kiến tánh phải làm sao? Không kiến tánh được thì cầu Phật A Di Đà đến thế giới Cực Lạc. Đến thế giới Cực Lạc trước, đến thế giới Cực Lạc ở trong hội Phật A Di Đà minh tâm kiến tánh. Chúng ta phải nương vào một người thầy giỏi, chúng ta cần dựa vào môi trường học tập tốt. Thế giới Cực Lạc là môi trường học tập tốt nhất, không thể không đi! Nếu không đi đó là sai lầm lớn nhất của chúng ta trong đời này. Làm những việc sai lầm như, ngũ nghịch thập ác đều là sai lầm nhỏ, không biết niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là một điều sai lầm rất lớn.

Vì sao vậy? Vì ngũ nghịch thập ác chỉ cần hồi đầu thành tâm sám hối niệm Phật thì tất cả đều được vãng sanh, đó là cái sai không đáng kể. Không ai không thể đến thế giới Cực Lạc, không ai không thể trong một đời viên mãn thành Phật. Quan trọng nhất là tự mình phải có tín tâm. Lòng tin kiên định, lòng tin không thay đổi như vậy đời này nhất định thành tựu, tự minh thật tu thật hành trì. Công đức tu học của quý vị có thể bảo hộ an toàn cho nơi này, có thể hoá giải thiên tai ở đây, tại sao không làm?

*“Hựu Văn Thù Bát Nhã Kinh vân, chúng sanh ngu độn, quán bất năng giải, đãn linh niệm thanh tương tục tự đắc vãng sanh”.* Đây là những lời Bồ Tát Văn Thù nói. Trong Kinh Hoa Nghiêm ngài tượng trưng cho trí huệ. Chúng sanh đích thực rất ngu si ám độn. Độn là trì độn, ngu si trì độn. *“Quán bất năng giải”* giải là lý giải. Trong Phật pháp đại thừa nói đến tu hành đều dùng hai chữ “chỉ quán” làm tượng trưng. “Chỉ” là đình chỉ tức là buông bỏ. “Quán” là chiếu kiến, là thấu triệt cũng chính là nhìn thấu mà Chương Gia đại sư nói. Nhìn thấu là “quán”, buông bỏ là “chỉ”. Tôi tiếp xúc với người xuất gia đó là ngày đầu tiên gặp Chương Gia đại sư, trước đó chưa từng gặp người xuất gia. Ngày đầu tiên gặp người xuất gia tôi hỏi đại sư về phương pháp tu hành? Đại sư không nói với tôi về pháp “chỉ quán”, nếu nói pháp “chỉ quán” khiến tôi thêm hồ đồ, có thể tôi sẽ không gặp đại sư lần thứ hai nữa. Vì sao vậy? Vì nghe không hiểu. Đây gọi là đàm luận sự lý huyền diệu, nghe không hiểu. Đại sư rất có trí huệ, dùng phương tiện thiện xảo, ngài nói với tôi về nhìn thấu và buông bỏ, điều này tôi nghe hiểu. Hình như là hiểu nhưng thật ra không hiểu. Tự cho rằng đã hiểu nhìn thấu buông bỏ. Nhìn thấu là “quán”, buông bỏ là “chỉ”. “Chỉ” là định, “quán” là huệ.

Quán không thể giải, vì sao vậy? Vì ngu si trì độn. Đó chính là phải dùng phương pháp niệm Phật, dạy họ niệm liên tục. Chỉ cần họ niệm tốt câu A Di Đà Phật này. Bồ Tát Đại Thế Chí dạy *“*tịnh niệm tương tục”. Như thế nào gọi là tịnh? Không hoài nghi, không xen tạp gọi là tịnh. Tương tục tức là câu này nối tiếp câu kia và cứ như vậy mà niệm. Mỗi ngày nếu có công việc, quý vị cứ làm công việc bình thường. Công việc làm xong liền niệm Phật, danh hiệu Phật cứ luôn niệm như vậy, đây gọi là tương tục hoặc là công việc này không cần suy nghĩ thì có thể vừa làm việc vừa niệm Phật, còn nếu phải suy nghĩ thì dừng việc niệm Phật lại, chuyên tâm làm việc, sau khi xong công việc lại tiếp tục niệm danh hiệu Phật, đây là người niệm Phật chơn chánh.

Ấn Quang đại sư truyền phương pháp là nhằm vào con người hiện đại chúng ta. Ngài xuất hiện trong thời hiện đại và dạy phương pháp này cho chúng ta vô cùng hiệu quả. Phương pháp này có thể giúp chúng ta đoạn trừ vọng niệm đây là mục tiêu niệm Phật thứ nhất. Vì sao phải niệm Phật? Vì để đoạn trừ vọng niệm, nếu không niệm Phật liền sinh khởi vọng niệm, nghĩ đến những điều không thiết thực. Dùng câu niệm Phật này để thay thế tất cả các vọng niệm, đạo lý niệm Phật chính là ở đây, đây là đạo lý thứ nhất.

Chúng ta nói niệm Phật tương ưng với Phật A Di Đà có thể vãng sanh, điều đó còn quá xa vời! Trong niệm Phật bị xen tạp thì không thể vãng sanh mà còn bị phá hoại hết công phu niệm Phật. Niệm Phật vãng sanh nhất định phải tịnh niệm tương tục. Hiện nay chúng ta đã tịnh hay chưa? Có niệm nhưng không tịnh, tâm không thanh tịnh, như vậy sao có thể vãng sanh? Đại sư Ấn Quang dạy chúng ta thấu triệt ba thứ có thể đoạn tận được vọng niệm, chính là niệm một cách rõ ràng, miệng niệm rõ ràng. Không thể niệm nhanh nên niệm từ từ. Không nên dùng chuỗi nên dùng tâm để nhớ, ghi nhớ chỉ nhớ từ một đến mười, phải biết câu niệm Phật này là câu thứ mấy trong mười câu. Phải rõ ràng, niệm phải rõ ràng và tai nghe cũng phải rõ ràng. Nghe âm thanh mình niệm, nghe rõ và nhớ rõ. Niệm đến mười, sau đó lại niệm từ một đến mười, vĩnh viễn từ một đến mười. Không nên niệm 11, 12, 20, 30 không nên niệm như vậy. Chính là từ một đến mười dùng tâm để nhớ, rõ ràng minh bạch, phương pháp này rất hay!

Hồ Tiểu Lâm niệm bốn tháng đến nói với tôi, phương pháp này vô cùng lợi ích. Trước đây niệm Phật tâm không thanh tịnh, nhưng bốn tháng này tâm thanh tịnh đã hiện tiền, cho nên ông ta ở đây báo cáo và chia sẽ với mọi người về niệm Phật tâm đắc của mình, suốt bốn tiếng cung cấp thêm để mọi người tham khảo. Cứ niệm từ từ như vậy tâm sẽ được thanh tịnh, tâm thanh tịnh một thời gian sẽ được định, định này gọi là niệm Phật tam muội\_chúng ta sẽ được niệm Phật tam muội. Được niệm Phật tam muội rồi cứ như vậy tiếp tục đừng gián đoạn, niệm liên tục như vậy. Tôi tin rằng hai ba năm sẽ được khai ngộ. Mặc dù không thể đại triệt đại ngộ nhưng đại ngộ là nhất định có\_không thể triệt ngộ nhưng đại ngộ là nhất định có. Chỉ cần chúng ta kiên trì, tiếp tục nổ lực tuyệt đối không giải đãi, quyết định không thay đổi phương pháp. Cứ như vậy mười năm, hai mươi năm đại triệt đại ngộ là điều có thể. Đại triệt đại ngộ vãng sanh liền sanh vào cõi thật báo trang nghiêm, không phải cõi đồng cư cũng không phải cõi phương tiện.

Nếu đạt được tam muội, được niệm Phật tam muội. Đại ngộ thường sanh vào cõi phương tiện hữu dư không ở cõi đồng cư. Điều này và ở thế gian này chúng ta có thể nắm bắt được, tức là vãng sanh nâng cao phẩm vị của chính mình.

*“Hựu Tịnh Tu Tiệp Yếu tán niệm Phật pháp môn vân”.* Tịnh Tu Tiệp Yếu là trước tác của cư sĩ Hạ Liên Cư, tác phẩm này rất hay. Tịnh Tu Tiệp Yếu là đường tắt! Trong này nói: *“lục tự thống nhiếp vạn pháp, nhất môn tức thị phổ môn, toàn sự tức lý, toàn vọng quy chân, toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh”.* Chúng ta nói về mấy câu này trước. Sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, sáu chữ này thống lĩnh vạn pháp. Không những là tất cả pháp mà Đức Thế Tôn nói trong suốt 49 năm đều quy nạp trong sáu chữ này, mà tất cả pháp của vô lượng Chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời nói, cũng không thể vượt ra ngoài sáu chữ này.

Sáu chữ này là gì? Là tổng cương lĩnh của tất cả Phật pháp. Nắm bắt sáu chữ này tức là nắm vững được tất cả Phật pháp. Bí mật này không ai biết được nên rất nhiều người còn muốn học cái này học cái kia. Nếu họ thật sự biết họ sẽ vứt bỏ tất cả chỉ nắm giữ sáu chữ này. Hoa Nghiêm không ra khỏi sáu chữ này, Pháp Hoa cũng không vượt ra khỏi sáu chữ này, Phương Đẳng, Bát Nhã tất cả đều không ra ngoài sáu chữ này. Sáu chữ này rốt cuộc có nghĩa gì? Sáu chữ này có thể phiên dịch, không phải không thể phiên dịch. Pháp sư phiên dịch kinh vẫn dùng âm tiếng phạn gọi là tôn trọng không dịch. Không phải không thể phiên dịch mà vì tôn trọng nó. Giữ lại nguyên âm của nó chỉ giải thích ý của nó.

Nam mô có nghĩa là quy y, quy mạng. A dịch là vô. Di Đà dịch là lượng. Phật dịch là giác. Đọc theo ý chữ hán chúng ta sẽ dễ hiểu, Quy Mạng Vô Lượng Giác. Danh từ này quý vị hoàn toàn có thể lý giải, thống lĩnh vạn pháp, vô lượng giác! Mỗi vị Phật đều là vô lượng giác, mỗi pháp môn đều là vô lượng giác, mỗi chúng sanh đều vô lượng giác, mỗi sự vật cũng là vô lượng giác. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “nhất tức thị đa, đa tức thị nhất”, lời này không sai chút nào. Ở trước chúng ta từng nói chư vị tổ sư thời đại Tuỳ Đường, họ cùng nghiên cứu tất cả các kinh mà Đức Thế Tôn nói trong suốt 49 năm, bộ kinh nào là đệ nhất? Nghiên cứu đến cuối cùng thì Phật A Di Đà là đệ nhất chính là danh hiệu này của Phật A Di Đà đệ nhất.

Chư vị tổ sư thời Tuỳ Đường đưa ra kết luận chứng minh sáu chữ này thống nhiếp vạn pháp là thật không phải giả. Sáu chữ này mặc dù thống lý vạn pháp, pháp môn này tức là phổ môn. Phổ môn là gì? Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. Trong tứ hoằng thệ nguyện nói “pháp môn vô lượng thệ nguyện học”, một môn chính là vô lượng pháp môn, vô lượng pháp môn chính là một môn. Vì sao vậy? Vì một môn có thể kiến tánh. Chỉ cần kiến tánh, vô lượng pháp môn đều phát xuất từ tự tánh. Chúng ta đã tìm ra nguồn gốc phát xuất từ tự tánh nên các môn đều thông. Một pháp môn thông thì tất cả các pháp môn đều thông. Nếu còn một pháp môn chưa thông chứng tỏ pháp môn này của quý vị chưa thông, nên các pháp môn đều không thông. Một thông thì nhất định là tất cả thông vì thế một kinh thông nhất định các kinh đều thông.

Quý vị nói tôi chỉ biết giảng bộ kinh này còn các kinh khác không biết giảng. Như vậy quý vị chưa thông bộ kinh này. Thông là gì? Là đã thấu triệt. Thông đến đâu? Thông đến tự tánh. Người phương đông từ xưa đến nay, đây là Ấn Độ truyền đến Trung quốc cũng ảnh hưởng đến Trung quốc. Dạy học đều là thâm nhập một môn huân tu lâu dài. Ở Trung quốc người Trung quốc biết tầng lớp tuổi tác bất đồng thì thái độ của họ không giống nhau, ký ức và lý giải cũng không tương đồng. Trước mười tuổi trí nhớ tốt nhưng mức lý giải rất kém, nên dạy nhi đồng học chỉ dạy học thuộc lòng. Vì sao vậy? Lợi dụng sở trường của chúng. Từ sáu bảy tuổi bắt đầu dạy chúng học thuộc lòng, tất cả kinh luận quan trọng đều để họ học thuộc. Đó là từ sáu tuổi cho đến khoảng 12 tuổi\_sáu năm, các cổ tịch quan trong đều thuộc hết, thuộc rất nhuần nhuyễn. Sau mười ba mười bốn tuổi dần dần có thể lý giải, trí tuệ đã khai mở. Giai đoạn này như thế nào? Giai đoạn này giảng giải cho chúng, cùng chúng nghiên cứu thảo luận. Nội dung thảo luận là gì? Chính là những điển tịch đã thuộc trước đây. Trường lớp của Trung quốc ngày xưa chỉ có tiểu học, thái học, không có trung học. Thái học chính là đại học. Tiểu học chuyên môn đọc thuộc lòng, đang học quy củ nên Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên đây đều là bậc tiểu học cần thiết phải làm được. Đều là điều suốt cả đời cũng không thay đổi. Những kinh sử tử tập này là quy định phải đọc, đều là những sách hay do thầy chọn ra nhất định đều phải thuộc. 13 tuổi vào thái học nghe thầy giảng giải. Thầy cũng đã thuộc nên học sinh thái học đi học rất vui, đi học là niềm vui vô cùng! Có đâu như hiện nay đi học lại khổ sở như vậy. Vì sao? Vì không có sách giáo khoa, không cần cặp xách.

Giảng về Luận Ngữ chương thứ mấy, trang thứ mấy và chữ thứ mấy thì mỗi người đều nhớ. Nếu không có năng lực này thì không thể tham gia vào trong giảng đường của họ, quý vị không có tư cách. Mỗi người đều phải thuộc làu nên thầy dạy học sinh học đều tự do tự tại hoạt bát không có chút câu thúc nào. Rất nhiều thầy giáo đều đem học sinh đi du lịch, đi ngao du sơn thuỷ. Đi như vậy một mặt là tham quan du lịch, mặt khác là nghiên cứu thảo luận tức là vừa chơi vừa học. Học sinh phải hiếu thảo với thầy, trong mắt học trò thầy giống như cha mẹ vậy, tôn sư trọng đạo. Học sinh phải làm thị giả cho thầy, vấn đề giao thông khi ra đường học sinh phải phụ trách, lái xe đều là việc của học trò, đến việc ăn uống nghỉ ngơi tất cả đều tự tay học trò phải làm\_Có việc đệ tử phải lo hết các việc nặng nhọc nên việc học tập đều rất vui. Ra đi du lịch hai ba tháng trở về thì môn học này cũng giảng xong. Đặc biệt là trong sách có đề cập đến lịch sử địa lý, họ thật sự liền đi đến đó xem. Đồng nghĩa với việc đi khảo sát thực tế khiến quý vị có ấn tượng sâu sắc, nên đi học rất vui không như hiện nay.

Bây giờ tôi thấy các bạn nhỏ khoảng lớp một lớp hai tiểu học mang cặp xách rất nặng. Không thể tái sinh lại làm người, quý vị xem quá cực khổ! Tuổi tác chúng tôi sanh trưởng trước thời kháng chiến, sống ở nông thôn, khi đi học trong cặp xách chúng tôi chỉ có hai cuốn sách, rất nhẹ! Cặp xách là một xách vải nhỏ đựng hai ba cuốn sách, bây giờ thấy như vậy thật là quá đáng thương, quá khổ! Điều này không thể làm, nhất định phải giác ngộ. Suy đi nghĩ lại chỉ có thể giới Cực Lạc tốt, ngoài thế giới Cực Lạc ra thì nghĩ không được nơi nào tốt hơn. Chúng ta đã nghĩ đến đây là Đức Thế Tôn cũng giới thiệu cho chúng ta, chư vị tổ sư cũng khuyên chúng ta đương nhiên không sai lầm. Chúng ta nên cảm ân và báo ân, quyết định sanh đến thế giới Cực Lạc là thật sự đã báo ân. Phật hoan hỷ, thầy hoan hỷ, cha mẹ hoan hỷ. Kỳ vọng của họ chúng ta đã làm được.

Bên dưới tiếp tục nói về lý *“toàn sự tức lý”,* lý và sự là một không thể tách rời. Trong sự có lý tồn tại, có o lý này nhất định sẽ có hiện tượng xuất hiện. Lý rất sâu sắc, lý đã thấu triệt. Việc này\_ví dụ nói thiên tai hiện nay\_sự việc này, đây là sự phát sinh như thế nào? Nó có đạo lý trong đó.

Trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật nói rất thấu triệt. Nguyên nhân thật sự của thuỷ tai là tham lam, tâm tham lam chiêu cảm lấy thuỷ tai. Sân nhuế chiêu cảm lấy hoả tai, núi lửa bộc phát, nhiệt độ địa cầu tăng cao, đây đều thuộc về lửa. Ngu si chiêu cảm phong tai. Ngạo mạn chiêu cảm động đất, ngạo mạn là bất bình! Cống cao ngã mạn đều có nhân. Nghi thì trước đây chúng ta ít nghe chư vị tổ sư nói, hiện nay chúng ta thấy được nghi và si là phong tai. Tham sân si mạn nghi, hoài nghi. Nghiệp lực hoài nghi này, khiến ngày nay chúng ta thấy địa cầu này thật đáng sợ. Nghi là gì? Nghi khiến cho đại địa rời rạc. Đại địa vốn rất kiên cố.

Quý vị xem chúng ta đọc Kinh Địa Tạng có “kiên lao địa thần”. Hiện nay chúng ta hoài nghi, hoài nghi đối với thánh hiền, hoài nghi đối với truyền thống dạy học. Thậm chí hoài nghi các bậc tổ tông, hoài nghi Chư Phật Bồ Tát. Nghiêm trọng đến mức độ nào? Hoài nghi đối với cha mẹ, hoài nghi con cái, hoài nghi vợ con. Không có người tin cậy, không có việc gì đáng tin, đã đến mức độ này. Quý vị thấy bệnh nghi ngờ này không đáng sợ sao? Bệnh hoài nghi này làm tổn hại chính mình, nghĩa là hệ thống miễn dịch của chúng ta hoàn toàn bị phá hoại. Không chịu được khiêu chiến của vi khuẩn, thân tâm không còn mạnh khoẻ, lây nhiễm cả sơn hà đại địa. Núi sẽ nổ tung, đại địa sẽ chìm xuống đáy biển, đây là gì? Là nghi.

Vì thế chúng ta có thể vứt bỏ tham sân si mạn nghi, thật sự làm được không tham không sân không si không mạn không hoài nghi đó chính là thế giới Cực Lạc. Trong thế giới Cực Lạc không có người hoài nghi. Nguyên nhân của sự chúng ta đã tìm thấy, sau đó muốn thay đổi nó sẽ có phương pháp. Thay đổi từ trên tâm lý, tâm thay đổi thì tất cả cảnh giới bên ngoài đều thay đổi, nên vật lý không thể thay đổi nhưng tâm lý có thể thay đổi. Vật lý như khám bệnh có thể biết họ bệnh gì nhưng không có phương pháp giải quyết. Tâm lý này có phương pháp giải quyết.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 401

# Tập 402

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 09.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 501, hàng thứ năm, bắt đầu xem từ câu thứ hai. *“Tịnh Tu Tiệp Yếu”*

*“Hựu Tịnh Tu Tiệp Yếu tán niệm Phật pháp môn vân, lục tự thống nhiếp vạn pháp, nhất môn tức thị phổ môn. Toàn thị tức lý, toàn vọng quy chân, toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh”.*

Đây là cư sĩ Hạ Liên Cư tán thán pháp môn niệm Phật trong Tịnh Tu Tiệp Yếu. *“Lục tự”* chính là Nam mô A Di Đà Phật. *“Thống nhiếp vạn pháp”,* ở trước đã nói rất tường tận, tất cả pháp mà Đức Thế Tôn nói trong suốt 49 năm, cuối cùng đều quy về một câu danh hiệu này. Tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời đã nói vô lượng vô biên vô tận vô số pháp môn, đến cuối cùng cũng quy về một câu danh hiệu này. Công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn.

*“Nhất môn”* chính là pháp môn Tịnh độ, pháp môn Tịnh độ tức là phổ môn. Nhất môn này thống nhiếp cả tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. *“Toàn sự tức lý”,* sự là chỉ cho việc chúng ta phát tâm niệm Phật, lý là tự tánh, điều này tương ưng với tánh thể, vì câu danh hiệu này là đức hiệu là vô lượng giác của tánh đức, đức hiệu của tất cả chư Phật Như Lai. Như trong Kinh Hoa Nghiêm nói một tức là nhiều, nhiều cũng là một, một và nhiều không phải hai. *“Toàn vọng quy chân”,* vọng là chỉ cho A lại da, vạn sự vạn pháp đều do A lại da biến hiện ra. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm là do A lại da biến ra. A lại da có rời tự tánh chăng? Không. Y chánh trang nghiêm mà A lại da biến ra đều không rời tự tánh, nên giáo môn thường nói “vạn pháp quy tâm”, ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Tâm tánh là lý thể của tất cả vạn pháp, không có lý thể là không có hiện tượng, nên hiện tượng từ trong lý thể hiển lộ ra.

*“Toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh”.* Tánh và tu là một, tánh và tu không phải hai. Khi nào chúng ta có thể thấy được chân tướng sự thật này, đó chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh tức là đã thành Phật. Đây là nói sự liên quan giữa danh hiệu Di Đà- pháp môn Tịnh độ và tánh tướng, là một không phải hai.

*“Quảng học nguyên vi thâm nhập, chuyên tu tức thị tổng trì”.* Hai câu này nói rất hay. Mục đích học rộng là gì? Mục đích là minh tâm kiến tánh, đây mới gọi là thâm nhập. Nếu mục đích học rộng không phải để minh tâm kiến tánh, thì việc học đã bị tạp loạn, càng học càng xa. Cho nên Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, nhưng mục đích sau cùng chỉ có một, là vì minh tâm kiến tánh. Bao gồm chúng ta thành tâm niệm Phật, đây là một phương pháp, là một pháp môn. Mục tiêu sau cùng của pháp môn này cũng là kiến tánh. Nếu mục tiêu học tập sau cùng không phải là minh tâm kiến tánh thì đây không phải Phật pháp, nhất định không phải đại thừa. Điều này chúng ta nhất định phải biết.

Truyền thống học thuật của Trung Quốc gọi là thánh học. Mục đích sau cùng của thánh học là thành thánh nhân. Thấp hơn thánh nhân một bậc là hiền nhân, thấp hơn nữa là quân tử. Như trong Phật pháp gọi Phật Đà, Bồ Tát, A la hán, nó cùng một ý nghĩa. Nếu siêng năng nỗ lực học tập, nhưng vẫn không đạt được mục tiêu sau cùng, như vậy chúng ta đã tu sai. Ở trước nói về việc học Phật rất rõ ràng, mục tiêu học Phật chính là thành Phật. Không thành được Phật cũng phải thành Bồ Tát, như vậy là chúng ta thật sự đã học được. Học được thì như ở trước nói trí tuệ phước đức đã viên mãn. Đức Phật có trí tuệ viên mãn, đức tướng viên mãn, thật sự đã đạt được. Vì sao có thể đạt được? Vì trí tuệ viên mãn, đức tướng cứu cánh trong tự tánh vốn có.

Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Thế Tôn nói: tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai. Đây là thật không phải giả, vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có pháp tánh. Trong pháp tánh viên mãn đầy đủ, nói Phật tánh là trong pháp tánh vốn đầy đủ trí tuệ bát nhã, không phải cầu bên ngoài, bên ngoài không có. Chúng ta nên tin tưởng sâu sắc không có chút hoài nghi nào. Đức Phật nói ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm, tâm này chính là tâm tánh, chính là tự tánh. Mục tiêu học Phật sau cùng là minh tâm kiến tánh.

Phật giáo truyền đến Trung Quốc đã 2000 năm, đích thực khiến cho truyền thống văn hóa ngày càng giá trị hơn, phong phú hơn. Nho giáo cũng nói minh tâm kiến tánh, Đạo giáo cũng nói minh tâm kiến tánh. Học Nho giáo họ cũng học Phật, học Đạo giáo họ cũng học Phật. Nho Thích Đạo tam giáo này trở thành phổ biến ở Trung Quốc, là môn học tu học của cộng đồng. Người học Phật không rời xa truyền thống văn hóa. Chẳng những không rời xa mà còn dùng truyền thống văn hóa để thay cho giới luật, làm môn học cơ bản\_giáo dục cắm rễ. Cho nên Phật giáo ở Trung Quốc có thành tựu thù thắng như vậy. Hơn 2000 năm nay ít nhất thành tựu trên 3000 người thành Phật, đây là thật không phải giả, ngài Huệ Năng đại sư là người hay nhất, vì ngài không biết chữ, ngài chưa từng đi học, nhưng ở trong hội của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, qua một cuộc đàm thoại ngài đại triệt đại ngộ, đây là hàng thượng thượng căn trong hàng lợi căn. Người như thế chỉ có mình ngài, trước Lục Tổ chưa từng nghe nói, sau Lục Tổ chưa từng thấy qua, nhưng năm ba năm khai ngộ, bảy tám năm khai ngộ, mười năm hai mươi năm khai ngộ rất nhiều. Thời gian khai ngộ tuy khác nhau, nhưng cảnh giới ngộ nhập tương đồng. Ít nhất như trong Kinh Hoa Nghiêm nói là Sơ Trú của Viên giáo trở lên, Sơ Địa của Biệt giáo trở trên.

Người đại triệt đại ngộ họ đã vượt ra mười pháp giới. Chẳng những vượt ra khỏi lục đạo mà còn vượt lên mười pháp giới. Trong lục đạo mười pháp giới nhưng không nhiễm chút trần nào, nên trí huệ của họ hiện tiền. Người thế gian có trí huệ, nhưng vì nhiễm ô nên khiến cho trí huệ biến thành phiền não, biến thành vọng tưởng, biến thành chấp trước. Trong đại kinh thường nói: “phiền não tức bồ đề”. Phiền não và bồ đề là một không phải hai. Khi mê gọi là phiền não, khi ngộ gọi là bồ đề đều là một sự việc. “Chuyển phiền não thành bồ đề” câu nay nhất định chính xác, không khiến người ta ngộ nhận. “Đoạn phiền não chứng bồ đề”, phiền não thật sự đã đoạn, bồ đề sẽ không còn, vậy quý vị chứng bồ đề gì? Đây là sự khác biệt của mê và ngộ. Từ mê chuyển thành ngộ, đó chính là phiền não đoạn bồ đề sanh, ý nghĩa là như vậy. Từ đó cho thấy, phiền não vĩnh viễn không đoạn tận được, bồ đề mãi mãi xuất sanh vô tận, chính là trí huệ. Không buông bỏ, phiền não sẽ không thay đổi được. Phải chuyển mới thật sự hưởng thụ được một đời hài hòa, hạnh phúc mỹ mãn. Chuyển không được là không có, là giả. Phước báo có lớn đến đâu, địa vị cao cỡ nào cũng không có gì gọi là hạnh phúc, điều này chúng ta tận mắt chứng kiến.

Trong xã hội này người có địa vị rất cao, họ sở hữu rất nhiều của cải, nhưng họ chỉ có phiền não không có niệm vui, họ luôn lo lắng vướng bận. Nói cách khác họ không có gì gọi là hạnh phúc. Điều này chúng ta không thể không biết. Hạnh phúc mỹ mãn không liên quan đến phú quý bần tiện, không liên quan đến địa vị của cải. Có thể ở trong lục đạo, mười pháp giới, lục căn tiếp xúc với lục trần, không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước đây chính là hạnh phúc cứu cánh viên mãn của nhân sinh. Quý vị đã siêu việt, đã thoát ly. Sau khi thoát ly, quý vị xem người ở thế gian này thấy được một cách rõ ràng.

Cổ nhân thường nói: “người bàng quan sáng suốt hơn người trong cuộc”. Quý vị bước ra khỏi vòng này chính là bàng quan, như vậy quý vị thấy rõ hơn bất cứ người nào. Hôm nay họ có chuyện đến thỉnh giáo quý vị, quý vị có thể dạy họ, vì sao vậy? Vì quý vị là người ngoài cuộc nên thấy rõ ràng, họ đang mê trong đó nên không nhận định được. Khi được chỉ điểm họ liền giác ngộ. Nếu chúng ta cũng ở trong lục đạo, cũng mê hoặc điên đảo như họ, vấn đề của chính mình cũng không thể giải quyết, làm sao có thể giúp được người khác. Chư vị cổ đức thường nói nhất định phải bước ra khỏi hồng trần\_hồng trần là luân hồi lục đạo, mới có thể giúp chúng sanh đau khổ trong hồng trần. Tự mình chưa bước ra khỏi sẽ không có được năng lực này. Năng lực này là bản năng, mỗi một chúng sanh đều có bản năng này.

Nên nhớ học rộng vốn là để thâm nhập, nhưng học rộng kẻ sơ học tuyệt đối không thể làm được. Sơ học mà học rộng sẽ sai lầm, học rộng đó sẽ biến thành sở tri chướng nghiêm trọng. Hàng sơ học nên chú trong câu bên dưới *“chuyên tu tức là tổng trì”,* nên dùng phương pháp này, chuyên tu đến khi khai ngộ mới học rộng.

Thiện Tài biểu diễn cho chúng ta\_Thiện Tài Đồng Tử ở trong hội của Bồ Tát Văn Thù chuyên tu, thâm nhập một pháp môn. Ngài tu pháp môn gì? Bây giờ chúng ta đã biết ngài tu pháp môn niệm Phật. Vì sao vậy? Bồ Tát Văn Thù tu pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Thiện tài là môn sinh đắc ý, là đệ tử cưng của Bồ Tát Văn Thù, sao có thể tu pháp môn khác thầy được? Ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Điều này trong giáo môn nói đã thành tựu căn bản trí\_đạt được căn bản trí. Trong Kinh Bát Nhã nói “bát nhã vô tri” căn bản trí là vô tri. Căn bản trí là gì? Là nhất tâm, là nhất niệm, là tâm rốt ráo thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng gọi là hậu đắc trí. Khởi tác dụng là vô sở bất tri, Bát Nhã vô tri vô sở bất tri. Vô sở bất tri là học rộng, vô tri là chuyên tu, vô tri là kiến tánh, vô sở bất tri là từ tánh khởi dụng. Khởi dụng nên nhớ không phải tự thọ dụng, không có tự thọ dụng, tất cả là vì lợi ích của mọi người. Pháp thân Bồ Tát có năng lực này, chính là Viên giáo Sơ Trú Bồ Tát có thể ứng hóa khắp mười phương thế giới, với tất cả lục đạo chúng sanh trong mười phương thế giới, đặc biệt chỉ lục đạo, chúng sanh có duyên trong lục đạo.

Trong kinh nói lời này chúng ta cần phải ghi nhớ, Phật không độ người vô duyên. Vô duyên là gì? Họ không tiếp thu, không tin, không nghe quý vị, những người này Phật không độ. Có duyên là từ trong vô lượng kiếp trong quá khứ. Bây giờ chúng ta biết được, chúng ta không phải chỉ có địa cầu này, chúng ta chỉ sống ở đây, không phải như vậy, mà tất cả quốc độ chư Phật khắp biến pháp giới hư không giới, vô lượng tinh hệ trong thái không chúng ta đều đã từng ở đó, đều đã từng sinh hoạt ở đó, nên chúng sanh có duyên với mình khắp trong biến pháp giới. Bất luận là thiện duyên hay ác duyên họ có ý niệm cầu cứu, có ý muốn cầu giúp đỡ. Nếu chúng ta là pháp thân Bồ Tát chính là trên Sơ Trú sẽ biết hết. Ý niệm họ còn chưa khởi thì hiện tượng dao động đã chu biến pháp giới, chúng ta liền tiếp nhận được, chúng ta có duyên với họ, tự nhiên chúng ta liền hiện thân để giúp đỡ họ, cần lấy thân gì để độ chúng ta liền hiện thân đó để độ. Họ khởi tâm động niệm cầu giúp đỡ, cầu Phật, cầu thần. Phật Bồ Tát ứng hóa đến thế gian chắc chắn không có khởi tâm động niệm. Không có khởi tâm động niệm làm sao ứng được? Chúng ta dùng một danh từ dễ hiểu, danh từ nhà Phật gọi là cảm ứng, thông thường gọi là hồi ứng, phản ứng.

Như tiến sĩ Giang Bổn làm thí nghiệm về nước, bình nước này nó thấy được, nghe được, hiểu được ý người. Đích thực có đủ năng lực kiến văn giác tri, thọ tưởng hành thức cũng thật sự đầy đủ. Chúng ta dùng niệm thiện đối với nó: tôi thích bạn, tôi yêu bạn, phải chăng nó khởi tâm động niệm trả lời ta? Không phải, nó không khởi tâm động niệm mà trực tiếp trả lời chúng ta.

Trong kinh điển Đức Phật đưa ra ví dụ như đánh trống hay đánh chuông. Đánh to thì kêu to, đánh nhỏ nó kêu nhỏ. Người đánh có tâm phân biệt chấp trước, nó phản ứng không có phân biệt chấp trước, cũng không có khởi tâm động niệm. Cho nên Chư Phật Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới không khởi tâm động niệm, nên biết điều này. Nếu họ khởi tâm động niệm họ sẽ đọa lạc trở thành phàm phu. Khởi tâm động niệm còn không có, làm sao có phân biệt chấp trước? Họ có thể giải quyết vấn đề của chúng ta viên mãn như vậy, tự tại như vậy đó là tánh đức trong tự tánh. Họ giúp chúng ta, nếu trong tự tánh chúng ta không có tánh đức, họ không giúp được. Họ biết tánh đức của họ và tánh đức của chúng ta là một không phải hai, họ mới có thể giúp được. Nếu là hai thì không giúp được, nó là một không phải hai, nên học rộng và chuyên tu cũng là một không phải hai.

Thiện Tài Đồng Tử trong hội của thầy mình là Bồ Tát Văn Thù được căn bản trí. Dùng thuật ngữ của Tịnh tông được lý nhất tâm bất loạn, đó chính là căn bản trí, là tự tánh bổn định. Khởi tác dụng là hậu đắc trí, ứng hóa trong mười pháp giới khởi tác dụng, hiển thị là vô sở bất tri, vô sở bất năng. Ngài thể hiện cho chúng ta thấy, chỉ sợ chúng ta xem mà không hiểu, cố ý làm ra như vậy để chúng ta thấy, làm như vậy là 53 lần tham bái cầu học. 53 lần tham bái là gì nhất định phải hiểu, chính là chúng ta từ sáng đến tối, sáng sớm thức dậy đến tối đi ngủ, suốt ngày này những gì ta thấy được, nghe được và tiếp xúc được, tất cả người sự và vật chính là 53 lần tham bái. Nam nữ già trẻ các ngành các nghề, tại gia xuất gia đều có, có đế vương đại thần, có phản phu tẩu tốt, chính là hiện tượng xã hội. Thấy được rõ ràng minh bạch, đây là huệ. Trong tâm như như bất động, không khởi tâm không động niệm đây là định. Ngày ngày trải qua thì định huệ sẽ ngày càng tăng trưởng, đây là trí huệ không phải tri thức.

Hiện nay người học Phật gặp cửa ải khó nhất là gì? Cầu học Phật pháp như cầu tri thức, quá sai lầm. Tri thức mặc dù quý vị nghe nhiều, đọc nhiều, vẫn là điều cổ nhân thường nói: “ký vấn chi học”, câu sau không dễ nghe đâu: “ký vấn chi học bất túc dĩ vi nhân sư”. Vì sao vậy? Vì chưa khai ngộ. Nghe rộng nhớ dai đây là học thuật của thế gian, là tri thức chứ không phải trí huệ. Trí huệ là đại triệt đại ngộ. Có người từ học rộng mà đại triệt đại ngộ, có người từ chuyên tu mà đại triệt đại ngộ. Đều được, đều có thể đại triệt đại ngộ. Vì sao vậy? Điều kiện cơ bản của đại triệt đại ngộ là buông bỏ. Quý vị buông bỏ hết liền đại triệt đại ngộ.

Đức Thích Ca Thế Tôn đã thể hiện cho chúng ta thấy ngài học 12 năm, đại khái tất cả cao nhân của Ấn độ ngài đều gặp, đều đã học hỏi với họ, không tìm ra thêm vị thầy nào nữa. Ngài không tiếp tục đi tham học nữa, mà ngài đã buông xả, đem kiến thức học hỏi trong suốt 12 năm buông bỏ hết, như vậy mới khai ngộ, buông bỏ sở tri chướng! Năm 19 tuổi rời xa gia đình, từ bỏ vượng vị, từ bỏ cuộc sống cung đình, đó là buông bỏ phiền não chướng. 12 năm cầu học là buông bỏ sở tri chướng. Hai chướng không còn liền được khai ngộ. Sau khi khai ngộ học rộng hiểu nhiều trong quá khứ có khởi tác dụng chăng? Khởi tác dụng, nó biến thành gì? Biến thành hậu đắc trí, vô sở bất tri.

Thật sự đạt được căn bản trí, còn phải tu hậu đắc trí đó chính là 53 lần tham học. Điều này rất dễ không có gì khó, chính là công việc đối nhân tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày, thấy là thấu triệt ngay, vừa nghe, vừa tiếp xúc thì hoàn toàn thông đạt thấu suốt. Bồ Tát Long Thọ biểu diễn chiêu đó cho chúng ta thấy, dụng ý rất thâm sâu. Ngài chứng đến Sơ Địa, thực tế mà nói Sơ Địa của ngài là Biệt giáo không phải Viên giáo, chính là Sơ Trụ Bồ Tát của Viên giáo. Công phu gì? Không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Ngài đã thành Phật, thật đã thành Phật chứ không phải giả, chỉ có tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn. Vô thỉ vô minh đã phá những tập khí vẫn tồn tại, khi nào tập khí mới đoạn tận? Đến diệu giác mới đoạn tận, tập khí mới không còn. Tập khí không còn, thì cõi thật báo trang nghiêm cũng không còn. Cho nên ngày nay chúng ta biết được cõi thật báo trang nghiêm là do tập khí vô thỉ vô minh biến hiện ra, nên nó là tịnh độ thật sự, trong đó không có biến hóa. Nên biết rằng tất cả biến hóa đều là phân biệt chấp trước. Họ không có phân biệt chấp trước, đến tập khí phân biệt chấp trước cũng không có, nên trong cảnh giới của họ là vĩnh hằng. Con người không có sanh lão bệnh tử, cây cỏ hoa lá không có sanh trụ dị diệt, sơn hà đại địa không có thành trụ hoại không. Tất cả mọi thứ của chúng ta ở đây đều là vô thường, họ bên đó là chơn thường, nên gọi là nhất chân pháp giới. Thời gian rất lâu nên gọi là vô lượng thọ. Chư vị cổ đức nói rất hay, vô lượng thọ có hai ý nghĩa. Một là vô lượng của hữu lượng, hai là vô lượng của vô lượng.

Nhất chân pháp giới, thọ mạng của Chư Phật trong cõi thật báo là vô lượng của hữu lượng. Thường tịch quang mới thật sự là vô lượng của vô lượng. Thường tịch quang chỉ có một vị là diệu giác. Cõi thật báo trang nghiêm có 41 vị thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác. Họ ở cõi thật báo, ở trong cõi thật báo ba a tăng kỳ kiếp mới có thể đoạn tận tập khí vô thỉ vô minh. Tập khí vô thỉ vô minh đoạn tận, hoàn toàn không còn, đó gọi là diệu giác, khi đó cõi thật báo không còn nữa. Cõi thường tịch quang hiện tiền, trở về thường tịch quang. Cõi thường tịch quang có khởi tác dụng chăng? Khởi tác dụng, khởi tác dụng cảm ứng đạo giao với tất cả chúng.

Thường tịch quang ở đâu? Mọi lúc mọi nơi. Khi nào Chư Phật Bồ Tát hiện thân thuyết pháp? Là ngay tại đây. Trong kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”, họ không có đến và đi, không phải ta cầu là họ đã đến, sau khi dạy chúng ta họ liền ra đi, họ không có đến đi. Nói cách khác họ không có sanh diệt. Chúng ta dùng thuật ngữ trong kinh Phật, ngài chỉ có ẩn hiện bất đồng, duyên đủ thì quí vị sẽ thấy được, họ đã hiện thân. Duyên không đủ thì không thấy nữa. Không có nhưng họ cũng không diệt, họ cũng không đi. Hiện thân họ cũng không đến, họ cũng không sanh đây là chân tướng sự thật.

Nên hàng sơ học nên bắt đầu từ chuyên tu sẽ thỏa đáng hơn. Vì sao vậy? Vì chuyên tu chính là trì giới, giữ quy cũ, thâm nhập một môn. Kinh điển đều từ bỏ hết cũng không sao, nhất môn này chính là một câu niệm Phật. Người dùng một câu Phật hiệu thành tựu trong lịch sử rất nhiều, mà thời gian không dài, thông thường đều là ba năm hoặc chưa đến ba năm. Người lợi căn thì hai ba tháng, hàng độn căn khoảng ba năm, họ đã làm được, biết trước giờ chết, tự tại vãng sanh, khi vãng sanh không sanh bệnh, không có bệnh khổ, nói đi là đi, đoan tướng hy hữu.

Trong Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện ghi chép chúng ta đều đã thấy. Hiện tại người niệm Phật vãng sanh ở trước mắt chúng ta. Chúng ta tận mắt nhìn thấy, tận tai nghe được không phải giả. Đàm Hư pháp sư những năm về già từng sống ở HongKong. Lời nói của pháp sư không gạt người, ngài thường nói niệm Phật tốt, niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là pháp môn vô cùng thù thắng. Trong đời ngài tận mắt chứng kiến mười mấy trường hợp, nghe nói cũng rất nhiều. Tận mắt chứng kiến, ngài kể ra một câu chuyện rất hay. Tu Vô pháp sư ở Hắc Long Giang thành phố Cáp Nhĩ Tân. Chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân do ngài kiến tạo. Ở đông bắc ngài cũng kiến lập mười mấy ngôi chùa, ngài đối với Phật giáo đông bắc cống hiến rất lớn, thật có thể nói là người số một. Chùa Cực Lạc kiến thành, ngài thỉnh thầy mình là Đế Nhàn hòa thượng, mở một giới đàn truyền giới để làm kỷ niệm, đạo tràng kiến thiết đã thành công. Tu Vô pháp sư vãng sanh ở đạo tràng này, tận mắt chứng kiến chẳng ai không tán thán. Tu Vô pháp sư khi chưa xuất gia là một người thợ hồ, thầy không biết chữ, chưa từng đi học. Sau này xuất gia cũng không cách nào học kinh giáo, ở thường trú làm việc cực nhọc, không sợ cực nhọc. Việc người khác không muốn làm thầy đều làm hết, không hề có chút oán hận nào, ai gặp thầy cũng thấy trên môi nụ cười rất hoan hỷ. Việc gì nặng nhọc khổ sai thầy đều làm. Chùa Cực Lạc mở giới đàn cần người làm công quả, thầy không phải là chúng ở chùa Cực Lạc, mà là ở chùa khác đến. Nghe nói ở đây có giới đàn thầy xin đến làm công quả. Hòa thượng hỏi thầy có thể làm được gì? Thầy nói con phát tâm chăm sóc bệnh nhân. Lúc đó truyền giới là ba tháng, thời gian rất dài không sao tránh được thương phong cảm hàn, nên ngài phát tâm chăm sóc người bệnh, vì thế đã báo danh ở lại nhận công việc của mình. Thầy ở chưa được bao lâu giới đàn chính thức chưa bắt đầu, thầy xin Đàm Hư pháp sư cho thầy nghi, ngài muốn ra đi. Đàm Hư pháp sư là người có tu, đến đi đều tự do nên không hỏi, nhưng thầy tri sự là Định Tấy pháp sư, không được như lão hòa thượng, nên trách cứ pháp sư Tu Vô nói:. Ông là người xuất gia không có đạo tâm, thời gian truyền giới không dài, ông không thể kiên trì đến cùng sao? Mới đến có mấy ngày là muốn rồi. Sao không có tâm kiên trì gì vậy? Thầy bèn thưa với hai vị pháp sư: không phải con đến nơi khác, mà là vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc. Hai vị pháp sư này vừa nghe, nói: thật sao? Thật. Khi nào? Không quá mười ngày. Xin hòa thượng chuẩn bị cho con hai trăm cân cũi để hỏa thiêu. Định Tây pháp sư lập tức dặn dò mọi người chuẩn bị.

Đến ngày thứ hai thầy lại đến thưa với hòa thượng rằng: ngày mai con đi. Mọi người gấp gáp chuẩn bị. Thầy xin tìm cho vài người trợ niệm giúp, những người thích đi trợ niệm, rất nhiều người thấy được việc vị này vãng sanh, mọi người đều thích. Ra đi rất tiêu sái, không bị bệnh. Ngay khi đó trong căn phòng nhỏ này làm một cái giường, thầy ngồi niệm Phật ở đó, mọi người niệm Phật đưa thầy vãng sanh. Những người đưa thầy vãng sanh nói với thầy rằng: Hôm nay thầy đến thế giới Cực Lạc rồi, trước đây người vãng sanh đều rất tiêu sái tự tại, luôn lưu lại chút gì đó để làm kỷ niệm, xin thầy làm mấy bài thơ, mấy bài kệ cho chúng con. Thầy nói: Tôi xuất thân thô tục, suốt đời đều làm việc nặng nhọc khổ cực, tôi không biết làm thơ cũng không biết làm kệ. Quý vị nói như vậy thì tôi có một câu, nói với quý vị để lưu lại quý vị làm kỷ niệm. Câu gì? Thầy nói: “Nói được không làm được thì không phải là trí huệ chân thật”. Lưu lại câu này. Bản thân thầy không nói được, nhưng thầy đã làm được, thật buông xả và thật sự tu phước.

Trong thường trú làm việc nặng nhọc, việc người khác không làm thầy đều làm hết, thầy tu phước, phước huệ song tu. Tu huệ chính là một câu danh hiệu Phật, thầy không biết gì cả chỉ rốt ráo niệm câu A Di Đà Phật, Phật hiệu không gián đoạn nên khi ra đi tự tại như thế, tiêu sái như thế. Ngài Đàm Hư nói vãng sanh như vậy, trong đời này ngài tận mắt nhìn thấy được mười mấy người. Làm sao là giả được? Việc này không đóng kịch được. Nghe người khác nói lại cũng rất nhiều, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh. Như người thợ hàn đệ tử của Đế Nhàn pháp sư đứng như vậy vãng sanh cũng không hề bị bệnh, nói đi là đi, còn đứng ba ngày đợi hòa thượng lo hậu sự cho nữa. Chết rồi nhưng đứng như vậy ba ngày, quý vị xem thật có bản lĩnh, không bị ngả xuống. Những người này tuyệt đại đa số đều là chuyên tu thành công.

Những người này họ có cần học rộng chăng? Đương nhiên cần học rộng. Khi nào học rộng? Đến thế giới Cực Lạc học rộng. Hay quá! Ở đây sợ làm loạn ý niệm, nên chỉ thâm nhập một môn, một ý niệm. Đến thế giới Cực Lạc không lo, vì ở đó có thời gian, vô lượng thọ mà. Thời gian ở cõi này không dài, cho dù sống trên 100 năm nhưng cũng chỉ là một sát na. 100 năm này là một sát na, thời gian qua rất nhanh, không đủ dùng. Cho nên đây mới gọi là thật có trí huệ. Buông bỏ tất cả chuyên niệm Phật A Di Đà. Đến thế giới Cực Lạc rồi học rộng nghe nhiều sẽ dễ hơn. Thế giới Cực Lạc tu một ngày, chúng ta ở đây học một vạn kiếp cũng không bằng, đây là thật không phải giả.

Thế giới Cực Lạc mặc dù là người hạ hạ phẩm vãng sanh ở cõi phàm thánh đồng cư, sanh đến thế giới Cực Lạc liền được oai thần 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, trí huệ, thần thông, đạo lực của quý vị bình đẳng với A Duy Việt Trí Bồ Tát, như vậy mà không tuyệt vời sao? A Duy Việt Trí Bồ Tát chính là 41 vị pháp thân đại sĩ trong Kinh Hoa Nghiêm, họ có năng lực phân thân, có năng lực hóa thân, phân bao nhiêu thân? Hóa bao nhiêu thân? Có thể phân vô lượng vô biên vô tận vô số thân. Chư Phật Như Lai trong mười phương có bao nhiêu Phật thì họ có thể phân bấy nhiêu thân. Đồng thời mỗi thân đều đi đảnh các vị Phật này. Quý vị cúng Phật là tu phước, nghe pháp là tu huệ, phước huệ song tu. Một ngày ở đây học được, ở thế giới Ta Bà của chúng ta học vô lượng kiếp cũng không bằng, quý vị đến thế giới Cực Lạc một ngày liền viên mãn, ngày ngày đều tu như vậy thật quá tuyệt diệu! Nên thế giới Cực Lạc nhanh thành Phật chính là nhanh ở chỗ này. Họ có thể đồng thời học, bản thân mình bất động trong giảng đường của Phật A Di Đà nhưng đã phân thân, trước mỗi vị Phật đều có thân quý vị, nên quý vị học được hết, cùng một lúc học được. Vô lượng pháp môn hoàn thành một lần.

Đạo tràng thù thắng, cơ duyên học tập thù thắng này, trong tha phương thế giới không có, biến pháp giới hư không giới không tìm thấy, chỉ có ở thế giới Cực Lạc. Cho nên Chư Phật xưng tán Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Có nghĩa là danh hiệu này là Chư Phật Như Lai cùng tặng cho Phật A Di Đà. Ngày nay chúng ta có duyên gặp được có thể không nắm bắt sao? Có thể không thành tựu sao? Nếu bỏ qua đó mới gọi là thật đáng tiếc! Đặc biệt là chúng ta sanh trong hoàn cảnh hiện tại, hoàn cảnh này là tất cả địa cầu, xã hội động loạn bất an, điều này chưa từng có trong lịch sử. Lại gặp cảnh địa cầu thiên tai quá nhiều, ghi chép trước đây không có như vậy. Chúng ta nên dùng thái độ nào để đối phó? Chính là một câu sáu chữ hồng danh, vấn đề này hoàn toàn được hóa giải. Cộng nghiệp của chúng sanh chúng ta không có năng lực hóa giải nhưng biệt nghiệp đã được hóa giải.

Nếu thiên tai giáng xuống chỗ chúng ta, chúng ta hoan hỷ tiếp nhận. Tôi hoan hỷ, Chư Phật Bồ Tát cũng hoan hỷ, vì sao vậy? Vì đúng dịp tiếp dẫn vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu còn nhiệm vụ quý vị sẽ không đi được, thiên tai đến ngay trước mặt nhưng vẫn bình an vượt qua. Như vậy là sao? Nghĩa là quý vị phải lưu lại để thu dọn tàn cuộc của thiên tai, quý vị phải có nhiệm vụ giúp những chúng sanh khổ nạn này. Vãng sanh thành Phật thì rất tốt, lưu lại thế gian này cứu khổ cứu nạn cũng tốt.

Những đau khổ này hai câu bên dưới nói: *“thanh thanh thức tỉnh chính mình, niệm niệm chẳng rời bổn tôn”,* đây gọi là tương ưng. Cổ đức thường nói: “một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”. Bổn tôn là Phật A Di Đà, trong tâm thật có Phật A Di Đà. Người niệm Phật quan trọng nhất là thay đổi tâm. Ngày xưa thầy Lý dạy những người tuổi trẻ như chúng tôi, thầy thường nói thay đổi tâm. Thay đổi bằng cách nào? Đoạn tận, buông bỏ tất cả những tạp nham trong tâm, rồi để Phật A Di Đà vào. Như Trung Phong thiền sư nói trong Hệ Niệm Pháp Sự: “tâm tôi tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi”, như vậy có thể không vãng sanh sao? Tâm là Phật A Di Đà, miệng đương nhiên niệm Phật A Di Đà, mỗi tiếng đều thức tỉnh chính mình, chính mình là Phật A Di Đà, điều này không phải giả.

Ở trước chúng ta học qua A Xà Vương Tử, đoàn thể nhỏ của họ nghe Phật giảng Kinh Vô Lượng Thọ, đều rất hoan hỷ. Trong lòng phát nguyện, chúng ta nhất định phải sanh về thế giới Cực Lạc, chúng ta phải thành Phật, chúng ta phải thành Phật giống như Phật A Di Đà vậy. Vừa khởi tâm động niệm đức Phật liền biết ngay. Đức Thế Tôn nói, nhóm người của A Xà Vương Tử trong quá khứ có duyên với ngài, được ngài thọ ký, trong tương lai nhất định họ vãng sanh, nhất định được như sở nguyện. Đây là làm gương, làm mô phạm cho chúng ta. Học Phật A Di Đà phải học giống Phật A Di Đà, biến thành phân thân của Phật A Di Đà, như vậy là đúng.

*“Hựu vân”,* đây vẫn là trong Tịnh Tu Tiệp Yếu nói. *“Vô lượng quang thọ, thị ngã bản giác, khởi tâm niệm Phật, phương danh thỉ giác”.* Quang là trí huệ, thọ là phước báo. Vô lượng quang thọ chính là nói trí huệ phước đức cứu cánh viên mãn. Đây là bản giác vốn có trong tự tánh của mỗi người. Trong thế và xuất thế gian, mười pháp giới y chánh trang nghiêm ai là người có trí huệ và phước báo cứu cánh viên mãn? Tìm không thấy người nào. Đại Phạm Thiên Vương không có, Ma Hê Thủ La Thiên Vương cũng không, chỉ có Chư Phật Như Lai là đầy đủ. Chư Phật Như Lai là chúng ta tu thành, tu như thế nào? Buông bỏ liền được thành tựu. Câu này chúng ta nghe rất quen, nhưng vấn đề ở đâu? Vấn đề ở chỗ không buông được. Chúng ta nên nhớ rằng không buông được thì không thể thành tựu, không buông được thì không phải thật sự học Phật. Phải buông bỏ thân kiến, bắt đầu buông từ đâu? Bắt đầu từ tự tư tự lợi. Nên biết rằng chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay bị tự tư tự lợi hại rất thảm, nếu không đã thành Phật từ lâu rồi, đã đến thế giới Cực Lạc từ lâu rồi. Chính là không buông được tự tư tự lợi, không buông được danh văn lợi dưỡng, tham luyến luân hồi lục đạo. Trong luân hồi lục đạo, chỉ cần một chút không cẩn thận liền đọa ngay vào trong tam đồ địa ngục. Đọa vào ba đường ác rất dễ, chỉ cần không cẩn thận liền rớt vào ngay. Khi đã rơi vào sẽ không có ngày ra khỏi.

Trong khi giảng kinh chúng tôi nói đến ba đường ác rất nhiều lần, đó là nơi tiêu nghiệp chướng của chúng ta\_ở nơi đó tiêu nghiệp chướng. Phải đoạn tận hết nghiệp chướng từ vô thỉ kiếp mới có thể ra khỏi, tội nghiệp chưa hết không thể nào ra khỏi. Chính là nói nhiễm ô, dơ bẩn của thân này đến đó sẽ rửa sạch, rửa sạch rồi được ra, nhưng ra chưa bao lâu lại bị nhiễm ô, lại tiếp tục bị đọa như trước, rồi lại rửa thêm lần nữa, làm những điều ngu ngốc như vậy.

Vì sao có hiện tượng này? Vì chưa thật sự giác ngộ. Thật sự giác ngộ thì sau khi đã ra khỏi, sẽ không còn làm điều ngu ngốc nữa, nghĩa là không còn tự tư tự lợi, không còn bị danh văn lợi dưỡng dẫn dắt, thật đã buông bỏ hết những thứ đó. Ngũ dục lục trần, tham sân si mạn triệt để buông bỏ để cầu sanh Tịnh độ, đúng là “vạn người tu vạn người đi”, không sót người nào. Do vậy kinh này không thể không đọc.

Phiền não hiện hành, trong cuộc sống hằng ngày xảy ra vấn đề phải làm sao? Đọc kinh, buông bỏ vạn duyên. Đọc kinh này từ đầu đến cuối một hai lần thì vấn đề sẽ được giải quyết. Tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm thanh tịnh thì trí huệ sanh, trí huệ có thể giải quyết vấn đề. Nói cách khác thật sự giải quyết vấn đề, chư Phật Bồ Tát làm tăng thượng duyên, ai giải quyết? Tánh đức của chính mình giải quyết. Mượn duyên này của Phật Bồ Tát để dẫn trí huệ đức năng trong tánh đức của mình ra, như vậy vấn đề liền được giải quyết. Đây là thật không phải giả. Cho nên chư Phật Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, giúp chúng sanh từ sơ phát tâm đến thành Phật viên mãn, Phật không cho rằng mình có công lao, mình làm hay quá, không có. Vì sao vậy? Là tự quý vị thành tựu, Phật chỉ làm tăng thượng duyên cho chúng ta. Thân nhân duyên chúng ta đầy đủ, sở duyên duyên, vô gián duyên đều là chúng ta vốn có, không phải từ bên ngoài đến.

Giống như trường học hiện nay thầy giáo giúp đỡ học sinh. Thầy giáo tốt chỉ có thể đem kinh nghiệm thành công của mình nói với quý vị. Khi đã giác ngộ, đã thấu suốt tự mình biết phải làm như thế nào. Có thể làm đến cảnh giới thành công viên mãn, ân đức của thầy là chỉ thị phương hướng, chỉ thị mục tiêu cho chúng ta, nói với chúng ta phương pháp. Thành công hay thất bại là do chính mình có thật thực hành hay không. Thật nghe lời và y giáo phụng hành, chẳng có ai không thành công.

Khởi tâm niệm Phật chính là thỉ giác, thỉ giác hợp bổn giác. Bổn giác và thỉ giác là một giác, không hai không khác. Quý vị giác điều gì? Giác là bổn giác của quí vị. Trong tự tánh vốn có, nhưng vì mê nên bất giác. Bây giờ buông bỏ mê hoặc thì giác ngộ hiển bày. Dùng phương pháp gì? Phương pháp niệm Phật là tốt nhất. Vì sao vậy? Vì câu A Di Đà Phật này chính là đức hiệu của bản giác. Vô lượng giác\_A Di Đà Phật dịch thành chữ hán là vô lượng giác. Vô lượng giác trong tự tánh vốn đầy đủ. Hiện nay ta bất giác, đang mê. Bắt đầu từ hôm nay ngày ngày niệm vô lượng giác, khiến bản giác chính mình hiển bày, sự việc chính là như vậy.

*“Thác bỉ y chánh, hiển ngã tự tâm, thỉ bổn bất ly, trực xu giác lộ”*. Hiện nay chúng ta nương vào y báo của Phật A Di Đà, chúng ta phải đi về đó, nơi đó là hoàn cảnh tu học lý tưởng nhất. Chánh báo là Phật A Di Đà, là thầy. Thầy tốt và nơi học tập tốt, chúng ta cần phải nương vào đó, nương vào đó sẽ hiển lộ tự tâm của chúng ta. Y chánh trang nghiêm đều là tự tâm biến hiện ra, vì tâm chúng ta và tâm Phật A Di Đà là một tâm, không phải hai tâm, mình và người không hai. Điều này trong truyền thống văn hóa Trung Quốc nói đây là quan hệ luân lý. Nên biết rằng Phật A Di Đà và chúng ta đồng một tâm, là nhất thể, quan hệ này mật thiết biết bao. Không phải người một nhà, là nhất thể! Trong nhất thể của chúng ta, bên ngoài là nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, bên trong là lục phủ ngũ tạng\_nhất thể. Chúng ta nhận thức được điểm này, sau đó sẽ giác ngộ ra, muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới với chúng ta là nhất thể. Vì sao vậy? Vì duy tâm sở hiện, tâm này chính là tự tâm, như trong Hoàn Nguyên Quán nói tự tánh thanh tịnh viên minh thể, năng sanh vạn pháp.

Vô lượng vô biên quốc độ Chư Phật Như Lai trong khắp biến pháp giới hư không giới toàn là nó biến hiện ra. Học đại thừa nhất định phải biết, chúng ta phải nhận thức, phải thừa nhận biến pháp giới hư không giới với mình là nhất thể. Thật đã minh bạch, thật đã hiểu được như vậy thì chúng ta đối với bất cứ ai cũng giống như đối với chính mình vậy, đây là đại thừa. Đây là pháp đệ nhất, trong tất cả pháp không pháp nào so sánh được. Trong triết học không nói đến, trong khoa học cũng không nói đến, trong Tôn giáo cũng không nói đến, chỉ có trong Phật pháp đại thừa mới nói rõ ràng minh bạch như vậy. Cho nên nói luân lý, luân lý là nói đến quan hệ, chỉ có đại thừa nói một cách thấu triệt, nói một cách rốt ráo, nói một cách viên mãn.

*“Thỉ bổn bất ly, trực xu giác lộ”*. Giác lộ tiếng Phạn là tát bà nhược hải, đây chính là trực hướng đến tự tánh. Tự tánh là giác không phải mê, tự tánh đích thực là vô sở bất trí, vô sở bất năng. Chúng ta đã mê thất tự tánh, khi nào hướng đến giác lộ? Pháp thân Bồ Tát. “Thỉ bổn bất ly” là pháp thân Bồ Tát mới làm được. Ngày nay chúng ta biết, chư vị Bồ Tát vãng sanh về thế giới Cực Lạc đều làm được, đến hạ hạ phẩm vãng sanh ở cõi phàm thánh đồng cư họ cũng làm được. Vì sao vậy? Vì oai thần bổn nguyện của đức Phật A Di Đà gia trì. Nguyện 20 trong 48 nguyện, Phật A Di Đà nói: phàm là vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Đây là oai thần bổn nguyện của Phật Di Đà gia trì. Quý vị chưa đến cảnh giới này, cũng đến được, đồng nghĩa đến được cảnh giới này, đây chính là niệm bất thoái.

Ba loại bất thoái, thứ nhất là địa vị bất thoái, tuyệt đối không thoái vào ba đường ác, chắc chắn không đọa vào luân hồi lục đạo. Thứ hai là hành bất thoái, đại thừa Bồ Tát nhất định sẽ không thoái lui xuống nhị thừa, không làm A la hán, làm Bích Chi Phật. Thứ ba gọi là niệm bất thoái, niệm niệm đều hướng về tát bà nhược hải, nghĩa là niệm niệm hướng thẳng đến con đường giác. Tát bà nhược hải trên thực tế ở thế giới Cực Lạc chính là thường tịch quang, niệm niệm hướng về thường tịch quang Tịnh độ, đó chính là trở về tự tánh viên mãn. Đây đều là nói pháp môn niệm Phật không thể nghĩ bàn.

Hai câu bên dưới rất quan trọng. *“Tạm nhĩ tướng vi, tiện đọa vô minh”*. Nói không cẩn thận, “tạm nhĩ” tức không cẩn thận. Không cẩn thận bị đọa lạc, đọa lạc trong địa ngục. Đúng là nhất niệm bất giác, như vậy là sai. Công phu nghĩa là làm thế nào để duy trì được giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm, đây là tam quy y. Vì sao vừa vào cửa Phật, Đức Phật liền đem tam quy y dạy cho chúng ta trước? Phương hướng, mục tiêu dạy cho chúng ta. Vì sao chúng ta quy y Tam Bảo? Học được điều gì? Nghĩ đến điều gì? Giác Chánh Tịnh. Tám chữ này từ giờ từng phút cảnh tỉnh chính mình.

*“Hựu Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận vân, tu tri trì danh nhất pháp”.*  Trì là bảo trì, không được gián đoạn. Danh là danh hiệu của Phật A Di Đà. Phương pháp này là *“Tối vi giản yếu”,* đơn giản, quan trọng. Tám vạn bốn ngàn pháp môn không có pháp môn nào có thể sánh được nó. Đơn giản nhất, dễ nhất, ổn định nhất, đáng tin cậy nhất mà thành tựu lại cao, điều này thật không thể nghĩ bàn. Thành tựu cao nhất vì nó tương ưng với nhất tâm, đây là tự phần. Tha lực là được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, đây chính là vô cùng thù thắng.

*“Hành giả, niệm Phật nhân sơ phát tâm thời, quý hữu định khóa”*. Thông thường chúng sanh trong lục đạo, thực tế mà nói căn tánh đều là trung hạ căn, không phải hàng thượng căn lợi trí. Trung hạ căn quan trong nhất là thật thà, thật thà nghĩa là định đoạt thời khóa. Mỗi ngày định 1000 niệm hoặc một vạn niệm hay mười vạn niệm. Tốt nhất là “*tùng thiểu chí đa, do tán nhập định”,* đây là dạy phương pháp cho chúng ta. Mới bắt đầu không nên định quá nhiều. Mỗi ngày thời tụng niệm buổi sáng là một bộ Kinh Di Đà. Kinh Di Đà ngắn dễ đọc, mấy phút là đọc xong, niệm 1000 danh Phật hiệu. Thời tụng niệm buổi tối cũng như vậy, sáng tối như nhau, đơn giản dễ hành trì. Quý ở chỗ kiên trì không gián đoạn, ngày ngày không được gián đoạn. Niệm như vậy khoảng hai ba năm khi công phu đắc lực rồi tăng thêm. Một ngày niệm hai ngàn hoặc ba ngàn, tăng lên dần như vậy là đúng, tuyệt đối không nên trèo cao té nặng.

Ngoài thời khóa cố định ra còn có tán khóa. Tán khóa nghĩa là nhớ đến là niệm, bất luận ở đâu, bất luận ở nơi nào, chỉ cần không nhiễu loạn người khác, chỗ đông người tự mình yên tĩnh mặc niệm, niệm Phật trong tâm không cần phát ra âm thanh sẽ không phiền nhiễu đến người khác.

Nhiếp tâm rất khó, nhiếp tâm là công phu chân thật. Ấn Quang đại sư xuất hiện trong thời đại của chúng ta, dụng ý rất sâu. Ngài là tây phương Đại Thế Chí Bồ Tát tái sanh. Ngài dạy chúng ta phương pháp, phương pháp này người đương thời có thể hành trì được, ngài ra đời trong thời đại này. Dùng thập niệm pháp của ngài niệm rất rõ ràng. Niệm bốn chữ cũng được, sáu chữ cũng được.

Sáu chữ là A Di Đà Phật nên niệm như vậy. Ấn Quang đại sư niệm Phật rất chậm, ngài niệm từng chữ từng chữ, niệm rất rõ ràng, từng chữ rõ ràng, nghe rõ ràng. Cần như thế nào? Nhớ rõ ràng, không nên dùng chuỗi. Ngài nói dùng chuỗi phân tâm, phân thần, tâm lực rất khó tập trung. Hoàn toàn dùng tâm nhớ, chỉ nhớ 10 số, từ một câu đến mười câu. Biết rõ ràng câu này là câu thứ mấy trong mười câu. Niệm xong mười câu lại bắt đầu từ một đến mười, một đến mười, cứ như vậy mà niệm. Dễ nhiếp tâm, cũng chính là tạp niệm không sanh khởi. Vì khởi tạp niệm chúng ta sẽ quên ngay, mười câu này liền nhớ lẫn lộn. Nhớ không rõ không tính, phương pháp này rất tốt, nhất định phải nhớ rõ ràng mới tính. Mới học mười câu cũng rất khó không dễ, niệm đến sáu bảy câu đã loạn.

Ấn Quang đại sư nói chúng ta có thể phân thành hai đoạn, câu thứ nhất đến câu thứ năm. Có người hỏi tôi, con niệm đến câu thứ năm rồi bắt đầu niệm lại từ câu thứ nhất đến câu thứ năm được chăng? Không được. Từ câu thứ nhất đến câu thứ năm. Năm câu sau là thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười. Cần phải ghi nhớ bằng cách này, thậm chí dùng ba bốn cũng được. Câu thứ nhất, câu thứ hai, câu thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười. Nhớ bằng cách này mới được, mới có thể nhiếp tâm. Nếu nhớ ba câu một hai ba, rồi bắt đầu nhớ lại một hai ba như vậy không được, như vậy không thể nhiếp tâm.

Hồ Tiểu Lâm dùng phương pháp này bốn tháng, ông ta đến nói với tôi phương pháp này rất lợi ích. Trước đây niệm Phật tạp niệm quá nhiều sau bốn tháng huấn luyện này, tạp niệm ít đi không còn nữa, hoan hỷ vô lượng. Niệm mấy tiếng cũng không biết mệt mỏi, cũng không cảm thấy thời gian hình như quá dài. Niệm ba bốn tiếng giống như mấy phút vậy, có cảm giác này. Tổ sư truyền lại phương pháp này mọi người không ngại cứ thử xem.

Đằng sau nói *“tùng thiểu chí đa do tán nhập định”* . Từ từ tự nhiên chúng ta thành tựu niệm Phật Tam muội. *“Tùy kỳ niệm lực, câu hà vãng sanh”.* Mục đích niệm Phật chỉ có một là cầu sanh Tịnh độ để thân cận Phật A Di Đà, nguyện vọng này nhất định có thể đạt được.

*“Hựu An Lạc Tập vân, xưng danh diệc nhĩ, đãn năng chuyên chí, tương tục bất đoạn, định sanh Phật tiền”.* Xưng danh nghĩa là hiện nay chúng ta nói niệm Phật, quan trọng là chuyên chí, chính là nhất hướng chuyên niệm mà trong kinh này nói. Một phương hướng, một mục tiêu là chuyên niệm Phật A Di Đà. *“Tương tục bất đoạn, định sanh Phật tiền”.* Chúng ta nhất định được sanh. Mục đích chúng ta đã đạt được. Chúng ta đời đời kiếp kiếp ở thế gian này, nhất định không phải đời này mới bắt đầu học Phật, mới gặp được pháp môn này, không phải. Chúng ta đã có nền tảng thâm hậu từ vô lượng kiếp, và đời này lại gặp được. Cũng có thể trong quá khứ khi lâm chung gặp duyên bất thiện, trái với nhất niệm nên lại ngụp lặn trong luân hồi. Trong đời này lại gặp được, nối lại được thiện duyên trong quá khứ. Nếu trong đời này còn lơ là, như vậy phải đợi đến đời sau kiếp sau. Đời sau kiếp sau không biết phải trải qua bao nhiêu thời gian phải chịu khổ chịu nạn. Nếu thật sự giác ngộ tôi không muốn chịu khổ thêm, không muốn chịu nạn thêm nữa, tôi hy vọng được thành tựu ngay trong đời này. Quý vị tương tục không gián đoạn thì đời này nhất định được sanh.

Ở sau nói: *“Kim khuyên hậu đại học giả nhược dục hội kỳ nhị đế, đản tri niệm niệm bất khả đắc tức thị trí tuệ môn”.* Đây là chư vị tổ sư khuyên khích người học đời sau, nếu muốn dung hội nhị đế, nhị đế là chân tục, là không hữu. Nếu chúng ta có thể dung hội, “đản tri niệm niệm bất khả đắc”, đây là trí huệ môn. Niệm hay không niệm? Niệm, niệm rất siêng năng. Tuy niệm nhưng không chấp tướng. Ý này chính là nói không phân biệt không chấp trước, tịnh niệm tương tục. Như vậy là sao? Đây là công phu quan trọng thứ hai, quan trọng thứ nhất niệm đến tịnh niệm. Phương pháp của Ấn Quang đại sư là giúp chúng ta được tịnh niệm. Tịnh niệm đã hiện tiền có cần ghi nhớ số chăng? Không cần, vì tâm thanh tịnh đã hiện tiền. Chúng ta ghi nhớ mục đích là đoạn trừ tạp niệm, nếu không nhớ được mười câu này tạp niệm liền khởi lên ngay, nên phương pháp này chính là đô nhiếp lục căn mà Bồ Tát Đại Thế Chí nói. Chúng ta không nhiếp được lục căn, dùng phương pháp này có thể đô nhiếp lục căn. Lục căn thật sự đã nhiếp được thì nhãn buông sắc, nhĩ buông âm thanh, tỷ buông mùi vị. Tất cả đều đạt được bình đẳng, tâm thanh tịnh hiện tiền. Chính là trên đề kinh nói “thanh tịnh bình đẳng giác”hiện tiền. Đây không phải là phàm phu, mà đây là Bồ Tát. Bồ Tát hướng lên trên một bước, buông bỏ triệt để phiền não và sở tri chướng, trí huệ liền khai.

“*Nhi năng hệ niệm tương tục bất đoạn, tức thị công đức môn”*. Thành tựu công đức của chính mình, đồng thời thành tựu công đức lợi tha, nên biết quý vị ở đây niệm Phật, ở đây dụng công là hữu hình chúng sanh, con người có thế thấy được chúng ta, súc sanh thấy được chúng ta, được chúng ta gia trì họ sẽ bị làm cảm động. Người chưa phát tâm nhìn thấy thì phát tâm. Người đã phát tâm thấy được sẽ theo quý vị học tập, họ tu chơn chánh còn có vô hình chúng sanh, chúng ta mắt thì không nhìn thấy được. Trong đó có thiên thần có quỷ thần. Nhân số của họ càng nhiều, nhiều đến quý vị không thể nào tính đếm được. Những người này đã thấy được và cung kính quý vị, tán thán quý vị, ủng hộ quý vị, theo quý vị học tập nên công đức thành tựu là mình và người đều lợi.

*“Thị cố kinh vân Bồ Tát Ma Ha Tát, hằng dĩ công đức trí tuệ dĩ tu kỳ tâm”.* Công đức trí huệ không thể tách rời. Đức này và đắc trong chữ đắc thất ý nghĩa tương đồng, ngạn ngữ nói trồng trọt một phần thì thu hoạch một phần. Trồng trọt là công, quý vị đã có công phu nên quý vị có một phần thu hoạch. Ý nghĩa cũng như các bậc cổ đức thường nói “công bất đường quyên” nó sẽ không mất đi. Thành tựu chính mình lợi ích chúng sanh, hệ niệm tương tục bất đoạn. Bồ Tát tu hành, tu tâm trước tu thân. Tâm chánh ngôn hành tự nhiên chánh, tâm tà muốn học chánh họ cũng không chánh được, vì sao vậy? Vì họ mang theo tập khí tà ác khiến công đức chơn chánh của mình đều bị phá hoại, đây là điểm tu hành khó nhất hiện nay. Họ không phải hữu ý mà là vô ý, nhưng đã thành thói quen.

Điểm này chúng ta thật sự nghĩ rằng người thành tựu trong một đời không thể không cẩn thận, không thể huân tập thành một thói quen xấu. Làm thế nào để tập thành thói quen tốt? Đó là cần thiết phải tuân thủ, phải thật sự thực hành Đệ Tử Quy, Cảm Úng Thiên, Thập Thiện Nghiệp. Công phu thật chính là nền tảng thật sự. Không hạ công phu này thì công đức này không dễ thành tựu, sẽ bị những tập khí không tốt phá hoại. Những tập khí này tự mình không biết được, nên cho rằng tự mình làm cũng không tệ, làm rất tốt. Đến cuối cùng khi lâm mạng chung, khi vãng sanh mới bị chướng ngại, không đi được. Lúc này hối hận cũng đã muộn.

Chúng ta nghiên cứu nguồn gốc căn bản của nó, tóm lại không để ý đến “ngã”, ngã kiến rất phiền phức, ngã chưa buông bỏ. Ngã chưa buông bỏ và chấp trước ngã chính là tự tư tự lợi, lợi hại để ngay trước mắt. Quý vị muốn lợi mình hay lợi người khác? Đây chính là khảo nghiệm. Trước lợi mình sau mới đến lợi người khác là không được. Trong đại thừa quý vị đã bỏ qua cơ hội. Cổ nhân thường nói danh cao lợi nhiều quý vị có động tâm chăng? Nhất định phải nhận thức được thật giả, như thế nào là thật? Như thế nào là giả? Danh văn lợi dưỡng là giả, ngũ dục lục trần là giả, thất tình ngũ dục là giả, mười pháp giới y chánh trang nghiêm vẫn là giả. Giả thì nên buông bỏ, trong cuộc sống hằng ngày phải luyện, ngày ngày luyện, ngày ngày tiếp xúc, ngày ngày luyện công.

Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, trước phải luyện đến như thế nào? Luyện đến không chấp trước, nên buông bỏ chấp trước. Chấp trước buông bỏ chính là kiến tư phiền não buông bỏ. Tiếp tục luyện không phân biệt, không khởi tâm không động niệm. Đây là gì? Đây là y giáo phụng hành. Đem ba căn bản Nho Thích Đạo thực hành trong cuộc sống hằng ngày, đó là gì? Đó là oai nghĩ hữu tắc. Đó là quý vị thật sự đang tu huệ tu phước. Phước huệ do đây mà thành tựu. Làm gương cho người khác mới là phước huệ chân thật.

Trước tiên phải có tâm giúp tất cả chúng sanh đau khổ. Học Phật đích thực là vì độ chúng sanh khổ nạn mà học Phật, không phải vì chính mình, mình và người không hai. Nếu tất cả chỉ vì mình thì rất khó thành tựu, vì sao vậy? Ngã chấp không thể phá. Tôi khởi tâm động niệm vì người khác, không có cái ta trước phải phá trừ ngã chấp và ngã tướng.

Bên dưới nói *“Nhược thỉ học giả”.* Hàng sơ học chưa có thể phá tướng nhưng có thể nương tướng chuyên chí. Chưa phá tướng thì không cần phá tướng, không sao cả, có thể chấp trước tướng. Chấp tướng chỉ cần chuyên chí, hai chữ này rất quan trọng. Chuyên chính là chuyên nhất, chuyên nhất đến cực điểm chính là chuyên chí, cũng như chúng ta gọi là chí thành. Làm được chí thành tự nhiên sẽ cảm thông, cảm ứng sẽ hiện tiền. Nhất hướng chuyên chí có thể cảm ứng đạo giao với chư Phật Bồ Tát.

*“Vô bất vãng sanh, bất tu nghi dã”* . Chưa phá tướng, đến thế giới tây phương Cực Lạc là ở cõi phàm thánh đồng cư, quý vị nhất định được vãng sanh. Nếu đã phá được tướng rồi, đã phá ngã tướng sanh vào cõi phương tiện hữu dư, nhưng thế giới Cực Lạc có tam bối cửu phẩm, về sự có nhưng về lý thì không có. Được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, về sự có mà không có, có hay không? Có thật, Vì sao nói không có? Phật lực gia trì quý vị. Trí huệ, thần thông, đạo lực của quý vị giống với pháp thân Bồ Tát không sai biệt, nhưng đó không phải do chính mình đoạn phiền não chứng được, không phải, mà là Phật A Di Đà gia trì cho chúng ta. Cũng chính là nói hưởng phước báo của Phật A Di Đà, tự mình không có phước báo chỉ hưởng phước của ngài.

Vì thế có người hỏi Ngẫu Ích đại sư, thỉnh giáo với ngài. Họ hỏi ngài cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc, được phẩm vị như thế nào thì ngài vừa lòng? Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: tôi chỉ cần hạ hạ phẩm vãng sanh là đã mãn nguyện lắm rồi. Ngài thật sự đã làm được. Hạ hạ phẩm vãng sanh cũng làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, không sai biệt. Thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng. Tuy có tứ độ tam bối cửu phẩm nhưng nó bình đẳng. Bình đẳng chính là người sanh đến thế giới Cực Lạc, người của tứ độ đều ở cùng nhau, quý vị đều có thể thấy được. Không như thế giới này của chúng ta, thế giới này có cách trở, có chướng ngại chúng ta không nhìn thấy A la hán. Chúng ta với ngài là không đồng không gian duy thứ. A la hán không thấy được Bồ Tát, Bồ Tát cũng không thấy được Phật vì không ở cùng nhau.

Thế giới tây phương Cực Lạc từ hạ hạ phẩm đến thượng thượng phẩm, đều sinh hoạt cùng nhau trong một giảng đường, cùng nhau đi học, cùng nhau sinh hoạt. Điều này thế giới mười phương không có, chỉ có ở thế giới Cực Lạc. Hơn nữa việc lên lớp chúng ta có thể tưởng tượng được. Quý vị xem cổ nhân vẽ bức tranh về thế giới tây phương Cực Lạc, đại giảng đường của Phật A Di Đà, Phật ở trong đó giảng kinh thuyết pháp, đại chúng đều nghe, không thấy ai cầm kinh văn, quý vị có thấy bức tranh nào vẽ có kinh văn, có Phật A Di Đà cầm kinh văn chăng? Không có, vì sao vậy? Vì không cần thiết. Những gì Phật nói là từ trong tự tánh hiển lộ ra, thính chúng nghe xong liền lưu nhập vào tự tánh, cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Chỉ có thế giới này của chúng ta, chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng mới cần kinh văn, thế giới tây phương không cần những thứ này. Vô lượng vô biên đại chúng, các bạn đồng học rất đông. Họ đều là từ mười phương thế giới đến. Mười phương thế giới mỗi ngày mỗi giờ mỗi phút người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc đều không thể tính đếm được, số lượng quá nhiều nên thế giới Cực Lạc rất đông vui, tất cả đều là Bồ Tát. Chỉ cần đến thế giới Cực Lạc tất cả đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Vật chất thọ dụng hay tất cả nhu cầu đều tùy ý niệm mà hiện tiền. Không ai thiết kế, cũng không ai chế tạo, tất cả đều là tự tánh biến hiện ra. Tự tánh là hoàn mỹ nhất, chẳng những chúng ta không cách nào tưởng tượng mà A la hán, Bích chi Phật, Bồ Tát cũng không nghĩ đến được, không nghĩ ra được một hoàn cảnh tu học tốt đẹp như thế. Ở thế giới Cực Lạc chẳng những thấy được Phật A Di Đà kiến tánh mà còn thấy được thế giới tây phương nhất thiết trang nghiêm đều kiến tánh, nó với tự tánh hoàn toàn tương đồng.

Đây là dạy chúng ta *“y tướng chuyên chí, vô bất vãng sanh, bất tu nghĩ dã”,* nhất định không thể hoài nghi, hoài nghi thì phiền phức rất lớn.

Hết giờ rồi, đoạn này chúng ta chưa học xong. Vấn đề hoài nghi rất nghiêm trọng, bài giảng sau chúng ta tiếp tục học.

Hết tập 402

# Tập 403

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian:09.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 501, hàng thứ ba từ dưới đếm lên, bắt đầu xem ở giữa. Từ dưới đến lên hàng thứ ba, bắt đầu xem từ câu*“thị cố kinh vân Bồ Tát Ma Ha Tát”,* bắt đầu xem từ đây.

*“Hằng dĩ công đức trí huệ dĩ tu kỳ tâm”.* Trong An Lạc Tập nói, dẫn chứng đại kinh để nói với chúng ta, Bồ Tát\_ tam hiền vị Bồ Tát: Thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng gọi là Bồ Tát. Ma Ha Tát là gọi địa thượng Bồ Tát, tức là thập địa Bồ Tát\_Bồ Tát Ma Ha Tát. “Hằng dĩ”: hằng là thường hằng, thường không gián đoạn, lấy công đức trí huệ để tu hành. Cũng chính là khởi tâm động niệm và trí huệ có tương ưng hay không? Có tương ưng với công đức hay không? Đây là bậc chân tu.

Bên dưới nói: *“nhược thỉ học giả”,* đây là người mới học, *“vị năng phá tướng”,* phá tướng đích thực không phải là chuyện dễ. Bồ Tát đã phá tướng, Ma Ha Tát chẳng những phá tướng mà đến kiến cũng đã phá. Trong Kinh Kim Cang nói phá tứ tướng là ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, Bồ Tát đều đã phá. Tứ kiến là nửa sau của bộ Kinh Kim Cang: ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Cảnh giới này rất thâm sâu, Ma Ha Tát đã phá được.

Trong Kinh Bát Nhã nói đa phần đều là nói Biệt giáo. Biệt giáo Sơ Địa tương đương với Viên giáo Sơ Trụ. Vì thế 41 vi pháp thân đại sĩ mà trong Kinh Hoa Nghiêm nói đó đều là Ma Ha Tát, đều là Đại Bồ Tát minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đây là điểm bất đồng của Viên giáo và Biệt giáo. Phá tướng không dễ, không cần phá tướng, đây chính là đới nghiệp vãng sanh của Tịnh độ tông, không phá tứ tướng cũng có thể thành tựu, như vậy chúng ta mới có hy vọng. Tu bằng cách nào? *“Y tướng chuyên chí”,* tức là chuyên niệm đến cực điểm. Trong kinh này dạy phát tâm bồ đề một lòng chuyên niệm, chuyên niệm đến tột cùng.

*“Vô bất vãng sanh”,* ở sau đặc biệt dặn dò, *“bất tu nghi dã”,* không nên hoài nghi, đây là sự thật, hoàn toàn chính xác. Trong đại kinh nói: “Nghi” là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát. Có hoài nghi là không thể tinh tấn, làm phá hoại sự tinh tấn. Chẳng những phá hoại tinh tấn mà có khi còn bị đoạ lạc.

*“Hiện thế hành nhân, thật ưng đế tín thử thuyết”.* Hiện nay người tu hành của thế gian này, thực sự nên “đế tín”, nghĩa là tin chân thành. Một nghĩa khác của “đế tín” chính là hiểu rõ ràng minh bạch đạo lý này, hoàn toàn không có chút nghi hoặc nào. Tín này gọi là “đế tín” không phải “mê tín”, không phải miễn cưỡng tin, mà là tin chân thành. *“Bất tất tiên cầu ly tướng”*, đây là sự thù thắng vô cùng của Tịnh tông. *“Đản đương lão thật trì danh”,* tin rằng những lời Chư Phật Bồ Tát nói nhất định là chân thật. Lý này quá thâm sâu, tướng thì quá phức tạp. Chúng ta chỉ cần tin lời Phật nói, nhất định không dao động, nhất định không hoài nghi, cứ như vậy tiếp tục niệm, trì danh niệm Phật không hề gián đoạn.

*“Y tướng chuyên chí, vô bất vãng sanh”,* ở trước nói biện pháp này, thực tế là vì chúng sanh hiện nay. *“Độ sanh tử hải chi chỉ nam châm dã”,* đây là nói hiện tại chúng ta\_ hiện nay chỉ có con đường này, đưa chúng ta đi trên con đường chơn chánh và phương hướng chính xác. Chúng ta không có hoài nghi nhất định thành tựu.

*“Thượng”*, thượng là đoạn trước. *“Quảng dẫn kinh luận, dĩ minh trì danh niệm Phật thù thắng lợi ích. Chí ư trì niệm nhi vân chuyên niệm, cánh vân nhất hướng chuyên niệm giả. Như Quán Niệm Pháp Môn sở vân, Phật thuyết nhất thiết chúng sanh căn tánh bất đồng, hữu thượng trung hạ, tuỳ kỳ căn tánh. Phật giai khuyên chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật danh”*. Vô Lượng Thọ Phật danh chính là Phật A Di Đà. Chư Phật Bồ Tát từ bi vô cùng, không nhẫn tâm thấy chúng sanh tạo nghiệp thọ báo, trong lục đạo luân chuyển khổ không sao nói hết. Trong lục đạo\_chúng ta nhất định phải biết\_chắc chắn là thời gian ở ba đường ác dài, thời gian ở ba đường thiện ngắn. Vì sao vậy? Chúng ta quan sát tường tận, quan sát chính mình, quan sát người khác, từ sáng đến tối, từ mùng một đến 30 đây là một tháng, chắc chắn là ác niệm nhiều, thiện niệm ít. Ác niệm là gì? Vì mình là ác niệm, vì chúng sanh là thiện niệm. Như vậy thử nghĩ xem ý niệm này của chúng ta là vì mình nhiều hay vì chúng sanh nhiều? Vì danh văn lợi dưỡng nhiều hay là vì chánh pháp cửu trú nhiều? So sánh như vậy sẽ biết là ác niệm nhiều, hành vi ác nhiều. Như vậy chúng ta ở trong lục đạo, thời gian ở trong tam ác đạo nhiều. Huống gì chúng sanh trong lục đạo có 26 loại tâm sở phiền não, thiện tâm sở chỉ có 11 loại. Nói cách khác thiện không địch được ác. Ác niệm nhiều, tập khí ác nặng. Không bị tập khí ác dẫn dắt hoặc làm ô nhiễm thì đó không phải người phàm. Không có công phu tu hành tương đương chẳng thể không bị hoàn cảnh làm nhiễm ô. Bị hoàn cảnh nhiễm ô nhất định lặn ngụp mãi trong luân hồi lục đạo, tâm luân hồi tạo nghiệp lục đạo.

Phật A Di Đà đã thấu suốt, minh bạch vấn đề này, biết được chúng sanh trong lục đạo tu hành thành tựu rất khó, quá khó. Đích thực là trong vạn người khó có được một người thành tựu. Điều này khiến chúng ta nhớ đến đại pháp của Đức Thế Tôn 3000 năm trước, lưu truyền khắp trên thế giới. Có vài nơi lưu truyền một hai trăm năm thì không còn nữa, có vài nơi tồn tại được năm sáu trăm năm. Đương thời các đệ tử đi truyền pháp giáo hoá khắp nơi, duy nhất nhánh truyền đến Trung Quốc, đích thực đã mọc rễ, phát triển mạnh mẽ, đơm hoa kết trái, thành tựu trội hơn cả Ấn Độ. Đây là nguyên nhân gì? Nguyên nhân này chúng ta sớm đã lãnh hội được, vì chúng ta nhận thức Phật pháp là sư đạo. Người Trung Quốc hiểu được sư đạo kiến lập trên nền tảng của hiếu đạo. Người bất hiếu với cha mẹ làm sao họ biết tôn sư trọng đạo? Ở nước ngoài đích thực họ cũng hiểu được hiếu đạo. Trong nhiều điển tịch tôn giáo chúng ta thấy được, nhưng không coi trọng như người Trung Quốc, không thiết tha như người Trung Quốc. Nghiêm chỉnh thực hành hiếu đạo là dân tộc Trung Quốc. Cho nên Phật giáo phát triển ở Trung Quốc tự nhiên cũng rất thuận lợi.

Như Tịnh Nghiệp Tam Phước, đây là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của đại thừa. Chính Thế Tôn cũng nói rất rõ ràng, ba điều này là “tam thế Chư Phật tịnh nghiệp chánh nhân”. Tam thế là quá khứ hiện tại và vị lai. Tất cả Bồ Tát tu hành thành Phật đều không thể rời ba nguyên tắc này. Câu đầu tiên là: “hiếu dưỡng phụ mẫu”, câu thứ hai: “phụng sự sư trưởng”, điều này nói một cách rõ ràng minh bạch. Vì sao Phật giáo truyền đến các nơi khác đều không tồn tại lâu dài? Vì không có nền tảng hiếu đạo. Gốc rễ hiếu đạo của người xưa cắm rất chặt!

Ngày nay thế giới thiên tai, thông thường nói rằng người Trung Quốc chịu thiên tai nhẹ hơn ngoại quốc, do nguyên nhân gì? Do tổ tông tu công tích đức không giống nhau. Tổ tông của dân tộc này y theo luân lý đạo đức để lập nghiệp, đương nhiên không giống nhau. Giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, ở Trung Quốc ít nhất cũng rất nỗ lực dạy học, theo tính toán của tôi ít nhất cũng một vạn năm, thâm căn cố đế. Hiện nay tuy đã lãng quên vấn đề này hơn một trăm năm, nhưng cơ sở vẫn rất vững chắc.

Trước đây chúng tôi làm thí nghiệm ở Thang Trì, trong ba tháng lương tâm cư dân ở tiểu trấn này liền được bộc phát, các thầy giáo dạy học ở đây đều kinh ngạc. Ban đầu dự tính phải dạy hai ba năm mới có chút thành tựu, không ngờ chỉ ba tháng thành tích đã vượt trội rồi. Ở đây chứng minh được điều gì? Chứng minh tổ tiên của chúng ta đức dày, gốc rễ thâm hậu, chỉ là không có người dạy, có người dạy lập tức minh bạch, liền giác ngộ và biết quay đầu. Chứng minh được hai điều thứ nhất là tánh con người vốn thiện, Tam Tự Kinh nói “nhân chi sơ tánh bổn thiện”. Điều thứ hai chứng minh con người rất dễ dạy, dễ dạy như vậy, đây cũng là gốc rễ chúng ta sâu dày, nên được tổ ban phúc, Tam Bảo gia trì. Vì thế con người giác ngộ rất nhanh và sớm quay đầu, điều này không thấy ở các khu vực quốc gia khác. Mấy năm trước đây thật sự chúng tôi đã trải qua, tìm một địa điểm để làm nơi thí nghiệm, tìm mấy năm cũng không tìm thấy, duyên chưa đủ. Sau cùng không ngờ đã làm được điều này ở tiểu trấn Thang Trì.

Trì danh niệm Phật lợi ích rất thù thắng. *“Chí ư trì niệm”,* đây chính là “chấp trì danh hiệu” mà trong Kinh Di Đà nói. Trong kinh điển đại thừa dạy chúng ta buông bỏ tất cả, Tịnh tông là đại thừa, chỉ có pháp môn này đặc biệt buông bỏ tất cả, chỉ nắm giữ danh hiệu\_trì danh. Trì danh tiến thêm một bước nữa là chuyên niệm, tiếp thêm một bước nữa là nhất hướng chuyên niệm. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói: “phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Quán Niệm Pháp Môn nói, đây là nói đến tất cả chúng sanh căn tánh bất đồng, có thượng căn, có trung căn, có hạ căn, là do nhiều đời kiếp trong quá khứ, mọi người dụng công phu không giống nhau, nên công đức đạt được không tương đồng. Nhưng *“kỳ tuỳ căn tánh”*, bất luận là hàng thượng trung hay hạ căn, đức Phật đều dạy quý vị chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Niệm bốn chữ hay niệm sáu chữ cũng được.

Lúc Liên Trì đại sư còn tại thế, có đồng học đến thỉnh giáo ngài. Biết ngài là người niệm Phật, đặc biệt là lúc cuối đời chuyên tu Tịnh độ. Họ đến hỏi ngài phương pháp niệm Phật như thế nào? Ngài nói tôi niệm bốn chữ A Di Đà Phật, trong Kinh Di Đà chỉ nói chấp trì danh hiệu, danh hiệu tức là bốn chữ. Người ta hỏi: vậy ngài dạy người khác thì sao? Ngài nói tôi dạy người khác niệm sáu chữ thêm chữ Nam Mô\_Nam Mô A Di Đà Phật. Người ta hỏi vì sao ngài niệm bốn chữ, còn dạy người khác niệm sáu chữ? Điều này có gì không giống nhau? Đại sư nói: tôi đối với Tịnh độ, đối với thế Giới Cực Lạc Phật A Di Đà thâm tín không hoài nghi. Phát tâm quyết định cầu vãng sanh ngay trong đời này, nên tôi chỉ niệm bốn chữ, hoàn toàn nghe theo giáo huấn trong kinh điển. Kinh điển dạy tôi chấp trì danh hiệu, danh hiệu tức A Di Đà Phật. Vì sao dạy người khác niệm sáu chữ? Người khác chưa chắc thật sự muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, muốn vãng sanh là chỉ nói trên miệng, còn đối với thế gian này lại không buông được. Hay nói cách khác, họ không nhất định được vãng sanh, nên khuyên họ niệm Nam Mô A Di Đà Phật, là ý gì? Nam mô nghĩa là quy y. Quy y Phật A Di Đà, quy mạng Phật A Di Đà. Cũng có nghĩa là cung kính, cung kính Phật A Di Đà\_lời khách sáo. Thật sự vãng sanh điều đó không cần khách khí, những lời khách sáo này có thể miễn. Nhất tâm chuyên niệm, thêm Nam Mô cũng là xen tạp. Quý vị xem chuyên này, chuyên đến trình độ nhất hướng chuyên niệm. Khai thị này của Liên Trì đại sư ý nghĩa rất thâm sâu, rất rộng. Chúng ta phải tỷ mỷ để lãnh hội, phải học như Ấn Quang đại sư, nhất tâm chuyên niệm quyết định cầu sanh Tịnh độ.

Bên dưới giả thiết một vấn đáp. *“Vấn: ngũ chủng nhân duyên, chỉ ngũ niệm môn”,* ngũ niệm môn ở sau sẽ nói đến, *“giai thị tịnh nghiệp, hà đặc ư niệm Phật hành, chuyên trí nhất hướng chi ngôn da?”* Ngũ niệm môn là Thiên Thân Bồ Tát đưa ra, ngài đưa ra tu hành có năm môn: thứ nhất là lễ bái, thứ hai là tán thán, thứ ba phát nguyện, thứ tư quan sát, thứ năm hồi hướng. Đây gọi là ngũ niệm môn. Người đưa ra vấn đề này hỏi, năm loại nhân duyên tất cả đều là tịnh nghiệp. Vì sao đặc biệt đối với “niệm Phật hành chuyên trí nhất hướng chi ngôn”. Trì danh niệm Phật vì sao phải nhất hướng chuyên niệm? Đáp: điều này có ba nghĩa. Thứ nhất *“vị chư hành vi phế nhi thuyết, niệm Phật vi lập nhi thuyết”,* “phế” chính là buông bỏ. Vì sao dạy chúng ta nhất hướng chuyên niệm? Chúng ta phải buông bỏ tất cả chư hành. Chư hành là gì? Tám vạn bốn ngàn pháp môn. Nếu thật sự buông bỏ\_nói một cách cụ thể thì tất cả kinh điển mà Đức Thế Tôn nói, chúng ta đều buông bỏ hết. Chỉ có một phương hướng, một mục tiêu, nỗ lực tinh tấn không giải đãi, chúng ta đi một con đường. Ý của nó nằm ở chỗ này: khiến chúng ta chuyên tâm và có thể được tam muội, sau khi được tam muội quý vị có thể khai ngộ nhất định vãng sanh\_ý nghĩa chính là ở đây. Dạy chúng ta niệm Phật, niệm Phật là vi lập nhi thuyết, ngoài ra đều buông bỏ hết, chỉ lập pháp môn này, chúng ta chỉ thâm nhập một môn huân tu lâu dài, đây là nghĩa thứ nhất.

*“Nhị, vi trợ niệm Phật chi chánh nghiệp, nhi thuyết chư hành chi trợ nghiệp”*. “Trợ” là hiệp trợ, giúp đỡ chúng ta. Niệm Phật là chánh nghiệp, chánh phụ song tu. Phải lấy niệm Phật làm mục tiêu tu chính, còn trợ tu thì sao? Trợ tu giống như ngài Liên Trì và ngài Ngẫu Ích, suốt đời các ngài giáo hoá người khác cũng là tuỳ cơ giáo hoá. Có khi thêm một vài hành động phụ, có khi không cần thiết. Niệm Phật là hành trì chính, hành trì phụ cũng là niệm Phật, chính phụ đều là niệm Phật, điều này còn xem căn tánh như thế nào. Chánh phụ toàn là niệm Phật, đặc biệt dễ thành tựu, đối với hạng người nào? Người tập khí phiền não nặng, hạng người ngu độn, họ học giáo lý không dễ lý giải, không bằng nhất tâm niệm Phật là tốt nhất, thậm chí trì giới đối với họ mà nói đều khó khăn, không cần trì giới vì niệm Phật, trì giới đều bao hàm trong niệm Phật. Niệm tốt danh hiệu Phật này trong tâm chúng ta đều là Phật hiệu, như vậy làm sao có thể phạm giới! Đây gọi là đạo cộng giới. Trong niệm Phật đầy đủ tam học giới định tuệ nên không cần làm thêm điều gì nữa.

Xưa nay nhìn thấy hàng hạ căn, người ngu si, đến khi lâm chung thành tựu của họ người thông minh cũng không sánh bằng, người thông tông thông giáo cũng không được như họ, điều này chúng ta đã thấy được.

Đệ tử của Đế Nhàn pháp sư là một người thợ hàn, ai coi thường ông ấy? Không biết chữ, không được đi học. Nghe kinh không hiểu, cũng không biết tụng, hoà thượng chỉ dạy ông một câu A Di Đà Phật, dạy ông nhất tâm chuyên niệm. Niệm ba năm, quý vị thấy ông ta ra đi rất tự tại, biết trước giờ chết. Trước vãng sanh một ngày, vào thành thị thăm thân thích bằng hữu, đó là gì? Từ biệt trước lúc ra đi. Ông không nói, chỉ đến thăm mọi người, nhưng thật sự là đến từ biệt. Qua ngày thứ hai ông ra đi rất tiêu sái nhẹ nhàng! Người thông tông thông giáo cũng không thể sánh được.

Ở trước chúng tôi nhắc đến pháp sư Tu Vô trong chùa Cực Lạc, ở Cáp Nhĩ Tân, khi chưa xuất gia thầy là người thợ hồ, cũng không biết chữ. Vị ấy cũng biết trước giờ chết, thân không tật bệnh, ra đi rất nhẹ nhàng tự tại, nói đi là đi. Sau cùng lưu lại một câu đáng để chúng ta phản tỉnh sâu sắc: “Nói được mà không làm được không phải thật trí huệ”, thầy đã lưu lại câu này. Hai người này đều coi là người xuất gia, cư sĩ tại gia cũng rất đáng nể.

Khi tôi mới xuất gia, tôi vừa xuất gia liền dạy Phật học viện. Tôi dạy ở Phật Quang Sơn mười tháng gặp phải một việc. Trong một trấn nhỏ ở Đài Nam có một bà lão niệm Phật, niệm thời gian ba năm, không dài. Tâm địa bà , lương thiện, không hiểu Phật pháp nên thần gì cũng đều lạy hết, miếu gì bà cũng đều đến thắp hương. Ba năm trước bà cưới vợ cho con trai, người con dâu này hiểu Phật giáo, cô ta khuyên mẹ chồng không nên đi khắp nơi lạy lung tung, nên thiết bàn Phật trong nhà, ở nhà chuyên niệm Phật A Di Đà. Bà lão rất có thiện căn, nghe lời con dâu nên không đi khắp nơi bái lạy nữa, ở trong nhà thờ Tây Phương Tam Thánh, nên ở nhà lạy Phật niệm Phật, ba năm sau đó đứng mà vãng sanh.

Bà lão rất thông minh, sợ nói mình sắp vãng sanh người nhà sẽ ồn ào, làm chướng ngại nên bà không nói, không nói với người nhà. Bà ra đi vào buổi tối lúc ăn cơm tối. Bà nói với người nhà các con ăn cơm trước ta đi tắm một chút. Thực tế bà lo việc vãng sanh của mình. Thật đã tắm xong, tắm rất sạch sẽ và thay bộ áo quần mới. Phật đường nhỏ trong nhà, bà đứng trước bàn thờ Phật, mặt hướng về tượng Phật, đứng vãng sanh. Con trai và con dâu đợi bà ăn cơm, đợi rất lâu không thấy bà ra, không biết là vì sao? Nên đi tìm bà. Trong phòng không có người, nhưng bà thật là mới vừa tắm xong. Tìm tiếp thì thấy bà đứng trước Phật đường, mặc áo quần rất tề chỉnh tay cầm xâu chuỗi, gọi bà không trả lời, đến trước mặt xem kỹ thì bà đã vãng sanh, bà đã ra đi không có gì phiền hà. Chuyện này phát sinh cách đây hơn 40 năm\_40 năm trước phát sinh câu chuyện này. Người trong trấn nhỏ đó đối với câu chuyện này đều nhớ như in. Tôi nhắc đến chuyện này rất nhiều người đều biết, họ nói với tôi đây là thật không phải giả. Đây là gì? Đây chính là biểu hiện thành tích nhất hướng chuyên niệm.

*“Tam, dĩ niệm Phật nhi vi chánh, dĩ chư hành nhi vi bang, cố vân nhất hướng dã. Hạ thích kỳ nghĩa, nhất hướng chuyên niệm, hữu hạ tam nghĩa. Nhất giả phế xả dư hành, chuyên lập niệm Phật”.*

Đây là nghĩa thứ nhất. Tất cả các phương pháp tu hành khác đều không cần, tôi chỉ tiếp thu phương pháp này, nhất hướng chuyên niệm. Chúng tôi vừa mới đưa ra mấy trường hợp đều là nhất hướng chuyên niệm, thành tựu vô cùng thù thắng, đây là điều chúng ta không thể không biết.

Chỉ đơn thuần một câu Phật hiệu, chỉ thâm nhập một môn không xen tạp các pháp môn khác. Chỉ đơn giản như vậy nhưng người thợ hàn đã thành tựu, Tu Vô pháp sư đã thành tựu, bà lão ở Đài Nam cũng đã thành tựu. Tôi thấy được những người thành tựu rất nhiều, đều tu phương pháp này.

*“Chư hành câu phế duy lập niệm Phật danh hiệu nhất pháp, thị danh nhất hướng chuyên niệm. Nhị giả, duy dĩ niệm Phật vi chánh nghiệp, dĩ trợ thử chánh nghiệp nhi tu chư hành, niệm Phật vi chủ, dư hành vi trợ. Chủ nhiếp chư trợ, trợ tuỳ ư chủ, chủ trợ viên dung, đồng nhập Di Đà nhất thừa nguyện hải, cố diệc danh nhất hướng chuyên niệm dã”*.

Khách và chủ phải phân rõ ràng. Như Liên Trì và Ngẫu Ích đại sư họ đều rất rõ ràng thấu triệt. Thậm chí đưa ra trì danh là chánh và lại lấy trì danh làm phụ, chánh phụ đều là nhất hướng chuyên niệm.

Một số chúng sanh căn tánh lanh lợi, không phải không có, có. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chúng ta thấy được, và cũng nhìn thấy trong Cao Tăng Truyện, thấy được trong Tịnh Tông Lịch Đại Tổ Sư Lục. Họ có học kinh giáo đại thừa chăng? Học\_Học Hoa Nghiêm, học Thiên Thai, học Bát Nhã, dùng điều này để trợ hành, nhưng trợ là trợ chủ tu, trợ chúng ta nhất hướng chuyên niệm, lấy nhất hướng chuyên niệm làm chủ, trợ là trợ điều gì? Giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Pháp môn này là pháp khó tin, giúp chúng ta nhận thức được chân tướng sự thật, trong kinh giáo nói thật tướng các pháp. Vì sao vậy? Vì nhận thức càng rõ ràng lại càng dễ buông bỏ. Nói cách khác rất nhiều chướng ngại tự nhiên đột phá. Chướng ngại chính là không buông bỏ được, buông không được chính là không hiểu thật tướng các pháp. Luôn cho rằng những gì trước mắt đều là thật, thế giới tây phương Cực Lạc chỉ nghe nói chứ chưa từng thấy nên còn hoài nghi, đây chính là cần kinh giáo để giúp đỡ, kinh điển giúp đỡ chúng ta, bộ Kinh Vô Lượng Thọ này rất hay!

Đại kinh, cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập, Hoàng Niệm Tổ chú giải. Chúng ta cùng nhau học tập, đem tâm đắc học tập để chia sẽ với mọi người, chúng ta gọi nó là Diễn Nghĩa. Những điều này đều giúp chúng ta nhận thức về thế giới Cực Lạc, nhận thức về Phật A Di Đà, cũng để nhận thức thế giới Ta Bà. Chúng ta đối với pháp môn này, đối với phương pháp nhất hướng chuyên niệm này thâm tín không hoài nghi. Nhất tâm chuyên niệm, nhất định cầu sanh Tịnh độ, những thứ muốn học đều buông bỏ hết, đến thế giới Cực Lạc học. Thích thứ này cũng không sao, tạm thời buông bỏ, đến thế giới Cực Lạc trước. Đến thế giới Cực Lạc chúng ta có thời gian, có thầy giỏi, có bạn tốt. Trong các bạn đồng học có người chuyên môn tu học pháp môn này. Tu tâm tánh, tu pháp tướng, tu duy thức, có thầy chuyên môn. Chúng ta mới có năng lực tìm được, học điều gì cũng không chướng ngại.

Thọ mạng dài, không như ở đây thọ mạng có hạn. Lấy thọ mạng có hạn học Phật pháp vô hạn làm sao có thể thành tựu được? Không cách nào thành tựu được, chỉ có thế giới Cực Lạc, đầu tiên đạt được đức thứ nhất, đức thứ nhất của tịnh tông là vô lượng thọ, thọ mạng lâu dài, cho nên quí vị có thời gian tu học. Huống gì ở thế giới Cực Lạc giống như đi học vậy, ngày ngày trong giảng đường, lúc nào cũng học tập rất tinh tấn, không có khi nào bị gián đoạn. Thế giới tây phương Cực Lạc không có ban đêm, vì thế giới đó là thế giới quang minh không cần nhờ vào nhật nguyệt. Địa cầu này nhờ vào ánh mặt trời, không có mặt trời không được. Địa cầu tự chuyển nên hình thành ngày và đêm\_ban ngày và ban đêm. Ban ngày làm việc, ban đêm nghỉ ngơi. Thế giới Cực Lạc không có ban đêm nên tinh tấn không gián đoạn.

Người ở thế giới Cực Lạc không cần ẩm thực, chúng ta ăn cơm cũng bị gián đoạn. Họ không cần ẩm thực, vào ngôi trường đó là chỉ tu tập, tốt nghiệp là thành Phật, thành Phật mới rời thế giới Cực Lạc. Thử nghĩ xem đến đâu để tìm được hoàn cảnh tu học và thầy giáo tốt như vậy? Điều kiện tu học thiết yếu của chúng ta, ở đó đều đầy đủ viên mãn không thiếu thứ gì. Hồi tưởng lại ở đây tu học cực khổ biết bao, chúng ta muốn hoàn cảnh thanh tịnh cũng khó tìm, chúng ta muốn tài liệu tu học cũng không tìm ra, giáo sư hướng dẫn cũng không tìm được, những người đồng tu đồng chí hướng cũng không thấy, thật khổ!

Ngày nay đức Thế Tôn, chư Bồ Tát và chư vị tổ sư nói có một nơi đến tốt như vậy. Nơi đó ai cũng có thể đến, chỉ sợ chính quý vị không muốn đi thôi, nếu chịu đi thì người người đều có thể sanh đến thế giới Cực Lạc, người người đều có thể thân cận Phật A Di Đà. Phật A Di Đà xem chúng ta như người một nhà. Phật A Di Đà biết chúng ta là nhất thể, vì thế ngài yêu thương chúng ta, quan tâm chúng ta, dạy dỗ chúng ta, chúng ta không hề có chút nghi hoặc nào. Hoàn toàn yên tâm để nương tựa ngài, như vậy là đúng, nương tựa ngài nhất định thành tựu.

Trong câu thứ hai là: *“niệm Phật vi chủ, dư hành vi trợ”.* Tu công tích đức, đem những công đức này hồi hướng vãng sanh thế giới Cực Lạc, nâng cao phẩm vị nhưng trợ tu nhất định là tuỳ duyên, không phan duyên. Vì sao vậy? Vì phan duyên không tương ưng với việc chánh tu, nó sẽ chướng ngại chánh tu. Tuỳ duyên sẽ không có chướng ngại, nghĩa là duyên của trợ tu là tự nhiên đến quý vị không cần đi tìm nó. Như chúng tôi những năm gần đây ở nước ngoài, vì sự kiện 11/9 đã xuất hiện khủng bố chiến tranh, đây là việc từ trước giờ chưa từng có. Làm sao để hoá giải xung đột, đây là điều mà mọi người vô cùng quan tâm.Trường chúng tôi tìm đến tôi, hy vọng chúng tôi giúp họ hoá giải. Đây là tuỳ duyên mà không phải là phan duyên, đây là một chuyện tốt. Thế xuất thế gian pháp đều phải kiến lập trong một xã hội an định hoà hợp. Động loạn sẽ cảm thấy vô cùng khó khăn. Chúng ta sanh trong thời đại động loạn này, sao không hướng về nơi mà chư vị tổ sư đã sống một đời, suốt đời không hạ sơn.

Huệ Viễn đại sư thời Đông Tấn là sơ tổ Tịnh độ tông, kiến lập Niệm Phật Đường Đông Lâm ở Lô Sơn Giang Tây, lấy Hổ Khê làm ranh giới. Người cùng chí hướng có 123 người ở tại đây niệm Phật, mục đích là cầu sanh thế giới Cực Lạc. Lúc đó chỉ có một bộ kinh chính là Kinh Vô Lượng Thọ, vì Kinh Di Đà, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đều chưa phiên dịch. Lúc đó ngài Huệ Viễn chỉ dựa vào bộ Kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ phiên dịch sớm nhất. Trong sự tưởng tượng của chúng ta rất có thể ngài y theo bản dịch của An Thế Cao, bản dịch này đã thất truyền. Trong mục lục kinh điển phiên dịch đích thực có bản của An Thế Cao nhưng ngày nay không tìm thấy bản này.

Kinh Vô Lượng Thọ từ triều đại nhà Hán cho đến nhà Tống thời gian 800 năm, tổng cộng có 12 lần phiên dịch. 12 bản dịch này có bảy bản thất truyền, lưu truyền đến ngày nay chỉ còn 5 bản. Vì thế chúng ta có lý do tin rằng ngài đã dùng bản dịch của An Thế Cao. Bản của An Thế Cao là dịch ý, giống như bản dịch của ngài La Thập, rất hợp sở thích của người Trung Quốc. Kinh điển của chư vị cổ đức dịch, kinh điển của An Thế Cao chúng ta rất thích đọc, và thích đọc bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập.

Ngài Huyền Trang phiên dịch rất nhiều nhưng không ai đọc bản của ngài, ngoài bản Tâm Kinh Bát Nhã kinh này lưu thông rất rộng, còn các kinh khác rất ít người đọc, chỉ dùng nó để làm tài liệu nghiên cứu tham khảo. Kinh của Ngài là dịch thẳng, không phải dịch ý nên dịch rất cứng nhắc. Đây là điểm khác nhau của văn pháp Trung Quốc và nước ngoài, người Trung Quốc có chút không quen.

Nên chánh tu chúng ta nhất định phải rõ ràng. Ví như ngày nay, quý vị thấy thế giới động loạn, chúng sanh quá khổ. Nếu chúng ta có duyên có thể giúp thế giới này khôi phục an định hoà hợp, đây là việc tốt. Có duyên nhất đinh phải làm, không có duyên không nhất thiết phải làm. Tự mình nhất định phải hiểu chánh trợ phân minh.

Mấy năm trước tôi có nhân duyên đã làm, hiện nay tuổi lớn không muốn làm nữa. Hậu nhân đã có người kế thừa, người làm rất nhiều nên chúng tôi không cần làm vì thế tôi chỉ nhất hướng chuyên niệm và hạ thêm công phu vào trong Đại Kinh Giải. Mỗi ngày cùng học với các bạn đồng học bốn tiếng, hiện nay thể lực còn được, rất tốt! Trong đời này chúng ta nhất định vãng sanh, đây là vô lượng hoan hỷ. Không còn lãng phí thời gian, không còn lãng phí tinh lực, nhất định phải giữ vững nhất hướng chuyên niệm, chánh trợ đều là niệm Phật.

*“Tam giả, dĩ niệm Phật vi chánh, dư hành vi bàng, chánh bang hữu biệt”.* “Bàng” là trợ, trợ tu, trợ duyên\_chánh trợ song tu. *“Chủ thứ phân minh, nhất hướng niệm Phật vi chủ. Tuy bất xã dư tu nhưng khả danh vi nhất hướng chuyên niệm dã”, “thử luận thâm thoả”.* Câu này Hoàng Niệm Tổ cho rằng nhận xét này rất thoả đáng. *“Thị dĩ niệm Phật hành nhân, mạc bất kiêm tu lễ bái, tác nguyện, hồi hướng đẳng niệm môn dã”.* Đây chính là ngũ niệm môn. Ngũ niệm môn thêm một cái nữa là tán thán, thêm một loại quan sát tức là viên mãn. Ông đưa ra ba loại. Điều này cũng phải tu, chính là lạy Phật. Đặc biệt hiện tại chúng ta tu hành, lạy Phật là vận động tốt nhất, ngũ thể đầu địa. Mỗi ngày có thể lạy 300 lạy, ít nhất lạy 300 lạy. Điều này giúp ích rất nhiều cho thân thể mạnh khoẻ hoạt động gân cốt. Một mặt lạy Phật trong tâm nghĩ đến Phật A Di Đà, miệng niệm Phật A Di Đà. Khi lạy Phật mặc niệm không cần phát ra âm thanh. Phát nguyện, hồi hướng, tán thán, quan sát đều có thể kiêm tu\_Ngũ niệm môn đều có thể kiêm tu. Bồ Tát Thiên Thân ngài là người niệm Phật vãng sanh. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có ngài, trong Vãng Sanh Truyện cũng có ngài.

*“Y cứ thượng thuyết, tắc niệm Phật chi nhơn hoặc kiêm trì vãng sanh đại bi, chuẩn đề đẳng chú hoặc kiêm trì tụng Tâm Kinh hoặc Kim Cang Kinh đẳng đẳng. Chỉ tu chủ trợ phân minh, niệm Phật miên mật, diệc gia bất vi ư nhất hướng chuyên niệm dã”.*

Đây là Hoàng Niệm Tổ đề xuất, bản thân ông cũng làm như vậy, nhưng ông lấy niệm Phật làm chủ. Bất luận tu pháp môn nào ông còn có thiền có mật. Cư sĩ Lý Bính Nam cũng như vậy, mỗi ngày trì chú cũng đã từng tham thiền. Hình như ngồi thiền thì không có, ông hoàn toàn niệm Phật, nhưng ông có trì chú. Bất luận tu pháp môn nào đều hồi hương thế giới tây phương Cực Lạc. Như vậy có thể được, vì không trái với nhất hướng chuyên niệm.

*“Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận cánh chương thử chỉ, chỉ thú”,* chương là chương hiển, nói rõ ý này. *“Luận viết”,* Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận là trước tác của cư sĩ Bành Tế Thanh. *“Hành giả ký phát bồ đề tâm, đương tu bồ tát hạnh. Ư thế xuất thế gian sở hữu nhất hào chi thiện, nãi chí vô biên công đức, tất dĩ thâm tâm, chí thành tâm hồi hướng Cực Lạc, diệc đắc danh vi nhất hướng chuyên niệm”.*

Cư sĩ Bành Tế Thanh thuộc niên đại Càn Long thời nhà Thanh là một vị cư sỹ tại gia của Tịnh độ tông. Ông không xuất gia suốt đời lấy thân hình cư sĩ tu hành hoằng pháp.

Khi Hoàng Niệm Tổ giới thiệu về ông, nói rằng: nếu nói như hiện nay thì ông là con nhà cán bộ cao cấp. Phụ thân của Bành Tế Thanh là binh bộ thượng thư của hoàng đế Càn Long, phụ thân ông như hiện nay là bộ trưởng quốc phòng, vì thế ông là con nhà quý tộc, không cần làm việc, cuộc sống không có gì lo lắng. Người này rất thông minh, chưa đến 20 tuổi đã đậu tiến sĩ. Đây là cuộc thi cấp quốc gia, ông đã trúng tuyển. Thông thường trúng tuyển là ra làm quan. Thi đậu tiến sĩ ông không ra làm quan, mà nghiên cứu Phật pháp, chứng tỏ trình độ văn hoá của ông rất cao, thông tông thông giáo, hiển mật viên dung là người có đại trí huệ trong nhà Phật. Trước tác của ông rất nhiều Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận là ông viết.

Hành giả là người tu hành đã phát tâm bồ đề. Phát tâm bồ đề sẽ được tu Bồ Tát hạnh, như một vị Bồ Tát, Bồ Tát đại từ đại bi, pháp thế gian hay xuất thế gian có một chút thiện, đây là nói việc thiện nhỏ nhất, vô biên công đức là thiện lớn. Bất luận là thiện nhỏ hay thiện lớn nếu đã gặp thì đều nên làm. Đây là Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, vì thế nên lấy thâm tâm chí thành tâm hồi hướng về cõi Cực Lạc. Quý vị thấy thâm tâm, chí thành tâm, hồi hướng tâm đều là tâm bồ đề. Thể của bồ đề tâm là tâm chí thành.

Trong Quán Kinh nói thâm tâm là tự thọ dụng của tâm chí thành, hồi hướng là từ bi, đại từ đại bi là tha thọ dụng. Vì thế Bồ Tát nhất định dùng tâm chân thành thanh tịnh tu tất cả thiện pháp trong thế xuất thế gian, ý này nói rất hay. Tu tất cả thiện pháp là vì ai? Vì chúng sanh chứ không phải vì mình. Lấy công đức tu thiện hồi hướng vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc. Không cầu gì khác, tuyệt đối không cầu phú quý nhân gian, nhất định không cầu danh văn lợi dưỡng, chỉ cầu sanh thế giới Cực Lạc, điều này nói rất hay.

Hoàng Niệm Tổ đối với sự tán thán này\_câu nói “*cánh chương thử chỉ*” nói rất chính xác. *“Bất tất khí xả bách vi”,* “bách vi” chính là tất cả thiện pháp. *“Nãi danh chuyên niệm”,* xả bỏ tất cả pháp gọi là chuyên niệm, đó là đối với ai? Họ không có năng lực này\_không có trí huệ, không có năng lực, không có nhân duyên như vậy, thì không cần tu tất cả thiện pháp, chỉ chuyên niệm Phật A Di Đà. Niệm Phật A Di Đà chính là chuyên tu thiện pháp. Niệm thành công danh hiệu Phật A Di Đà, khi lâm mạng chung biểu diễn cho người ta thấy, biểu diễn như vậy sẽ độ được rất nhiều người. Công đức này của họ tuyệt đối không thua chư vị cổ đức hành Bồ Tát đạo, tuyệt đối không thua người tu tất cả công đức, khi lâm mạng chung biểu diễn chiêu này.

Chúng tôi ở HongKong, năm 1977 lần đầu tiên tôi đến HongKong giảng kinh. Lúc đó bà lão của Đông Liên Giác Uyển\_Hà Đông phu nhân đã vãng sanh, điều này tôi không tận mắt nhìn thấy mà chỉ nghe nói, nhưng Sướng Hoài pháp sư biết. Như cư sĩ Hà Lệ Hương có thể họ biết. Gia đình Hà Thế Lễ là môn đồ kiền thành của Cơ Đốc giáo, tuy mẹ ông là người niệm Phật, nhưng con trai con dâu rất có lòng hiếu thảo, họ không phản đối, thiết Phật đường trong nhà để bà lão chuyên môn cúng dường lễ bái. Bà lão vãng sanh đã mở một đại hội vãng sanh. Tiếp đãi ký giả, tiếp đãi giới truyền tin để biểu diễn việc vãng sanh. Bà biết trước giờ chết, tự tại vãng sanh. Lần thể hiện này con trai và dâu của bà đều tự thân chứng kiến. Cuối cùng tất cả đều niệm Phật, đều quy y Tịnh độ tông. Đây là thật là biểu diễn để quý vị xem, không phải giả.

Đạo tràng và kiến trúc của Đông Liên Giác Uyển chính là ngôi nhà cũ của gia đình họ, sau đó hiến cho Phật giáo để làm đạo tràng. Bà lão rất có trí huệ, khi vãng sanh nói với con trai và con dâu, bà nói: hôm nay mẹ vãng sanh các con ở bên cạnh mẹ niệm vài câu Phật hiệu đưa mẹ đi, cũng là thể hiện tình mẹ con chúng ta. Bà thật sự ra đi và mọi người thật đã thấy được chân tướng sự thật này, nên đã quay đầu trở lại niệm Phật. Thật ra đương thời nếu thật có cao nhân, Chư Phật Bồ Tát đến dạy bà, dạy Hà Thế Lễ có thể không trái với Cơ Đốc giáo. Giáo đồ Cơ Đốc giáo cũng có thể niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc như vậy thì càng viên mãn. Vì sao vậy?

Trong kinh điển có. Quý vị xem rất nhiều Bà La Môn giáo không phải đều học theo Đức Thế Tôn đó sao? Nhưng vẫn không từ bỏ tôn giáo của họ. Điều này nói rõ Phật giáo không phải Tôn giáo, Phật giáo là giáo dục. Vãng sanh thế giới Cực Lạc vẫn là giáo dục, đến thế giới Cực Lạc đi học. Thế giới Cực Lạc là nhà trường, nó không phải là thiên quốc. Trong thiên quốc có quốc vương, có thiên chủ. Thế giới Cực Lạc không có thiên chủ, thế giới Cực Lạc không có quốc vương. Thế giới Cực Lạc là một đạo tràng. Quý vị thử nghĩ kỹ xem chúng ta đọc nhiều kinh như vậy, nhưng không thấy Đức Thế Tôn nói quốc chủ của Thế Giới Cực Lạc là người như thế nào, không thấy nói, cũng không nói thiên vương là người ra sao. Quý vị thấy thế giới Ta Bà này của chúng ta thiên vương của sắc giới thiên, sơ thiền thiên là đại phạm thiên vương. Thiên vương của sơ thiền thiên, tứ thiền thiên là Ma Hê Thủ La\_đều có. Đao lợi thiên người Trung Quốc gọi là ngọc hoàng đại đế, trong kinh điển gọi là đao lợi thiên chủ. Nó thật sự giống như tổ chức chính trị của quốc gia vậy.

Thế giới Cực Lạc không có. Nhìn tới nhìn lui thế giới Cực Lạc chỉ có một người thầy là Phật A Di Đà, ngoài ra đều là đồng học\_Bồ Tát là đồng học. Địa vị của các vị đồng học không giống nhau, có 51 cấp bậc là thập tín, thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác, đều là đồng học. Thật không thể nghĩ bàn, nhiều đồng học có cấp bậc bất đồng như vậy, đều học trong một giảng đường, đều nghe kinh trong một giảng đường. Đây là bản lĩnh của Phật A Di Đà, Phật dùng một âm mà nói pháp, mỗi người có cảnh giới khác nhau đến nghe, nhưng đều cảm thấy như Phật đang nói với mình vậy. Mỗi loài chúng sanh đều tuỳ theo căn cơ của mình mà lý giải, điều này người thế gian chúng ta không làm được.

Nghe Đức Phật giảng cùng trong một giảng đường, nhưng mọi người nghe đều rất hoan hỷ, thích hợp trình độ quý vị, cũng thích hợp trình độ của tôi, và cũng thích hợp trình độ của phàm phu, thích hợp trình độ của thiên nhân, thích hợp trình độ của chư vị Bồ Tát, nên chúng ta khẳng định thế giới Cực Lạc là trường học, là trường Phật giáo do Phật A Di Đà thiết lập, có tất cả các cấp bậc khác nhau cùng nhau lên lớp. Bản lĩnh của vị thầy này quả thật cao siêu. Quý vị muốn nghe kinh gì tự nhiên quý vị nghe được ngài giảng bộ kinh đó, kỳ lạ!

Tuỳ theo tâm nguyện của mình muốn học gì, quý vị nghe những gì Phật nói chính là pháp môn đó. Tôi muốn nghe Hoa Nghiêm, họ muốn nghe Kinh Di Đà. Tôi nghe là Kinh Hoa Nghiêm, họ nghe chính là Kinh Di Đà. Đây là dùng một âm thanh thuyết pháp, nhưng tuỳ loại chúng sanh mà được giải ngộ, hiển lộ tánh đức thậm thâm không thể nghĩ bàn.

Tuy chúng ta chưa học xong kinh Hoa Nghiêm, nhưng những gì đã học cũng hiểu được một vài điều. Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư chúng ta đã học hai lần, đạo lý minh bạch hơn một chút. Trên thực tế Đức Phật có thuyết pháp chăng? Không cần nói đến Phật, Hoa Nghiêm là Viên giáo Sơ Trú Bồ Tát họ đều đã đoạn tận vọng tưởng phân biệt chấp trước. Cũng chính là nói họ đã buông bỏ hết vọng tưởng phân biệt chấp trước. Vọng tưởng là gì? Khởi tâm động niệm buông bỏ chính là không khởi tâm, không động niệm. Không khởi tâm không động niệm thì còn có pháp gì để nói! Không có pháp gì để nói.

Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, ngài giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm. Chúng ta muốn hỏi Đức Thế Tôn có khởi tâm động niệm chăng? Nhất định không có. Không có nhưng có thể nói pháp. Trong kinh này có câu: nói mà không nói, không nói mà nói. Nói đích thực có ngôn ngữ, mọi người đều nghe được. Vô thuyết là gì? Tuy có ngôn ngữ nhưng ngài không có khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm vẫn không được, thuyết pháp cần phải phân biệt chấp trước, như vậy mới có thể thuyết pháp. Đức Thế Tôn đích thực không khởi tâm, không động niệm, không phân, không chấp trước. Đức Thế Tôn có thể làm được, Phật A Di Đà sao lại không làm được! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngài đối với lục đạo chúng sanh trong thế giới Ta Bà, chúng ta nhìn thấy được, không thấy được có chư thiên, có Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, chúng ta phàm phu mắt thịt không thấy được, điều đó không tính. Nhận xét này thật không thể nghĩ bàn.

Đương thời Phật thuyết pháp, quý vị xem trình độ thính chúng không giống nhau. Bất luận tại gia hay xuất gia,trong đó có Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác, Chư thiên, trong nhân gian có bậc thượng căn trí huệ rất cao, còn có hạ căn ngu si, hồ đồ không hiểu sự lý. Đức Thế Tôn đều khiến cho họ được độ, ít nhất cũng chứng quả Tu đà hoàn. Ngài dùng một âm thuyết pháp nhưng tuỳ loại được giải. Đức Thế Tôn đã biểu diễn cho chúng ta thấy, thật có năng lực này không phải giả. Phật A Di Đà càng không cần phải nói. Đối tượng Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp là tứ độ tam bối cửu phẩm. Trong cõi đồng cư có thiên đạo, nhân đạo. Trong cõi phương tiện có Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, Phật trong mười pháp giới vãng sanh đến. 41 địa vị của pháp thân đại sĩ thật sự có chứng quả. Đây là trình độ sâu cạn không giống nhau của đại chúng trong giảng đường. Phật lấy một âm thuyết pháp tuỳ loại được giải. Thuyết mà không thuyết không thuyết mà thuyết, đều có thể khiến chúng sanh nghe hiểu, sanh tâm hoan hỷ, giác ngộ và chứng quả. Trường học như vậy có thể không đến đó sao?

Thật sự thấu triệt rồi, thì đi càng sớm càng tốt không nên bỏ lỡ. Nếu muốn độ chúng sanh thì nên tự mình thành tựu, sau đó trở lại độ chúng sanh. Hiện tại tự độ còn chưa xong thì làm sao có thể độ chúng sanh? Vì thế chúng ta phải hiểu rõ ràng minh bạch thế giới Cực Lạc, mới biết được sự thù thắng, mới biết rằng trong thế xuất thế gian không thể tìm thấy đạo tràng thứ hai có hoàn cảnh tu học tốt như vậy. Ở thế gian này đại thừa Phật pháp rất hoạt bát linh động, Tịnh tông cũng không ngoại lệ. Mấu chốt là tự mình, tự mình phải biết căn tánh mình như thế nào, điều này rất quan trọng. Nếu không phải hàng thượng căn lợi trí nên thâm nhập một môn, thành tâm niệm rốt ráo câu A Di Đà Phật, như vậy ba năm sẽ thành công, liền có thể vãng sanh.

Nếu có nhân duyên, có năng lực, có thể làm một ít điều thiện nhỏ, giúp chúng sanh làm chút việc tốt. Phải làm, không thể không làm, không làm thì sao? Không làm là không có tâm bồ đề, không có tâm từ bi. Điều này trái với tâm bồ đề, nếu làm thì sao? Làm nhưng đừng chấp tướng, điều này rất quan trọng. Làm mà chấp trước quý vị sẽ bị đoạ lạc. Vì sao vậy? Vì chúng ta đoạ lạc vào trong danh văn lợi dưỡng. Bất luận làm nhiều hay ít đều không chấp tướng, công đức chỉ hồi hướng thế giới tây phương Cực Lạc, hồi hướng vãng sanh thấy Phật, chỉ có một ý niệm như vậy, một mục tiêu, một phương hướng như vậy, đó là điều hoàn toàn chính xác. Bất luận là làm việc thiện lớn, thiện nhỏ hay một chút việc thiện, thậm chí là vô lượng công đức, tất cả đều giúp chúng ta vãng sanh. Chúng ta có thể làm. Chư vị tổ sư, Chư Phật Bồ Tát cũng sợ chúng ta không giữ vững được duyên thù thắng của mình, mà thoái tâm đoạ lạc, đây là sai lầm. Điều này xưa nay thường có, không phải không có. Trước là tuỳ duyên, sau tuỳ duyên là phan duyên. Hình như pháp duyên của họ ngày càng thù thắng nhưng rốt cuộc thì sao? Rốt cuộc không thể vãng sanh. Đời này họ làm là gì? Phước báo nhân thiên và hưởng phước đời sau, đó là sai. Vì thế những điều chư vị tổ sư, chư Phật Bồ Tát nói trong kinh luận, chúng ta phải tỷ mỷ để lãnh hội, quan sát và phản tỉnh, để chúng ta có trí huệ có thể phân biệt, có năng lực có thể học được, làm mà không làm không làm mà làm. Được như vậy thì không có vấn đề gì nữa, tức là đã làm. Sau khi đã làm có hiệu quả như thế nào đều không để trong lòng, như vậy là đúng. Cổ nhân nói *“Chỉ vấn canh vân, bất vấn thu hoạch”* mới có thể giữ được thâm tâm tức là tâm thanh tịnh. Trên đề kinh này thanh tịnh bình đẳng giác là thâm tâm, chí thành tâm, hồi hướng Cực Lạc, đây cũng gọi là nhất hướng chuyên niệm.

Cho nên *“bất tất khí xả bất vi, nãi danh chuyên niệm. Dĩ Phật tánh biến nhất thiết xứ, hữu khí hữu xả, bất danh niệm Phật cố”* nói rất hay!

Vì sao vậy? Vì hữu khí hữu xả, là còn phân biệt chấp trước. Chỉ cần có phân biệt chấp trước là có phiền phức. Hữu khí đã sai mà hữu xả cũng sai. Chỉ cần có phân biệt chấp trước là sai hoàn toàn. Nếu không có phân biệt chấp trước thì hoàn toàn đúng, “khí” cũng đúng mà “xả” cũng đúng, làm cũng đúng, chẳng có điều gì không đúng, nên tiêu chuẩn là gì? Tiêu chuẩn là tâm chân thành, thanh tịnh bình đẳng giác. Chúng ta dùng mười chữ để miêu tả tâm bồ đề là: chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Có mười chữ này thì xả bỏ hay làm đều đúng. Nếu trái với mười chữ này là hoàn toàn sai, đây gọi là không mất tâm bồ đề, giáo hoá chúng sanh, thành tựu vô lượng công đức. Mỗi niệm đều tương ưng với thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, như vậy là đúng.

*“Thử luận thậm khế thời cơ”,* nhận xét của cư sĩ Bành Tế Thanh rất khế hợp thời cơ hiện đại. *“Đương tiền thế nhân, thế sự phồn đa, phan nan phanh trừ tịnh tận, chung nhật niệm Phật”,* điều này không dễ, quý vị không thể buông bỏ sự nghiệp đóng cửa chuyên tâm niệm Phật. Hiện tại cư sĩ Hồ Tiểu Lâm đang làm, làm rất hay. Ông nói với tôi, ông ta suốt buổi sáng tụng kinh, niệm Phật, lạy Phật không nghe không hỏi chuyện của công ty. Sau cơm trưa mới bắt đầu quản lý việc của công ty. Ông ta có thể dành bốn tiếng đồng hồ của buổi sáng để tu tập, điều này thông thường các ông chủ khác không làm được, nhưng ông ta làm được. Ông ta có thể làm được cũng là duyên tu học của ông ta thuần thục, không phải ngẫu nhiên.

Quý vị xem, đầu tiên ông ta thực hành Đệ Tử Quy, thật đã làm được. Thực hành Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo. Ông ta đã làm được, sau đó cả gia đình ông làm được. Ông tiếp tục mở rộng đến nhân công trên dưới của công ty, tất cả đều làm được. Mỗi nhân công tự động tự phát, không cần quản lý, không cần đốc thúc. Mỗi người đều rất siêng năng, đều rất có trách nhiệm. Vì thế ông ta không cần đi làm buổi sáng, không cần hỏi đến mọi việc, tụng kinh niệm Phật làm việc của mình, đây là gương tốt cho người trong thời hiện đại này.

*“Đản năng thâm tín thiết nguyện, cầu sanh tịnh độ, sự lai tiện tố, sự khứ tức niệm”.* Điều này phù hợp với nhất hướng chuyên niệm. Làm xí nghiệp kinh doanh rất nhiều việc, có việc là lập tức xử lý, xử lý xong lại niệm Phật, cứ như vậy hành trì là đúng. Đối với Tịnh tông, đối với Phật giáo thì giáo huấn Đức Phật dạy chúng ta nên làm người như thế nào, làm sao tề gia và làm việc như thế nào. Quản lý một công ty chính là trị quốc, tề gia trị quốc. Trong kinh điển đều có giáo huấn, có luân lý, có phương pháp, có kinh nghiệm, có hiệu quả. Chúng ta cần nên cố gắng học tập, đem nó biến thành sinh hoạt hằng ngày. *“Sự lai tiện tố, sự khứ tức niệm”,*  làm hết việc lập tức niệm Phật.

*“Thế pháp bổn vô nghi ư Phật pháp”.* Pháp thế gian có chướng ngại việc học Phật chăng? Không trở ngại. *“Hà huống cánh dĩ thế xuất thế gian nhất thiết thiện pháp, dĩ chí thành tâm hồi hướng Cực Lạc”,* mấy câu này thật hiếm thấy. Hành thiện của thế gian và hành thiện của xuất thế gian, dùng tâm chân thành hồi hướng thế giới Cực Lạc. *“Cố diệc danh nhất hướng chuyên niệm”, cứ Khởi Tín Luận kiêm hành thế thiện, thượng đắc danh vi nhất hướng chuyên niệm”* khởi Tín Luận là Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, không phải Đại Thừa Khởi Tín Luận, là tác phẩm của cư sĩ Bành Tế Thanh. Lời của ông chúng ta có thể tin. Những trước tác của ông có vài tác phẩm đã được lịch đại tổ sư khẳng định. Ấn Quang đại sư đều rất tán thán trước tác của ông.

*“Cánh hà huống kiêm tu dư xuất thế pháp”.* Dư là gì? Là cái khác không phải Tịnh độ. Thiện hành của xuất thế gian ví như trong Phạm Thất Ngẫu Đàm của Ngẫu Ích đại sư nói\_đây là một cuốn sách nhỏ\_Tiểu phẩm này của Ngẫu Ích đại sư viết rất hay. *“Hựu thiền giả dục sanh tây phương, bất tất cải vi niệm Phật. Đản cụ tín nguyện tức tham thiền tức Tịnh độ hành dã”.* Đây là đoạn nhỏ trong Phạm Thất Ngẫu Đàm. Nói rằng người tham thiền họ cũng muốn vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc. Ngẫu Ích đại sư nói với những người này không cần đổi qua niệm Phật, cứ nên ngồi thiền của quý vị, đem công đức tham thiền hồi hướng cầu sanh thế giới Cực Lạc cũng được. Đây là đoạn cuối cùng của tam bối vãng sanh gọi là nhất tâm tam bối. Đó không phải tu pháp môn Tịnh độ, là tu pháp đại thừa.

Bất luận tu học pháp môn nào của đại thừa, chỉ cần ta có thể đem công đức tu học hồi hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, tất cả đều được sanh. Cửa của Phật A Di Đà vô cùng rộng lớn. Nếu hiểu được đạo lý này thì học các Tôn giáo khác được chăng? Nhất định được. Quý vị tin Cơ Đốc giáo, không cần từ bỏ Cơ Đốc giáo đến quy y Phật, không cần. Quý vị nên nỗ lực y theo Cơ Đốc giáo để tu hành, đến khi lâm mạng chung đem công đức tu hành đó cầu sanh Tịnh độ, nhất định được sanh, vấn đề là phải thực hành mới được. Đạo lý này chính là nguyên lý cơ bản của Tịnh độ tông, “tâm tịnh tức Phật tịnh độ”, những điều ta tu hành không phải đều là tu thanh tịnh tâm đó sao? Chỉ cần tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm chân thành hiện tiền, tâm cung kính hiện tiền, lấy những điều này hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, như vậy thì làm gì có lý không vãng sanh! Tu Tôn giáo nào cũng không chướng ngại.

Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, quý vị thấy theo ngài học rất nhiều người là thầy truyền giáo trong Tôn giáo, còn có người quản lý trong Tôn giáo theo học tập với Thế Tôn. Ngài không dạy họ thay đổi Tôn giáo. Trong nhà Phật gọi là ngoại đạo, ngoại đạo không phải bên ngoài Phật giáo hay các Tôn giáo khác, không phải. Nghĩa của ngoại đạo là tâm hướng bên ngoài cầu pháp, đây gọi là ngoại đạo. Phật pháp tu là hướng nội, là minh tâm kiến tánh, là cầu trí huệ, cầu tâm thanh tịnh. Như trên đề kinh này nói nếu tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, tu giác mà không mê, đây chính là học Phật. Bất luận dùng phương pháp nào cũng được, chỉ cần đạt được tâm thanh tịnh cầu sanh Tịnh độ thì tất cả đều có thể vãng sanh, chắc chắn không có chướng ngại.

Ngày ngày niệm Phật, ngày ngày huân tu đại thừa, nhưng tâm không thanh tịnh, vẫn không thể đi. Không phải niệm nhiều danh hiệu Phật là có thể được, nên thấu triệt điều này. Niệm đến tâm thanh tịnh hiện tiền, nhất định được vãng sanh. Tâm thanh tịnh hiện tiền, chắc chắn phải buông bỏ nhân duyên thế gian. Vì sao vậy? Vì nó nhiễu loạn khiến tâm chúng ta không thanh tịnh. Những gì chướng ngại tâm thanh tịnh nhất định phải buông bỏ hết, đây là điều kiện cần phải đầy đủ để vãng sanh. Mấy câu này của Ngẫu Ích đại sư quá hay!

Chúng ta xem tiếp bên dưới. *“Hựu đại sư”,* đại sư chính là Ngẫu Ích đại sư. *“Tằng yểm quan kết đàn”,* tức bế quan kiết đàn để tu hành. Trì chú vãng sanh cầu sanh Tịnh độ. *“Tịnh tác trường kệ vi thệ. Kệ vân, ngã dĩ chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng tâm. Nhiên bích hương tam trụ, kiết nhất thất tịnh đàn, chuyên trì vãng sanh chú, duy trừ thực thuỳ thời, dĩ thử công đức lực, cầu quyết sanh an dưỡng”.* Đây là Ngẫu Ích đại sư, bên dưới chú giải nói rất hay. *“Túc chứng đãn cụ vãng sanh tín nguyện, tắc tham thiền trì chú giai tịnh độ hành dã”.* Ngẫu Ích đại sư trì chú, “kiết nhất thất tịnh đàn” thời gian này của ngài không dài, như đả thiền thất vậy\_bảy ngày. Bế quan bảy ngày gọi là phương tiện quan. Thông thương chúng ta gọi đây là tinh tấn Phật thất, nhưng ngài không phải niệm Phật, ngài trì chú. Trong bảy ngày này hoàn toàn niệm chú vãng sanh.

Bài kệ này rất hay, quan trong nhất là tâm bồ đề\_phát tâm bồ đề nhất hướng chuyên niệm. Tôi dùng chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng tâm đây chính là tâm bồ đề. *“Nhiên bích hương tam trụ”* Người xuất gia đốt liều nơi cánh tay để cúng Phật, đây là biểu pháp. Ý của đốt liều là gì? Thắp lên chính mình để chiếu soi người khác, chính là ý này. Dù đốt liều có nhiều bao nhiêu, nhưng không có tâm từ bi để giúp đỡ người khác, thì liều này không cần đốt, đốt cũng không có chút ý nghĩa nào, như vậy hà tất phải đốt làm gì? Ý nghĩa đốt liều là từng giờ từng phút cảnh tỉnh mình, tôi đã phát lời thệ nguyện nên nhất định phải làm như vậy. Thấy chúng sanh gặp khó khăn, nhất định đưa tay ra giúp đỡ họ, dụng ý của đốt liều là như vậy.

Người xuất gia đốt liều trên đỉnh đầu, tại gia đốt liều trên cánh tay. Người xuất gia đã thọ đại giới, trên đầu cũng đã đốt liều. Thông thường đặc biệt phát nguyện cũng có thể đốt ở cánh tay. Tôi từng thấy, thấy những pháp sư này thật hiếm có. Trì giới tu hành hình giống như rất thanh tịnh, đưa tay ra họ phải đốt mười mấy hai mươi chấm, nhưng đối đãi với người không có từ bi. Thấy người khổ nạn thường tránh né, như vậy là sai, hoàn toàn sai. Cho rằng đốt liều để cúng Phật, Phật không thích nhìn nó đâu. Đem những ý nghĩa tượng trưng của nhà Phật dùng sai hết. Cho rằng tôi đốt liều nhiều Phật sẽ hoan hỷ, làm gì có đạo lý này? Đốt liều là tự mình thấy, tự mình phát nguyện này và cần phải thực hiện. Hiểu được điều này thì đốt một liều cũng đủ. Thấy chấm liều này là cảnh tỉnh mình, nên nhất định phải hiểu đạo lý này. Thấu suốt ý nghĩa là gì nó sẽ khởi tác dụng, không hiểu thì cho rằng như vậy là cúng Phật, Phật hoan hỷ là hoàn toàn sai lầm.

Quý vị xem còn có người đốt đầu ngón tay cúng Phật. Bồ Tát Quan Thế Âm chê hai tay không đủ dùng, phải cần ngàn tay ngàn mắt, quý vị chỉ có hai cánh tay còn đem nó đốt mất, như vậy có thể làm được việc gì? Quý vị hoàn toàn trái ngược với Quan Âm Bồ Tát, quá sai lầm. Đây đều là không hiểu giáo nghĩa, nên đã ngộ nhận cho rằng làm như vậy là đúng. Trong kinh Phật nói như vậy là biểu pháp, chứ không phải dạy chúng ta đốt ngón tay thật.

Chuyên trì chú, quý vị thấy trong từ thệ nói rất rõ. *“Duy trừ thực thùy”,* chư vị tổ sư ngày ăn một bửa, khi ăn cơm không niệm chú, khi ngủ không niệm chú. Vào thời đại đó thời gian ngủ nghỉ của tự viện am đường, tiêu chuẩn thời gian là giữa đêm, đây là trong kinh điển nói. Ngẫu Ích đại sư đối với giới luật rất thông suốt. Cuối thời nhà Minh một mình ngài, đầu năm dân quốc lại có một người là Hoằng Nhất đại sư. Đại sư Hoằng Nhất rất nhiều điểm giống Ngẫu Ích đại sư. Gương mẫu của Ngẫu Ích đại sư, ngài Hoằng Nhất siêng năng học tập, học rất giống.

Ở đây *“Túc chứng đãn cụ vãng sanh tín nguyện, tắc tham thiền trì chú giai tịnh độ hành”.* Bên dưới lại nói *“Di Đà Viên Trung Sao chi U Khê đại sư”.* Kinh A Di Đà có ba bộ chú giải quan trọng nhất, ở đây đều có trích dẫn. Thứ nhất là Sớ Sao của Liên Trì đại, thứ hai là Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, thứ ba là Viên Trung Sao của U Khê đại sư. Học tiểu bổn Kinh Di Đà ba bộ chú giải này nhất định phải đọc. Đặc biệt là Sớ Sao và Yếu Giải. Suốt đời U Khê đại sư tu Pháp Hoa, Đại Bi, Quang Minh, Di Đà, Lăng Nghiêm và Đẳng Sám Vô Hư Nhật. Thời khóa bình thường của U Khê đại sư là lạy Pháp Hoa sám, Đại Bi sám, Quang minh sám, Di Đà sám, Lăng Nghiêm sám, đây là khóa tu hằng ngày của ngài. Ngài biết trước giờ lâm chung.

*“Thủ thư Diệu Pháp Liên Hoa Kinh ngũ tự, phục cao xướng kinh đề giả tái, bạc nhiên nhi tịch. Như thị tắc tu sám trì kinh quân thị Tịnh độ hành dã”.* U Khê đại sư vãng sanh Tịnh độ, khi ngài lâm chung không niệm Phật, khi lâm chung ngài niệm Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Phương pháp này Nhật Bản rất thịnh hành. Nhật Bản niệm Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh giống như người Trung Quốc niệm Nam mô A Di Đà Phật vậy, rất nhiều. Họ học theo Trí Giả đại sư của Tông Thiên Thai.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 403

# Tập 404

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên Tập: Minh Tâm

Thời gian:10.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 503 hàng thứ tư từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ U Khê đại sư. Bắt đầu xem U khê đại sư trong câu thứ nhất.

*“U Khê đại sư nhất sanh tu Pháp Hoa, Đại Bi, Quang Minh, Di Đà, Lăng Nghiêm đẳng sám hối vô hư nhật, lâm chung dự tri thời chí, thủ thư Diệu Pháp Liên Hoa Kinh ngũ tự, phục cao xướng kinh đề giả tái, phách nhiên nhi tịch. Như thị tắc tu sám trì kinh, quân thị Tịnh độ hành dã”.*

Đây là nói rõ người niệm Phật có thể kiêm tu kiêm trì. U Khê đại sư vãng sanh Tịnh độ. Di Đà Kinh Viên Trung Sao là chú giải của ngài. Học tiểu bổn Kinh Di Đà, có ba loại chú giải quan trọng nhất thời cổ đại, hầu như người tu Tịnh độ chẳng có ai không đọc, đó chính là Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, Viên Trung Sao của U Khê đại sư. Hai ngài Ngẫu Ích và Liên Trì chuyên tu Tịnh độ, còn U Khê đại sư ngài kiêm tu sám pháp.

Ngài mỗi ngày lạy Pháp Hoa Sám, Đại Bi Sám, Quang Minh Sám, Di Đà Sám. Lăng Nghiêm Sám, ngài chuyên tu sám pháp khi lâm chung biết trước giờ chết. Tuy tu nhiều sám pháp như vậy nhưng cuối cùng ngài hồi hướng đều là cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc, niệm niệm không quên tây phương, tất cả công đức đều hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, đây cũng được xem là nhất hướng chuyên niệm. Vị tổ sư này làm tấm gương sáng cho chúng ta noi theo.Lâm chung biết trước giờ đi. Tự mình không phải viết về A Di Đà Phật, mà viết về Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, còn đọc to đề kinh, lớn tiếng niệm Phật. Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Người xuất gia người Nhật Bản, chúng ta thường nghe thấy. Vì chư vị tổ sư Nhật Bản này trong thời nhà Đường đa phần đều là học trò của Thiện Đạo đại sư, và học trò của Trí Giả đại sư. Trí Giả đại sư chuyên tu Pháp Hoa nên tông phái của họ chính là niệm đề kinh. Quý vị đến chùa nghe niệm Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Ngài niệm như vậy không phải niệm A Di Đà Phật. Thiện Đạo đại sư truyền lại là niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Điều này ở Nhật Bản rất phổ biến, được, chứ chẳng phải là không được. Chỉ cần đem tất cả công đức hồi hướng Tịnh độ.

Phẩm này của chúng ta là tam bối vãng sanh, tất cả có bốn đoạn. Ba đoạn trước là nói về thượng bối, trung bối, hạ bối. Đoạn cuối cùng tu tất cả kinh điển đại thừa, tất cả đều được. Cuối cùng đem tất cả công đức tu học hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, tất cả đều được sanh. Đây là pháp môn Di Đà vô cùng thù thắng, vô cùng rộng lớn. Thực tế mà nói chẳng những tu học bất cứ pháp môn nào của Phật giáo có thể sanh thế giới Cực Lạc, mà trong sự tưởng tưởng của tôi thì các tôn giáo khác, tức là quý vị đọc Thánh Kinh, đọc Tâm Cựu Ước, đọc Cổ Lan Kinh. Nếu đem công đức sở học một đời của họ hồi hướng cầu sanh Tịnh độ nhất định cũng có thể được sanh. Đây mới là công đức nguyện lực không thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà, ngài không phân chia bất cứ tôn giáo nào. Cho nên điều kiện tuyệt đối để vãng sanh, chúng ta nên nhớ: tâm tịnh tức Phật độ tịnh. Bất luận tu pháp môn nào, bất luận tu pháp môn nào chỉ cần tu đến tâm thanh tịnh liền có thể vãng sanh,. Tâm tịnh tức Phật độ tịnh, không nhất định phải niệm Phật A Di Đà, không nhất định phải đọc Kinh Vô Lượng Thọ. Pháp môn thù thắng vô cùng, rộng lớn vô biên. Quý vị xem nó bao dung, không có phân biệt, không có chấp trước. Chỉ cần tâm địa thiện lương thanh tịnh, quý vị muốn đến thế giới Cực Lạc ở đó đều thu nhận, đối đãi bình đẳng, không có phân biệt cao thấp. Cho nên tất cả Chư Phật tán thán, điều này chúng ta liên tưởng đến tất cả thiên thần tán thán. Chư Phật tán thán Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”, tôi tin rằng chư Phật cũng sẽ tán thán ngài là quang trung cực tôn, chư thần chi vương. Tịnh tông thật không thể nghĩ bàn.

Từ đó cho thấy, *“phát tâm bồ đề trì danh hiệu Phật. Tuy kiêm tu dư pháp diệc đắc danh vi nhất hướng chuyên niệm”.* Nhất hướng chuyên niệm này, hiện tại chúng ta lãnh hội được một cách sâu sắc, chính là một phương hướng chuyên cầu Tịnh độ, đây chính là nhất hướng chuyên niệm. Bất luận tu pháp môn gì tôi chỉ nhất tâm cầu sanh tây phương Cực Lạc, pháp môn nào cũng được, đều có thể thành tựu tâm thanh tịnh và thiện tâm thiện nguyện của chúng ta.

*“Đản đa môn kiêm tu tổng vị nhược nhất môn thâm nhập”.* Đây là lời của Hoàng Niệm Tổ, là thật. Vì thâm nhập một môn tâm họ chuyên nên dễ được niệm Phật tam muội, họ tương ưng viên mãn với Tịnh độ, đó chính là chúng ta một đời thọ trì. Liên Trì đại sư suốt đời thọ trì Kinh A Di Đà, đây là nguyên nhân gì? Kinh Vô Lượng Thọ nguyên bản quá nhiều, không dễ dàng. Đặc biệt là trong thời cổ đại muốn tìm năm bản dịch không dễ, ngay cả Vương Long Thư có địa vị như vậy cũng không tìm thấy, cuốn hội tập của ông chỉ có bốn loại. Đại Bảo Tích Kinh Vô Lượng Thọ Hội, ông không tìm thấy nên không phải là việc dễ. Cổ nhân thời đó kinh sách đều là sách viết tay vì thế phân lượng rất ít, không dễ đạt được.

Không như hiện tại kỹ thuật in ấn phát triển, giá thành lại thấp. Lúc nhỏ tôi biết chúng tôi ở Tỉnh An Huy chỉ có hai bộ rưỡi Đại Tạng Kinh. Có hai bộ hoàn chỉnh, còn một bộ thiếu sót không đủ. Như hiện nay trong gia đình bình thường có thể trưng bày một bộ Đại Tạng Kinh, ngày xưa không thể tưởng tượng được điều này, hàng quý tộc hào phú cũng không làm được, trừ phi là Hoàng đế. Hoàng cung của Hoàng đế có thể trưng bày một bộ còn những người khác là chuyện không thể.

Hiện nay trong gia đình bình dân có thể trưng bày một bộ Đại Tạng Kinh, nên câu nói này vô cùng quan trọng, chúng ta cần phải ghi nhớ: *“Đa môn kiêm tu tổng bất như nhất môn thâm nhập. Nhất tâm chuyên chí, xưng niệm Di Đà. Tắc dị sử thục xứ biến sanh, sanh xứ biến thục”.* Câu này vô cùng quan trọng. Như thế nào là sanh xứ? Như thế nào là thục xứ? Điều này bên dưới có chú giải. *“Cái, ái, nhiễm, tham, trước, thị chúng sanh chi thục xứ”,* điều này không học cũng biết. Huống gì xã hội hiện tại này đang phổ biến tuyên dương ái nhiễm tham trước. Ái nhiễm tham trước là văn hóa của xã hội ngày nay, toàn thế giới chứ không phải riêng địa phương nào. Người ở đâu không tham không ái? Ái này chính là tự tư tự lợi, nhiễm ô tham trước, đó chính là tổn người lợi mình, chính là làm những điều này, đây là chúng sanh thục xứ. Đây là tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi.

*“Bồ đề chánh niệm thị chúng sanh chi sanh xứ\_sanh sớ”.* Chúng ta gọi họ là phát tâm bồ đề. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, thật sự rất xa lạ. Có thích chăng? Thích, có thể phát tâm chăng? Không phát được. Tập khí phiền não nuôi dưỡng đã thuần thục, đã chín muồi rồi. Còn giáo huấn của Thánh hiền, thậm chí đến luân lý đạo đức nhân quả đều rất xa lạ, không biết ân cha mẹ, không biết ân sư trưởng. Hiện tại xã hội này vô cùng phổ biến, cho nên giáo huấn thánh hiền không dễ hoằng dương. Đó chính là một số người không có tâm tôn trọng, không có tâm kính ngưỡng đối với giáo huấn thánh hiền, không nhận biết về nó.

Hiện tại khoa học kỹ thuật phát triển, đặc biệt là in ấn. Hiện tại còn có ti vi, có mạng internet, có băng đĩa. Điều này cổ nhân trong mơ cũng không giám nghĩ đến. Nhân duyên thù thắng nhưng người ta không học được. Tâm không ở trong đạo, tâm ở trong thế duyên tham sân si mạn. Ở đây dùng bốn chữ rất hay là ái nhiễm tham trước, tâm đang ở đây. Bồ đề chánh niệm là sanh xứ của chúng sanh.

*“Sanh xứ chuyển thục, thục xứ chuyển sanh”,* đây chính là nói công phu, chuyển như thế nào? Đó chính là học mà được thực hành, liền có thể chuyển lại được. Học rồi mà không tập vĩnh viễn không chuyển được. Hiện nay người học rất nhiều, người tập rất ít. Tập là gì? Thực hành. Đem luân lý đạo đức nhân quả mà mình đã học thực hành trong cuộc sống, thực hành trong công việc, thực hành trong xử sự đối nhân tiếp vật. Nhất định huân tu lâu dài, học tập thời gian dài. Thực hành từ từ mới có thể thuần thục, thục xứ chúng ta phải xa rời nó. Hiện tại thuần thục nhất là gì? Ti vi, mạng internet và băng đĩa. Chúng tôi rất ít đến những nơi khác, khi đến nước ngoài tham gia hoạt động đều đến sân bay. Quý vị xem tiệm miễn thuế trong sân bay, những đĩa phim đó có bao nhiêu loại? Tôi thấy có ít nhất là mấy nghìn loại. Nội dung trong đó là gì? Đó đều là giáo dục. Cho nên hiện nay những băng đĩa, ti vi, mạng internet dạy hư con người hết rồi. Những thứ đó rất quen thuộc đã mọc rễ trong tâm họ, nhổ cũng nhổ không được. Hàng ngày còn vun xới cho nó, cho nó lớn lên. Như vậy sanh xứ lại càng thêm xa lạ.

Quý vị đến những tiệm bán đĩa, tìm một đĩa nói về luân lý đạo đức nhân quả, không tìm thấy, nhưng quý vị muốn tìm đĩa về bạo lực, sắc tình, sát đạo dâm vọng thì có đủ. Cho nên ngày nay giúp chúng sanh chuyển mê khai ngộ, lìa khổ được vui, rất khó, thật sự là điều rất khó! Nên có người nói ngày nay độ quỷ dễ độ người khó. Lời nói này là thật không phải hư vọng. Quỷ đã nếm được mùi đau khổ nên họ dễ giác ngộ. Con người hiện nay đang mê mờ trong dục vọng khó mà quay đầu được. Khó hơn độ quỷ, độ súc sanh.

Sáng sớm hôm qua, Sơn Đông có một đám bạn cũ. Họ đều là cán bộ địa phương đến thăm tôi, bàn về điều gì? Bàn đến vấn đề sâu bệnh của nhà nông. Họ nói bị ép không thể không dùng thuốc sâu, không giết những sâu bệnh này sẽ không có thu hoạch. Chúng tôi bàn luận từ điều này. Tôi nói đất Khánh Vân quý vị có trường hợp, năm trước Tề Tố Bình trồng tiểu mạch\_400 mẫu tiểu mạch. Tôi nói phát sinh sâu bệnh, việc này mọi người đều biết. Tề cư sĩ điện thoại cho tôi nói phải làm sao, có cần phun thuốc sâu chăng? Tôi khuyên bà ta: đệ tử Phật nhất định không nên sát sanh. Bà ta hiểu nên nói rằng: Thà con không cần 400 mẫu tiểu mạch này, cúng dường cho chúng, con cũng không giết chúng. Ý niệm này vừa sanh khởi, bà ta liền dẫn đại chúng cầm một cái khánh đi trên bờ ruộng niệm Phật A Di Đà. Đang niệm thì trời đổ mưa, nổi giông gió. Đến ngày thứ hai thì không còn một con sâu nào nữa. Tôi nói điều này quý vị đều nhìn thấy, quý vị không giết nó, nó sẽ tự nhiên không còn, thu hoạch được mùa.

Tề cư sĩ rất vui mừng gọi điện thoại cho tôi. Những người nông dân lân cận thấy thế đều cảm thấy rất kinh ngạc. Đây là gì? Cảm ứng! Những con sâu này đã bị quý vị làm cảm động, nên chúng tự động ra đi, vì thế hà tất phải giết chúng. Quý vị giết chúng thì oan oan tương báo, càng giết càng nhiều. Họ nghe đều gật đầu, đích thực thuốc trừ sâu đó càng dùng càng nặng, nặng đến cuối cùng như thế nào? Nặng đến cuối cùng những thực vật bị phun thuốc này, con người ăn vào sẽ bị trúng độc, đây là gì? Đây chính là những con sâu này báo thù. Vì thế không nên dùng thủ đoạn tàn bạo này để ứng phó, nhất định phải dùng tâm từ bi. Dùng phương pháp nhân ái hòa bình để xử lý việc này. Vì thế phải thay đổi quan niệm, quan niệm không thay đổi công phu tu hành nhất định không đắc lực.

Sanh xứ chuyển thục, thục xứ đã biến thành sanh. Chúng ta đối với xã hội hiện tại ô nhiễm nghiêm trọng nhất là những tin tức trên ti vi, mạng internet, báo chí, tạp chí. Chúng ta có thể không xem để giữ tâm thanh tịnh của chính mình. Họ có quyền xuất bản, tôi có quyền không xem. Không xem được chăng? Sống trong xã hội này tôi đã 50 năm không xem, chẳng phải cũng sống rất tốt đây sao? Không có bất cứ tổn thất nào, sống cũng rất bình thường, sống một cách an lạc. Hằng ngày xem những thứ này, họ sống không được thoải mái. Họ sống rất buồn phiền, tôi sống rất an vui. Quý vị hỏi tôi, tôi nói với quý vị mỗi ngày thiên hạ thái bình, không có chuyện gì. Bình an qua ngày không có chuyện gì cả. Quý vị tiếp xúc chuyện này chuyện nọ quá nhiều, nó quấy nhiễu quý vị. Tôi không tiếp xúc sẽ không bị phiền nhiễu.

Trong xã hội này gọi là hoàn cảnh tri thức bộc phát, suốt đời tôi còn có thể sống cuộc đời thanh tịnh, đây là thầy giáo dạy, Chư Phật Bồ Tát dạy, chúng ta y giáo phụng hành. Chúng ta dùng phương pháp này đem sanh xứ chuyển thục, đem thục xứ chuyển sanh. Một chuyển biến lớn như vậy người tài năng mỏng một chút, người trì độn một chút, cũng chính là nói người ngu si một chút nên như thế nào? Vạn duyên buông bỏ, nhất tâm niệm Phật. Tuy trì độn, tuy ngu si biết đâu niệm Phật vài năm thành tựu còn cao hơn những người thông minh lanh lợi. Trường hợp này rất nhiều! Họ niệm năm ba năm niệm đến nhất tâm, nhưng người thông minh niệm suốt một đời tâm thanh tịnh cũng không thể hiện tiền. Người ngu si, người không có trí huệ, người không biết chữ theo như trong kinh này nói, họ rất có thể là thượng thượng phẩm vãng sanh. Họ niệm đến lý nhất tâm bất loạn, điều này ở sau sẽ nói đến.

Thông minh trí huệ, quảng học đa văn, vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc đa phần đều vãng sanh vào cõi phàm thánh đồng cư, không thể so sánh với những người đạt nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn sanh vào cõi thật báo, sự nhất tâm bất loạn sanh vào cõi phương tiện. Ở đây Hoàng Niệm Tổ đưa ra cho chúng ta mấy câu: *“Đa môn kiêm tu tổng bất như nhất môn thâm nhập. Nhất hướng chuyên niệm, thành tựu không thể nghĩ bàn. Sanh xứ chuyển thục, phương hữu khả năng, ư lâm chung khổ bách chi tế”.* Lâm chung là gì? Nghiệp báo hiện tiền, thậm chí tướng địa ngục hiện tiền. Ngay lúc này quý vị có thể niệm được câu Phật hiệu, cảm ứng là Đức Phật đến tiếp dẫn mà được vãng sanh.

Trong Vãng Sanh Truyện thời nhà đường có trường hợp giết trâu. Ông ta là Trương Thiện Hòa. Trương Thiện Hòa suốt đời giết trâu, khi sắp lâm mạng chung nhìn thấy người đầu trâu đến đòi mạng. Nhân duyên của ông ta rất tốt, ông ta lớn tiếng cầu cứu, vừa đúng lúc có một người xuất gia đi ngang qua nhà ông ta, nghe ông ta lớn tiếng kêu cứu nên đi vào xem có chuyện gì? Rất nhiều người đầu trâu đến hỏi tôi đòi mạng. Người xuất gia này liền dạy ông ta nên mau mau lớn tiếng niệm Phật A Di Đà. Ông ta nghe như vậy lập tức lớn tiếng niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật. Niệm mấy câu như vậy thì không còn thấy người đầu trâu nữa, thấy Phật A Di Đà đã đến tiếp dẫn. Đây là nhất tâm, vì sao vậy? Vì ông ta không có ý niệm nào khác, ép ông ta chẳng thể không nhất tâm, cho nên tâm của ông là tâm gì? Là nhất tâm bất loạn, công đức niệm Phật đó thật không thể nghĩ bàn.

Ông ta vãng sanh là phẩm vị gì? Nếu là lý nhất tâm bất loạn, ông sanh vào cõi thật báo. Sự nhất tâm bất loạn ông ta đến cõi phương tiện, ông ta không phải trong cõi phàm thánh đồng cư, hay quá! Ông ta bị ép nhất tâm bất loạn. Trong giờ phút cấp bách ông không có ý niệm gì ngoài câu niệm Phật, đây là nhất tâm. Cho nên người tu hành chân chánh, đối với bất cứ ai cũng không giám khinh thị, quý vị không nên xem thường họ, biết đâu khi lâm chung phẩm vị của họ cao hơn ta, ta không bằng họ. Câu này rất có lý, đau khổ bức bách khi lâm chung, cảnh giới địa ngục hiện tiền khiến quý vị sợ hãi, niệm lên một câu Phật hiệu, đó thật sự là thanh tịnh bình đẳng giác, dùng tâm đó niệm câu Phật hiệu này. Điều này phù hợp nguyện thứ 18 của Phật A Di Đà, lâm chung một niệm đến mười niệm nhất định được vãng sanh.

Địa vị sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc\_Thiện Đạo đại sư nói rất hay, tam bối cửu phẩm ở chỗ gặp duyên bất đồng. Như Trương Thiện Hòa gặp được nhân duyên quá thù thắng! Nhân duyên như ông ta không phải ai cũng có thể gặp được. Suốt đời tạo nghiệp cực ác biết đâu việc kích thích lại càng lớn. Lúc lâm chung tướng địa ngục hiện tiền, quý vị cảm thấy vô cùng sợ hãi. So với các thiện duyên bình thường khác càng dễ khởi phát chánh niệm của quý vị. Khi ở trong một niệm này không có vọng tưởng nào, cũng không có xen tạp nào, đây chính là nhất tâm bất loạn và được vãng sanh.

*“Cảm Phật tiếp dẫn, nhi đắc vãng sanh dã. Thị cố Thiện Đạo đại sư thị viết, đại thánh bi lân, trực khuyên chuyên xưng danh tự giả”.*

“Đại thánh” là đức Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà. Các ngài lân mẫn chúng sanh, chúng sanh mê hoặc điên đảo, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Họ thấy rõ ràng nếu đọa vào ác đạo thì phiền phức rất lớn. Muốn ra khỏi ác đạo thật không dễ chút nào. Tội nghiệp quý vị chưa tiêu trừ thì không thể rời xa ác đạo, tội nghiệp không phải tạo trong một đời, tất cả ác nghiệp trong đời đời kiếp kiếp cần phải trả hết trong đường ác mới có thể ra khỏi được. Khi ra khỏi tập khí ác còn rất nặng, quý vị lại đầu thai làm người, tập khí tham sân si mạn của quý vị rất nặng, vì thế nếu không gặp được thiện hữu, từ nhỏ dạy dỗ quý vị thật tốt, nếu không rất dễ bị nhiễm ô. Sau khi nhiễm ô, trong đời này quý vị tiếp tục đang tạo ác nghiệp.

Nói cách khác thọ mạng của quý vị hết lại đọa vào trong ác đạo. Đời đời kiếp kiếp vô lượng kiếp cũng không ra khỏi luân hồi lục đạo. Cho nên chư Phật Bồ Tát từ bi dạy người chuyên niệm Phật A Di Đà, đây chính là danh từ khuyến chuyển.

*“Chánh do xưng danh dị cố”,* pháp môn này dễ *“tương tục tức sanh”,* danh hiệu Phật câu này tiếp câu kia. Nhất định phải nhớ nguyên tắc mà Bồ Tát Đại Thế Chí nói với chúng ta. Bồ Tát Đại Thế Chí tu pháp môn niệm Phật thành tựu, kinh nghiệm niệm Phật của ngài rất phong phú. Phương pháp ngài dạy chúng ta là: “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Đô nhiếp lục căn nghĩa là gì? Vạn duyên buông bỏ, thế xuất thế gian pháp đều không để trong lòng, tâm thanh tịnh của quý vị đã hiện tiền.

Chỉ có một câu Phật hiệu, không những tương lai được vãng sanh mà phẩm vị vãng sanh của quý vị thật không thể nghĩ bàn. Quý vị phải thật sự tin tưởng và thật sự y giáo phụng hành! Còn việc giúp chúng sanh là tùy duyên. Tự mình chưa thành tựu, chưa thành Phật, khi hành Bồ Tát đạo chỉ nên tùy duyên. Không phải nói quý vị đừng làm, tuyệt đối không được phan duyên, tuyệt đối không được tìm duyên. Có duyên thì làm, không có duyên thì thôi. Có duyên làm rồi thì quên nó đi, không để ý đến hậu quả, kết quả sau đó như thế nào không nên để ý đến, đó chính là công đức. Đem tất cả những công đức này hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, đây đều là phù hợp với nhất hướng chuyên niệm. Nếu nghĩ tôi đã làm nhất định phải đạt đến kết quả như thế nào. Như vậy tâm quý vị sẽ không thanh tịnh, tâm quý vị sẽ có tạp niệm. Có kết quả tốt quý vị liền sanh tâm hoan hỷ. Không có kết quả tốt quý vị liền nhăn mày nhíu mặt. Quý vị hoàn toàn bị cảnh giới bên ngoài xuay chuyển, như vậy là sai lầm. Sau khi làm xong việc tốt, tâm địa là một mảnh thanh tịnh, như vậy là hoàn toàn đúng, không bị bên ngoài quấy nhiễu. Đối với lục đạo này nhất định không có chút lưu luyến nào. Đây là chính xác, là hoàn toàn đúng. Đây chính là Hiền Thủ đại sư dạy chúng ta trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán: “tùy duyên diệu dụng”. Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta là hằng thuận chúng sanh là tùy duyên, tùy hỷ công đức là diệu dụng điều này chúng ta cần phải biết. Sau khi học được rồi cuộc sống của quý vị sẽ hạnh phúc sẽ mỹ mãn. Vì sao vậy? Vì ngày ngày an vui, pháp hỷ sung mãn.

Khổng Tử nói: học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”. Mỗi ngày sống trong hỷ duyệt, đây là hạnh phúc. Xưng danh dễ nhất định phải tương tục.

*“Nhược năng niệm niệm tương tục, tất mạng vi kỳ giả”,* tất mạng chính là một đời. Suốt đời ta đều là niệm niệm tương tục. Bên dưới nói mười người là mười người vãng sanh, một trăm người thì một trăm người thành Phật không sót một ai, vạn người tu vạn người đi. “*Hà dĩ cố? Vô tạp duyên đắc chánh niệm cố”,* nên nhớ tạp duyên này, thứ này không phải là điều tốt. Không tạp duyên được chánh niệm. *“Dữ Phật bổn nguyện tương ưng cố”,* phải rời xa tạp duyên. Trong thế gian này, xã hội này, thiệt thòi cũng nên hoan hỷ, không nên tính toán, mắc lừa cũng hoan hỷ đừng so đo, vì sao vậy? Vì nó là giả. Thiệt thòi hay bị mắc lừa thì thường nên nghĩ rằng: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”.

Đức Phật nói càng cứu cánh hơn: “tất cả pháp đương xứ xuất sanh tùy xứ diệt tận”, nên trong Kinh Bát Nhã nói: “Nhất thiết pháp, tất cánh không, bất khả đắc”. Thiện nhân thiện quả bất khả đắc, ác nhân ác báo cũng bất khả đắc. Như vậy tâm quý vị đã thanh tịnh, không để những thứ này trong lòng, không còn tính toán so đo. Cũng chính là nhất định không chấp trước, nhất định không phân biệt. Tâm vĩnh viễn trú trong thanh tịnh bình đẳng giác, người này có thể không vãng sanh sao? Tâm tịnh tức Phật độ tịnh. Họ tương ưng viên mãn với thế giới Cực Lạc, với Phật A Di Đà, tương ưng với bổn nguyện của Phật.

*“Bất vi giáo cố”,* niệm Phật không cần niệm nhiều, nhớ mấy câu là suốt đời thọ dụng vô cùng. *“Thuận Phật ngữ cố”,* tùy thuận giáo huấn của Phật. *“Nhược xả chuyên niệm tu tạp niệm giả”,* có không ít người tự cho rằng rất giỏi giang, rất thông minh, là bậc lợi căn, bậc thượng căn. Họ từ bỏ chuyên niệm, để tu tạp niệm, họ học rất nhiều. Hạng người này hiện nay gọi là nhà Phật học, quảng học đã văn. Họ vãng sanh như thế nào? *“Bách trung hy đắc nhất nhị”,* hy là hy hữu, trong một trăm người khó có được một hai người vãng sanh. *“Thiên Trung hy đắc tam tứ”,* Lý Bính Nam thường nói\_Liên Xã Đài Trung là do ông sáng lập\_Ông không phải nói ai khác mà nói các người tu theo Liên Xã Đài Trung.

Năm tôi theo Thầy khi Liên Xã Đài Trung tròn mười năm. Tôi nhớ năm đó tôi 32 tuổi\_31 hay l 32 gì đó\_Thầy Lý thành lập Liên Xã Đài Trung này đã mười năm. Có bao nhiêu người tu học theo Liên Xã? 20 vạn người, trong Liên Xã đều có danh sách. Tôi theo Thầy Lý mười năm, khi tôi rời Liên Xã Đài Trung thì số người của Liên xã\_đây là thêm mười năm nữa, tổng cộng là 20 năm\_danh sách số người trong đó đã lên đến 50 vạn. Tôi nói vui với Thầy\_Tôi nói thầy ơi! Nếu thầy muốn làm Thị Trưởng Đài Trung chỉ cần nói một tiếng mọi người mỗi vị đồng tu bỏ cho thầy một phiếu, thầy nhất định trúng tuyển. Thầy sẽ không làm những việc này đâu. Thầy nói như thế nào? Các bạn niệm Phật của chúng ta, trong một vạn người có thể vãng sanh chỉ có ba năm người, không đáng gì. Nguyên nhân là gì vậy? Đối với thế duyên không buông bỏ được. Ở đây nói tạp duyên không buông bỏ được, nên chánh niệm cũng không khởi dậy. Nói cách khác khởi tâm động niệm vẫn là tự tư tự lợi, vẫn không rời được danh văn lợi dưỡng, vì thế khi lâm mạng chung chính là một thách thức, người thật sự có thể vãng sanh thật không nhiều.

Đây chính là ngoài tạp tu và chuyên tu ra, còn một nhân tố quan trọng, đó là đối với chân tướng của hai thế giới chưa hiểu biết rõ ràng. Chân tướng sự thật là Ta Bà rất đau khổ, Cực Lạc rất an vui, nhận thức không rõ ràng. Tham luyến thế giới Ta Bà này là sai. Một chút lợi ích nhỏ nhặt này quý vị cũng bị mê hoặc, như vậy lợi ích lớn thì không cần phải nói.

Người xưa thường nói danh cao lợi dày. Danh cao là quan lớn, bộ trưởng, tổng thống, quý vị có động tâm chăng? Lợi nhiều như trăm ức, ngàn ức quý vị có động tâm chăng? Động tâm là xong rồi. Chỉ có thật sự thấu triệt chân tướng sự thật, trong kinh đức Phật dạy chân tướng các pháp thật sự thông đạt, quý vị mới thật sự buông bỏ được.

Đức Thế Tôn thuyết pháp 49 năm thật không uổng phí, 49 năm rất cực khổ. Giảng kinh thuyết pháp mục đích là gì? Tất cả là giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín, đây là cửa ải đầu tiên. Đối với giáo huấn của Phật thật sự có lòng tin thì nghi vấn sẽ được giải quyết hoàn toàn. Nếu quý vị không nghe, không học, thì lòng tin của quý vị, lòng tin kiên định không kiến lập được, rất dễ bị mê hoặc. Khổ vì thọ mạng nhân gian ngắn, việc khổ quá nhiều, cho nên nói việc không như ý thường đến tám chín phần. Hiện nay không phải tám chín phần, hiện nay là chín mười phần, làm gì có như ý!

Nâng cao cảnh giới lên được một bậc. Người Trung Quốc nói Ngọc Hoàng Đại Đế, trong Phật pháp gọi là Đao Lợi Thiên Chủ phước báo lớn. Cao hơn một bậc nữa là Đại Phạm Thiên Vương, thiên chủ của sơ thiền. Tiếp tục hướng lên cảnh giới cao nhất Thiên chủ Tứ Thiền Ma Hê Thủ La Thiên Vương, phước báo rất lớn. Phạm vi thống trị là thế giới Ta Bà, đây là một đại thiên thế giới. Địa vị này cho quý vị, quý vị có nhận chăng? Quý vị có cần chăng? Người tu hành chân chánh không cần! Họ cần gì? Họ muốn đến thế giới Cực Lạc. Nói cách khác vãng sanh thế giới tây phương cực Lạc phẩm vị họ thấp nhất, tệ nhất cũng là hạ hạ phẩm vãng sanh. Trí huệ, phước báo của họ vượt qua Ma Hê Thủ La Thiên Vương. Phải hiểu rõ ràng minh bạch ta mới không cần nó, ta cần nó là bị mắc lừa lớn đấy. Ta đến thế giới Cực Lạc, trí huệ phước báo, thần thông đạo lực, Ma Hê Thủ La thiên chủ làm sao có thể sánh được? Phước báo của họ dù lớn đến đâu khi mạng chung cũng không ra khỏi luân hồi lục đạo. Không ra khỏi luân hồi lục đạo, như ngạn ngữ nói trèo cao té nặng. Thọ mạng của Tứ Thiền Thiên- Tứ không Thiên đã hết, tuyệt đại đai số đều là ba đường ác, trong ba đường ác đọa vào địa ngục, đây chính là té nặng. Cho nên hiểu rõ được chân tướng sự thật, đối với thế duyên thật sự buông bỏ. Thật buông bỏ tâm quý vị sẽ thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì sanh trí huệ.

Thế gian muôn hình muôn vẻ, nghiệp nhân quả báo, quý vị đều thấy một cách rõ ràng, quý vị thấy một cách thấu suốt, vì sao thấu suôt? Tâm thanh tịnh chiếu kiến, không cần học nó. Chiếu kiến tất cả chúng sanh tạo nghiệp. Họ tạo rồi nhất định phải thọ báo. Hiện tại không thọ báo, tương lai thọ báo càng nặng. Chẳng phải chư Phật Bồ Tát không từ bi, vì sao mở to mắt nhìn họ thọ báo? Vì họ tạo nghiệp thì nhất định phải bị xử phạt. Chỉ đến khi gặp cơ duyên dạy họ, khuyên họ, đây là điều Phật Bồ Tát có thể làm. Quý vị đang chịu khổ chịu nạn, có ý niệm hối hận, quý vị vừa động tâm, chư Phật Bồ Tát liền biết ngay. Chỉ cần có thể ăn năn, Chư Phật Bồ Tát sẽ giúp chúng ta. Quý vị hoàn toàn không có ý niệm sám hối, Chư Phật Bồ Tát sẽ không đến, vì sao vậy? Vì đến cũng vô dụng, không giúp được gì. Những chân tướng sự thật này đều phải biết, trong kinh điển nói về vấn đề này rất nhiều. Chúng ta xem tiếp đoạn sau.

*“Tổng chi trì danh niệm Phật, thị chư Phật bổn hoài, cứu cánh phương tiện, kinh trung chi kinh. Thử thành vi vạn cổ bất di chi luận”.*

Mấy câu này vô cùng quan trọng, không phải người thật sự thâm nhập kinh tạng, thì không dễ tin tưởng, thật sự gọi là pháp khó tin. Bổn hoài của Chư Phật là gì? Ở trước chúng ta đọc được câu: “nhất thiết giai thành Phật”, đây là bổn hoài của chư Phật. Chư Phật hy vọng tất cả chúng sanh mau mau thành Phật, hy vọng mọi người lập tức thành Phật, đây là bổn hoài Chư Phật.

Phật A Di Đà thật sự đã làm được. Dùng biện pháp dễ nhất, đơn giản nhất, phương tiện nhất, trực tiếp nhất, ổn định nhất, nhanh nhất và còn thành tựu cao nhất là trì danh niệm Phật. Thực tế mà nói biện pháp này rất vi diệu, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn đều không có.

Quý vị xem pháp môn tốt như vậy, khiến quý vị viên mãn thành Phật trong một đời. Bây giờ chúng ta dùng phương pháp này đến thế giới Cực Lạc. Đến thế giới Cực Lạc không bỏ pháp môn này, vẫn là pháp môn này thành Phật, vì sao vậy? Vì nó nhanh! Đến thế giới Cực Lạc lại học thêm thiên kinh vạn luận, như vậy không biết đi bao nhiêu đường vòng. Thiên kinh vạn luận có cần học chăng? Không cần học. Vì sao vậy? Vì kiến tánh sẽ biết hết tất cả. Mọi người đều biết ngài Huệ Năng không biết chữ, chưa từng học. Thiên kinh vạn luận ngài có hiểu chăng? Không có gì không hiểu, toàn bộ đều thông suốt. Chỉ cần kiến tánh là thông tất cả, thế xuất thế gian pháp đều từ trong tự tánh hiển lộ ra. Quý vị kiến tánh đã tìm ra căn nguyên, quý vị không có điều gì không biết.

Trí huệ\_trí huệ vô lượng, đức năng vô lượng tự tánh vốn tự đầy đủ. Ngài Huệ Năng kiến tánh, báo cáo của ngài nói với Ngũ Tổ rằng: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, không thiếu điều gì cả. Đức Phật nói câu này càng rõ ràng minh bạch hơn. Vốn tự đầy đủ, đầy đủ những thứ gì? Trong Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ, Phật nói: “tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai”, điều này rõ ràng hơn nhiều, đó chính là vốn tự đầy đủ. Trí huệ đầy đủ, trí huệ viên mãn, đức tướng cứu cánh. Đức là năng lực, đức năng, tướng là tướng hảo, người thế gian chúng ta gọi là phước báo. Tướng hảo là phước báo, vạn đức vạn năng. Đức chính là năng lực, vô sở bất năng. Trí huệ là vô sở bất tri, kiến tánh là đạt được tất cả.

Đây chính là nói không cần thiết làm những điều phức tạp dài dòng, thành tựu rất nhanh nhẹn dứt khoát. Nói đến sau cùng chính là câu A Di Đà Phật này, mấy người nhận thức được danh hiệu này? Mấy người hiểu được danh hiện này? Mấy người thật sự biết niệm danh hiệu này? Quá ít! Người nào thật sự niệm, thế xuất thế gian tất cả pháp đều buông bỏ hết. Nhất tâm chân niệm, người này thành Phật. Đây chính là Thiện Đạo đại sư nói vạn người tu vạn người đi, quý vị phải thật sự hành trì. Muốn hiểu được danh hiệu Phật này thật không đơn giản, nhất định không thể coi thường nó. Quý vị phải tôn trọng nó, phải coi trọng nó, nhất định không thể xa rời nó. Rời nó quý vị chắc chắn sẽ lặn ngụp trong luân hồi lục đạo, ở trong luân hồi, quý vị nhất định đọa địa ngục, không thể không biết. Cho nên nó là cứu cánh phương tiện, phương tiện trong phương tiện, kinh trong các kinh. Kinh là đường gần, là con đường thành Phật gần nhất. Đường nhanh trong con đường nhanh, không có con đường nào trực tiếp, ổn định, nhanh hơn con đường này, không tìm thấy.

*“Thử thành vi vạn cổ bất di chi luận”* ,câu này là lời rất thật. Bên dưới đưa ra ví dụ để chứng minh cho chúng ta: *“nhân nhân lâm chung, vạn khổ giao bách. Trừ trì danh hiệu, dư hành nan khởi”,* đây là đưa ra ví dụ để chứng minh. Vì người trong khi lâm chung, khổ khi lâm chung không thể hình dung được. Trong kinh dùng một ví dụ: rùa sống bị lột mai, để quý vị suy nghĩ ý nghĩa này. Rùa đang sống mà lột mai của nó. Nếu con rùa sống này là chính mình, bị người ta lột mai xem sự thống khổ này sẽ như thế nào? Phật nói người khi sắp lâm chung, thần thức rời xa thân thể, sự đau khổ này giống như rùa sống bị lột mai vậy, đau khổ mà họ chịu không thể nói hết được, chúng ta ở bên cạnh nhìn thấy nhưng hoàn toàn không biết gì.

Trong kinh điển Đức Phật nói, con người khi lâm mạng chung trong vòng tám tiếng đồng hồ không nên đụng vào họ. Chẳng những không nên đụng vào thân thể họ, đến dường họ ngủ cũng không nên động đến, để họ ra đi được yên tĩnh. Vì sao vậy? Vì đụng chạm vào dường của họ, họ cũng cảm thấy rất đau khổ. Chúng ta không biết! Trong tình hình này tất cả pháp môn đều không đủ năng lực, chỉ có niệm Phật A Di Đà. Niệm Phật A Di Đà mặc dù họ không tin, không niệm theo, cũng không muốn vãng sanh, nhưng có thể làm giảm nhẹ thống khổ cho họ. Phật hiệu này có sức mạnh lớn lao như vậy, nên ưu điểm trợ niệm lúc lâm chung rất lớn.

Họ không học Phật, họ không biết vãng sanh, nhưng làm họ bớt đau khổ. Giảm nhẹ đau khổ của họ chính là giúp đầu ốc họ tĩnh táo, họ sẽ không đọa địa ngục. Sao đọa địa ngục? Mơ mơ hồ hồ nên đọa địa ngục, đầu ốc không tỉnh táo sẽ đi vào địa ngục. Vì thế khi lâm chung gặp người trợ niệm cho họ, thông thường nói linh tánh cao một chút họ không đọa vào ba đường ác. Người nghiệp chướng sâu nặng họ sẽ không đọa địa ngục, nên giúp đỡ này lợi ích rất lớn lao!

*“Như Quán Kinh vân”,* đây là dẫn chứng ví dụ trong kinh điển. *“Ngũ nghịch thập ác chi nhân ưng đọa ác đạo, lâm mạng chung thời ngộ thiện tri thức giáo linh niệm Phật. Bỉ nhân khổ bức bất hoàng niệm Phật, thiện hữu cáo ngôn. Nhữ nhược bất năng niệm bỉ Phật giả”.* Niệm này là chỉ quán tưởng, khi lâm mạng chung không có cách nào tưởng nhớ Phật. *“Ưng xưng Vô Lượng Thọ Phật”,* “xưng” là chúng ta niệm ra tiếng, chính là niệm câu Phật hiệu này, niệm danh hiệu Phật. *“Như thị chí tâm linh thanh bất tuyệt, cụ túc thập niệm xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Xưng Phật danh cố, ư niệm niệm trung, trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội. Mạng chung chi thời, kiến kim liên hoa, do như nhật luân trú kỳ nhân tiền. Như nhất niệm khoảnh, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới”.*

Đoạn văn này thật không thể nghĩ bàn. Tạo thập ác ngũ nghịch là đọa địa ngục, ngũ nghịc thập ác là đọa vô gián địa ngục, không phải địa ngục bình thường. Khi lâm mạng chung gặp được thiện hữu, thiện hữu hiểu được Phật pháp, thấu triệt được chân tướng sự thật, dạy họ niệm Phật. Niệm Phật có bốn loại. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói thật tướng niệm Phật, đương nhiên họ không làm được. Quán tưởng niệm Phật phổ biến nhất. Trong Thập Lục Quán Kinh, 14 loại là quán tưởng niệm Phật, một loại quán tượng niệm Phật, nghĩa là nhìn tượng Phật\_quán tượng niệm Phật. Còn một loại nữa là trì danh niệm Phật. Vì thế tổng cộng 16 loại, gọi là thập lục quán. Trì danh niệm Phật xếp ở cuối cùng, thứ mười sáu. Càng ở sau cùng chính là càng quan trọng. Giống như biểu diễn trên vũ đài vậy, tiết mục sau cùng thường là tiết mục trọng điểm, hay nhất để ở sau cùng. Cách dạy học của đức Thế Tôn cũng như thế, hay nhất để ở sau cùng.

Quý vị xem trong Kinh Lăng Nghiêm, chương hai mươi lăm viên thông*,* Quan Thế Âm Bồ Tát nhĩ căn xếp ở sau cùng. Nếu chiếu theo thứ tự sắp xếp, thì phải sắp ở vị trí thứ hai, thứ nhất là nhãn căn, thứ hai là nhĩ căn, lục căn. Lục căn, lục trần, lục thức, chiếu theo thứ tự này. Quan Âm Bồ Tát không theo thứ tự này, mà lại để ngài ở sau cùng - thứ 25. Đại Thế Chí xếp ở thứ 24. Đúng lẽ Đại Thế Chí nên xếp vào thứ 23, nhưng ngài được xếp ở thứ 24, đây đều là pháp môn đặc biệt. Người thường tâm ý thô thiển, vì Quan Âm Bồ Tát rất rõ ràng, từ thứ hai lại sắp đến cuối cùng, vừa nhìn thấy lập tức hiểu được. Đại Thế Chí là 23 và 24 hai bên đổi lại thì đã sơ suất.

Cho rằng chương hai mươi lăm viên thông,Quan Thế Âm Bồ Tát là số một, không ai nhắc đến Đại Thế Chí, tôi cũng không để ý. Tôi học Kinh Lăng Nghiêm với thầy Lý. cũng đã giảng Lăng Nghiêm sáu bảy lần, nhưng không để ý! Rất lơ là. Làm sao phát hiện được? Bị một hòa thượng người Nhật hỏi tôi, tôi liền phát hiện. Hòa thượng người Nhật này cũng là một giáo thọ, giáo thọ trường đại học Đài Loan. Có mấy bạn học, mấy bạn học Phật, sinh viên của đại học Đài Loan. Họ dẫn thầy mình\_ở Nhật Bản cũng là người xuất gia học Phật\_đến chùa Lâm Tế thăm tôi. Họ hỏi tôi học gì? Khi đó tôi đang học Lăng Nghiêm, chưa học xong. Ông hỏi tôi tu pháp môn gì? Tôi nói tôi tu Tịnh độ, niệm Phật A Di Đà. Ông ta cũng rất ngạo mạn, tư cách thái độ rất cao, hình như có chút mùi vị chế nhiễu. Ông nói pháp sư học Lăng Nghiêm sao lại tu Tịnh độ? Kinh Lăng Nghiêm và Tịnh độ có sự liên quan gì? Ông ta hỏi tôi câu này. Vừa hỏi câu này tôi lập tức liền giác ngộ được. Thông thường người ta cho rằng Kinh Lăng Nghiêm có liên quan với Mật Tông. Trong đó có năm đệ thần chú Lăng Nghiêm*.* Có quan hệ với Thiền, cho nên tu thiền, tu mật chẳng ai không đọc Kinh Lăng Nghiêm. Vì thế ông ta rất hiếu kỳ, nó có quan hệ như thế nào với Tịnh độ?

Lúc đó tôi nghĩ đến Quan Âm, Thế Chí liền phát hiện, Bồ Tát Đại Thế Chí cũng là pháp môn đặc biệt. Không sắp xếp theo thứ tự, trong 25 vị là hai không phải một. Vì thế tôi vừa nghĩ đến điều này liền thẳng thắn nói với ông ta. Tôi nói: Tôi hỏi ông Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí có quan hệ như thế nào với Tịnh độ? Tôi hỏi đã thật sự làm khó ông ta. Đây là hai cánh tay của Phật A Di Đà. Tôi nói trong hội Lăng Nghiêm hai vị này là biểu pháp, tượng trương cho pháp môn đặc biệt, không sắp xếp theo thứ tự. Tôi nói như thế, ông ta cũng giác ngộ được, cũng không còn gì để nói.

Nói cách khác Kinh Lăng Nghiêm có sự liên quan mật thiết với Tịnh độ. Mọi người chỉ biết “Quán Thế Âm Bồ Tát nhĩ căn viên thông”, phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo, đây là thiền, người tham thiền. “Đại Thế Chí Bồ Tát niệm Phật viên thông chương”cũng là pháp môn đặc biệt, cũng không sắp xếp theo thứ tự. Tôi cũng ngày hôm đó ông ta hỏi mới phát hiện được, đã nhắc nhở tôi. Đích thực rất nhiều người đã sơ suất điều này vì nó không rõ ràng lắm.

Quý vị xem thứ 23 là Di Lặc Bồ Tát. 23 vốn là Đại Thế Chí Bồ Tát, 24 là Di Lặc Bồ Tát. Hai vị này thay đổi một chút thành Di Lặc Bồ Tát 23, Đại Thế Chí Bồ Tát 24. Hai vị này thay đổi vị trí, thông thường người ta rất mơ hồ không thấy rõ được. Quan Âm Bồ Tát từ trên rớt xuống dưới, khoảng này rất lớn nên mọi người vừa nhìn đã biết nên “nhĩ căn viên thông chương” là tu học trong Thiền tông. Chỉ biết nó với Thiền và Mật có sự liên quan, chứ không biết nó có liên quan với Tịnh độ.

Vì sao không để Bồ Tát Đại Thế Chí sau cùng? Pháp môn này của Đại Thế Chí là phổ độ lục đạo chúng sanh, trong tất cả quốc độ Chư Phật khắp biến pháp giới hư không giới\_phổ độ. Nhĩ căn của Bồ Tát Quán Thế Âm khế nhập căn cơ chúng sanh trên địa cầu, sự việc chính là như vậy. Pháp môn niệm Phật bao gồm cả pháp môn của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Điều này nếu không phải có người hỏi tôi, tôi cũng không nghĩ đến. Kinh Lăng Nghiêm giảng rất nhiều lần nhưng không phát hiện ra, lần hỏi này đã hỏi ra được vấn đề. Thầy dạy học trong lớp thời gian cũng dài, học sinh thường đưa ra vấn đề khiến trí huệ của thầy được khai mở. Khi không ai hỏi thì qua đi một cách mơ hồ, vừa hỏi liền phát hiện. Phát hiện này đối với kinh điển phải thuần thục, kinh điển không thuần thục thì không phát hiện được.

Tôi học kinh Lăng Nghiêm với thầy Lý, thầy giảng một lần, tôi giảng lại một lần nên ấn tượng rất sâu sắc. Thầy giảng bộ kinh này một tuần vào tối thứ tư tại thư viện Từ Quang, tôi là buổi tối thứ năm. Chúng tôi có bảy người cùng học giảng kinh. Tôi giảng lại bộ kinh này, cũng là giảng bộ kinh này từ đầu đến cuối. Đây cũng là các bạn đồng học giúp tôi, thành tựu tôi. Chúng tôi bảy người kể cả Chu Gia Lân, Từ Tỉnh Thị, chúng tôi cùng học với nhau.

Đây là nói công đức niệm Phật thật không thể nghĩ bàn. Trong này quan trọng nhất là “như thị chí tâm” câu này thật hiếm có! Chí tâm là chân thành đến cực điểm. Chí tâm này trong Quán Kinh nói là tâm chí thành, là thể của tâm bồ đề. Thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm đều là dụng của tâm bồ đề. Có thể có dụng, thâm tâm là tự thọ dụng, hồi hướng phát nguyện tâm là tha thọ dụng. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận nói là trực tâm. Chí thành tâm chính là trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm. Hồi hướng phát nguyện chính là đại bi tâm. Thâm tâm thì các bậc cổ đức nói không rõ ràng lắm. Hiếu thiện, hiếu đức đây là các bậc cổ nhân thường nói. Sau này tôi giảng về thâm tâm, tôi giảng rất cụ thể, đem năm chữ trên đề Kinh Vô Lượng Thọ giải thích thành thâm tâm. Chính là thanh tịnh bình đẳng giác, đây là tự thọ dụng. Bất luận chúng ta học pháp môn gì, niệm Phật cũng không ngoại lệ. Tự thọ dụng là thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, giác mà không mê.

Chúng ta học Phật có thọ dụng hay không chính là ở nơi năm chữ này. Nếu chúng ta học Phật tâm không thanh tịnh, học như vậy thì uổng phí, học cả đời cũng vô dụng. Không đạt được tâm thanh tịnh, chứng tỏ quý vị không buông bỏ được những thứ lung tung. Buông bỏ tâm liền thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh trí huệ không sanh phiền não. Trong xã hội phức tạp này vẫn sanh trí huệ không sinh phiền não. Người khác hủy báng, sĩ nhục, hãm hại quý vị vẫn sanh trí huệ không sinh phiền não, vì sao vậy? Vì không có oán hận, không có báo thù. Chẳng những không có oán hận, không có báo thù, nếu công lực quý vị sâu, quý vị còn cảm ơn họ. Vì sao cảm tạ họ? Vì họ tiêu nghiệp chướng giúp quí vị, làm sao không cảm kích được? Họ đến kiểm tra chúng ta, kiểm tra chúng ta liền đủ tư cách. Ta không sanh sân nhuế, không có báo thù, hoan hỷ, tự mình đã nâng cao cảnh giới. Họ không khảo nghiệm, ta không biết mình đến trình độ nào. Khảo nghiệm mới hiểu được mình đến được giai đoạn nào, đã biết.

Cho nên bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh. Trong nghịch cảnh không có oán hận, trong thuận cảnh không có tham luyến, thanh tịnh bình đẳng giác của quý vị đã hiện tiền. Đây là bồ đề tâm chân thọ dụng\_tự thọ dụng, đối với người khác một lòng từ bi. Đối với người tạo ngũ nghịch thập ác vẫn hoan hỷ giúp đỡ họ, tuyệt đối không từ bỏ họ. Trong mắt mình họ là một vị Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói tất cả chúng sanh vốn là thành Phật. Người tạo thập ác ngũ nghịch họ là Phật, vì sao làm việc xấu? Vì nhất thời hồ đồ. Điều này nên tha thứ cho họ, không nên để trong lòng, nhất niệm hồ đồ nên làm việc xấu. Họ sẽ tỉnh lại, họ sẽ giác ngộ, nên nhất định phải xem tất cả mọi người, đến chúng sanh trong ác đạo như ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh đều phải xem họ như Phật, như vậy là đúng. Chúng ta đối với tất cả chúng sanh đã sanh tâm cung kính, đã khởi tâm từ bi. Thấy con kiến, con kiến Bồ Tát. Chúng ta dùng tâm này để câu thông, con kiến rất hoan hỷ. Xưa nay chưa ai gọi nó là Bồ Tát, chúng ta gọi chúng là Bồ Tát. Xưa nay chưa ai tôn trọng chúng, chúng ta tôn trong chúng. Chúng ta tôn trọng chúng, chúng có thể không tôn trọng chúng ta sao?

Tôi có một ví dụ, tôi ở Đồ Văn Ba - Úc Châu, không đủ phòng dùng, nên xây dựng một ký túc xá ở phía sau, có bốn phòng, khi có các bạn đồng tu đến có thể tiếp đãi. Khi phòng vừa xây xong tôi dọn vào ở, sáng sớm ngày thứ hai dậy vào nhà vệ sinh. Trong nhà vệ sinh toàn bộ là kiến, không thể bước chân vào. Điều này rất phiền phức, nhà mới vậy chúng đến từ đâu? Nghĩ không ra, nên tôi chắp tay thưa với kiến Bồ Tát, tôi nói sáng sớm thức dậy tôi muốn rửa mặt, cần dùng nhà vệ sinh, quý vị vào từ đường nào thì hãy ra từ đường đó. Tôi cho quý vị nửa tiếng đồng hồ, tôi ra bên ngoài niệm Phật, nửa tiếng sau tôi trở lại dùng nhà vệ sinh. Tôi liền ra ngoài niệm Phật. Sau nửa tiếng trở lại không còn con kiến nào cả. Là chúng tôi tôn trọng nó, thật sự không biết từ đâu đến. Tìm không thấy nó từ đâu đến, đi ra từ đâu, hoàn toàn không có.

Nên chúng tôi trồng rau có mười mấy năm kinh nghiệm. Đối với những côn trùng này chúng tôi đều gọi chúng là Bồ Tát. Chúng tôi sống với nhau rất hòa bình, quan tâm lẫn nhau. Chúng ta nhất định không được sát hại. Chúng cần thức ăn, trong vườn rau chúng tôi vạch ra một gốc, rau trong này chuyên dành cho chúng. Chúng tôi quan tâm rất chu đáo. Đích thực sâu bọ ăn rau đều đến mảnh rau đó. Quý vị thấy trên lá cây đều là từng chấm từng chấm vậy. Không vạch riêng cho chúng, chúng không động đến. Rau bên đó lên rất tốt, tuyệt đối không bị sâu ăn. Chúng tôi trồng hơn 30 loại cây rau quả, hiện nay đều thu hoach rất nhiều. Chim ăn chúng tôi cũng chỉ định mấy gốc cây chuyên cung cấp cho chim, không chỉ định quý vị phải lưu lại cho chúng tôi. Rất hợp tác, rất uy tín.

Chúng ta giao tiếp với những động vật nhỏ này, đáng tin cậy hơn cả con người. Chúng tin tưởng chúng ta, chúng ta cũng tin tưởng chúng không hoài nghi, rất uy tín nên súc sanh dễ độ hơn con người. Hiện nay vườn rau của chúng tôi, rừng cây trái của chúng tôi đều cài đặt máy niệm Phật, để chúng đều nghe được danh hiệu Phật. Có khi cũng mở băng kinh, khiến chúng đều có thể nghe được Phật pháp, nên rau xanh lên rất tươi tốt, trái cây cũng đặc biệt ngon. Nông phu trồng rau quả lân cận đều rất hâm mộ, liền đến tham quan xem chúng tôi trồng ra sao? Chúng tôi đem phương pháp bày cho họ. Họ dùng thuốc dùng phân bón rau quả sinh trưởng không như chúng tôi, nên chúng tôi cũng dạy họ cách này để họ cùng làm. Có người làm rất thành công, thật sự bớt rất việc nhiều. Phải dùng lòng yêu thương để đối người đối sự đối vật, không thể dùng sân hận. Dùng chánh diện tuyệt đối không dùng phản diện, đến thiên địa quỷ thần những loại bò bay cựa động đều có thể sống hòa bình.

Chỉ cần sanh ra trên địa cầu này, chúng ta nên sống hòa đồng, quan tâm lẫn nhau, hợp tác với nhau đây là việc tốt. Đây là thành quả suốt mười mấy năm chúng ta làm ra. Phàm những ai dùng phương pháp của chúng tôi đều làm thành công. Không phải tôi làm thành công người khác làm không thành, đều làm thành công! Rất nhiều người học Phật đến tham quan vườn rau chúng tôi đều học được. Đối với những côn trùng này như kiến trùng gián chỉ cần dùng lòng thương yêu đối đãi chúng. Chúng đến cắn một miếng nhất định không thể giết nó, chúng ta đồng ý cúng dường chúng một bữa, đây là bố thí cúng dường. Nếu không bằng lòng cúng dường quý vị nên tránh chúng không nên giết chúng. Đạo lý này phải hiểu càng giết càng nhiều, đó chính là oan oan tương báo không bao giờ dứt.

Cúng dường vài lần chúng sẽ biết, lần sau chúng sẽ không đến đây, không còn đến làm phiền nữa. Tất cả đều có thọ tưởng hành thức, đến cây cỏ hoa lá đều có thọ tưởng hành thức, đều có kiến văn giác tri, vì thế cây cỏ hoa lá có thể câu thông, sơn hà đại địa có thể câu thông.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng: từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhị dụng: thứ nhất chính là hoàn cảnh, y báo. Dụng thứ hai là chánh báo, chánh báo là chính mình. Điều này nhất định phải rất rõ ràng. Y báo là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta. Trong hoàn cảnh có nhân sự hoàn cảnh, nhà Phật gọi là y chánh trang nghiêm. Chánh báo chắc chăn là chính mình, ngoài mình ra toàn bộ là y báo. Trong y báo có hoàn cảnh nhân sự, có hoàn cảnh vật chất, có hoàn cảnh tự nhiên. Chư Phật Bồ Tát là tôi, nhân sự hoàn cảnh trong y báo, chư Phật Bồ Tát. Chánh báo là chính mình.

Thông thường Phật vì chúng ta giới thiệu thế giới Cực Lạc. Chánh báo của thế giới Cực Lạc là Phật A Di Đà. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc chúng ta là hoàn cảnh y báo của Phật A Di Đà. Trái lại chính chúng ta là chánh báo, Phật A Di Đà là y báo của chúng ta, thế giới Cực Lạc là y báo của chúng ta. Tất cả mọi người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc toàn là y báo của chúng ta. Y báo này nhất định phải hiểu rõ ràng minh bạch. Y chánh là một không phải hai, vĩnh viễn không thể tách rời.

Chúng ta đối với chính mình như thế nào thì cần đối đãi với người khác như thế, đối đãi y báo của chúng ta. Trong y báo bao gồm\_nên nhớ rằng nhân sự, vật chất là hoàn cảnh tự nhiên. Đối với chúng ta\_thông thường nói một cách thích hợp\_chính là đối với nhân sự của chúng ta. Còn đối với vạn vật vạn vật đa phần là chỉ động vật, thêm nữa chính là thực vật như cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa. Trong đó còn bao gồm cả hoàn cảnh tự nhiên như sáng tối, gió mưa đều thuộc hiện tượng tự nhiên. Hiện tượng tự nhiên hình thành vật chất hữu hình và vô hình, hiện nay chúng ta gọi là dao động, mắt thịt chúng ta không nhìn thấy được, hoặc là nói sanh vật bất đồng không gian duy thứ, và chúng ta là nhất thể, đều từ trong thanh tịnh viên minh thể lưu xuất ra, lưu xuất nên là nhất thể. Nhất thể thì phải biết tương thân tương ái, trong nhất thể nhất định phải biết bao dung.

Họ mê thất tự tánh nên không biết là nhất thể, họ mới làm ra rất nhiều hành động trái với tự tánh. Nếu biết họ tuyệt đối không làm trái, mà tùy thuận tánh đức. Tâm tùy thuận tánh đức đó, tâm bao dung đó là loại thứ ba trong ba loại chu biến, hàm dung không hữu. Hàm không, không là hư không, tâm bao thái hư. Dung là dung hữu, hữu chính là ba loại hiện tượng, hiện tượng vật chất, hiện tượng tự nhiên và hiện tượng tinh thần, nó có thể bao dung. Tâm ôm trọn cả hư không pháp giới, không có gì không bao dung. Bao dung đến mức độ nào? Nhất thể.

Nếu nói bao dung như cha mẹ, vợ con, con cái. Điều này có thể bao dung, vẫn không phải nhất thể. Bao dung đến nhất thể giống điều gì? Giống ngũ quan của chúng ta: nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, lục phủ ngũ tạng, những thứ này rất thân thiết, là nhất thể. Phải xem vạn sự vạn vật trong vũ trụ là lục phủ ngũ tạng của chính mình, mắt tai mũi lưỡi là nhất thể, ai làm được? Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ Tát làm được. Trong mắt các ngài tuyệt đối không xem chúng ta là người ngoài, xem chúng ta như là cục cưng của mình, cách nhìn của các ngài là như vậy. Pháp thân Bồ Tát cũng dùng cách nhìn này, vì sao? Vì họ hoàn toàn minh bạch.

Trong Kinh Hoa Nghiêm bậc Sơ trú trở lên. Trong mắt họ biến pháp giới hư không giới và chính mình là nhất thể. Không thể thừa nhận đó là mê thất tự tánh, họ không xa rời tự tánh, chỉ là hoàn toàn mê thôi. Cha mẹ mình mà con không quen biết. Phật pháp dạy chúng ta, không gì khác ngoài việc dạy chúng ta quay đầu. Dạy chúng ta tìm về cội nguồn, dạy chúng ta tìm lại chính mình. Minh tâm kiến tánh chính là tìm được cội nguồn, tìm được nguồn gốc thì tất cả mọi việc đều viên mãn.

Trong kinh có câu: “nhược nhân thức đắc tâm”, đây chính là chân tâm chính là tự tánh. Phải thật sự nhận chân được *“đại địa vô thốn thổ”* đây là bao hàm tất cả. Vừa rồi cũng đã nói giữa vũ trụ này không ngoài ba loại hiện tượng là: hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên, tất cả đều là tự tánh biến hiện ra. Rời tự tánh không có pháp nào khả đắc, điều này nói một cách thân thiết biết bao. Cảnh giới này là cảnh giới của pháp thân Bồ Tát, là cảnh giới minh tâm kiến tánh. Ngày nay chúng ta không kiến tánh được, vì sao vậy? Vì chúng ta cách cảnh giới này quá xa.

Nói cách khác, chúng ta mê quá sâu nặng. Tiếp cận cảnh giới này, như vậy thì chúc mừng quý vị, quý vị sắp được thành Phật. Vì sao vậy? Vì quý vị đã tiếp cận thật tướng các pháp, đây là chân tướng không phải giả. Không thừa nhận đối với điều này còn hoài nghi thì quý vị đối với tự tánh còn cách rất xa, phải làm sao? Học tập đại thừa, kinh giáo đại thừa dần dần kéo quý vị gần hơn. Sau khi đến gần quý vị phải buông bỏ, ngày nay chúng ta gọi là giải ngộ, không thể hiện thực. Hiện thực chính là thể nghiệm trong cuộc sống hằng ngày, quý vị có thể thương người chăng? Thương người như thể thương thân, đây chính là khảo nghiệm, chính là sở tri, sở giải của quý vị. Có thể thật sự thay đổi được ý niệm của quý vị chăng? Thật sự thay đổi được là quý vị thành Bồ Tát, thành Phật. Chưa thật sự thay đổi, tuy quý vị biết nhưng quý vị không phải Bồ Tát, cũng không phải Phật, mà vẫn còn phàm phu. Quý vị chưa làm được nên sau khi giải ngộ phải có chứng ngộ. Chứng ngộ là gì? Đem tất cả những gì ta giải ngộ được và cuộc sống sinh hoạt của quý vị dung hợp thành nhất thể, đó gọi là chứng ngộ. Giải và hành hợp nhất, giải chính là hành, hành chính là giải. Hành giải là một không phải hai, quý vị đã chứng. Điều này rất cần thiết.

Chỉ có giải không có hành, dùng cách nói hiện nay, nó là tri thức. Nếu giải hành hợp nhất đó là trí huệ. Tự tánh vốn đầy đủ trí huệ Bát Nhã, biểu hiện ở bên ngoài tự tánh vốn đầy đủ đức tướng. Đức là đức năng, tướng là tướng hảo, tự nhiên biểu hiện ra bên ngoài. Đây chính là đức thứ hai của tứ đức trong Hoàn Nguyên Quán “oai nghi hữu tắc”. Tất cả ngôn hành cử chỉ của quý vị, có thể làm tấm gương tốt nhất cho chúng sanh mê hoặc điên đảo trong lục đạo. Quý vị biểu hiện tấm gương là Bồ Tát là Phật, chư Phật Bồ Tát ứng hóa ở thế gian giống như quý vị đây, thì quý vị chính là Phật sống, Bồ Tát sống, đã làm được. Chí tâm như vậy, dùng tâm này để niệm Phật là chân tâm niệm Phật không phải giả tâm niệm Phật. Trong tâm này không có hoài nghi, không có xen tạp. Chính là tịnh niệm mà Bồ Tát Đại Thế Chí nói, không có chút vọng niệm nào xen lẫn vào trong đó. Âm thanh không gián đoạn, câu này niệm tiếp câu kia. Niệm điều gì? Đầy đủ mười niệm. Ở đây đưa ra một ví dụ chỉ có mười niệm. *“Xưng Nam Mô A Di Đà Phật, dĩ xưng Phật danh cố. Ư niệm niệm trung, trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội. Mỗi nhất niệm, trừ bát thập ức kiếp sanh tử trọng tội”.* Ở đây tám mươi ức nhân với mười, tám trăm ức! Tám trăm ức kiếp sanh tử trọng tội. Mười niệm này *“mạng chung chi thời, kiến kim liên hoa do như nhật luân”,* quang minh giống như mặt trời vậy. *“Trú kỳ nhân tiền”*, người này ở trước họ đã thấy được. *“Kim liên hoa như nhất niệm khoảnh”,* nhất niệm khoảnh là nói thời gian rất nhanh. Nhất niệm này hiện nay chúng ta hiểu được chính là nhất niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói. Một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm, nhất niệm ở đây quý vị nghĩ xem nó nhanh biết bao.

Hiện tại chúng ta dùng dây làm đơn vị, là mấy phân của một giây. Một giây có thể khảy móng tay năm lần, nhân năm là 1600 triệu. Một giây là một trên 1600 triệu, đây gọi là nhất niệm khoảnh. Quý vị xem nhanh biết bao nhiêu, họ liền vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, ngồi trên hoa sen vàng mà đi, phẩm vị tuyệt đối không thấp. Quý vị phải nghĩ đến ngũ nghịch thập ác, không phải làm việc tốt, làm việc xấu ngũ ngịch thập ác. Tướng địa ngục hiện tiền bị khổ bức bách, khiến họ không có vọng niệm, quý vị thấy chí tâm nhất niệm thập niệm đã ngồi trên đài liên hoa ra đi phẩm vị là hạ bối vãng sanh sao? Không thể! Phẩm vị của họ rất có thể là thượng bối vãng sanh, trực tiếp sanh vào cõi thật báo trang nghiêm. Quá lợi hại, quả thật không thể nghĩ bàn, hiển thị pháp môn niệm Phật rất thù thắng, pháp môn niệm Phật thật không thể nghĩ bàn.

Đây là gì? Họ gặp duyên không giống nhau. Chứng minh lời của Thiện Đạo đại sư hoàn toàn chính xác. Không nên nhìn thấy họ là thiện nhân, là ác nhân, chiêu sau cùng luôn ở chỗ gặp duyên khác nhau. Ác nhân này, duyên của họ quá thù thắng khiến họ trong khoảng sát na, khi lâm mạng chung họ không cách nào nghĩ đến điều ác, ác niệm không sanh khởi được.

Thiện hữu dạy họ câu Phật hiệu này. Câu Phật hiệu này đưa họ đến thế giới Cực Lạc, có thể đưa họ thượng phẩm thượng sanh, đến thế giới Cực Lạc liền thành Phật, đây là chí tâm nhất niệm vãng sanh. Chúng ta tin rằng họ nhất định không phải về cõi đồng cư. Hoa sen báu, rất có thể là cõi thật báo. Cõi thật báo 41 địa vị chính là địa vị đầu tiên Viên giáo Sơ trú. Trong đại thừa thường nói đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, họ là cảnh giới này. Đến thế giới Cực Lạc hoa khai kiến Phật, chứng vô sanh pháp nhẫn. Có thể chăng? Về lý mà nói đích thực có thể, vì sao vậy? Vì quý vị vốn là Phật.

Chư vị cổ đức nói thượng thượng phẩm là trên tứ độ. Thượng trung phẩm là sơ địa đến tam địa\_sơ nhị tam, dần dần hạ thấp xuống, có nhận xét này. Thiện Đạo đại sư căn cứ trên kinh điển nói rằng, họ khẳng định nhân duyên không giống nhau, tứ độ tam bối cửu phẩm luôn ở chỗ gặp duyên không giống nhau. Gặp duyên là trong sát na khi lâm mạng chung duyên đó nhất định là phẩm vị mà quý vị vãng sanh.

*“Kinh vân bất năng quán Phật”,* đây là thật, vì sao vậy? Tu thập ngũ quán trong thập lục quán. Ngoài niệm Phật ra thì đều rất khó! Tâm phải rất tỷ mỷ, phải rất bình tĩnh mới được. Lâm chung khi tướng địa ngục hiện tiền cảm thấy sợ hãi! Tâm làm sao có thể yên tĩnh lại, làm sao có thể bình tĩnh lại? Nên không thể thấy Phật. Bình thường tu quán đến lúc đó cũng không được, cũng không cách nào tu được, duyên không giống nhau. Lúc này chỉ có niệm Phật.

*“Đản nhưng năng niệm Phật danh hiệu, thị hiển trì danh chi pháp, thật vi chí dị dã. Lâm chung dị niệm, nhân đắc vãng sanh, thị vi chí ổn dã, ổn đương!”.* Thật có thể giúp quý vị thành tựu. Hiển lộ ra phương pháp trì danh thật không thể nghĩ bàn. Phương pháp trì danh này chúng ta nhất định không thể sơ suất, không thể xem thường. Nhất định phải khẳng định nó ở trong vô lượng pháp môn thật sự là pháp môn đệ nhất, đích thực là pháp môn đệ nhất. Bất luận pháp môn nào cũng không thể thành tựu, chỉ có pháp môn này có thể thành tựu. Chẳng những thành tựu mà còn có thể đạt được thành tựu cao nhất, như ở đây nói ví dụ này phẩm vị của họ rất cao. Nhất định họ là pháp thân Bồ Tát.

Cũng chính là nói chí tâm của họ là lý nhất tâm bất loạn, không có chút tạp niệm nào, cũng không có chút hoài nghi nào, mới có hiệu quả thù thắng như vậy. Chứng tỏ pháp môn niệm Phật thật không thể nghĩ bàn, nhưng tạo tội nghiệp nặng như vậy, khi lâm chung, cơ duyên này có thể gặp được hay không, đây là vấn đề lớn! Đây là đưa ra một ví dụ, trường hợp này là thật không phải giả, để chúng ta biết được sự thù thắng của pháp môn này, pháp môn không thể nghĩ bàn. Pháp môn dễ tu, chúng ta hiện tại cần phải nắm bắt. Mỗi niệm không buông lơi, lâm chung nhất định sẽ thành công.

Chúng ta đối với thế gian này nhất định không còn chút tham luyến nào. Ở trên thế gian này đều tùy duyên, có cũng tốt, không có cũng tốt, tuyệt đối không so đo tính toán những điều này. Tâm chúng ta trước sau đều giữ được thanh tịnh, giữ được giác mà không mê, duy trì chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm. Bình thường có thể làm được như vậy thì vãng sanh là điều có thể. Tâm chúng ta tự tại biết bao, an vui biết bao! Tuy chưa đến thế giới Cực Lạc nhưng đã đăng ký ở thế giới Cực Lạc rồi, nhất định về được đó! Nơi này không nên đăng ký. Nếu đăng ký cõi Ta Bà này như vậy thì phiền phức rất lớn. Thế giới bất luận như thế nào cũng tốt, mọi thứ đều tốt, nhưng không liên quan đến tôi. Tôi là người của thế giới Cực Lạc, chỉ ở tạm nơi đây vài ngày, giống như ở nhà trọ vậy, được chân thật tự tại!

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 404

# Tập 405

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập:Bình Minh

Thời gian:10.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 504, hàng thứ ba từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ ở giữa.

Từ *“kinh vân lâm chung bất năng quán Phật. Đản năng niệm Phật danh hiệu, thị hiển trì danh chi pháp thật vi chí dị dã. Lâm chung dị niệm, nhân đắc vãng sanh, thị vi chí ổn dã. Ư niệm niệm trung, trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội, thị vi chi đốn dã. Ngũ nghịch thập ác chi nhân, lâm chung thập niệm tức đắc vãng sanh. Đới nghiệp phàm phu đốn tề phổ tế, thị vi chí viên dã”.*

Chúng ta xem đoạn này trong kinh Phật nói, lâm chung không thể quán Phật. Ở trước chúng tôi giảng đến Kinh Thập Lục Quán. Kinh Vô Lượng Thọ là Tịnh tông khái luận. Đối với Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc giới thiệu rất tường tận, khiến chúng ta nhận thức Tịnh độ, nhận thức Phật A Di Đà.

Đối với Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phậ, nó chú trọng ở phương pháp. Đã có tín nguyện, thì phải niệm Phật như thế nào. Cho nên Đức Thế Tôn đưa ra mười sáu phương pháp, toàn bộ đều là niệm Phật. Niệm Phật tóm lại mà nói thì không ngoài bốn loại lớn: Thật tướng niệm Phật, quán tưởng niệm Phật, quán tượng niệm Phật và trì danh niệm Phật. Bốn loại lớn này đều bao hàm hết tất cả. Trong thập lục quán có mười bốn loại là quán tưởng, một loại là quán tượng, loại sau cùng là trì danh, nên trì danh niệm Phật là quán sau cùng trong thập lục quán, cũng là một phương pháp vô cùng quan trọng. Mười lăm phương pháp trước khi không dùng đến, thì phương pháp sau cùng có thể dùng được.

Niệm sau cùng khi lâm chung, người vãng sanh đoạn khí, niệm sau cùng này quan trọng nhất. Niệm này nếu quên không nhớ đến Phật, thì đời này chúng ta sống một cách uổng phí, lại lặn ngụp trong luân hồi lục đạo. Có thể vãng sanh hay không quyết định ở niệm sau cùng này, cho nên trong nguyện thứ 18 nói: “lâm chung nhất niệm, thập niệm đều có thể vãng sanh”, đây là thời khắc mấu chốt. Thời khắc này chính là thời khắc đau khổ sau cùng, thần thức xa rời thân thể. Xa rời thân thể, thống khổ này đến mức độ nào?

Trong kinh Phật đưa ra một ví dụ ví như rùa sống bị lột mai. Rùa đang còn sống như vậy mà lột mai của nó ra, khiến chúng ta nghĩ đến thông khổ này. Thần thức rời xa thân thể cũng giống như vậy, cho nên đây là thời khắc đau khổ nhất. Thông thường trong lúc đau khổ này thì phương pháp nào cũng không dùng được, vì sao vậy? Con người đến lúc quá thống khổ, thậm chí phương pháp mà bình thường tu đến, lúc này cũng quên mất, không khởi lên được, đây là thời khắc quan trọng. Lúc này họ có thể gặp được thiện tri thức, thiện tri thức có thể khuyên họ niệm Phật, một câu nhắc nhở, niệm Phật dễ, còn có thể niệm danh hiệu Phật. Câu danh hiệu Phật này có thể giúp họ vãng sanh.

Như ở trước nói: *“như thị chí tâm, linh thanh bất tuyệt”,* tâm lúc này ngoài câu niệm Phật ra, họ không còn ý niệm nào nữa. Thật sự là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, cho nên nhất niệm này vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Phẩm vị cao hay thấp phải xem nhân duyên. Nếu nhân duyên thù thắng rất có thể đến thượng bối vãng sanh. Đây chính là Thiện Đạo đại sư nói với chúng ta: “tứ độ tam bối cửu phẩm ở chỗ gặp duyên không giống nhau”. Câu này nói hay quá, đây là lời chân thật.

*“Niệm Phật danh hiệu vãng sanh Tịnh độ thị hiển trì danh chi pháp, thật vi chí dị dã”.* Điều này là dễ dàng đến cực điểm, khi lâm mạng chung dễ niệm. Phương pháp khác đến lúc này đều không khởi lên được, nhưng niệm Phật thì được, câu Phật hiệu này có thể khởi lên được. *“Nhân đắc vãng sanh, thị vi chí ổn dã”,* phương pháp vững chắc nhất chính là niệm Phật. *“Ư niệm niệm trung, mỗi nhất niệm tiêu bát thập ức kiếp sanh tử chi tội”,* tiêu nghiệp chướng rất nhanh nhưng quý vị nên nhớ rằng\_điều này ở sau có nói đến\_một niệm tiêu 80 ức kiếp tội nặng sanh tử là dùng tâm như thế nào để niệm? Tâm chí thành.

Bậc cổ đức nói tâm này là gì? Tâm này là lý nhất tâm bất loạn, chân thành đến tột cùng, tâm này là tâm Phật, sự nhất tâm cũng không đạt được, đây là lý nhất tâm. Là sự nhất tâm, là lý nhất tâm, hay công phu thành phiến, đều ở lúc gặp duyên không giống nhau. Họ có thành tựu thù thắng như vậy. Chi nên *“chí đốn”,* đốn đến cực điểm. Đốn là đốn siêu, không có thứ lớp. Từ bác địa phàm phu nâng cao đến địa thượng Bồ Tát, đây gọi là chí đốn.

Ngũ nghịch thập ác, nhất định đọa vào địa ngục, mà là vô gián địa ngục, đây là tội cực nặng. Lâm chung mười niệm tức đắc vãng sanh, gọi là đới nghiệp phàm phu, phàm phu mang theo nghiệp cực nặng. Quý vị xem đốn tề bổ xứ, họ vãng sanh thế giới Cực Lạc với bổ xứ Bồ Tát bình đẳng. Đây là chí viên, viên mãn đến tột cùng. Mấy câu kinh văn này đã nói tận cùng công đức trì danh niệm Phật, có nhiều ưu điểm như vậy. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn cũng không tìm thấy. Thật sự là viên đốn đến cực điểm.

*“Trì danh diệu pháp ký chí giản dị ổn thỏa, hựu phục tối cực viên đốn. Thị cố thập phương Như Lai đồng tán, thiên kinh vạn luận cộng chỉ”.*

Phương pháp tu hành này của Tịnh độ tông đơn giản nhất, dễ nhất và chắc chắn nhất. *“Hựu tối cực viên đốn”,* viên là viên mãn, đốn là đốn siêu. Siêu ở đây nghĩa là luôn vượt lên cho đến đẳng giác Bồ Tát, vì thế mười phương Như Lai không có ai không tán thán.

Ở trước chúng ta đọc đến, Đức Thích Ca thay mặt Chư Phật tán thán Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương” chư Phật tán thán. *“Thiên kinh vạn luận cộng chỉ”,* “chỉ” ở đây là chỉ quy. Vô lượng vô biên pháp môn đến cuối cùng đều quy về Tịnh độ. Chúng ta thấy Hoa Nghiêm đến sau cùng, có thể nói là bất luận tu học pháp môn nào, thành tựu sau cùng đều vãng sanh về thế giới Hoa Tạng, cõi báo của đức Phật Tỳ Lô Giá Na. Đến thế giới Hoa Tạng, theo hai vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền trờ về Cực lạc, đi về thế giới Cực Lạc học tập với Phật A Di Đà. Đây chính là vì sao mười phương Như Lai cùng tán thán, “ngàn kinh vạn luận cùng chỉ”, ví dụ rất rõ ràng để ngay trước mắt.

Câu sau cùng này Hoàng Niệm Tổ khuyên chúng ta, *“thế chi hành nhân”,* người tu hành ở thế gian này, thực tế nên *“tốc phát đại tâm”,* mau mau phát tâm. Phát tâm như thế nào? Phát chân tín tâm đối với thế giới Cực Lạc, đối với Phật A Di Đà, không còn hoài nghi nữa. Lòng tin chân thật, thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, thân cận Phật A Di Đà. Phát tâm này sau đó nhất hướng chuyên niệm, chính là dùng phương pháp trì danh. Một phương hướng, một mục tiêu chuyên niệm Phật A Di Đà, như vậy là đúng.

Đoạn bên dưới nói *“bổn kinh”,* chính là Kinh Vô Lượng Thọ. *“Dĩ phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi tôn”,* “tôn” là tôn chỉ tu hành. Phương pháp tu hành trong kinh này là gì? Chính là dùng nhất hướng chuyên niệm, dùng phương pháp này. *“Nhân thượng nhị giả, bất khả phân cách”.* Ở trước nói phát tâm bồ đề nhất hướng chuyên niệm, hai điều này không thể tách rời nhau, nó là nhất thể. Vì sao vậy? Vì phát tâm bồ đề là tín là nguyện. Tin thật nguyện thiết, nhất hướng chuyên niệm là hạnh. Tín- nguyện - hạnh, ba điều kiện thiếu một cũng không được. Cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc chính là ba chữ này.

Ngẫu Ích đại sư chú Di Đà Kinh Yếu Giải. Trong chú giải lấy ba chữ này làm trọng tâm. Quý vị xem ba phần, trong phần tựa ngài chia ra ba đoạn tín- nguyện- hạnh, phần chánh tông cũng là tín- nguyện- hạnh, sau cùng phần lưu thông vẫn là dùng tín- nguyện- hạnh. Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư nói rất hay. Ấn Quang đại sư đối với ngài tán thán nói rằng: “cho dù cổ Phật tái sanh viết chú giải cho Kinh Di Đà cũng không thể hơn bản này”. Chúng ta biết Ấn Quang đại sư là Bồ Tát Đại Thế Chí tái sanh. Bồ Tát Đại Thế Chí tán thán như vậy. Ngẫu Ích đại sư là người như thế nào? Tuy không nói ra nhưng trong tâm chúng ta đều biết nếu không phải Phật A Di Đà tái sanh thì nhất định là Bồ Tát Quán Thế Âm rồi.

Chư Phật Bồ Tát từ bi, biết chúng sanh trong thời mạt pháp nghiệp chướng sâu nặng. Đọa lạc không thể nói là tám chính phần, hầu như toàn bộ đều đọa lạc. Người thật sự có thể niệm Phật vãng sanh thật hiếm có, nên thế gian mới có nhiều thiên tai như vậy. Nếu người niệm Phật vãng sanh nhiều thế gian này không thể có thiên tai. Vì sao vậy? Ở trước có nói người niệm Phật là người có trí huệ nhất, người có phước báo nhất trong thế gian. Ngạn ngữ xưa có câu: *“*người phước ở đất phước*”,* người có trí huệ, có phước báo ở đây, thì làm sao có thiên tai được?

Thời đại này, chúng ta sanh trong thời đại này, lớn lên trong thời đại này, đối với tiền nhân hậu quả trong thời đại này đều rất rõ ràng minh bạch. Phổ biến trên xã hội này đều lãng quên đi luân lý, đạo đức, nhân quả. Mê muội tôn sùng khoa học. Không thể nói khoa học không tốt nhưng khoa học không phải vạn năng, khoa học cũng có tệ hại, khoa học cũng có lưu lại hậu di chứng rất nghiêm trọng. Điều này nhiều người học khoa học đều biết. Trung Quốc không phải không có khoa học, Kinh Dịch chính là khoa học. Mấy ngàn năm trước Trung Quốc cũng có sự manh nha của khoa học, nhưng cổ nhân không muốn phát triển theo phương hướng này, nên đã tiêu diệt nó. Nguyên nhân gì hiện nay chúng ta đã biết. Khoa học nếu không có luân lý, đạo đức, nhân quả làm nền tảng thì hại của nó nhiều hơn lợi. Nếu có luân lý, đạo đức, nhân quả làm nền tảng vững chắc, khoa học đối với nhân loại lợi rất nhiều, hại sẽ ít lại. Đạo lý là ở đây.

Vì thế chúng ta quan sát tường tận, người xưa của chúng ta có trí huệ, có sứ mệnh, có tâm từ bi. Không nhẫn tâm để khoa học kỷ thuật mang tai họa đến, đến tiêu diệt nhân loại, vì thế không phát triển theo phương pháp này.

Ba điều kiện tín- nguyện- hạnh, đây gọi là ba tư lương tu học của Tịnh tông. Tư lương: ví dụ chúng ta đi du lịch cần thiết phải mang theo trong túi ít tiền, đây là tư. Còn phải mang theo ít lương thực, hiện nay không cần mang theo lương thực. Vì sao vậy? Sự nghiệp du lịch phát triển có thể nói là tương đối viên mãn. Ra khỏi nhà chuyện ăn ở đi đều không có vấn đề, chỉ cần đem theo tiền là đủ. Điều này vào thời cổ đại thì không được, thời xưa quý vị tốn bao nhiêu ngày cũng tìm không ra một nhà trọ, phải vào nhà dân ngủ nhờ. Ăn uống tự mình đem lương khô, hành trình du lịch rất gian nan.

Kinh Phật truyền đến Trung Quốc từ thời cổ đại, rất nhiều trường hợp đều là tập quán sinh hoạt trong quá khứ. Vì thế các bậc cao tăng dịch kinh, chú giải kinh điển đều dùng những điều kiện sinh hoạt tín- nguyện- hạnh đương thời gọi nó là ba tư lương, thiếu một cũng không được.

*“Di Đà Yếu Giải vân, thâm tín phát nguyện, tức vô thượng bồ đề”.* Câu này nói quá hay, Ấn Quang đại sư đặc biệt tán thán, vì sao vậy? Vì điều kiện mà trong Kinh Vô Lượng Thọ nói là phát tâm bồ đề nhất hướng chuyên niệm. Như thế nào gọi là tâm bồ đề? Tâm bồ đề phát bằng cách nào? Vấn đề này rất quan trọng, từ xưa đến nay bao nhiêu người đã thảo luận về vấn đề này, ý kiến rất nhiều, nhận xét rất nhiều. Những lời Ngẫu Ích đại sư nói đơn giản, nắm bắt trọng điểm và tường tận rõ ràng. Đối với Tịnh tông quý vị chân tín, thâm tín, lại có thể phát nguyện cầu sanh, phát nguyện chính là cầu sanh về thế giới Cực Lạc, sanh về thế giới Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà. Phát tâm này chính là tâm vô thượng bồ đề.

*“Hợp thử tín nguyện, tức vi Tịnh độ chỉ nam”* đây là gì? Phương hướng, mục tiêu vô cùng chính xác. *“Do thử chấp trì danh hiệu, nãi vi chánh hành”,* quý vị theo phương hướng này để hướng đến mục tiêu, rồi tiếp tục nhất hướng chuyên niệm, chấp trì danh hiệu chính là nhất hướng chuyên niệm, đây là chánh hành, điều kiện đã đầy đủ.

Bên dưới là chú giải của Hoàng Niệm Tổ. Ý nói tâm vô thượng bồ đề là kim chỉ nam cho người tu Tịnh độ. Người hành nghề hàng hải dựa vào kim chỉ nam để định phương hướng. Giữa biển rộng mênh mông, bốn mặt đều là nước. Nước liền trời, trời liền nước. Truyền ở trên biển lớn, quý vị theo phương hướng nào để đi, để có thể đạt đến mục đích của mình, đều dựa vào kim chỉ nam. Không có kim chỉ nam ta không thể phân biệt được phương hướng. Hiện nay máy bay phi hành trên không trung không có kim chỉ nam cũng không nhận ra phương hướng. Chúng ta dùng ví dụ này. *“Dục xuất sanh tử khổ hải, trực đăng Cực Lạc bỉ ngạn giả, tắc lại bồ đề tâm dĩ vi đạo dẫn”.* Bồ đề tâm giống như kim chỉ nam vậy. Hiện tại chúng ta muốn ra khỏi biển khổ sanh tử, nghĩa là luân hồi lục đạo, điều này nhất định phải nhận thức rõ ràng. Tôi không muốn tiếp tục lặn ngụp trong luân hồi lục đạo, đời này tôi thật sự muốn rời xa nó, vì sao vậy? Không có nhận thức như vậy thì đối với thế gian này không thể buông được. Tuy muốn đến thế giới Cực Lạc nhưng không đi được, cần thiết phải buông bỏ thế gian này. Lúc nào buông bỏ? Buông bỏ ngay lúc này. Không nên đợi đến khi lâm chung mới buông bỏ, không kịp đâu.

Ngay lúc này nên buông bỏ như thế nào? Như chúng ta đi du lịch vậy. Trên đường đi nơi ở là nhà trọ, chúng ta xem nơi đây như nhà trò tức là đã buông bỏ. Tôi rời ở đây ngày mai lên đường, ở đây không có thứ nào mang theo được, đây là nhà trọ. Mỗi ngày đều quán như vậy, mỗi niệm đều quán như vậy, đối với thế gian này không lưu luyến, không vướng bận, không âu lo. Quý vị đi một cách tự tại nhẹ nhàng. Phương pháp tu học này vô cùng quan trọng, tự mình có phương hướng nhất định. Chúng ta sống trong đời này phương hướng chính là thế giới tây phương Cực Lạc, mục tiêu chính là Phật A Di Đà. Một lòng muốn thân cận Phật A Di Đà, muốn thấy Phật A Di Đà.

*“Trực đăng Cực Lạc bỉ ngạn giả, tắc lại bồ đề tâm dĩ vi đạo dẫn. Cố tri phát bồ đề tâm giả, tu tịnh nghiệp giả, tất bất khả thiểu dã”.* Bồ đề tâm chính là tin thật nguyện thiết, không thể thiếu. *“Hựu do thử bồ đề tâm, nhi trì danh hiệu, nãi vi chánh hành”.* Không có tâm bồ đề trì danh hiệu, không thể vãng sanh. Ta còn tham luyến đối với thế gian này, còn phân biệt chấp trước, chưa triệt để buông bỏ thì dù niệm danh hiệu Phật có nhiều, niệm có tốt đến đâu cũng không thể vãng sanh.

Bên dưới nói rất hay. *“Thị vị, cẩu vô bồ đề tâm, tuy trì danh hiệu, diệc phi chánh hành dã”,* đây không phải thật sự tu Tịnh độ. “*Như* *Di Đà Yếu Giải vân, nhược vô tín nguyện”,* họ không tin họ hoài nghi đối với Tịnh độ vãng sanh thấy Phật. Chúng ta biết số người có tâm trạng này không ít, nguyên nhân gì? Có thể nói đều là vô tình hoặc cố ý bị ảnh hưởng khoa học giáo dục. Điều kiện đầu tiên của khoa học chính là đem bằng chứng đến, tôi sẽ tin quý vị. Không đưa ra bằng chứng tôi sẽ không tin. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Quý vị đem bằng chứng ra. Phật A Di Đà ở đâu? Chúng ta không lấy bằng chứng ra được, mà khoa học rất coi trọng hoài nghi, hoài nghi mới có thể phát hiện chân lý. Giáo lý thánh hiền nhất định không thể có nghi, có nghi quý vị sẽ không đạt được chút lợi ích nào.

Ngày nay Phật pháp suy yếu, khoa học hưng thịnh. Phật pháp đã suy yếu, đây là đạo lý nhất định, vì sao vậy? Vì mọi người hoài nghi đối với nó. Chư Phật Bồ Tát từ bi đến tột cùng cũng không giúp được. Quý vị không tin nên không thể tiếp thu, chỉ có số ít người, số ít người này thiện căn, phước đức, nhân duyên\_người trong quá khứ có thiện căn phước đức sâu dày họ có thể tiếp nhận.

Thiện căn là năng tín, năng giải, đây là thiện căn. Thật chịu niệm Phật, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, người này rất có phước. Phước báo của thế xuất thế gian không gì lớn hơn điều này. Địa vị cao không phải là phước, sở hữu tài sản nhiều cũng không phải là phước. Ở trước đã nói qua, cho dù mời quý vị làm Ma Hê Thủ La Thiên Vương địa vị cao nhất, trong tam giới không ai cao hơn, thống lĩnh Ta Bà tam thiên đại thiên thế giới. Vì sao nói họ không có phước? Sau khi chết vẫn phải lăn lộn trong luân hồi lục đạo. Đó chính là không có phước. Vì sao nói người niệm Phật có phước? Vì sau khi chết sanh về thế giới Cực Lạc không còn luân hồi sanh tử nữa. Đây mới là phước báo chân thật, trí huệ chân thật.

Đối với pháp môn này không hoài nghi là trí huệ, y giáo phụng hành là phước báo chân thật. Phước báo trong cõi trời cõi người đâu gọi là phước báo, điều này chúng ta không thể không biết. Ở đây Ngẫu Ích đại sư nói rất hay nếu không có tín, không có nguyện, thì cho dù trì niệm danh hiệu này đến gió thổi không vào, mưa rời không ướt, đây là ví dụ, *“như đồng tường thiết bích tương tợ, diệc vô đắc sanh chi lý, bất năng vãng sanh”,* không có tín, không có nguyện thì dù niệm Phật nhiều cũng vô dụng, không thể vãng sanh. Đây là điều chúng ta không thể không biết.

*“Phản chi”,* trái lại tuy phát tâm bồ đề, nhưng không có nguyện hạnh cầu sanh Tịnh độ, tu pháp môn khác không phải căn cơ của Tịnh độ cũng không thể vãng sanh, đây là điều chúng ta cần phải biết. Chúng ta thường phản tỉnh, phải chăng mình thuộc hạng chúng sanh này. Tâm bồ đề cũng đã phát, tuy đã phát tâm bồ đề, đối với Phật pháp năng tin năng giải, nhưng không có nguyện vọng cầu sanh Tịnh độ, hạng người tu hành này rất nhiều!

Lúc trẻ khi tôi mới tiếp xúc với Phật pháp, đại khái phải khoảng mười năm. Khi đã thật tin, thật phát tâm bồ đề, rất dụng tâm học tập kinh giáo đại thừa, nhưng đối với Tịnh độ không có hứng thú. Ban đầu là bài xích Tịnh độ, về sau Sám Vân pháp sư, thầy Lý, bảo tôi đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao. Thầy Lý tặng cho tôi một bộ văn Sao để tôi xem, sau khi tôi đọc Văn Sao rồi đối với Tịnh độ không còn bài xích. Tôi rất hoan hỷ, rất tán thán nhưng không cầu sanh Tịnh độ. Thầy dùng phương tiện thiện xảo, hiện nay chúng tôi cảm ân, nhưng lúc đó không nghe lời, cho rằng Tịnh độ quá dễ, đây là phương pháp mà Đức Thích Ca độ các bà lão không phải đối với phần tử tri thức.

Cho đến lúc chính mình giảng Kinh Hoa Nghiêm, hình như đã giảng mười năm. Lần đầu tiên tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm hình như là giảng 17 năm, giảng đến một nửa. Tứ Thập Hoa Nghiêm mới giảng một nửa, Bát Thập cũng giảng một nửa. Một hôm đột nhiên nghĩ đến một vấn đề, Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp môn gì mà thành tựu? Thiện Tài Đồng Tử học pháp môn gì mà thành tựu? Tôi khởi lên nghi vấn này, vẫn chưa giảng đến, tôi đã lật ở phía sau Kinh Hoa Nghiêm, lật đến quyển thứ 39 của Tứ Thập Hoa Nghiêm thấy được Văn Thù, Phổ Hiền phát nguyện cầu sanh Tịnh độ. Tôi xem đến đoạn kinh văn này sởn tóc gáy, vô cùng kinh ngạc. Tiếp tục tỷ mỷ xem 53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử. 53 lần tham bái mới giảng đến một nửa. đây là lần thứ hai khi xem kỹ mới thấy được, Thiện Tài Đồng Tử tu Tịnh độ. Thầy là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát phát nguyện cầu sanh Tịnh độ. Thiện Tài là môn sinh đắc ý là đệ tử trung thành của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, Ngài có thể học pháp môn không giống với thầy mình sao? Đại khái là không thể. Khi xem xong quả nhiên không sai.

Văn Thù Bồ Tát dạy ngài ra đi tham học, như vậy là sao? Ngài đã được căn bản trí. Cách nói thông thường thì ngài đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, cũng chính là chứng được quả vị Sơ trụ của Viên giáo. Trong hội của Bồ Tát Văn Thù ngài đã tốt nghiệp. Bồ Tát Văn Thù dạy ngài ra đi tham học, giới thiệu cho ngài một vị thiện tri thức để ngài đi tham bái, đó là Kiết Tường Vân tỳ kheo, đây là một người xuất gia. Kiết Tường Vân tỳ kheo là Sơ trú Bồ Tát, Sơ trú có thể nhìn thấy Sơ trú. Kiết Tường Vân tỳ kheo chuyên tu pháp môn niệm Phật, ngài tu Ban Châu Tam Muội. Ban Châu Tam Muội một kỳ 90 ngày, 90 ngày không thể ngủ, không thể ngồi xuống, nên cũng gọi Phật Lập Tam Muội. Có thể đứng, có thể đi nhưng không thể ngồi cũng không thể nằm.

Tu khổ hạnh nếu không có thể lực tốt nhất định không làm được, 90 ngày là một kỳ. Chuyên niệm Phật A Di Đà cầu sanh thế giới Cực Lạc. Ngài là tu Tịnh độ là nhất hướng chuyên niệm. Như vậy chúng ta mới biết vị thiện tri thức đầu tiên\_người Trung Quốc nói tiên nhập vi chủ, Ấn độ cũng dùng phong tục tiên nhập vi chủ này. Tiếp tục xem về sau, sau cùng là Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc. Nói cách khác pháp môn Thiện Tài Đồng Tử học, từ trước đến sau đều là niệm Phật A Di Đà, chúng ta mới thoát nhiên đại ngộ. 51 vị thiện tri thức đó, là gì? Thông thường chúng ta nói học rộng nghe nhiều. Bất cứ pháp môn nào ngài đều xem, ngài đều học, nhưng không tu chỉ xem mà thôi. Biết, thấu triệt nhưng không tu pháp môn này, nên sau khi tham bái đều có cảm ân, có lễ tạ. Lễ từ: “lễ” là lễ bái, cảm ân cảm tạ họ, “từ” là không học, không tu pháp môn này.

Pháp môn này tôi biết đó là cầu hậu đắc trí, vô sở bất tri. Vô sở bất tri vậy học nó làm gì? Học nó là vì độ chúng sanh, chúng sanh căn tánh không giống nhau, không phải dùng một phương pháp có thể phổ độ. Quý vị muốn tiếp độ tất cả chúng sanh căn tánh bất đồng, thì phải hiểu tất cả pháp môn không giống nhau, chính là ý này. Đó là gì? Vì họ mà học chứ không phải vì mình. Vì mình chính là nhất hướng chuyên niệm, nên 53 lần tham bái là nhất hướng chuyên niệm, ngài trước sau đều triệt để cầu sanh Tịnh độ, muốn thân cận Phật A Di Đà.

Điều này trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy được, lúc này ý niệm của tôi hoàn toàn thay đổi, đối với Tịnh độ thật sự đã nhận thức, đã minh bạch được nên mới chuyên tu. Chuyên tu\_lúc đó Kinh Hoa Nghiêm mới giảng một nửa, phần sau không muốn giảng nửa\_Tôi chuyên giảng Kinh Vô Lượng Thọ. Vì cư sĩ Mai Quang Hy, trước Kinh Vô Lượng Thọ có một đoạn lời bạt rất dài, lời bạt này tôi đã đọc mấy lần. Ông ta nói rất rõ ràng, nói với chúng ta sự liên quan của Tịnh tông và Hoa Nghiêm. Chư vị cổ đức nói Hoa Nghiêm là đại bổn Kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ tức là trung bổn Hoa Nghiêm. Kinh A Di Đà tức là tiểu bổn Hoa Nghiêm. Kinh văn phân lượng rộng hẹp không giống nhau nhưng nội dung hoàn toàn không sai khác.

Kinh Vô Lượng Thọ với Kinh Hoa Nghiêm đã là giống nhau, tôi giảng Kinh Vô Lượng Thọ là được, không tiếp tục giảng Kinh Hoa Nghiêm nữa, vì thế dừng lại không giảng Kinh Hoa Nghiêm, giảng đến một nữa thì không giảng. Còn Kinh Vô Lượng thọ giảng hết lần này đến lần khác, đã giảng được mười lần. Vì sao lại giảng Hoa Nghiêm? Ở đây đều có nguyên nhân. Ba vị khởi thỉnh. Thứ nhất là Khai Tâm pháp sư ở Đài Nam, pháp sư đã vãng sanh. Vị thứ hai chính là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Hai vị này khuyên tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm. Họ nói nếu tôi không giảng sợ rằng về sau không còn ai giảng. Vị sau cùng chính là bà Phật tử họ Hàn, trước lúc vãng sanh hai ngày bà đưa ra yêu cầu này, tôi đã đáp lời mời của bà. Chúng tôi hy vọng bệnh cô mau lành ai ngờ cô đã ra đi. Bà hy vọng tôi giảng lại từ đầu một lần Kinh Hoa Nghiêm lưu lại băng đĩa để hậu nhân làm tài liệu tham khảo, đây là nguyện vọng của bà. Sau khi bà ra đi tôi chấp nhận lời mời của cư sĩ Lý Mộc Nguyên ở Singapore, đến Singapore giảng kinh, thỉnh thoảng nhắc đến sự việc này. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên rất cảm động, liền thay mặt ba vị này khởi thỉnh giảng Hoa Nghiêm. Vì thế đây là nhân duyên của Kinh Hoa Nghiêm, đây là nhân duyên lần thứ hai giảng bộ kinh này. Do đó tại Cư Sĩ Lâm Singapore mở khóa giảng bộ kinh này, cũng giảng suốt mười mấy năm, giảng hơn bốn ngàn tiếng đồng hồ rồi.

Đến nay tôi mới thật sự thấu hiểu, đương thời Đức Thế Tôn giảng kinh chưa từng có ngày gián đoạn. Một ngày giảng mấy tiếng? Ít nhất là tám tiếng. Lúc Đức Thế Tôn tại thế người đời sau chưa ai có thể sánh được. Khi tôi còn trẻ gặp nhiều tai nhiều nạn, không có phước báo, không có đạo tràng. Nếu tôi có đạo tràng cố định, một ngày giảng bốn tiếng có thể nói là điều rất bình thường. Tôi cũng không mất sức cũng không vất vả. Rất nhiều đại kinh đều có thể giảng lại một lần. Vì không có đạo tràng nên tiếp nhận lời mời ở các nơi, nơi nào mời liền đến nơi đó. Đoạn đường đi bỏ lỡ rất nhiều thời gian. Hoằng pháp ở nước ngoài bỏ lỡ thời gian càng nhiều, vì người nước ngoài công việc rất bận rộn, một tuần chỉ có thứ sáu thứ bảy. Tối thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật có thể nghe kinh, như vậy cũng là không tệ. Tối thứ sáu hai tiếng, sáng sớm thứ bảy hai ba tiếng, buổi chiều hai ba tiếng. Chủ nhật chỉ có thể giảng buổi sáng, buổi chiều họ phải chuẩn bị ngày mai đi làm, đây là tình huống thông thường ở nước ngoài.

Chúng tôi không có phòng ghi âm cũng không có những thiết bị này, vì thế thời gian đọc kinh niệm Phật nhiều hơn, thời gian giảng kinh tương đối giảm thiểu. Cho đến lúc về già chúng tôi mới có những thiết bị khoa học kỷ thuật cao này. Chúng tôi dùng mạng internet cũng gần 20 năm, dùng truyền hình vệ tinh chín năm, điều này ảnh hưởng rất lớn.

Việc này trước đây thầy Phương Đông Mỹ nói với tôi. Thầy nói đây là công cụ tốt nếu có cơ hội dùng nhất định phải dùng công cụ này. Vì thế dùng công cụ này hiệu quả giảng kinh đã được mở rộng, thính chúng có ở khắp nơi trên toàn cầu. Rất nhiều người học Phật nghe kinh, họ đối với tôi rất quen thuộc nhưng tôi không biết họ, chưa từng gặp mặt. Cũng có bộ phận đương nhiên là thiểu số từ đường xa đến tìm tôi, đây là thiểu số trong thính chúng, cơ duyên này có thể khi du lịch ở nước ngoài, biết tôi ở đâu họ liền đến đó, chúng tôi liền tụ hội thời gian ngắn, công cụ này rất tốt!

Đáng tiếc người truyền bá sự nghiệp này đã sơ suất. Những nội dung truyền bá là mặt phụ, tạo thành xã hội ô nhiễm nghiêm trọng, đem đến cho xã hội ảnh hưởng phản diện, những điều này đều là sự thật. Tôn giáo đều là tốt, không siêng năng đem giáo dục Tôn giáo, tinh thần Tôn giáo, và dạy học tốt đẹp của Tôn giáo phát triển rộng rãi, cũng có thể không ai nhắc nhở. Nếu năm đó không có thầy Phương nhắc nhở, tôi cũng không nghĩ đến điều này, cũng không giám tưởng tượng, vì điều này kinh phí rất lớn, không ai ủng hộ.

Khoa học càng tiến bộ, tiến bộ đến bây giờ. Thật là ngày ngày càng tiến bộ, tháng tháng không giống nhau. Hiện nay giá thành hạ thấp rất nhiều, bây giờ muốn thành lập một đài truyền hình rất dễ, kinh phí không nhiều. Vào thời điểm 20 năm trước thì đó là việc vô cùng khó khăn.

Tu tịnh nghiệp, dùng phương thức này để truyền bá, liên kết toàn cầu nhận biết Tịnh độ, yêu thích Tịnh độ. Các bạn đồng học thật sự muốn cầu sanh thế giới Cực Lạc, có thể cùng nhau chia sẽ thời gian dài. Nhân duyên thù thắng này không dễ có được, chúng ta nên quý trọng.

Bộ chú giải của Hoàng Niệm Tổ thật hiếm có. Chúng ta đọc bộ chú giải này đồng nghĩa là đã đọc các kinh điển luận chú liên quan đến Tịnh độ, có hơn 190 loại. Vì thế sau khi đã đọc xong, trong vô tình đối với những lời khai thị và giáo huấn của các bậc cổ đức trong đạo Phật, trong cuốn chú giải này chúng ta đều đọc được hết. Giúp chúng ta tín nguyện kiên cố, khuyến khích chúng ta nhất hướng chuyên niệm, điều này thật hiếm có.

Chúng ta biết, bất luận mình là hiền hay ngu, là thượng căn hay hạ căn, đều nên nhất môn thâm nhập trường thời huân tu, không nên pháp môn nào cũng học. Vì sao vậy? Vì không kịp thời gian nữa. Nhất môn thâm nhập trường thời huân tu chúng ta sẽ thành tựu, chúng ta có niềm tin thành tựu. Tham học quá nhiều, chúng ta sẽ bị phân tâm, thời gian của chúng ta không đủ dùng, tinh lực cũng bị phân tán. Nói cách khác không chắc chắn thành tựu. Chỉ có thể nói rằng, đối với thường thức Phật học được phong phú hơn một chút, còn tự mình rất khó thành tựu. Một chút Phật học thường thức này thì làm được gì? Có lợi ích gì? Thực tế mà nói, không có lợi ích gì.

Thật vậy, tổ sư thường khuyên chúng ta, Đức Phật cũng khuyên chúng ta trước phải thành tựu chính mình. Chính mình thành tựu sau đó độ chúng sanh. Nếu không thì lãng phí tinh thần, tinh lực, thời gian của mình, chướng ngại việc vãng sanh trong đời này của mình, điều này không thể không nỗ lực tư duy. Vì thế không có tâm nguyện cầu sanh Tịnh độ, tu học gọi là quảng học đa văn, đây cũng không thể vãng sanh.

*“Thị cố kinh trung, tam bối vãng sanh, câu vân phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”.*  Tam bối là thượng bối, trung bối và hạ bối. Thượng bối là thượng căn lợi trí. Hạ bối là phàm phu bình thường. Trong kinh khuyên chúng ta chính là câu: phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm. Thượng căn phải chuyên niệm, trung căn phải chuyên niệm, hạ hạ căn thì không cần phải nói nữa. Ngoài nhất hướng chuyên niệm ra quý vị tu không thành.

*“Cái thử thật vi tam bối vãng sanh, tất bị chi chánh nhân”,* quý vị nhất định phải đầy đủ. Đoạn bên dưới nói *“tu chư công đức”,* nhất hướng chuyên niệm chỉ học đến đây. Bên dưới nói *“tu chư công đức”.*

*“Kiến Di Đà đệ thập cửu”,* nguyện thứ 19. *“Văn danh phát tâm nguyện”,* nguyện thứ 19 chủ yếu nói về phát tâm bồ đề. *“Nguyện viết, văn ngã danh hiệu, phát bồ đề tâm, phụng hành lục ba la mật”,* phụng hành lục ba la mật chính là tu các công đức. *“Hựu Hán Dịch, Ngô Dịch đồng chi. Viết, kỳ tối thượng đệ nhất bối giả, tựu vô vi đạo. Đương tác Bồ Tát đạo, phụng hành lục ba la mật kinh giả, tác sa môn bất đương khuy thất kinh giới. Chí tinh nguyện dục sanh vô lượng thanh tịnh Phật quốc, đương niệm chí tâm bất đoạn tuyệt giả”.* Bên dưới là lời của Hoàng Niệm Tổ. *“Tổng thượng nhị kinh, tắc tri tu chư công đức chánh chỉ phụng hành lục độ”.* Đoạn kinh văn này nói đệ nhất bối, cao nhất là thượng căn thượng trí. Thượng phẩm thượng sanh tức vô vi đạo, đương tác Bồ Tát đạo.

Hàng thượng thượng căn rất gần với tánh đức. Vô vi, bên dưới còn có vô sở bất vi. Nếu chỉ có vô vi không có vô sở bất vi sẽ không thể độ chúng sanh. Chỉ có tự lợi không thể lợi tha nên nói tiếp là đương tác Bồ Tát đạo, đương tác Bồ Tát đạo chính là vô sở bất vi. Tôi độ mình còn phải độ chúng sanh. Hai câu này hợp lại chính là đức thứ nhất của tứ đức trong Hoàn Nguyên Quán “tùy duyên diệu dụng”, “đương tác Bồ Tát đạo phụng hành lục ba la mật kinh”, đây là tùy duyên. Diệu dụng, diệu dụng chính là vô vi đạo. Trong kinh giáo đại thừa nói Bồ Tát “tác nhi vô tác, vô tác nhi tác”, vô tác chính là vô vi, diệu dụng. Nhi tác chính là vô sở bất vi, chính là tùy duyên, tùy duyên diệu dụng là những điều đại Bồ Tát tu. Phàm phu là tùy duyên, tùy theo mà thay đổi, như vậy là không diệu dụng. Tùy duyên bất biến\_Ngày xưa tôi ra giảng kinh đem tùy duyên bất biến nói thành bốn câu. Trong kinh nói: “tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”. Tôi thêm vào hai câu: “tùy duyên tùy biến, bất biến bất tùy duyên”. Bất biến bất tùy duyên là A la hán, tùy duyên tùy biến là phàm phu, bất biến tùy duyên là Phật, tùy duyên bất biến là Bồ Tát. Tôi đem nó phân ra như vậy, để nói chúng ta không thể học phàm phu tùy duyên tùy biến, theo cảnh giới bên ngoài mà thay đổi. Bị cảnh giới ảnh hưởng theo nó mà chuyển, như vậy chính là rơi vào trong lục đạo. Đây là tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi. Cũng không học A la hán, A la hán bất biến bất tùy duyên. Chính mình đã thành tựu, không độ chúng sanh. Chúng sanh khó độ, không độ tha. Phải học Bồ Tát, phải học Phật, Phật là bất biến tùy duyên. Bồ Tát là trong tùy duyên học bất biến, đây là công phu.

Tùy duyên, không bị duyên xoay chuyển, không bị duyên ảnh hưởng. Đây là Bồ Tát, đương tác Bồ Tát đạo. Tùy duyên là tùy duyên gì? Chính là phụng hành lục ba la mật. Tùy thuận bố thí, tùy thuận trì giới, tùy thuận nhẫn nhục. Trong cuộc sống hằng ngày sáu loại này đều phải tu. Rốt cuộc cái nào trước sau? Không có thứ tự.

Bình thường trong cuộc sống ăn cơm mặc áo, công việc, đối nhân tiếp vật, tất cả đều tu. Từng giờ từng phút tương ưng với Bồ Tát lục ba la mật. Tiếp đãi người trên mặt nở nụ cười hoan hỷ đây là bố thí, bố thí hoan hỷ đây là nội tài bố thí. Đối với người cung kính thăm hỏi thân thiết đây là trì giới bố thí, trì giới cũng là bố thí. Vì thế trong một động tác, trong một ngôn ngữ, lục ba la mật đều ở trong đó.

Lục ba la mật cần tu như thế nào? Khởi tâm động niệm ngôn ngữ tạo tác. Ở trong đó làm gì? Ở trong đó hành lục ba la mật, hoàn toàn làm được lục ba la mật. Như vậy mới thành tựu viên mãn Bồ Tát đạo.

Bên dưới nói: *“tác sa môn bất đương khuy thất kinh giới”.* Sa môn, người xuất gia gọi là sa môn, người tại gia cũng là sa môn. Sa môn nghĩa là gì? Tinh cần tu giới định tuệ tức diệt tham sân si, đây gọi là sa môn. Vì thế sa môn là tên gọi thông thường của người tu hành, họ y giáo phụng hành. Bất luận tại gia hay xuất gia\_nhưng Phật giáo truyền đến Trung Quốc\_tại Ấn Độ bất luận là tại gia hay xuất gia, bất luận là Phật giáo hay các Tôn giáo khác, chỉ cần là người tu hành chơn chánh đều gọi là sa môn, nó là một danh từ phổ thông. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, người xuất gia ở Trung quốc, đây là danh xưng chuyên dùng của họ, nhưng có một vài cư sĩ cũng gọi là sa môn. Sa môn - người tu hành chơn chánh, không nên tổn thất kinh giới, ý này là gì? Người tu hành chơn chánh chẳng thể không học kinh, chẳng thể không trì giới, chính là ý này. Bất luận tại gia hay là xuất gia, kinh giới là quan trọng. Giới ở đâu? Giới ở trong kinh. Bất cứ trong bộ kinh nào cũng có giới. Bộ kinh này của chúng ta có thể nói 48 phẩm, thì mỗi phẩm đều có giới. Phát tâm bồ đề nhất hướng chuyên niệm, đây là giới. Đặc biệt nói về giới luật, 32, 33, 34, 35, 36, 37, mấy phẩm này đều nói về giới luật. Ngũ giới thập thiện, nghiệp nhân quả báo, hai thời tụng sáng tối của Tịnh tông, đặc biệt đã đề xuất những đoạn kinh văn này, là kinh văn cần phải đọc tụng vào thời khóa phải tu của buổi tối, từ phẩm 32 đến phẩm 37. Thời khóa sáng thì đọc 48 nguyện, phẩm thứ sáu. Chúng ta chọn ra hai đoạn kinh văn để làm thời khóa sáng tối của chúng ta, rất quan trọng! Thời kinh sáng chú trọng ở tín nguyện, thời kinh tối chú trọng sự sám hối. Tụng đoạn kinh văn này ngày ngày đối chiếu, hiện nay mỗi ngày khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của tôi có trái với giáo huấn của Đức Phật hay không. Đây gọi là chân tu, gọi là y giáo phụng hành.

*“Chí tinh nguyện dục sanh vô lượng thanh tịnh Phật quốc”.* Chí là đến tột cùng, tinh là thuần mà không tạp. Chính là nói quý vị chỉ có một nguyện không có nguyện thứ hai. Trong đời này tôi chí tinh nguyện, nguyện này là gì? Chính là muốn sanh tây phương Tịnh độ. Như vậy phải làm sao? *“Đương niệm chí tâm bất đoạn tuyệt giả”,* chúng ta ưng đương niệm, niệm Phật, niệm chí tâm. Chí tâm chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là chí tâm.

Trung Phong thiền sư trong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự nói rất rõ ràng: “Tâm tôi tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi”. Đây là chí tâm, đây là thật không phải giả. “Nơi đây tức là Tịnh độ, Tịnh độ tức là nơi đây”. Nếu thật sự chí tâm niệm Phật nơi ta ở chính là Tịnh độ. Tịnh độ tượng trưng cho điều gì? Tịnh độ tượng trưng nơi này là phước địa, nơi này không có thiên tai. Người phước ở đất phước, đất phước người phước ở. Nơi này đúng lý có thiên tai, nhưng có người tu hành chơn chánh ở đây thì ở đó sẽ không có thiên tai. Từ đó cho thấy, chúng ta tu hành chơn chánh, độ chính mình đồng thời cũng lợi ích người khác. Hoàn cảnh cư trú xung quanh không có thiên tai, đây là giúp đỡ người khác. Một đạo tràng kiến lập nơi đây, ở đây là đất phước, vì sao vậy? Nơi đây có rất nhiều người tu hành chơn chánh, có trí huệ, có phước báo.

Chí tâm niệm còn phải không đoạn tuyệt, không đoạn tuyệt chính là tương tục. Mục tiêu niệm Phật của Bồ Tát Đại Thế Chí là tịnh niệm tương tục, tương tục chính là bất đoạn. *“Tổng thượng nhị kinh, tắc tri tu chư công đức chánh chỉ phụng hành lục độ”.* Phải biết trước lục độ, nền tảng của nó là thập thiện, tam quy, ngũ giới. Không có thập thiện thì không có gốc rễ. Ngày nay Phật giáo tu hành rất khó khăn, đó là gì? Vì không thể thực hành thập thiện, gốc rễ không có. Chúng ta thấy sự việc này, cũng là điều đáng để ta suy nghĩ.

Vì sao thời cổ đại, bất luận tại gia hay xuất gia, tu thập thiện rất tốt, vì thế người thành tựu rất nhiều. Hiện nay vì sao không hành được thập thiện? Chúng ta truy tìm căn nguyên của nó, là giáo dục chúng ta có vấn đề. Giáo dục gì? Giáo dục gia đình. Dân tộc Trung Quốc năm ngàn năm rất coi trọng giáo dục gia đình, cũng chính là nói giáo dục cắm rễ của trẻ nhỏ. Ai dạy chúng? Cha mẹ dạy. Trong cổ lễ của Trung Quốc, có lễ phụ nữ mang thai. Khi mang thai nên làm như thế nào? Đoan chánh tâm niệm. Họ phải biết khởi tâm động niệm đều ảnh hưởng đến thai nhi, vì thế không thể có ý niệm không tốt. Nhất định phải thanh tịnh, phải giữ lễ. Như Chu Văn Vương khi mẹ ông mang thai ông\_điều này lịch sử có ghi chép\_bà ta có thể đoan chánh tâm hành. “Mục bất thị ác sắc”, mắt không nhìn những điều không tốt. Tai không nghe âm thanh dâm dục, miệng không nói ra lời ngạo mạn. Thân khẩu ý đều phải giữ gìn, vì sao vậy? Bà ảnh hưởng đến thai nhi, khi đứa bé này sanh ra dễ dạy, mười tháng công phu không uổng phí. Đứa trẻ rất lương thiện, rất dễ dạy. Sau khi sanh ra đứa trẻ biết nhìn biết nghe. Chúng đang bắt chước, ở trong thai mẹ là đã bắt chước rồi, huống gì khi đã sanh ra! Vì thế Đệ Tử Quy không phải dạy trẻ em đọc, không phải nói cho trẻ em nghe, đạo lý này cần phải biết.

Đệ Tử Quy là gì? Sống trong gia đình cha mẹ làm gương để con cái noi theo. Khiến đứa trẻ khi vừa mới mở mắt chúng đã nhìn thấy, thấy cha mẹ mình đối đãi với ông bà mình như thế nào. Người làm cha làm mẹ trong gia đình phải thực hành Đệ Tử Quy cho linh hoạt, nên đứa trẻ từ khi sanh ra cho đến năm ba tuổi\_một ngàn ngày\_đây gọi là giáo dục cắm rễ, chúng thấy và học hỏi hết. Đạo lý thì chúng không hiểu nhưng chúng bắt chước theo, tự nhiên chúng đều làm được. Đây làm giáo dục cắm rễ, đấy là gốc rễ của giáo dục thánh hiền là nguồn gốc của giáo dục Phật giáo.

Giáo dục Đức Phật đến Trung Quốc, có thể phát triển rộng rãi là nhờ điều này. Truyền thống giáo dục Trung Quốc cung cấp dinh dưỡng tốt nhất cho Phật pháp, khiến nó có thể sinh trưởng đơm hoa kết trái ở Trung Quốc. Trong đại thừa có được nhiều người thành tựu như vậy. Phật pháp đến Trung Quốc 2000 năm\_chúng ta suy tính, suy tính bảo thủ nhất thì thành tựu trên 3000 người, 3000 người này đã thành Phật. Như ngài Huệ Năng đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Trong Ngũ Đăng Hội Nguyên ghi chép là 1700 người, trong Cảnh Đăng Lục cũng có ghi chép, trong giáo môn cũng có. Tịnh độ tông niệm Phật vãng sanh và trong các kinh luận khác đều có rất nhiều. Trong Mật tông thành tựu ít nhất trên 3000 người thành Phật, điều này không đáng nễ sao! Mảnh đất rộng lớn, vùng đất báu, vùng đất phước này của Trung Quốc, rất nhiều người thành Phật, thành Bồ Tát như vậy. Ngày nay Trung Quốc động loạn, tuy hơn 1000 năm lãng quên truyền thống văn hóa, nhưng quá khứ tổ tiên tích công đức dày vì thế Trung Quốc có thiên tai\_chúng ta tạo nghiệp bất thiện, đương nhiên chiêu cảm đến thiên tai, nhưng tuyệt đối không diệt vong. Trên toàn thế giới tìm không thấy đất nước thứ hai có thể so sanh với Trung Quốc. Vì thế nên nhớ từ xưa đến nay các bậc thánh hiền dựng nên sự nghiệp, được thiên nhiên ưu đãi không phải không có nguyên nhân. Con cháu đời này của chúng ta không tốt nhưng tổ tiên chúng ta tốt.

Chúng ta không tốt là vì đời này của chúng ta đã mất đi truyền thống giáo dục, mắc lừa người ngoại quốc, học người ngoại quốc mà vứt bỏ truyền thống của chính minh, đây gọi là đại bất hiếu. Đại bất hiếu phải gặp thiên tai, phải chịu quả báo nhưng tuyệt đối sẽ không diệt vong.

*“Quán Kinh trung thượng phẩm thượng sanh giả, ưng cụ chư giới hành, đọc tụng đại thừa cập tu hành lục niệm”.* Lục niệm bên dưới có chú giải là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên. *“Hồi hướng phát nguyện, kỳ thật diệc tức phụng hành lục độ dã”.* Thực tế mà nói thì Phật pháp nói đầy đủ trên mọi phương diện. Lục niệm là điều phổ biến trong đại thừa, tu học đại thừa không ai không tu lục niệm. Trước là niệm Tam Bảo: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Tam Bảo là giác chánh tịnh, ý nghĩa này nhất định phải hiểu rõ ràng.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh ngài Huệ Năng nói rất rõ ràng. Ngài là nói tam quy y, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Ngài không dùng Phật Pháp Tăng, ngài dùng Giác Chánh Tịnh. Quý vị xem trong Pháp Bảo Đàn Kinh tổ sư truyền thụ tam quy, ngài nói quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh, ngài đã dùng chữ như vậy. Ngài dùng như vậy khiến chúng ta tưởng tượng ra, đại khái trong thời đại của ngài, Phật pháp ở thế gian đã có rất nhiều người ngộ nhận, chấp tướng. Quy y Phật nhất định là nặn bằng đất điêu bằng gỗ, quy y Pháp nhất định là kinh điển, quy y Tăng là người xuất gia, như vậy là sai. Những thứ đó là gì? Là tượng trưng cho Tam Bảo. Nó tượng trương cho điều gì quý vị phải biết. Tất cả Phật tượng là tượng trưng cho tánh đức. Tượng Bồ Tát, tượng A la hán tượng trưng cho tu đức. Tất cả đều là tượng trưng cho chính mình, điều này phải nên biết.

Phật tượng trưng cho đại giác, đại triệt đại ngộ. Pháp tượng trưng cho chánh tri chánh kiến. Tăng tượng trưng cho sự thanh tịnh hòa hợp, lục căn thanh tịnh không nhiễm chút trần. Quý vị hiểu được nghĩa này là thật sự đã quy y. Nhìn thấy tượng Phật liền nghĩ đến chúng ta phải giác mà không mê, thật sự đã quy y. Nhìn thấy quyển kinh lập tức nghĩ đến chánh mà không tà. Trong kinh điển là chánh tri chánh kiến. Thấy người xuất gia chúng ta liền nghĩ đến sáu căn thanh tịnh, không nhiễm chút trần. Tịnh mà không nhiễm là Tăng bảo, Giác mà không mê là Phật bảo, Chánh mà không tà là Pháp bảo. Phải hiểu rõ ràng rằng, ở đây không có chút mê tín nào. Nhìn thấy người xuất gia này họ trì giới hay không, không liên quan đến chúng ta. Họ là người xuất gia tốt hay người xuất gia không tốt cũng không liên quan. Quý vị nhìn thấy tướng này lập tức nghĩ đến chính mình, lục căn thanh tịnh, không nhiễm chút trần, quý vị thật đã quy y. Niệm Tam Bảo là niệm như thế, ngàn vạn lần không nên ngộ nhận.

Bên dưới là niệm giới. Thập thiện, tam quy, ngũ giới, thập giới có thực hành được hay chăng? Nhớ mà không thực hành cũng vô dụng, phải làm. Thí tượng trưng cho điều gì? Cổ nhân thường nói: “kỷ sở bất dục, vật thí ư nhân”. Nói cách khác tôi không muốn người khác đối đãi xấu với tôi, tôi cũng không nên đối đãi xấu với người khác. Tôi thích thấy người khác hoan hỷ, tôi thấy người nhất định rất hoan hỷ, đây chính là thí, trước là thí. Tôi muốn người khác tán thán tôi, thì tôi phải tán thán người khác trước, tôi muốn người khác giúp đỡ tôi, thì tôi phải giúp đỡ người trước. Cho nên bố thí phải hiểu cách yêu thương người khác, yêu thiên địa vạn vật. Bố thí ái tâm, bố thí quan hoài, bố thí quan tâm, bố thí giúp đỡ. Quý vị là người có thể làm như vậy thì không có gì không thuận lợi.

Điều ở sau là niệm thiên. Thiên dùng cách nói hiện nay là đại tự nhiên. Đối đãi đại tự nhiên có tâm kính sợ, tôn trọng. Như cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa. Bây giờ thời tụng kinh sáng hằng ngày của chúng ta đều liệt nó ra. Thời khóa sáng chúng ta nhất định phải lễ lạy cây cỏ hoa lá chúng linh, sơn hà đại địa, mười phương quốc độ vi trần thế giới sơn hà đại địa này đây là niệm thiên. Thiên có nghĩa là quang minh, có nghĩa là từ bi kiết tường. Chúng ta phải hiểu, phải thấu triệt. Thực tế mà nói tất cả đều nâng cao cảnh giới của chính mình, nâng cao tánh đức của mình và tăng trưởng trí huệ của mình, hồi hướng phát nguyện. Những công đức này, ngày ngày không gián đoạn tu học những công đức này, hồi hướng cho thế giới Cực Lạc, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, đây chính là phụng hành lục ba la mật, chính là tu các công đức. Điều này phải làm hằng ngày, phải làm từng giờ từng phút.

Trong sinh hoạt hằng ngày học tập tất cả cung kính. Đối với tất cả đều cung kính, tức là cung kinh tánh đức của chính mình, vì tất cả pháp đều từ tánh đức biến hiện ra. Chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm.

Câu bên dưới là: *“nguyện sanh kỳ quốc”,* đây là trong nguyện thứ 18, *“sở hữu thiện căn tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc”,* ngã quốc là Phật A Di Đà tự xưng. Nguyện thứ 19, *“Phục dĩ thiện căn hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc”,* và trong nguyện thứ 21, *“Chí tâm hồi hướng, dục sanh Cực Lạc, vô bất toại giả”,* nguyện thứ 22 ,*“Phát bồ đề tâm, yểm hoạn nữ thân, nguyện sanh ngã quốc”,* quý vị thấy nguyện thứ 18, 19, 21 và 22 đều nói đến nguyện sanh thế giới tây phương Cực Lạc, nguyện này rất quan trọng, vô cùng quan trọng. Phải đem thiện căn, thiện hạnh của chính mình, niệm niệm hồi hướng, cầu sanh Tịnh độ.

Mấy câu kinh văn này là Phật A Di Đà khuyên chúng ta phát nguyện vãng sanh, hiển thị vô tận từ bi ân đức rộng lớn vô biên. Đức Phật quá hiểu chúng ta, chúng ta trầm luân trong lục đạo, từ vô lượng kiếp đến nay không ra khỏi luân hồi lục đạo. Trong lục đạo chịu đau khổ cùng cực là do nguyên nhân gì? Mê hoặc điên đảo, không hề biết đến chân tướng sự thật, vẫn cứ cho rằng mình đúng. Mình nghĩ là đúng, mình làm là đúng, nào ngờ tất cả đều là sai, sai hoàn toàn. Đến khi nào mới có thể giác ngộ? Ở trên thế gian này đọc tụng đại thừa tu hành Phật pháp đây là một điều mở mang kiến thức. Thật sự giác ngộ ở đâu? Vãng sanh thế giới Cực Lạc quý vị thật sự đã giác ngộ. Vì khi chưa vãng sanh thế giới Cực Lạc thật là bán tín bán nghi, vì sao nói như vậy? Đây là sự thật. Quý vị chưa buông bỏ, không nhất tâm chuyên chú. Thật đã thấu triệt, buông bỏ vạn duyên thì không sao. Cũng chính là nói, Việc gì họ cũng không quan tâm, họ chỉ quan tâm một việc, chính là thật tâm niệm Phật. Từ sáng đến tối họ niệm Phật không gián đoạn, chính là việc này, ngoài việc này ra thì không quan tâm điều gì nữa. Tinh chuyên niệm Phật như vậy, cần bao nhiêu thời gian là biết trước giờ chết? Nhất định không ngoài ba năm họ sẽ thành công.

Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chúng ta thấy được trường hợp này, trong Vãng Sanh Truyện cũng thấy ví dụ này, trong chư vị đồng học cũng thấy được trường hợp này, hiện tại nhìn thấy được. Đây không phải giả, điều này không thể gạt người. Đối với thế gian này không có chút tham luyến nào. Thân thể này lưu lại ở thế gian, không phải vì mình, mình không có gì. Lưu lại thế gian, lưu lại thế gian là để giúp người khác, làm gương cho người khác. Vì thế quý vị đối với mọi việc đều thấy một cách rõ ràng minh bạch, hoàn toàn không chút mê hoặc. Mê là ở đâu? Có ta là mê, không có ta liền rõ ràng. Vì thế bất luận tiểu thừa hay đại thừa, điều kiện đầu tiên là phá thân kiến, không thể chấp trước thân này là ta. Hạng người nào có thể làm được? Phá được thân kiến, ý niệm tự tư tự lợi bị quét sạch. Tuyệt đối không có ý niệm tự tư tự lợi nào, vì sao? Không có cái ta, tâm lượng đã rộng lớn. Cái gì là ta? Biến pháp giới hư không giới muôn sự muôn vật là ta. Người xưa có câu ngạn ngữ, mọi người đều biết. Người mẹ yêu quý con họ, đặc biệt là trẻ hai ba tuổi, xem chúng như ruột gan của mình. Đó thật sự là gì? Là cảm xúc nhất thể, mẹ con liền tâm. Trẻ con tuy không biết nói, nhưng khi trẻ có tình huống ra sao người mẹ điều có thể cảm nhận được, đó là nhất thể. Dần dần lớn khôn lại quên mất tình cảm này, rất xa rất mỏng manh.

Chư Phật Bồ Tát đối với a tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới, cũng giống như mẹ chăm sóc con nhỏ, chăm sóc khúc ruột của mình. Chúng sanh đông đảo đều là khúc ruột của Như Lai, nhưng chính chúng ta hoàn toàn không có cảm xúc này, còn hoài nghi đối với ngài, thậm chí còn phê bình ngài, đây là đại bất kính, đại bất hiếu. Thế giới Cực Lạc là vì chúng ta mà kiến lập, không phải vì chính ngài, đặc biệt là vì chúng sanh trong luân hồi lục đạo. Vì sao? Vì mê quá sâu, nghiệp chướng quá nặng. Chúng sanh trong luân hồi lục đạo cũng có thể nhất niệm thành Phật. Nguyên nhân này chúng ta phải khẳng định, không nên hoài nghi, vì sao vậy? Vì chúng sanh tạo ác nghiệp họ nhất niệm có thể thành Phật, vì sao? Vì họ vốn là Phật. Vì thế phải xem nhân duyên.

Lời của Thiện Đạo đại sư nói rất hay: “thường ở chỗ gặp duyên không giống nhau”, nếu nhân duyên họ đặc biệt thù thắng lập tức liền được thành Phật. Tuy tạo tội cực kỳ sâu nặng như ngũ nghịch thập ác, ý niệm họ vừa thay đổi họ đã giác ngộ, đại triệt đại ngộ\_họ đã thành Phật. Nhân duyên của pháp môn niệm Phật vô cùng thù thắng, nó là viên mãn, nó là cứu cánh nhưng chúng ta có thể gặp được chăng? Quan trọng nhất là tâm mình. Vì thế trong kinh nói tâm duyên sau cùng là giác định. Điều này ở sau chúng ta sẽ đọc đến, chính là trong phẩm này. Tâm quan trọng hơn bất kỳ điều gì. Tâm nhất định phải thuần tịnh thuần thiện, tuyệt đối không để cảnh giới bên ngoài làm ô nhiễm tâm chúng ta. Cảnh giới bên ngoài tốt không có tham luyến. Cảnh giới bên ngoài không tốt không có oán hận. Luôn luôn giữ được bình thường tâm, bình thường tâm là chân tâm. Bị cảnh giới bên ngoài làm ô nhiễm là vọng tâm, chân tâm không bị ô nhiễm. Cũng tức là mỗi thời khắc đều nên bảo hộ chân tâm, không để bên ngoài làm ô nhiễm. Phương pháp tốt nhất là ngày ngày đọc tụng đại thừa.

Nếu cảm thấy trong tâm tôi đã bị ô nhiễm không còn tự tại. Tâm động, quý vị liền niệm Phật, tụng kinh, như vậy có thể trở lại bình thường. Bình thường là hỷ duyệt, là trí huệ, là đức năng, đương nhiên là tướng hảo. Vì sao vậy? Tướng tùy tâm chuyển. Tâm tốt tướng sẽ tốt, tâm mạnh khỏe thân liền mạnh khỏe, đây là đạo lý nhất định. Tâm thanh tịnh tâm liền thanh tịnh, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Tu hành là tu cái gì? Chính là tu điều này.

Hôm nay hết giờ rồi, trong tứ nguyện đều nói đến nguyện sanh kỳ quốc. Chúng ta học đến nguyện 21. Hôm nay chỉ học đến đây.

Hết tập 405

# Tập 406

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian:11.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 506, hàng thứ 6, bắt đầu xem từ hai chữ cuối cùng. Nguyện thứ 22 *“Phát bồ đề tâm, yểm hoạn nữ thân, nguyện sanh ngã quốc”* bắt đầu xem từ đây.

Ở trên đưa ra bốn nguyện, bốn nguyện trong 48 nguyện là nguyện 18, 19, 21, và 22, đều nói đến nguyện sanh về cõi nước tôi, đều là ý này. Nguyện này vô cùng quan trọng, dù tu có giỏi bao nhiêu, nếu không nguyện vãng sanh, thì nhất định không thể được vãng sanh. Vì thế nguyện sanh là điều kiện tiên quyết để vãng sanh. Trong nguyện này có *“phát bồ đề tâm, yểm hoạn nữ thân”,* đương nhiên chúng ta vừa xem là biết ngay đây là nói với nữ đồng tu, cũng có người thích nữ thân.

Chúng ta biết Chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát vĩnh viễn là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, xưa nay chưa từng bức bách người nào. Nhưng thế giới Cực Lạc không có nữ thân, đây là nguyên nhân gì? Chắc chắn là Phật A Di Đà khi còn ở nơi nhân địa phát đại tâm như vậy. Ngài đa tham quan vô lượng vô biên quốc độ của Chư Phật, chắc là thấy được có nam nữ ở cùng nhau, hoàn cảnh này sẽ có địa ngục. Nếu không có nam nữ sống cùng nhau hoặc nước này tất cả là nữ giới hay tất cả nam giới thì nơi đây không có địa ngục. Hình như thấy được sự thật này, cho nên tỳ kheo Pháp Tạng liền có sự suy nghĩ, tương lai ngài kiến lập đạo tràng lớn, thế giới Cực Lạc là đạo tràng lớn, trong đó hoàn toàn là thế giới bình đẳng, có nam nữ là không bình đẳng. Cho nên thuần là thân người nam, người nữ vãng sanh về thế giới Cực Lạc đều trở thành thân người nam. Tướng tốt của thân hoàn toàn tương đồng với Phật A Di Đà. Như vậy là sao? Ngạo mạn sẽ không sanh khởi, tự ty cũng không sanh khởi. Đây là hai loại phiền não nghiêm trọng trong vô lượng thế giới, hai loại phiền não này rất khó tiêu trừ. Thế giới tây phương vì sao dễ được thanh tịnh bình đẳng giác, được tâm thanh tịnh, được tâm bình đẳng, giác mà không mê? Chính là ở thế giới đó tất cả đều bình đẳng, chẳng có pháp nào không phải tùy niệm mà sanh.

Thế giới này của chúng ta không biết giới khoa học đã nghĩ bao nhiêu năm, hy vọng giấc mộng này có thể thành hiện thực. Chính là vật chất biến hóa có thể phát sanh tùy theo ý niệm của chúng ta. Nghĩ điều gì liền biến ra điều đó, tự tại biết bao. Nguyện vọng này của các nhà khoa học ở thế giới tây phương Cực Lạc đã thành hiện thực từ lâu rồi. Thế giới tây phương tất cả pháp đều từ tâm tưởng sanh, thế giới này của chúng ta cũng vậy, nhưng thế giới tây phương Cực Lạc thù thắng hơn chúng ta, đích thực vừa nghĩ đến liền hiện tiền. Chúng ta so với thế giới tây phương Cực Lạc khoảng cách còn kém quá xa, nên đọc kinh văn này nhất định phải hiểu, đức Phật A Di Đà không có thiên lệch. Luôn hy vọng xã hội có thể hài hòa, luôn hy vọng tham sân si mạn trong căn bản phiền não có thể tự nhiên tiêu trừ. Trong hoàn cảnh của ngài, ý niệm này không sanh khởi được, tuy phiền não chưa đoạn nhưng không có duyên, không có duyên phiền não không khởi hiện hành, đây chính là điểm hay của ngài.

*“Như thị chư nguyện trung”,* bốn nguyện ở trước đưa ra. *“Giai dĩ phát nguyện hồi hướng, cầu sanh Tịnh độ vi khuyến dã”.* Khuyến ở đây tức là nguyện vãng sanh, là Phật Di Đà và Chư Phật vô tận từ bi. Chúng ta phải nên thể hội được ân đức lớn của Chư Phật Bồ Tát đối với chúng ta, chúng ta mới sanh khởi tâm báo ân. Ân đức của Chư Phật Bồ Tát đối với chúng ta, chúng ta hoàn toàn không biết, vô tình biến thành vong ân bội nghĩa, như vậy là có tội.

Ân đức Chư Phật Bồ Tát phổ biến thí cho tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới, bình đẳng thí cho, không phân biệt, không chấp trước. Cảm thọ chúng sanh không giống nhau. Trong Phật pháp nói hàng thượng căn lợi trí, họ thấu triệt. Hàng trung hạ căn cần có người chỉ điểm nói rõ giải thích cho họ thì họ sẽ biết. Đối với hàng hạ ngu thì khó, người tà kiến khó vì họ không tin. Điều này trong nhà Phật có một danh từ gọi là xiển đề tức, đây là tiếng phạn, nghĩa là hạng không có thiện căn. Sao lại nói họ không có thiện căn? Họ không tin. Dù nói có rõ ràng đến đâu, mạch lạc đến đâu họ cũng không tin. Họ không nhìn thấy, nhìn thấy họ mới tin. Đến lúc lâm chung cảnh giới địa ngục hiện tiền họ mới tin, lúc này không còn kịp nữa.

Trong nhiều Tôn giáo đều nói người tin được cứu. Phật Bồ Tát và thánh hiền cũng không ngoại lệ. Nếu quý vị có thể tin, có thể tiếp thu, có thể lý giải thì quý vị sẽ đạt được lợi ích. Quý vị không lý giải, không tin Chư Phật Bồ Tát từ bi cũng không gia trì được.

Chúng ta xem nhị độ của Thế Tôn khuyến cáo đối với chúng ta *“A Di Đà Kinh viết, chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Hựu nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ. Hựu vân, nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện dục sanh A Di Đà Phật quốc giả. Thị chư nhơn đẳng, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.* Đây là đưa ra trong Kinh A Di Đà, Kinh A Di Đà không dài. Ba lần khuyên chúng ta phát tâm vãng sanh Tịnh độ. Cho thấy nguyện sanh vào nước này là then chốt để vãng sanh thế giới Cực Lạc. Đây là thật, có muốn đến đó chăng?

Hiện nay chúng ta đang sống trong xã hội động loạn, trên địa cầu thiên tai nên mỗi niệm đều hy vọng cầu vãng sanh Tịnh độ, càng sớm càng tốt. Vãng sanh sớm một ngày thì an lạc sớm một ngày, sớm một ngày xa rời đau khổ. Vãng sanh trể một ngày thì ở cõi Ta Bà này chịu khổ thêm một ngày, sự thật không phải như vậy đó sao? So sánh hai thế giới khác biệt nhau hoàn toàn.

Ở thế gian này những gì chúng ta hy vọng đạt được, ở thế giới Cực Lạc cần có đều có, không thiếu món nào. Phẩm chất tốt hơn chúng ta nơi đây quá nhiều. Phòng nhà chúng ta ở ở đây chẳng qua làm bằng sắt xi măng gạch ngói tạo nên, còn thế giới Cực Lạc là thất bảo tạo thành. Thế gian này đại địa là bùn đất, thế giới tây phương Cực Lạc đại địa là lưu ly. Lưu ly người bây giờ gọi là ngọc bích, viên ngọc màu xanh, trong suốt, từ trên mặt có thể nhìn thấu suốt bên trong. Bất luận là về sinh hoạt vật chất hay sinh hoạt tinh thần, không thể nào so sánh được, vậy tại sao không đi!

Phật A Di Đà hoan nghênh chúng ta đến, đại chúng ở thế giới Cực Lạc cũng hoan nghênh chúng ta. Chúng ta học tập đại thừa nhiều năm như vậy trong tâm đã có dự định, đều rất rõ ràng. Thế giới Cực Lạc là do tự tánh chúng ta biến hiện ra, liên quan mật thiết với chúng ta. Đây thật sự là quê cũ của mình, không đi không được. Trong mười phương quốc độ thế giới tây phương Cực Lạc là dễ đi nhất, hầu như không có điều kiện. Chỉ cần tin, chỉ cần muốn đi. Niệm một câu A Di Đà Phật, mười câu A Di Đà Phật đều được, mấu chốt là quý vị có muốn hay không.

Trong Yếu Giải Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: có thể vãng sanh hay không quyết định ở chỗ có tín nguyện hay không, đây là điều có thể vãng sanh hay không. Phẩm vị cao thấp ở chỗ công phu trì danh sâu hay cạn, đó là phẩm vị đến thế giới Cực Lạc. Có thể đến thế giới Cực Lạc hay không là nói tín nguyện. Điều này nói quá hay! Vì thế chỉ cần có tín, có nguyện, nhất niệm cũng có thể vãng sanh. Điều này ở sau còn có khai thị rất tường tận, khai thị của Hoàng Niệm Tổ nói rất hay. Nhất niệm này rất chú trọng, người có thể nói rõ nhất niệm này không nhiều. Phẩm vị quý vị vãng sanh về thế giới Cực Lạc, điều này cần hỏi quý vị, xem quý vị dùng tâm như thế nào niệm danh hiệu Phật. Tôi nhất tâm xưng niệm. Nhất tâm có lý nhất tâm, có sự nhất tâm. Lý nhất tâm niệm câu Phật hiệu này, quả báo là thượng bối. Tam bối: thượng trung hạ tam bối là thượng bối vãng sanh. Sự nhất tâm bất loạn là trung bối vãng sanh. Nếu tập khí phiền não của chúng ta nhất phẩm cũng chưa đoạn, đây chỉ là nhất thời chế phục tập khí phiền não này, đây là hạ bối vãng sanh. Ba loại tâm này cũng trong khoảng một niệm phát ra, đây đều ở nơi nhân duyên.

Duyên có thuận cảnh, có nghich cảnh. Bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh chỉ cần duyên này thúc đẩy quý vị thành công, ngoài Phật A Di Đà ra thì không còn ý niệm nào cả, tự nhiên tương ưng với lý nhất tâm, sanh về thế giới Cực Lạc là sanh vào cõi thật báo trang nghiêm.

Trong kinh nói cho đến người ngũ nghịch thập ác khi lâm chung gặp duyên bức bách, họ chỉ có Phật A Di Đà còn tất cả đều buông bỏ. Quý vị thấy ngũ nghịch thập ác, nhất niệm vãng sanh, sanh vào cõi thật báo trang nghiêm, thật không thể nghĩ bàn, nhưng nhân duyên này không phải ai cũng có thể gặp được. Chư vị tổ sư nói nhân duyên này là có, không thể phủ định, nhưng trong ngàn vạn người hiếm được một người, không phải đều có thể gặp được. Thật sự là lý nhất tâm, trong một sát na chân tâm xuất hiện, chân tâm chính là lý nhất tâm. Đó thật là trong vạn vạn người mới có được một người.

Chúng ta thử nghĩ xem công phu này có thể luyện chăng? Được, có thể luyện. Luyện như thế nào? Nhất định phải đọc tụng đại thừa, thường nghe giáo huấn đại thừa, từ từ vun bồi tri kiến của chúng ta. Vứt bỏ tri kiến phàm phu, tri kiến luân hồi phải buông bỏ, để tiếp thu tri kiến Phật. Đem tri kiến Phật biến thành tri kiến của mình. Phật biết điều gì? Phật biết tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Đức Phật biết toàn thể vũ trụ với mình là nhất thể. Đức Phật biết trong tự tánh, chẳng những không có phân biệt chấp trước, đến khởi tâm động niệm cũng không có.

Ngày nay chúng ta thường đọc kinh đại thừa nên cũng biết, biết như thế nào? Biết được không tương ưng, không làm được. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, vẫn là bệnh cũ - khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, đến thân kiến cũng chưa buông bỏ. Từng giờ từng phút vẫn nghĩ đến danh văn lợi dưỡng, điều này là sai, đây là tri kiến phàm phu. Tri kiến phàm phu nói cho thấu đáo chính là tâm luân hồi. Luân hồi tâm thì kiến giải của quý vị chính là luân hồi kiến, những việc quý vị làm chính là nghiệp luân hồi. Thiện thì nghiệp báo ở trong ba đường thiện, ác thì quả báo ở trong ba đường ác, không ra khỏi luân hồi lục đạo.

Chúng ta có thể nhớ lời trong Kinh Bát Nhã, dùng trong cuộc sống hằng ngày “nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Nếu vun bồi điều này thành thói quen, thì đây là tâm gì? Đây là lý nhất tâm. Tương ưng với tự tánh viên mãn, vạn pháp giai không. Trong Kinh Kim Cang nói: “mộng huyễn bào ảnh”, đây là gì? Đây là chúng ta hiện tại đối diện với xã hội, đối diện mười pháp giới, là mộng huyễn bào ảnh, không có thứ nào là thật. Niệm niệm không rời thanh tịnh bình đẳng giác, trong cảnh giới này nhất niệm mười niệm, sanh đến thế giới Cực Lạc là cõi thật báo trang nghiêm. Chúng ta có thể luyện được chăng? Được! chỉ cần thay đổi bệnh tập khí, bệnh tập khí không thay đổi được là không hiểu được chân tướng sự thật. Mỗi giờ mỗi phút chúng ta nghĩ đến nhớ đến, nghĩ đến là ý, ghi nhớ là niệm: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”.

Sáu căn tôi tiếp xúc cảnh giới lục trần, ý niệm đã động. Ý niệm động lập tức niệm câu này: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, ý niệm liền đoạn tận. Đây gọi là luyện công phu. Tuyệt đối không so đo với người khác, như thế nào cũng tốt. Việc tốt cũng tốt, việc xấu cũng tốt, vì sao vậy? Vì đều là hư vọng. Việc tốt đồng nghĩa với hư vọng, việc xấu cũng đồng nghĩa với hư vọng, tất cả đều trở về số không, chẳng phải không việc gì đó sao, thiên hạ thái bình rồi. Trở về số không là sao? Trở về số không là đã thành Phật, Phật chính là không. Trong khi học tập chúng ta thường nhắc đến câu trở về tự tánh.

Đức Phật dạy chúng ta diệu pháp, quả nhiên trở về tự tánh, tâm niệm trở về tự tánh, một câu A Di Đà Phật gọi là lý nhất tâm bất loạn. Phàm phu, tiểu thừa không thể trở về được, không quay đầu được, không trở về tự tánh được. Họ coi những huyễn tướng này là thật, ở trong đó khởi tâm động niệm. Người Trung Quốc nói ở trong đây sanh khởi thất tình lục dục. Chúng ta sai là sai ở đây, đời đời kiếp kiếp đều sai ở chỗ này, như vậy thì không đến được thế giới Cực Lạc. Duyên chúng ta gặp là thù thắng, vì sao vậy? Vì những đạo lý này trong đại thừa giáo chúng ta đều hiểu, đây gọi là giải ngộ.

Tiến thêm một bước, giải ngộ giúp chúng ta khế nhập. Chính là nói thật sự giúp chúng ta buông bỏ, chúng ta thật sự đạt được lợi ích. Tất cả pháp của thế xuất thế gian đều thấy rõ ràng, thấu triệt, đây là trí huệ. Như như bất động, đây là tự tánh, tự tánh bổn định. Đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, vốn không dao động nhất định không có chút ảnh hưởng nào, vì thế hành vi của họ tự nhiên tương ưng với tánh đức. Nương trí huệ không nương phiền não. Trí huệ đó là trí huệ bát nhã vốn có trong tự tánh, không phải cầu mà có, điều này cần nên biết.

Người thế gian nương vào tri thức, họ học rất nhiều. Gặp việc gì đều nghĩ tri thức giải quyết vấn đề. Tri thức có thể giải quyết chăng? Có thể giải quyết. Tri thức có giới hạn, có hậu di chứng. Trí huệ từ trong tự tánh sanh ra, không phải từ bên ngoài vào. Trí huệ từ trong định sanh ra, nhân giới được định, nhân định khai huệ, nó vốn có trong tự tánh. Trí huệ không phải cầu từ bên ngoài, cầu bên ngoài là tri thức. Những thứ bên ngoài chúng ta có cần chăng? Có thể cần, nó không chướng ngại. Quý vị vừa thấy liền minh bạch, vừa nghe đã giác ngộ, vừa tiếp xúc đã thông đạt thấu triệt, không có chướng ngại.

Thiện Tài Đồng Tử biểu diễn cho chúng ta thấy 53 lần tham bái. 53 lần tham bái ngày nay gọi là cầu tri thức, nhưng Thiện Tài Đồng Tử đã đến nhất tâm bất loạn, nên ngài cầu tất cả đều là trí huệ. Hậu đắc trí, vô sở bất tri. Người khác giống như ngài nhưng họ đạt được là tri thức còn ngài đạt được là trí huệ, không giống nhau. Nếu hỏi vì sao không giống nhau? Vì dụng tâm không giống nhau. Thiện Tài dùng tâm thanh tịnh, người khác dùng là tâm nhiễm ô. Thiện Tài Đồng Tử dùng chân tâm, người khác dùng vọng tâm. Chân tâm chính là nhất tâm, chính là nhất niệm, chính là chân như, là tự tánh. Vọng tâm là A lại da là khởi tâm động niệm, là phân biệt là chấp trước, có nhiễm tịnh, có thiện ác. Vì thế công phu tu hành có sai khác, đích thực luôn ở chỗ dụng tâm không giống nhau.

Quý vị dụng là tâm gì, như thế sẽ biết vun bồi trí thiên chân quan trọng biết bao. Thiên là tương ưng với đại tự nhiên, không có chút tạo tác nào đây là thiên nhiên. Thiên tánh chính là bản tánh, chính là tự tánh, tất cả mọi người đều có. Quý vị xã bỏ hư vọng thì chân thật liền hiện tiền, vì chân thật là vốn có. Chỉ là những hư vọng này chướng ngại nó khiến quý vị không phát hiện, nhưng nó có thật. Ngay trước mặt nhưng quý vị không nhận ra, không cảm giác được sự tồn tại của nó. Nếu nó không tồn tại tất cả hiện tượng cũng đều không có.

Ngày nay các nhà khoa học đem vạn tượng trong vũ trụ chia thành ba loại lớn: Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên. Nếu không có chân tâm ba loại hiện tượng này liền không có. Nhất định phải nhớ trong Kinh Hoa Nghiêm nói: muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới đều là tâm hiện thức biến, năng hiện là tự tánh.Trong Hoàn Nguyên Quán nói tự tánh thanh tịnh viên minh thể chính là nó hiện. Nó năng hiện, nó năng sanh. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm là do thức biến, thức là gì? A lại da, A lại da biến ra. A lại da phải nương vào chân tâm, nếu chân tâm không hiện, A lại da biến như thế nào? Nếu chân tâm không hiện đến A lại da cũng không có. A lại da cũng là tâm hiện, nó là vọng tâm. Nó có khởi tâm động niệm, có phân biệt chấp trước. Vì thế tâm hiện là nhất chân pháp giới, chính là cõi thật báo trang nghiêm. A lại da đem nó biến thành mười pháp giới y chánh trang nghiêm, nên bản chất của mười pháp giới y chánh trang nghiêm chính là cõi thật báo. Minh bạch điều này, biết được sự việc này\_Trung Phong thiền sư biết và minh bạch, vì thế ngài mới nói: “Nơi đây tức là Tịnh độ, Tịnh độ chính là nơi đây”. Nếu ngài không biết thì không thể nói ra lời này. “Tâm tôi tức là Di Đà, Di Đà tức là tâm tôi”. Trung Phong thiền sư nếu chưa nhập vào cảnh giới này làm sao nói ra được như vậy!

Chúng ta ngày nay\_Trung Phong thiền sư có thể nhập vào cảnh giới này, chúng ta vì sao không thể? Chúng ta ngày nay bao nhiêu năm học đại thừa kinh giáo, nguyên lý đã rõ ràng, phương pháp cũng đã rõ, cho đến kinh nghiệm hiệu quả mọi thứ đều rõ ràng. Chỉ kém hơn một chút, chưa nỗ lực buông bỏ. Là buông bỏ một chút nhưng chưa đủ nỗ lực. Cố gắng buông bỏ, triệt để buông bỏ, chúng ta tùy thời nhất niệm vãng sanh. Địa vị sau khi vãng sanh được nâng lên rất nhiều.

Đức Phật nói thế giới Ta Bà tu hành một ngày bằng thế giới Cực Lạc tu hành 100 năm, ý này chúng ta đã hiểu. Đây là trí huệ chân thật, lợi ích chân thật. Không biết, không minh bạch có thể tha thứ, không cần nói đến họ. Chúng ta trong đời này học rất nhiều kinh điển đại thừa. Lời vàng ngọc của Chư Phật Bồ Tát, giáo huấn chân thật, chúng ta đã nghe nhiều, chẳng thể nói là không hiểu, chính là không thay đổi được tập khí phiền não. Bây giờ là thời khắc then chốt, chúng ta biết sẽ có thiên tai. Thiên tai khi nào bộc phát không ai biết được. Nhất định có, vì sao nói nhất định có? Điều này từ nhân quả chúng ta thấy được. Mọi thiên tai đều là tâm hành bất thiện chiêu cảm ra. Tiêu chuẩn thiện ác trong giáo dục truyền thống, lấy luân lý làm tiêu chuẩn.

Ngày nay có được mấy người không trái với luân lý? Ngũ thường là tiêu chuẩn, nhân lễ nghĩa trí tín có mấy người làm được? Tứ duy là tiêu chuẩn, lễ nghĩa liêm sĩ. Bát đức hiếu đệ trung tín, nhân ái hòa bình, không làm được. Người biết nó không nhiều, người thực hành nó không thấy. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác hoàn toàn trái với bốn khoa này, như vậy có thể không có thiên tai sao?

Phật pháp nói càng đơn giản: thập thiện, tam quy, ngũ giới, lục độ, thập nguyện. Rất đơn giản, đối chiếu thử. Các vị đồng học trong nhà Phật, bất luận là tại gia hay xuất gia có làm được hay không? Đến thập thiện cũng không làm được, những điều khác không cần nói. Thập thiện là căn bản. Tiểu thừa đem thập thiện triển khai thành 3000 oai nghi. Bồ Tát triển khai thập thiện thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh, nhưng quy nạp lại chính là mười điều. Điều này tương ứng với câu nói của Tu Vô pháp sư: “nói được mà không làm được thì không trí huệ phải chân”. Nói được không làm được vẫn là mê hoặc điên đảo. Nếu trí huệ hiện tiền nhất định làm được.

Vì sao không khai trí huệ? Không hành trì, không y giáo phụng hành. Thật sự hành trì trí huệ liền khai. Hành trì một phần trí huệ khai một phần, hành trì mười phần trí huệ khai mười phần. Nên đem sở học biến thành sinh hoạt của mình. Như vậy quý vị đang sống như thế nào? Cuộc sống của Phật Bồ Tát, cuộc sống của Phật Bồ Tát là được đại tự tại, ngày này chúng ta gọi là mạnh khỏe an vui, được đại tự tại, quý vị đã thực hành được. Thật đã thực hành tức tùy thời có thể vãng sanh, hình như có đường dây nóng để nói chuyện với Phật A Di Đà, tùy thời cảm, tùy thời ứng. Muốn khi nào đi Phật nhất định đến tiếp dẫn. Quý vị nghĩ xem tự tại biết bao, an vui biết bao. Không có chút do dự hoài nghi nào, không có, ai ai cũng làm được.

Thế giới tây phương Cực Lạc, đích thực là mười pháp giới tất cả chúng sanh người người bình đẳng. Phật A Di Đà chí công vô tư, không hề có chuyện đối với người này tốt hơn, đối với người kia kém hơn một chút, không có. Tất cả đều đối đãi bình đẳng, ngài thật làm được như thế chúng ta cần phải học hỏi theo ngài. Đây chính là thật sự làm được không khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm thì bình đẳng không còn. Phân biệt, chỉ còn một chút phân biệt chấp trước thì đã tạo nghiệt.

Vì thế phát nguyện, nguyện sanh quan trọng hơn bất kỳ điều gì. Phật Bồ Tát từ bi, không mệt nhọc phiền phức, trong kinh luận phổ biến nhắc nhở chúng ta, không ngừng lặp lại.

Đoạn sau nói: *“Lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền. Thử chánh đệ nhị thập, lâm chung tiếp dẫn nguyện chi thành tựu”.*

48 nguyện của Phật A Di Đà hoàn toàn đã thành hiện thực. Người niệm Phật, người cầu vãng sanh, khi lâm chung Phật A Di Đà và chư thánh chúng, hiện tiền đến tiếp dẫn, người này nhất định được vãng sanh. Nếu người niệm Phật khi lâm chung không thấy được Phật A Di Đà, không thấy được Quan Âm Thế Chí, như vậy không thể đi, nhất định phải đợi họ đến. Khi lâm mạng chung họ không đến thì chắc chắn mình có nghiệp chướng, nhất định phải sám trừ nghiệp chướng. Nghiệp chướng chỉ cần sám trừ, Phật Bồ Tát lập tức hiện tiền. Không phải ngài không đến, là nghiệp chướng làm chướng ngại. Cho nên lâm chung có thiện hữu, có thiện tri thức giúp họ trợ niệm, mỗi niệm nhắc nhở họ, công đức vô lượng! Chúng ta biết được điều này, đương nhiên tốt nhất là lúc bình thường chúng ta nên tiêu trừ nghiệp chướng, hóa giải nghiệp chướng, lâm chung không có chướng ngại.

Chúng ta xem xem đây là sự việc cách chúng ta không lâu. Người đệ tử làm thợ hàn của Đế Nhàn pháp sư, lâm chung không có chướng ngại. Vô Tu pháp sư Chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân lâm chung cũng không chướng ngại, còn một vài cư sĩ niệm Phật khi ra đi đứng mà vãng sanh, ngồi vãng sanh, không có chút chướng ngại gì. Đây là sao? Bình thường biết buông xả. Cũng chính là nói họ bình thường trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra không có gì tồn tại. Quý vị muốn hỏi họ, quý vị hỏi đông họ A Di Đà Phật. Quý vị hỏi tây họ A Di Đà Phật. Bất luận quý vị hỏi họ điều gì họ trả lời quý vị đều là A Di Đà Phật. Ngoài Phật A Di Đà ra họ không biết thêm gì nữa, biết cũng không để trong lòng. Tâm họ thuần tịnh biết bao, thanh tịnh biết bao, không có chút nhiễm ô nào khi lâm chung Phật đương nhiên hiện tiền.

Phật có đến hay không? Không đến. Có đưa họ vãng sanh thế giới Cực Lạc chăng? Không đi. Quý vị nói có đến có đi là sai lầm, là tri kiến phàm phu. Vì sao vậy? Thể của pháp giới là thể bất tư nghì. Không có thời gian thì không có trước sau, không có không gian là không có cự ly. Biến pháp giới hư không giới đều ngay đây. Mười phương tam tế, ở ngay một niệm này, điều này chúng ta đã hiểu, chúng ta đã thấy trong Hoàn Nguyên Quán. Trong đối thoại của Di Lặc Bồ Tát và Thích Ca Mâu Ni Phật chúng ta được nghe, biến pháp giới hư không giới chính là một niệm. Trong một niệm chính là biến pháp giới hư không giới. Trong một niệm không có trước sau. Trong một niệm không có đến và đi, không có khoảng cách. Một niệm chính là một niệm ngay đây. Nếu đoạn một niệm này thì hư không pháp giới cũng không còn, vì hư không pháp giới là sở hiện, một niệm ngay đây này là năng hiện, năng sở không hai.

Trước mắt chúng ta cảnh giới này tồn tại, chính là một niệm này chưa đoạn. Một niệm này vừa diệt thì niệm sau lại khởi lên, niệm niệm tương tục. Nếu một niệm này đoạn, cảnh giới hoàn toàn không còn. Hoàn toàn không có chẳng phải tất cả đều không có, đã trở về tự tánh. Trong Tịnh độ tông nói là trở về thường tịch quang. Trong thường tịch quang không có hiện tượng, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên đều không có nhưng những hiện tượng này đều do thường tịch quang biến hiện. Thường tịch quang sao lại biến hiện? Chúng sanh có cảm, nó tự nhiên có ứng. Chỉ cần chúng sanh có cảm thì liền hiện tướng. Tất cả tướng hiện ra toàn là chúng sanh sở cảm.

Chúng ta hỏi Như Lai có hiện tướng hay không? Như Lai không có. Cảm ứng đạo giao, bốn chữ này ý nghĩa rất thâm sâu, rộng sâu vô tận, hoàn toàn là cảm ứng. Nói cách khác tự tâm của ta cảm ứng tự tâm của Phật A Di Đà xuất hiện. Tự tâm quý vị cảm ứng tự tâm Phật A Di Đà của quý vị xuất hiện, chính là ý này. Cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn, như vậy quý vị sẽ hiểu.

Tự tánh Phật A Di Đà của tôi, với Phật A Di Đà do Pháp Tạng tỳ kheo sở thành ở thế giới Cực Lạc là một không phải hai. Không những tôi và Phật A Di Đà là một không phải hai mà tôi với mười phương tam thế tất cả Chư Phật Như Lai, tất cả Chư Bồ Tát cũng là một không phải hai. Niệm vị Phật nào thì vị Phật đó hiện tiền. Niệm vị Bồ Tát nào thì vị Bồ Tát đó hiện tiền tất cả đều là đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận. Tùy xứ, đương xứ chính là ý niệm. Bồ Tát Di Lặc nói một giây là một trên 1600 triệu. Nhất niệm đó chính là nhất niệm đó hiện, nhất niệm hiện, niệm niệm hiện, nếu không phải niệm niệm hiện chúng ta không cảm nhận được. Vì thế tướng mà chúng ta thấy là tướng tương tự tương tục, vì chúng ta không có phân biệt, không có chấp trước. Giống như đây là tướng tương tục, trước và sau hoàn toàn giống nhau, không phân biệt, không chấp trước. Nếu phân biệt chấp trước vừa khởi, tướng trước sau liền không giống nhau, khác nhau rất nhiều, không có tướng tương đồng.

Tiến sĩ Giang Bổn làm thí nghiệm nước nói với chúng tôi, mười mấy năm làm thí nghiệm, mấy chục vạn lần, tìm không thấy hai đồ án hoàn toàn tương đồng. Có tương đồng chăng? Có, nhất định có. Ai làm thí nghiệm sẽ xuất hiện hiện tượng tương đồng? Người lý nhất tâm bất loạn họ làm thí nghiệm nhất định tương đồng, vì sao vậy? Vì họ nhất niệm bất sanh, họ thật đã chứng được nhất tâm. Họ làm thí nghiệm phản ứng sẽ là tương đồng. Không phải lý nhất tâm thì không làm được như vậy. Ý muốn nói là lý nhất tâm chính là minh tâm kiến tánh, người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh họ làm thí nghiệm này, tướng phản ứng nhất định tương đồng.

Pháp thân Bồ Tát\_Phật Bồ Tát trong mười pháp giới không được, vẫn không giống nhau, pháp thân Bồ Tát làm thí nghiệm sẽ giống nhau. Hiểu được đạo lý này quý vị sẽ biết vì sao cõi thật báo trang nghiêm của thế giới tây phương Cực Lạc, tướng đều là vĩnh hằng bất biến. Đến thế giới Cực Lạc là hóa sanh, hiện tướng giống như Phật A Di Đà. Cây cỏ hoa lá ở thế giới Cực Lạc luôn xanh tươi, không như thế giới này của chúng ta mùa xuân sanh màu hạ trưởng. Thế giới Cực Lạc không có hiện tượng này, vì sao không có hiện tượng này? Nó không có A lại da, nó chỉ có tâm hiện không có thức biến, nên nó giống nhau. Sau cùng tướng này của nó cũng không vĩnh hằng, thật là “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”.

Đẳng giác Bồ Tát phẩm tập khí vô minh sau cùng đều đã đoạn tận, không còn thấy nữa, giống như tỉnh lại sau giấc mộng vậy, cảnh trong mộng cũng không còn. Chân tướng, họ trở về cõi thường tịch quang. Thường tịch quang là thật, thường tịch quang ở ngay trước mắt, nó tồn tại mọi lúc mọi nơi. Nó là bản thể của tất cả pháp, tất cả pháp rời xa nó sẽ không còn, nhất định phải nương vào nó. Bản thân nó không là gì cả, cho nên nó ở trước mặt chúng ta, nhưng chúng ta không cảm nhận được nó tồn tại, hoàn toàn không có cảm nhận.

Như chúng ta xem ti vi, mở màn hình liền bị nó thu hút, không biết màn hình ti vi tồn tại, tất cả những hình ảnh đều phải dựa vào màn hình mà hiện ra, không có màn hình làm sao nó hiển hiện được? Nhưng chúng ta xem ti vi đều sơ suất, không nghĩ đến màn hình. Chúng ta ở thế gian này đã sơ suất điều gì? Không nghĩ đến bản thể, tự tánh, chân như, thật tướng. Không nghĩ đến những điều này, đây gọi là mê. Nó thật sự tồn tại, nó vĩnh viễn tồn tại, nó là thật. Tướng là giả, sát na đang biến hóa. Nó là thật, vĩnh viễn tồn tại, nó không phải hiện tướng. Điều này Phật nói rất rõ ràng: “duy chứng phương tri”. Chứng như thế nào? Buông bỏ khởi tâm động niệm, vọng tưởng chấp trước quý vị liền chứng được, quý vị liền thấy được, gọi là minh tâm kiến tánh.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni biểu diễn cho chúng ta thấy, ở Trung Quốc ngài Huệ Năng là một đại biểu tốt nhất, biểu diễn cho chúng thấy. Phật giáo ở Trung Quốc 2000 năm nay, người đạt đến cảnh giới như ngài Huệ Năng thật không ít. Chúng ta tính toán, tính toán đại khái sơ lược không dưới 3000 người. 3000 năm nay không dưới 3000 người. Những người này đều là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Họ muốn vãng sanh thì hoàn toàn sanh về cõi thật báo trang nghiêm. Thông thường địa vị của họ trong đại thừa\_Địa vị trong Kinh Hoa Nghiêm là 41 vị pháp thân đại sĩ. Đây là nói lâm chung tiếp dẫn, hiện tại kỳ tiền.

*“Di Đà nguyện hải sở huệ chân thật chi lợi dã”,* đây chính là loại thứ ba trong ba loại chân thật, đem đến lợi ích chân thật, trong hội vô lượng thọ tất cả đều đã hiện thực.

*“Xưng Tán Tịnh Độ Kinh vân, thị thiện nam tử hoặc thiện nữ nhơn. Lâm mạng chung thời, vô lượng thọ Phật, dữ kỳ vô lượng thanh văn đệ tử Bồ Tát chúng câu, tiền hậu vi nhiễu, lai trú kỳ tiền, từ bi gia hộ, linh tâm bất loạn. Ký xã mạng dĩ, tùy Phật chúng hội, sanh vô lượng thọ Cực Lạc thế giới thanh tịnh Phật độ”.*

Đoạn kinh văn này cung cấp tin tức cho chúng ta. Thiện nam tử, thiện nữ nhơn, đây là người niệm Phật cầu vãng sanh. Có chánh tín, có phát nguyện khi lâm mạng chung\_Vô Lượng Thọ Phật chính là Phật A Di Đà\_Phật A Di Đà đến tiếp dẫn chúng ta.

Phật dẫn theo đại chúng, trong đó có hàng Thanh văn, A la hán, có hàng Bồ Tát. Những người này đều có duyên với quý vị, người không có duyên sẽ không đến cùng Phật. Những người này là ai, nhân duyên gì? Đều là từ vô lượng kiếp đến nay, trong đời quá khứ là gia thân quyến thuộc, là thầy là bạn học, đều có liên quan với quý vị. Họ đã niệm Phật vãng sanh từ lâu, hôm nay nghe nói quý vị đến, nên theo Phật cùng đến tiếp dẫn quý vị. Cho nên đến thế giới Cực Lạc không cô đơn. Đến thế giới Cực Lạc người quen nhiều hơn rất nhiều sơ với ở thế giới này. Đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp đến nay bằng hữu thân thích đều đến tiếp dẫn quý vị, thật không thể nghĩ bàn.

Người mà quý vị tưởng nhớ, người quý vị luyến mộ đều thấy được. Rất kỳ lạ khi thấy được liền quen ngay, không xa lạ, đây là nguyên nhân gì? Điều là oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Nếu quý vị hiểu rõ chân tướng sự thật, quý vị có thể không đi sao? Gia thân quyến thuộc đời trước của tôi và đời trước nữa, cứ như vậy cho đến vô lượng kiếp trước, cho nên theo Phật đến tiếp dẫn quý vị, là vô lượng Thanh văn đệ tử, Bồ Tát chúng câu hội, trước sau vây quanh. Nói cách khác quý vị thấy kinh văn này liền biết, vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc vốn là đại đoàn của những người có duyên từ trong vô lượng kiếp này, đây là thành tựu viên mãn.

Quý vị gặp những người này họ đều hỏi thăm quý vị. Rất có thể hỏi quý vị sao bây giờ mới đến. Chúng tôi đến đây đều đã thành Bồ Tát đều đã thành Thanh văn sao quý vị bây giờ mới đến?

*“Từ bi gia hộ, linh tâm bất loạn”,* hai câu này vô cùng quan trọng. Vì thế đại sư Cưu Ma La Thập phiên dịch Kinh A Di Đà ngài phiên dịch là nhất tâm bất loạn, thật ra văn bản tiếng phạn không phải ý này, văn bản tiếng phạn là *“nhất tâm hệ niệm”* Huyền Trang đại sư dịch là trực dịch, ý của văn bản tiếng phạn. Cưu Ma La Thập là dịch ý, không y theo nguyên văn để dịch nhưng ngài không dịch sai, ngài dịch là nhất tâm bất loạn, vì thế có người nhìn thấy nhất tâm bất loạn cảm thấy quá khó, không phải phàm phu có thể làm được. Nhất tâm hệ niệm phàm phu có thể làm.

Vì sao nói đại sư La Thập không dịch sai? Quý vị thấy câu này là *“từ bi gia hộ linh tâm bất loạn”,* khi nào? Là một niệm lúc quý vị lâm chung. Phật đến tiếp dẫn quý vị, trước là Phật quang chiếu đến, Phật quang chiếu đến chính là gia trì, chính là từ bi gia hộ. Khiến công phu quý vị nâng lên đến nhất tâm bất loạn. Phật quang vừa chiếu thì công phu quý vị nâng cao lên một bậc, công phu quý vị chỉ là thành phiến. Công phu thành phiến Phật liền có thể giúp quý vị nâng lên đến nhất tâm bất loạn, chính là đạo lý này.

*“Kỳ xả mạng dĩ”*, thật ra ở đây chính là xả thân. Thân, chúng ta nói đã chết, đã đoạn khí, linh hồn của họ tùy theo chúng hội Phật. Chúng ở đây là vô lượng Thanh văn, đại chúng Bồ Tát. *“Sanh vô lượng thọ Cực Lạc thế giới thanh tịnh Phật độ”,* họ đến thế giới Cực Lạc, thật sự đã vãng sanh. Điều này ở sau nói rất hay. *“Kinh trung từ bi gia hộ, linh tâm bất loạn, thị vi Tịnh tông chi tâm tủy”,* ở đây Hoàng Niệm Tổ nói rất hay. *“Nhân Phật lực gia bị, hành nhân tâm thỉ bất loạn”,* ở đây nói rõ đại sư La Thập dịch không sai. Ngài La Thập đại sư dịch là từ trên quả vị người niệm Phật vãng sanh mà nói. Họ vãng sanh thế giới Cực Lạc đích thực là nhất tâm bất loạn. Đương nhiên nhân hành của người vãng sanh thì hoàn toàn sai khác.

Linh tâm bất loạn ở đây, chúng ta thường nói là nhất định phải niệm đến công phu thành phiến, mới có hiệu quả này. Nếu công phu chưa thành phiến, như vậy vãng sanh thật sự phải nhờ trợ niệm giúp đỡ. Không có trợ niệm giúp đỡ sợ không thể vãng sanh. Mọi người ở trước mặt họ, lúc lâm chung mỗi niệm nhắc nhở họ, không để họ đi sai đường. Mỗi niệm cảnh tỉnh, công đức này rất lớn, họ mới không có vọng niệm và ý niệm sai lầm hiện ra, như vậy là được. Phẩm vị của họ thật sự rất cao, vì thế trợ niệm lúc lâm chung đích thực là điều cần thiết. Tự mình có công phu thực sự, như vậy không cần phải nói. Như người thợ hàn đệ tử của Đế Nhàn hòa thượng ông ta không cần vì ông có chân công phu.

Như ở trước chúng ta nói Tu Vô Pháp sư chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, cũng không cần điều này. Thầy còn mời vài người đến giúp ông trợ niệm. Đó là gì? Đó là thị hiện làm như vậy để mọi người noi theo, rất tiêu sái! Nguyên nhân trong kinh luận nói rất rõ, bình thường phải buông bỏ, không buông bỏ không được, công phu chính ở chỗ buông bỏ. Thông thường người không buông được, nguyên nhân đều ở chỗ đối với chân tướng sự thật, không hoàn toàn minh bạch. Thấu triệt được chân tướng sự thật như vậy gọi là nhìn thấu. Nhìn thấu chính là đã thấu đạt chân tướng, đã biết. Điều này trong Kinh Kim Cang nói rất hay: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, nên ghi nhớ câu này, thường để trong tâm, từng giờ từng phút khởi tác dụng. Chúng ta mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, khởi tâm động niệm, câu này có thể kịp thời cảnh tỉnh. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, quý vị thật sự có thể buông bỏ. Nếu không được cảnh tỉnh, nhất định là tùy nghiệp lưu chuyển.

Tùy nghiệp lưu chuyển là gì? Dẫn khởi phiền não của quý vị, vì sao vậy? Vì quý vị có phân biệt, có chấp trước. Phiền não là gì? Dẫn phát thất tình lục dục, tham sân si mạn của quý vị. Dẫn dắt những thứ này ra như vậy là không tốt. Dẫn những thứ này ra gọi là tạo nghiệp luân hồi, quý vị đang lặn ngụp trong luân hồi lục đạo. Nếu cảnh tỉnh từng phút từng giây, quý vị đối với tất cả cảnh giới, thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên đều không quan tâm, không bị nó quấy nhiễu. Trong tâm quý vị khởi lên chính là câu A Di Đà Phật, đây chính là nhất tâm bất loạn. Bình thường có công phu này thì khi vãng sanh nắm chắc hơn. Nắm chắc từ đâu mà có? Nắm chắc là không bị thế gian này lôi cuốn, biết được thế gian này đều là giả, không có điều gì là thật. Vì thế quý vị luôn duy trì tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm. Quý vị đã duy trì giác chánh tịnh, quý vị bảo trì được thanh tịnh bình đẳng giác mà trên đề kinh nói. Điều này bảo chứng tự mình nhất định được vãng sanh Tịnh độ, lâm chung không cần trợ niệm. Quý vị sẽ ra đi một cách tự tại, một cách tiêu sái.

*“Nhân Phật lực gia bị, hành nhân tâm thỉ bất loạn, ư thị thập niệm tương tục, tiện đắc vãng sanh. Cố xưng Tịnh độ vi quả giáo”.*

Khác với các Tông phái khác, các tông phái khác là tu nhân chứng quả. Tịnh tông trực tiếp dạy quý vị được quả báo thật là được quả báo không thể nghĩ bàn. Điều này trên mặt lý nói quá rõ ràng.

Quý vị thấy ở trước những gì chúng ta đã học, c người ngũ nghịch thập ác tạo tội nghiệp cực nặng, lâm chung tướng địa ngục hiện tiền, họ rất sợ hãi. Gặp được thiện hữu cảnh tỉnh họ mau mau niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Sau khi họ nghe được lập tức niệm liên tục A Di Đà Phật, A Di Đà Phật. Lúc này tâm họ là chân tâm không có chút vọng tâm nào. Chân tâm niệm Phật công đức không thể nghĩ bàn.

Tuy nhất niệm thập niệm vãng sanh nhưng phẩm vị cao. Cao ở đâu? Họ dùng chân tâm. Ngày ngày chúng ta niệm Phật, một ngày niệm mấy vạn danh hiệu. Chúng ta là vọng tâm, khi niệm Phật xen tạp vọng niệm, không thể sánh được với họ, phẩm vị vãng sanh cao hơn chúng ta. Điều này có đạo lý, người ta dùng chân tâm, tâm chúng ta xen tạp vọng niệm, không thể sánh bằng họ. Nhất niệm của họ chúng ta mười vạn niệm cùng không bằng một niệm của người ta. Dùng tâm không giống nhau, quả báo không tương đồng, nhưng việc này không dễ.

Người suốt đời tạo nhiều ác nghiệp khi lâm chung tướng địa ngục hiện tiền, họ có thể chuyển đổi được chăng? Có, có hạng người này nhưng rất ít. Nếu chuyển đổi được thì thật không thể nghĩ bàn, họ được nâng cao lên rất nhiều. So với người bình thường niệm Phật cầu sanh quả vị cao còn cao hơn. Vì thế chúng ta không thể coi thường người tạo tội nghiệp, biết đâu khi họ vãng sanh, địa vị cao hơn chúng ta, đây là thật.

Chúng ta cũng có thể liên tưởng đến vì sao họ có tình hình này phát sanh? Chắc chắn trong quá khứ đã từng tu Tịnh độ. Trong nhiều đời kiếp căn cơ Tịnh độ của họ rất sâu dày. Trong đời này không gặp được thiện duyên, mà gặp phải ác duyên, đã học hư. Khi lâm chung có người cảnh tỉnh họ, thiện căn đời trước trong A lại da thức liền phát khởi, họ mới có thể làm được. Trong đời trước không có thiện căn sâu dày thì không thể. Vì thế không phải mỗi người tạo nghiệp ác lâm chung đều có thể quay đầu. Thời gian ngắn như vậy, thời gian trong khoảng sát na thật sự đã quay đầu.

Cổ nhân chúng ta thường nói: “lãng tử hồi đầu kim bất hoán”. Người làm ác này khi quay đầu là người rất tốt. Người tốt trong số người tốt, người tốt bình thường không sánh bằng họ. Đây chính là nói “Buông hạ đồ đao, lập địa thành Phật”, đây là điều có thể, không phải chỉ là lời ví dụ. Tịnh độ đích thực là quả giáo, là pháp môn dùng tha lực. Hoàn toàn dựa vào oai thần 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì.

*“Thị dị hành đạo”,* dị hành đạo này là so sánh với tám vạn bốn ngàn pháp môn, Tịnh tông là dễ hành. *“Thị phổ bị vạn loại chi từ hàng, quân tại thị dã”,* “quân tại thị” chính là khi lâm chung xả báo thân được Di Đà từ bi gia hộ, khiến tâm bất loạn chính là chỉ câu này. Như vậy người niệm Phật chúng ta, trong cuộc sống hằng ngày có ý muốn cầu sanh Tịnh độ mãnh liệt, đối với thế gian này phải lãnh đạm, đối với thế duyên phải vô cùng lãnh đạm, lâm chung mới không có chướng ngại. Đối với thế duyên không buông được, đó là sức mạnh quấy nhiễu rất lớn. Thế duyên là luân chuyển trong luân hồi. Ham muốn vãng sanh mãnh liệt, là sanh Tịnh độ. Nhân tố quyết định có thể vãng sanh hay không là phải chân tín, phải hoằng nguyện, phải đại nguyện cầu sanh.

*“Kinh vân hạ bối giả”,* ở đây trong tam bối vãng sanh nói đến hạ bối. *“Lâm chung mộng kiến, diệc đắc vãng sanh, cánh hiển thử bất khả tư nghị chi tha lực”,* trong hạ bối Quán Kinh nói đều là chúng sanh tạo ác. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói chín phẩm, thượng tam phẩm là đại phàm phu, trung tam phẩm là tiểu phàm phu, hạ tam phẩm là ác phàm phu. Đều là tạo ngũ nghịch thập ác, phàm phu tạo ác vãng sanh. Điều này đích thực toàn dựa vào Phật A Di Đà từ bi gia hộ. Đây là nguyện lực không thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà.

*“Lâm chung mộng kiến”* lâm chung thật sự đã thấy, thấy Phật đến tiếp dẫn họ. Vì sao nói là mộng kiến? Họ nói hình như nằm mộng, như mộng mà không phải mộng. Cũng chính là nói không được rõ ràng, hình như là ở trong mộng, Thật ra thấy Phật thật sự đến tiếp dẫn họ

đến thế giới tây phương Cực Lạc.Đoạn dưới nói: *“thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh”,* hai câu này là kinh văn. *“Thử vân tự nhiên hóa sanh giả, biểu phi thai noãn thấp hóa tứ sanh trung chi hóa sanh”.* Điều này với mười pháp giới không giống nhau. Trong mười pháp giới, thiên đạo có hóa sanh. Đường súc sanh thai noãn thấp hóa bốn loại đều có. Đường địa ngục là hóa sanh, trong đường ngạ quỷ có thai sanh. Thiên đạo, đặc biệt là tứ thiền thiên tất cả đều là hóa sanh. Tứ không thiên họ không có thân thể, họ không cần sắc thân, vì thế tứ thiền thiên chúng ta thường gọi là linh giới. Người Trung Quốc nói họ chỉ cần duy trì trạng thái linh hồn, không cần thân thể. Họ tu định, tu tứ không định. Đây thật là phàm phu cao cấp trong lục đạo.

Như Khổng Lão Phu Tử nói Lão tứ có nói một câu: *“Ngô hữu đại hoạn, vi ngô hữu thân”,* họa hoạn lớn nhất của tôi là vì có thân thể, không có thân thể tốt biết bao. Như vậy tứ không thiên chính là hạng người này, không cần thân thể. Tình huống của họ hoàn toàn ở trong thiền định, đây là lục đạo mười pháp giới. Có bốn loại sanh: noan thai thấp hóa.

Thế giới Cực Lạc hóa sanh thêm vào tự nhiên, tự nhiên hóa sanh. Đây biểu thị không phải thế gian này của chúng ta, không phải hóa sanh trong thai noãn thấp hóa, ý nghĩa hoàn toàn không tương đồng. Vì sao vậy? Vì lục đạo mười pháp giới, thai noãn thấp hóa, mê mà không giác. Vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì là giác mà không mê, hoàn toàn không tương đồng.

*“Như Pháp Hoa Văn Cú”* Văn Cú là chú giải do Trí Giả đại sư trước tác\_chú giải Kinh Pháp Hoa. Trong đây có một đoạn văn dẫn chứng Thai Kinh. Trong Thai Kinh nói: *“Liên hoa sanh giả, phi thai noãn thấp hóa chi hóa sanh dã, phi hóa nhi ngôn hóa nhĩ”,* điều này có kinh làm chứng. *“Hựu diệc phi Niết Bàn Kinh sở vị chi thấp sanh. Bỉ kinh vân, am la thọ nữ đẳng, nhân thọ hoa nhi sanh, sanh vi thấp sanh”,* hoa sen ở thế giới Cực Lạc trong ao thất bảo. Am la thọ nữ là hoa trên cây, hoa trên cây có.

Trước đây tôi ở Singapore giảng Kinh Hoa Nghiêm. Khi khai giảng Kinh Hoa Nghiêm trước cửa chúng tôi ở có một cây tiên nhân chưởng, không sai là cây tiên nhân chưởng nở 108 đóa hoa. Người có thông linh thấy được trong mỗi đóa hoa đều có tiên tử. Họ thấy được đó là gì? Đó là hóa sanh, đó là hóa sanh trong đóa hoa. Đây thuộc về hóa của thai noãn thấp hóa mà chúng ta nói ở đây, không giống với thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là liên hoa hóa sanh, hoàn toàn không tương đồng.

Liên hoa hóa sanh, thân tướng sanh ra hoàn toàn giống với Phật A Di Đà nên quý vị không thấy, không phải hóa sanh như trẻ em lớn dần lên, không phải. Họ biến hóa giống như thân tướng Phật A Di Đà vậy, đây là oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Hiện thân tướng là kim sắc thân, tử ma chân kim sắc thân. Tướng hảo không phải 32 tướng 80 vẽ đẹp. Trong Quán Kinh nói thân có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi một tướng có tám vạn bốn ngàn tốt.

Quán Kinh nói ra số chữ cũng có, trong kinh không nói ra số chữ mà nói báo thân Như Lai, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng đẹp, nên đây tuyệt đối không phải thai noãn thấp hóa mà thế gian chúng ta thường nói. Gọi là tự nhiên hóa sanh, vì thế không hóa sanh mà nói là hóa sanh. Bên dưới giải thích am la thọ nữ.

*“Cái uế độ thảo mộc, thường hữu thấp khí”,* đây là điều không tránh khỏi, nếu nó không có độ ẩm, nó sẽ khô cằn. Cây này sẽ chết mất nên nhất định có khí ẩm. *“An la thọ nữ đẳng, thác thử thấp khí nhi sanh, nãi danh thấp sanh. Kim Tịnh tông trung, liên hoa dữ nhân câu thị đồng thời nhi hữu”,* tự nhiên hóa hiện, không cần nhờ khí ẩm. Nước tám công đức trong ao thất bảo có khí thấp chăng? Có thấp sanh chăng? Không. Nước tám công đức và nước ở thế gian này không giống nhau, hoàn toàn không tương đồng.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói rõ và giới thiệu rất tường tận. Liên hoa và người đồng thời mà có tự nhiên hóa hiện. Vì thế không phải thấp sanh mà thế giới này của chúng ta nói. *“Trí tuệ dõng mãnh”,* sanh đến thế giới Cực Lạc. *“Vị trí tuệ minh liễu nhuệ lợi, năng phá phiền não kiêu mạn tặc quân, cố vân dõng mãnh”,* phàm phu sanh đến thế giới Cực Lạc, phiền não đã đoạn nhưng tập khí chưa đoạn, nên được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Tập khí tuy có nhưng không khởi tác dụng. Đây gọi là gì? Phục phiền não. Trí huệ của Đức Phật gia trì quý vị, thần thông gia trì quý vị, oai đức gia trì quý vị. Đặc biệt trong nguyện 20 nói: đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, nguyện này quả thật cao siêu! Đây chính là được sự gia trì viên mãn của Phật.

A Duy Việt Trí là phẩm vị thấp nhất, trong Kinh Hoa Nghiêm là Viên giáo Sơ trú Bồ Tát. Phật giáo Trung Quốc thường nói minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, đây chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát đã đoạn phiền não vô minh, đã thành Phật, thật sự đã thành Phật. Họ không ở trong mười pháp giới đương nhiên không ở trong lục đạo. Họ đã vượt ra mười pháp giới, họ đã sanh về đâu? Tu các pháp môn khác, đại khái đều đến thế giới Hoa Tạng, cõi thật báo trang nghiêm của Phật Tỳ Lô Giá Na, đều đi về đó, không còn ở trong mười pháp giới.

Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc cũng là cõi thật báo trang nghiêm của Phật A Di Đà, đây là thượng bối vãng sanh mà trong kinh nói, sanh vào cõi thật báo, trung bối sanh vào cõi phương tiện hữu dư, hạ bối sanh vào cõi phàm thánh đồng cư. Đây là nhân địa không tương đồng nên quả báo có sai biệt, nhưng đại nguyện của Phật A Di Đà nâng cao lên toàn bộ đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Điều làm, tất cả đều làm, không nói hạ phẩm hạ sanh không ở trong đó, không nói lời này. Không nói lời này, hay nói cách khác hạ hạ phẩm vãng sanh cũng làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, điều này thật đáng nể!

Tự mình không chứng được cũng chính là vô minh phiền não chưa phá, nhưng đến thế giới Cực Lạc hưởng thụ, trí huệ, thần thông, đạo lực, phước báo bình đẳng với A Duy Việt Trí Bồ Tát, đãi ngộ như nhau. Điều này trong mười phương quốc độ không có, chỉ có ở thế giới tây phương Cực Lạc, đây là thật không thể nghĩ bàn! Hèn gì mười phương Chư Phật tán thán Phật A Di Đà “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”, thành Phật, chúng ta biết Phật Phật đạo đồng, trí huệ, đức năng, thần thông, đạo lực hoàn toàn bình đẳng, nhất định không sai khác, nhưng trong không sai biệt có sai biệt, đó là gì? Trong nhân địa phát nguyện không giống nhau nên quả báo cũng không giống nhau.

Phật A Di Đà khi ở nơi nhân địa phát nguyện quá lớn lao mà nguyện của ngài không phải hư nguyện, mỗi nguyện đều thực hiện viên mãn, thực hiện như thế nào? Tu hành, ngài dùng thời gian năm kiếp tu hành, chính là mỗi nguyện của ngài đều làm được, đều hiện thực. Sau khi thành Phật thế giới Cực Lạc tự nhiên do nguyện lực mà thành tựu trang nghiêm. Đạo tràng lớn này, thanh tịnh trang nghiêm không phải người thiết kế, cũng không phải người kiến tạo. Tự nhiên hóa sanh, thế giới Cực Lạc là tự nhiên hóa sanh, Phật A Di Đà cũng là tự nhiên hóa sanh. Phàm vãng sanh đến thế giới Cực Lạc tất cả đều là tự nhiên hóa sanh, tuyệt diệu không sao nói được.

Điều này có thể sao? Có thể tin được sao? Có thể. Vì sao vậy? Phàm việc gì nó có lý của nó. Chỉ cần có lý thì điều đó có thể. Tự nhiên hóa sanh của thế giới Cực Lạc có lý, lý là gì? Trong kinh đại thừa Đức Phật thường nói, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Đây chính là đạo lý, y cứ tự nhiên hóa sanh của thế giới Cực Lạc, từ tâm tưởng sanh ra. Tâm tưởng này là ở nơi nhân địa, không phải ở quả địa. Nhân địa tâm tưởng, quả địa tự nhiên hóa sanh, đây thật không thể nghĩ bàn. Chúng ta hiểu được đạo lý này, nhìn thấy sự tướng này, hiện tượng này của thế giới Cực Lạc. Như vậy chúng ta nên cảnh giác hiện nay chúng ta khởi tâm động niệm có sự liên quan rất lớn. Không thể nói khởi tâm động niệm là việc rất sơ suất, như vậy quý vị đã sai. Bất luận quý vị có ý hay vô ý, có tâm hay vô tâm, khởi tâm động niệm đều hình thành, quý vị không thể tưởng tưởng được quả báo này là gì? Tự nhiên hiện tiền. Trong lục đạo, trong mười pháp giới cũng không ngoại lệ. Thế giới Cực Lạc có thể, ở thế giới này của chúng ta cũng có thể, vì thế giới này không phải thật.

Trong Kinh Kim Cang nói rất hay: “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Hữu vi pháp này là nói thế gian, trong Phật pháp nói mười pháp giới y chánh trang nghiêm, không phải thật là mộng huyễn bào ảnh. Khi nào mộng của lục đạo tỉnh lại? Quý vị có thể đối với tất cả pháp của thế xuất thế gian không còn chấp trước thì mộng này đã tỉnh lại. Khi tỉnh lại thì lục đạo sẽ không còn. Tất cả đều không chấp trước chính là A la hán, không chấp trước chính là đã đoạn tận kiến tư phiền não. Hoa Nghiêm gọi là không chấp trước, đại thừa gọi là kiến tư phiền não. Đây là nhân của lục đạo, nhân không có thì quả lập tức không có. Lục đạo không còn, đã tỉnh lại. Tỉnh lại là sao? Tứ thánh pháp giới. Quý vị thấy được Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật. Tứ thánh pháp giới đã xuất hiện, thật ra tứ thánh pháp giới vẫn là một giấc mộng.

Quý vị tiến thêm một bước đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian không phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, tứ thánh pháp giới không còn nữa. Vì thế lục đạo là mộng trong mộng. Tứ thánh pháp giới không còn, những gì quý vị thấy được đó thật sự, phải chúc mừng vì nhất chân pháp giới hiện tiền, tức là cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai, trên thực tế cũng là cõi thật báo trang nghiêm của chính mình, không rời chính mình. Cõi thật báo trang nghiêm của chính tôi và cõi thật báo của Chư Phật, của Phật A Di Đà là một không phải hai. Đây gọi là nhất niệm tương ưng. Cho thấy “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, Phật không nói cõi đó là ngoại lệ, không có. Chỉ có cõi thường tịch quang là thật.

Cõi thật báo trang nghiêm tuy nó không có biến hóa. Nhà Phật nói chân và vọng. Chân, vĩnh hằng bất biến là chân. Phàm có biến hóa chính là hư vọng. Trong mười pháp giới hữu tình chúng sanh đều có sanh lão bệnh tử, thực vật có sanh trụ dị diệt, khoáng vật, như tinh cầu có thành trụ hoại không, có cuộc tang thương, nó có biến hóa. Có biến hóa chính là giả là không phải thật. Trong nhất chân pháp giới nó không có biến hóa. Nó có tướng nhưng nó vẫn là giả. Đó là thành tựu gì? Bây giờ chúng ta đã biết tập khí vô thỉ vô minh thành tựu. Chỉ cần còn tập khí vô thỉ vô minh tồn tại, thì còn có cõi thật báo. Tập khí vô thỉ vô minh đã đoạn tận, cõi thật báo cũng không còn. Thật vậy, đức Phật nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, không nói cõi thật báo ngoại lệ.

Thường tịch quang là thật. Thường tịch quang ba loại hiện tượng đều không có. Hiện tượng vật chất không có, hiện tượng tinh thần không có, hiện tượng tự nhiên cũng không có, nhưng nó có thể sanh tất cả hiện tượng, có thể sanh ra vạn pháp. Nó là thật, nó mới là bản thể của vũ trụ vạn hữu. Thường tịch quang chính là tự tánh, chính là pháp tánh, chính là chân như, có thể sanh vạn pháp.

Hết giờ rồi, ý của đoạn này chưa giảng xong. Bài học sau chúng ta bắt đầu giảng từ đây. Bắt dầu học từ đoạn *“Trí huệ dõng mãnh”.*

Hết tập 406

# Tập 407

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian:11.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 507, hàng thứ năm từ dưới đếm lên. Bắt đầu xem từ *“trí huệ dõng mãnh”*.

*“Trí huệ dõng mãnh, vị trí huệ minh liễu nhuệ lợi, năng phá phiền não kêu mạn tặc quân, cố vân dõng mãnh. Như Trí Độ Luận vân, trí huệ tiễn cân lợi, phá kêu mạn chư tặc. Hựu Duy Ma Kinh vân, dĩ trí huệ kiếm, phá phiền não tặc”,* chúng ta xem đến đây.

Đây là nói người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, đích thực là được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, đặc biệt là nói cõi phàm thánh đồng cư.

Chúng ta vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, thân vẫn là thân con người, vì sao vậy? Nhất phẩm phiền não đều chưa phá, hoàn toàn nhờ Phật lực, nguyện lực của Phật. Lâm chung nhất niệm mười niệm, đây chính là đầy đủ chân thật nguyện thiết. Nhất niệm mười niệm được sanh vào nước này. Sanh đến thế giới Cực Lạc liền được oai thần bổn nguyện gia trì, tức là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Trí huệ không có gì khác với pháp thân Bồ Tát nên đến bên đó trí huệ hiện tiền. Trí huệ này có thể phá phiền não, trong phiền não đặc biệt đưa ra kiêu và mạn. Phiền não rất nhiều, hai loại này thuộc căn bản phiền não.

Trong kinh luận của Pháp Tướng Tông nói: tứ đại phiền não thường tương tùy, đây là gì? Là chánh báo. Bắt đầu từ khi mê những thứ này liền hiện tiền, đây chính là Mạt na thức. Tám thức 51 tâm sở cũng là trong nhất niệm hình thành. Tuy có thứ đệ trước sau, nhưng phàm phu chúng ta tâm ý thô thiển, không có năng lực phân biệt thứ đệ của nó. Chúng ta cảm nhận hình như nó đồng thời phát sanh, tốc độ nó quá nhanh, trong một niệm nó đã thành tựu. Nhất niệm này chính là Bồ Tát Di Lặc nói một khảy móng ta có 32 ức trăm ngàn niệm, tốc độ đích thực là quá nhanh.

Trong nhất niệm này hiện ra toàn thể vũ trụ, biến pháp giới hư không giới, đây là y báo. Chánh báo này của chúng ta đồng thời khởi lên. Chánh báo mạt na\_mạt na tứ đại phiền não. Ngã kiến: ngã kiến lúc này không nhất định có thân tướng. Bây giờ chúng ta gọi là linh hồn hoặc là linh tánh. Tóm lại mà nói, cho rằng đây là tôi, chấp cái này là tôi. Có cái tôi này tham sân si liền khởi lên. Ngã ái, ngã ái là tham. Ngã mạn, mạn là thuộc sân nhuế. Ngã si, tham sân si với bản ngã đồng thời khởi lên. Kiêu mạn là một phần của sân nhuế, nghi cũng đồng thời khởi lên. Trong phiền não nói tham sân si mạn nghi đồng thời khởi lên, nên gọi là kiêu mạn, pháp thế gian cũng nói như thế. Ngạo không thể trưởng, đây là pháp thế gian, nó không nói đoạn phiền não, nó chỉ hạn chế quý vị không thể tiếp tục tăng trưởng. quý vị có thể khống chế được nó. Nhưng trong Phật pháp nhất định phải đoạn, không đoạn không thể kiến tánh, không thể khai trí huệ, cũng không thể được định ,nên nó là chướng ngại rất lớn trong việc tu hành. Nếu ngạo mạn nghiêm trọng một chút, rất khó thành tựu, vì sao vậy? Vì ngay cả việc trì giới cũng không làm được, thì định huệ đương nhiên là không có. Nên kiêu mạn, kiêu ngạo, ngã mạn buông bỏ hết, có thể phá. Điều gì có thể khiến nó buông bỏ? Trí huệ, những thứ này chướng ngại trí huệ. Trí huệ phải cao hơn nó, sẽ chế phục nó. Cao hơn nữa nó sẽ không còn.

Trong giáo lý đại thừa Đức Phật thường nói: “chuyển phiền não thành bồ đề”, thật ra phiền não và bồ đề là một. Khi mê trí huệ biến thành phiền não, khi giác ngộ phiền não biến thành bồ đề. Đích thực chỉ ở nơi mê ngộ khác nhau. Từ đó cho thấy, tu học Phật pháp mục đích cuối cùng là khai trí huệ. Tóm lại mà nói, nói một cách rõ ràng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, danh từ này có thể dịch mà không dịch, vẫn dùng âm dịch, đây là thuộc về tôn trọng không dịch. Học Phật cầu điều gì? Chính là cầu điều này. Dịch thành chữ hán rất dễ, chỉ có sáu chữ: Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trong sáu chữ này có ba giai đoạn.

Trước là từ chánh giác, chánh giác thật sự đã giác ngộ, chính là A la hán. Tiến thêm một bước là chánh đẳng chánh giác. Đẳng đồng nghĩa với chánh không phải tà, đồng nghĩa với Phật, họ chưa thành Phật chỉ là Bồ Tát. Bồ Tát đồng nghĩa với Phật, kém hơn Phật một bậc. Đến khi viên mãn gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là trí huệ Phật, Chánh Đẳng Chánh Giác là trí huệ của Bồ Tát, Chánh Giác là trí huệ của A la hán. A la hán bao gồm Bích Chi Phật cùng một đẳng cấp. Phải trí huệ mới có thể đoạn phiền não.

Định công, thiền định là phục phiền não.Nó là trước được định, nhân giới được định vì thế giới rất quan trọng. Giới là điều kiện phải đầy đủ của người học Phật. Giới bắt đầu học từ đâu? Bắt đầu học từ thập thiện nghiệp đạo. Thập thiện nghiệp đạo trong Phật pháp bất luận đại thừa hay tiểu thừa, đều gọi nó là căn bản giới. Đầy đủ thập thiện nghiệp đạo mới có thể nhập Phật môn. Đầy đủ thập thiện nghiệp đạo, trong nhà Phật gọi là thiện nam tử thiện nữ nhơn. Mới có tư cách, có điều kiện lễ Phật làm thầy, lạy Phật làm thầy, làm học trò của Phật. Khi lạy thầy, thầy đem tam quy truyền cho họ. Tam quy là gì? Là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của việc tu học Phật pháp.

Quý vị tu gì? cương lĩnh chung, nguyên tắc chung dạy cho quý vị. Người xưa đều như vậy, tức đem mục đích tu học một đời của quí vị nói với quý vị, con đường này quý vị không được đi sai.

Tam quy chính là giác chánh tịnh. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh ngài Huệ Năng truyền thọ quy y\_Trước đây khi chúng tôi mới đọc bộ sách này, khi đó chưa thật sự học Phật. Tôi là ở trong nhà một người bạn là đồng sự thời kỳ kháng chiến của phụ thân tôi, ông ta là một tướng quân. Khi đến Đài Loan chúng tôi lại gặp nhau. Khi nghỉ tết ông ta mời tôi đến nhà ở một tuần. Trên giá sách của họ có Lục Tổ Đàn Kinh. Tiền Chú của Đinh Phước Bảo là bìa mềm. Tôi mở ra xem rất hứng thú, một tuần sau đã xem xong nó, vô cùng hoan hỷ.

Trong Đàn Kinh nói tam quy không giống với Phật pháp thông thường của chúng ta. Khi Lục Tổ nói tam quy\_Ngài nói quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh. Ngài nói như vậy, tiếp theo ngài có giải thích. Phật là giác, pháp là chánh, tăng là tịnh, ngài giải thích như vậy. Ở trước đầu tiên đưa ra giác chánh tịnh, về sau chúng ta học Phật liền nghĩ đến vấn đề này, vì sao ngài nói như vậy?

Thông thường truyền thọ tam quy đều là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, không nói đến giác chánh tịnh. Điều này khiến chúng ta liên tưởng đến, khi Huệ Năng đại sư ra đời Phật pháp là thời đại Đông Hán truyền lại. Đến thời ngài Huệ Năng đã gần 1000 năm, đại khái Phật pháp truyền có vấn đề. Thông thường người ta nhắc đến Phật pháp liền nghĩ đến tượng Phật được nặn bằng đất, khắc bằng gỗ. Kinh điển, người xuất gia sanh ngộ nhận rất lớn. Ba loại này sau khi Phật diệt độ gọi là trú trì tam bảo, nó là tượng trưng.

Nhìn thấy tượng Phật phải nghĩ đến giác mà không mê, đây là chân quy y. Nhìn thấy kinh sách liền nghĩ đến chánh mà không tà. Kinh sách, tiếp tục suy ra điều này, bất luận xem được sách nào chỉ cần nhìn thấy sách liền nghĩ đến chánh mà không tà, nó khởi tác dụng này. Nhìn thấy người xuất gia bất luận là già hay trẻ, nam hay nữ lập tức liền nghĩ đến lục căn thanh tịnh, không nhiễm chút trần. Hiểu được ý nghĩa biểu pháp này, quý vị sẽ biết mọi người, mọi sự, mọi vật. Cảnh giới mà lục căn chúng ta tiếp xúc căn bản là từng giờ từng phút không hề gián đoạn, nhắc nhở chúng ta phải hiểu đạo lý này nên cần phải có gốc của mười thiện nghiệp.

Hiện tai Phật pháp đã suy yếu, suy yếu ở đâu? Suy yếu ở chỗ chúng ta bỏ quên gốc rễ, đối với đại thừa vô cùng hoan hỷ. Đại thừa không có nền tảng của tiểu thừa thì không học được, sở học của quý vị là gì? Là tri thức. Đối với nghĩa chân thật của Như Lai quá xa vời. Kệ khai kinh nói rất hay: “Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa” ,quý vị không có nền tảng làm sao hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai? Vì thế ngày nay Phật pháp muốn hồi phục rất khó, khó điều gì? Khó ở chỗ không có nền tảng.

Ai chịu hạ công phu vào chỗ cắm rễ? Rễ đó, nếu công phu cắm không sâu, hay là chúng ta nói nó không có cảm ứng. Căn càng sâu thì càng có cảm ứng, chúng ta với Phật Bồ Tát đã thấu suốt. Hiện tại quý vị nói kinh giáo không mấy ai thích học. Người trẻ tuổi rất nhiều, quý vị bảo họ tu thập thiện nghiệp, họ không thấy thú vị, thậm chí họ chịu không nổi. Vì thế chúng ta biết họ nghiên cứu kinh giáo là tri thức. Đối với thân tâm của họ có lợi ích chăng? Không có lợi ích, thật sự không có lợi ích. Người có cội rễ thì được lợi ích, vì thế cội rễ này, ngày nay chúng ta còn phải thêm vào đó cội rễ Đệ Tử Quý, Cảm Ứng Thiên, truyền thống văn hóa Trung Quốc, cội rễ của ba loại này đều phải học tốt tu tốt.

Đệ Tử Quy là gốc của Nho giáo. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên là gốc của đạo giáo. Thập Thiện Nghiệp Đạo là gốc của Phật. Gốc của Phật giáo kiến lập trên nền tảng của Nho và Đạo giáo. Không có Nho giáo và Đạo giáo thập thiện nghiệp đạo này không làm được.

Chúng ta rất rõ ràng sau thời nhà Đường thì không cần tiểu thừa, không tu tiểu thừa, dùng Nho và Đạo thay thế, thành quả cũng rất tốt. Nếu không có Nho Đạo, lại không có tiểu thừa quý vị trực tiếp học đại thừa, đó là điều không thể.

Chính Đức Thế Tôn đã từng nói: đệ tử Phật không trước học tiểu thừa sau học đại thừa thì không phải đệ tử Phật, Phật không thừa nhận quý vị. Người học Phật nhất định phải nghe lời, đức Phật nói như thế nào chúng ta liền làm như thế. Chư vị tổ sư có trí huệ dùng Nho và Đạo thay tiểu thừa, thí nghiệm này đã thành công, điều này hơn một ngàn năm nay thí nghiệm thành công. Chúng ta có thể tiếp thu không có chút hoài nghi nào.

Tuy y theo phương pháp này tu học, kinh tiểu thừa vẫn phải nên xem vài bộ. Tôi ở Đài Trung theo thầy Lý học kinh tiểu thừa khoảng hơn 20 loại. Thầy Lý cũng coi trọng Nho giáo và Đạo giáo, kinh tiểu thừa cũng phải xem, đây là cắm rễ. Then chốt vẫn là Chương Gia đại sư dạy một cách đơn giản quan trọng: nhìn thấu, buông bỏ. Đặc biệt là trong thời đại hiện nay của chúng ta, thời đại này nếu đầu ốc tỉnh táo một chút, dễ dàng buông bỏ. Quý vị không thể không nhìn thấu, không nhìn thấu phiền phức sẽ rất lớn, vì sao vậy? Vì quý vị không ra khỏi luân hồi lục đạo, đây là việc lớn.

Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ chúng ta chắc chắn đã từng gặp được Phật pháp, nhất định có tu hành trong Phật pháp, nhưng không thành công, không thể thành công. Chúng ta có duyên với Tịnh độ, có nhân duyên rất sâu dày, đời này lại gặp được. Nếu đời này còn không thể nhìn thấu, như vậy vẫn phải luân chuyển trong luân hồi.

Thầy Lý nói phải luân hồi nhiều kiếp, không phải thời gian ngắn, rất gian khổ! Nếu chúng ta giác ngộ, đã biết, không muốn trôi lăn trong luân hồi, như vậy thì phải y giáo phụng hành. Nắm bắt vài cương lĩnh trong kinh nói, từng giờ từng phút cảnh tỉnh mình là được. Những điều trong 600 quyển Kinh Đại Bát Nhã nói tôi tổng kết thành 12 chữ. Đức Phật giảng 22 năm, ngài nói những gì? “Tất cả pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc” ý này chính là đối với tất cả pháp đều phải nhìn thấu không nên để trong lòng, để trong lòng là sai.

Tất cả pháp có thể thọ dụng, không thể khống chế, không thể chiếm hữu. Có ý niệm khống chế là sai, là tạo nghiệp. Có ý niệm chiếm hữu cũng tạo nghiệp, đến thân cũng không thể chiếm hữu. Thánh nhân trong thế xuất thế gian đều cảnh cáo chúng ta: “thân người vô thường”. Quý vị có thể biết ngày mai còn có thể sống ở nhân gian sao? Thiên tai nhân họa rất nhiều! Người chết mất mạng mỗi ngày có bao nhiêu người? Đây chính là thuộc tai họa ngoài ý muốn, trên mạng nhìn thấy số lượng thật đáng sợ, đây là cảnh cáo chúng ta. Chúng ta nghe đến những tin tức này, thấy hình ảnh này, phải cảnh giác, đây là vô thường.

Đối với thân đều buông bỏ, trí huệ sẽ liền sanh khởi. Mỗi niệm chỉ vì thân thể này sẽ rơi vào trong phiền não, quý vị không thể thoát ra được, nên học Phật điều đầu tiên cần phải biết thân này không phải là ta. Thật minh bạch, không còn chấp trước, người này trong tiểu thừa đã chứng được sơ quả, trong đại thừa là Bồ Tát Sơ tín vị. Trong sinh hoạt hằng ngày quý vị có thể tùy duyên, vì sao vậy? Vì không chấp trước, không phân biệt, tất cả đều tốt. Người này không ngu ngốc, rõ ràng minh bạch, đối với người không tranh, đối với thế gian không mong cầu, tâm đã thanh tịnh. Tâm đã thanh tịnh thân liền thanh tịnh, vì sao vậy? Vì cảnh tùy tâm chuyển. Đây là thật, hoàn toàn không hư vọng.

Chúng ta thấy rất nhiều người xuất gia thân thể không tốt, có nhiều bệnh khổ. Quý vị quan sát tường tận xem họ phiền não trùng trùng, họ rất cố chấp. Đây là gì? Đây là nguyên nhân họ mắc bệnh. Trong các kinh điển Đức Phật đều dạy chúng ta buông bỏ, nhưng không buông được, kinh biết giảng nhưng họ không buông được. Những điều này chúng ta không thể không biết, chúng ta không thể không làm rõ, phải hành trì. Nên hành trì từ đâu? Thực hành ngay trong cuộc sống hằng ngày, bắt đầu làm từ trong việc ăn cơm mặc áo. Đại thừa chính là cuộc sống, cuộc sống chính là đại thừa. Công việc là đại thừa, đối nhân tiếp vật là đại thừa. Phải thường nghĩ mình là người của thế giới tây phương Cực Lạc, tôi đến đây là để du lịch, để tham quan, để xem tình hình sinh hoạt của tất cả chúng sanh nơi này. Đương nhiên phải có duyên với mình, không có duyên quý vị không thấy được. Phàm thấy được, tiếp xúc được tất cả đều là có duyên. Có thể giúp đỡ thì phải toàn tâm toàn lực giúp đỡ. Biết được tất cả có nhân duyên với mình là cùng một thể, đây là luân lý trong Phật pháp nói. Luân lý là nói về mối quan hệ.

Tất cả chúng sanh, cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa, hiện tượng tự nhiên giống như thân thể của một người. Lục phủ ngũ tạng, nhãn nhĩ tỷ thiệt thân cùng một thể, mối quan hệ rất mật thiết. Quý vị có thể thường quán xét như vậy, tâm từ bi trong tự tánh liền hiển lộ. Không thể kiến tánh, mê thất tự tánh, tâm từ bi này cũng không thể phát ra được.

Tôi muốn yêu thương người khác, vì sao vậy? Tôi muốn đi quan tâm người khác, vì sao vậy? Ở sau rất nhiều câu hỏi. Biết được là một tự tánh thanh tịnh viên minh thể thì những vấn đề này sẽ không còn, hoàn toàn không có. Chúng ta quan tâm họ, yêu thương họ. Đây là điều nên làm, vì là yêu thương chính mình mà. Mình và người là một không phải hai, chúng ta ngày càng gần với tự tánh. Trí huệ dần dần tăng trưởng, tập khí phiền não dần dần bị đào thải. Chuyển phiền não thành bồ đề nhất định phải dựa vào giới định huệ. Vì định huệ có sức mạnh rất lớn. Định có thể chế phục phiền não, huệ có thể chuyển phiền não, vì thế gọi là dõng mãnh.

Hai câu này trong Đại Trí Độ Luận là từ ví dụ mà nói. *“Trí huệ tiển cân lợi, phá kêu mạn chư tặc”* dùng binh khí để làm ví dụ. Trong Kinh Duy Ma Cật nói lấy kiếm trí huệ phá giặc phiền não. Trong Kinh Tâm Địa Quán nói: *“Pháp bảo do như trí tuệ lợi kiếm, cát đoạn sanh tử, ly hệ phược cố”*, pháp bảo là tất cả kinh luận chư Phật và chư vị tổ sư truyền lại. Kinh luận giúp chúng ta phát khởi trí huệ hiện tiền. Nếu chúng ta không có sự nhắc nhỏ của kinh luận, trí huệ vĩnh viễn không thể hiện tiền.

Thực tế mà nói chúng ta được những kinh luận này, cần phải có thiện tri thức chỉ dẫn, không có thiện tri thức chúng ta xem không hiểu. Đọc kinh là việc tốt, cũng có thể khai trí huệ, nhưng đọc mãi cảm thấy chán ghét. Không hiểu ý nhưng ngày ngày phải đọc, cảm thấy khô khan vô vị. Đọc mấy năm, càng đọc càng bực bội, sau cùng cũng bỏ cuộc. Thậm chí đi học các tông phái khác, việc này thường xảy ra. Vì thế thiện tri thức quan trọng hơn bất cứ điều gì. Ngày nay thiện tri thức ngày càng ít. Nguyên nhân ngày càng ít, vì người thật sự tu học Phật pháp, gặp chướng ngại, gặp khó khăn. Đầu tiên là phong khí ảnh hưởng chúng ta, phong khí là gì? Phong khí là không tôn trọng.

Người trong xã hội hiện nay đề xướng nhân bản chủ nghĩa, lấy người làm gốc. Đặc biệt là đối với cổ thánh tiên hiền đều có hoài nghi, không có tâm tôn trọng, điều này đã trở thành phong khí, xã hội phổ biến điều là như vậy. Nếu chúng ta đối với kinh điển thật tâm cung kính, tôn trọng. Người khác thấy cho rằng chúng ta mê tín, chẳng những không được động viên mà còn bị một số người khinh thường, tạo thành chúng ta đối với cổ thánh tiên hiền mất đi tín tâm. Ngày nay chúng ta biết, bất luận Phật pháp hay thế pháp tất cả đều học được trong sự cung kính. Nếu trong thái độ chúng ta không có chút tâm cung kính này, chúng ta sẽ không học được bất kỳ điều gì.

Tâm cung kính này từ nhỏ đã học nhưng hiện nay không dạy cho nhi đồng. Cha mẹ không dạy chúng ta, người lớn trong gia đình không dạy chúng ta, thầy giáo trong trường cũng không dạy. Thiên tánh của chúng ta có phần mỹ đức này đã bị mai một, do đó điển tịch thánh hiền còn nhưng chúng ta không thâm nhập được.

Hiện tại phương pháp giáo dục trẻ em có vấn đề. Một người trong đời, giai đoạn tuổi tác không tương đồng, năng lực của họ cũng không giống nhau. Khoảng trước 12 tuổi sức ghi nhớ mạnh nhất, người xưa hiểu được, sau 13 tuổi đến 20 tuổi lúc này trí huệ đã khai mở, cần nên tận tường giảng giải cho họ, cùng họ nghiên cứu thảo luận. Vì thế trước 12 tuổi chỉ đọc, chỉ đọc thuộc không giảng, phù hợp tiêu chuẩn trong Phật pháp nói. Trước 12 tuổi đặt nền tảng cho họ chính là căn bản trí, căn bản trí là gì? Căn bản trí là định. Đứa trẻ nên dạy họ tâm định, không nên suy nghĩ này nọ, vì thế dạy chúng ta học thuộc bài. Học thuộc sẽ không suy nghĩ lung tung, những gì cần học thì ngày ngày học. Người lớn kêu lại đọc một đoạn cho tôi nghe, đó là gì? Tu thiền định, dùng phương pháp thuộc lòng để tu thiền định. Vì thế đứa trẻ giống như một người lớn vậy, có quy cũ. Đến 20 tuổi đại khái những gì cần thuộc đều đã thuộc hết. Những phương pháp này đều ghi trong Ngũ Chủng Di Quy. Trần Hoằng Mối cũng là một học giả thời nhà Thanh, ông ta đối với tiểu học có nghiên cứu rất sâu sắc. “Đồng mong dưỡng chánh” không thể không học. Lúc nhỏ đặt nền tảng vững chắc, lớn lên học sẽ rất dễ dàng, rất phương tiện. Thật chịu học, không có gì không thành tựu.

Bây giờ phải làm sao? Gặp người trẻ tuổi thật sự hiếu học, thật sự giác ngộ, có sứ mạng đối với truyền thống văn hóa. Như vậy chúng ta khuyên dạy họ, đầu tiên là nêu đức hạnh, điều thứ hai là tác phẩm văn cổ. Phương pháp học tác phẩm văn cổ phải dùng cách ngày xưa, chính là thuộc lòng. Khoảng trước 30 tuổi vẫn được, sau ba mươi tuổi rất khó, vì sao vậy? Vì sức ghi nhớ dần suy yếu. Năm sáu mươi tuổi thường không nhớ được nữa. Bảy tám mươi tuổi chuyện vừa mới nghĩ đến quay lại là quên ngay. Vì thế ký ức sẽ suy yếu dần, yếu dần theo tuổi tác. Tốt nhất là trước 20 tuổi, trước 20 tuổi là thời đại học tập hoàng kim, vì thế nếu có thời gian hai năm, nỗ lực thuộc lòng 50 biến văn cổ, sẽ nắm bắt được nền tảng của văn ngôn cổ. Đây là gì? Chìa khóa, chìa khóa của Tứ Khố Toàn Thư, chìa khóa của Đại Tạng Kinh. Nếu không có chìa khóa này Đại Tạng Kinh chưng trong nhà quý vị cũng không thâm nhập được, chỉ vô dụng mà thôi. Tứ Khố Toàn Thư để trong nhà cũng vô dụng, quý vị không có năng lực để thọ dụng nó. Quý vị thấy nền tảng này quan trọng biết bao!

Nếu người lớn trong nhà có trí huệ, họ biết điều này, dạy trẻ em thuộc lòng. Chúng ta đã sai, cha mẹ không siêng năng dạy chúng ta. Bây giờ chúng ta đã hiểu, chúng ta phải dạy người đời sau, hy vọng đời sau vượt trội hơn chúng ta, đời sau tiếp tục dạy đời sau nữa. Đại khái khoảng ba bốn đời sau truyền thống văn hóa có thể phục hưng. Truyền thống văn hóa trong thời đại chúng ta chắc chắn không còn cách nào. Đời sau cũng rất khó khăn, rất gian nan. Ít nhất phải sau đời thứ ba. Chúng ta có tâm này, hiểu điều này, biết được điều này là sai lầm trong quá khứ cần phải chỉnh đốn lại, cố gắng nỗ lực bồi dưỡng trẻ em. Tìm một hoàn cảnh tốt để dạy học, rời xa thành thị. Tìm một nơi non nước hữu tình, cổ nhân nói địa linh nhân kiệt. Họ không có ô nhiễm, không bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng. Tâm họ đã định, tâm đã an. Cố gắng dẫn dắt họ, bồi dưỡng họ. Phải hai ba đời sau mới thấy được hiệu quả.

Truyền thống văn hóa ít nhất đã lãng quên từ năm đời trước, phục hưng cũng phải cần năm đời. Không thể nói ngay trong đời này của chúng ta có thể phục hưng, điều này tuyệt đối không làm được, vì thế trí huệ quan trong hơn bất cứ điều gì. Ngày nay chúng ta toàn tâm toàn lực giúp đời sau, điều này là đúng. Chúng ta tự mình tu học, phải vô cùng gian nan, vậy đời sau thì sao? Vẫn phải để họ chịu khổ, nếu cúng dường quá ưu ái quá con người sẽ làm biếng giải đãi.

Đức Thế Tôn lãnh đạo những đệ tử này có câu: Tỳ Kheo thường mang ba phần bệnh. Bệnh này là gì? Khổ, lấy khổ làm thầy. Trong cuộc sống vật chất khổ một chút đối với thế gian này quý vị mới có thể buông xả, mới không đến nỗi lưu luyến. Vì thế Đức Thế Tôn không lập chùa, sống đời du mục. Buổi tối đi đến đâu thì nghỉ ở nơi đó. Họ sinh ra ở vùng nhiệt đới nên cuộc sống rất đơn giản, ba y một bát là đủ. Nơi đó không có mùa đông, buổi tối trãi tấm nệm trên đất để ngủ, đó chính là một tấm vải bố trải trên đất, trong kinh Phật gọi là ngọa cụ, bây giờ đem nó trải làm nệm lạy Phật. Trước đây nó không phải để lạy Phật là trải ở dưới để ngủ. Đắp ở trên là ba y, ba bộ y phục. Đây chính là một tấm y, ba tấm y như vậy là đủ. Cuộc sống của ngài như vậy là có thể được, gọi ba y một bát, thanh bần một chút cũng tốt! Đối với thế gian không lưu luyến. Tâm lìa đau khổ sẽ kiên định, cuộc sống quá đầy đủ sinh ra lưu luyến.

Chùa xây cất xa hoa phú lệ đó không phải là tu hành.Mỗi người ở trong đó không những tham luyến mà còn đấu tranh. Mỗi người đều muốn chiếm đạo tràng, đều muốn khống chế, đều muốn chiếm hữu. Tất đều là tạo nghiệp luân hồi. Không những là nghiệp luân hồi mà còn là nghiệp địa ngục. Điều này chúng ta không thể không biết. Thật sự có người theo chúng ta học tập, phát tâm theo chúng ta học tập sống đời sống đơn giản. Không thể ngày ăn một bửa, cơm tối cũng phải bỏ, cần giảm thực.

Trong quá khứ tự viện tùng lâm là quốc gia kiến lập, các bậc đại phú trưởng giả xây dựng. Cuộc sống trong tự viện buổi tối không ăn, cơm trưa là bửa cơm chính, buổi sáng ăn một ít, chỉ một món, không có hai món. Lúc tôi xuất gia là 60 năm trước, ở Đài Loan cuộc sống trong chùa rất cực khổ. Trong chùa bất luận là bao nhiêu người khi ăn cơm đều là ăn qúa đường. Một món ăn, một tô canh. Món ăn này được bao nhiêu? Mỗi người một đĩa rau, chính là cái đĩa mà hiện nay chúng ta dùng đựng nước tương, chỉ lớn bấy nhiêu đó thôi. Tôi đến chùa giảng kinh, đó là khách nên cho tôi một đĩa lớn một chút. Lớn không bao nhiêu, bây giờ gọi là đĩa nhỏ, cuộc sống đích thực rất thanh bần.

Tại sao xuất gia? Vì tu hành, vì liễu sanh thoát tử. Khi ở Đài Loan Tịnh độ tông rất thạnh, vì cầu sanh thế giới tây phương Cực lạc họ không phải vì điều gì khác. Vì thế trong xã hội ngày nay Ấn Quang đại sư có cái nhìn rất xa, đúng là tổ sư, thành lập đạo tràng chỉ dựng mái nhà tranh nhỏ, đừng xây chùa lớn. Loại nhà tranh nhỏ này người ta không cần. Tặng người ta cũng không cần, họ coi thường quý vị, quý vị có thể an tâm làm việc đạo. Cuộc sống đơn giản, thấy quý vị khổ như vậy họ sẽ không đến.

Ai đến? Người thật sự muốn tu hành sẽ đến, tự nguyện đến. Muốn sống cuộc sống thoải mái một chút họ sẽ không đến, họ nói quý vị sống như vậy quá khổ. Chúng ta tiếp dẫn phải tiếp dẫn hạng người nào, không thể không biết, điều này đều cần trí huệ. Vì thế trí huệ giúp chúng ta liễu sanh tử xuất tam giới.

Trong Tâm Địa Quán Kinh nói pháp bảo là kiếm sắc trí huệ. Hiện nay kỷ thuật in ấn phát đạt, Đại Tạng Kinh quý vị rất dễ có được. Thực tế nói ngày nay Phật giáo rơi vào cảnh khốn khó, đây là gặp đại tai họa. Chúng ta có thể thâm nhập kinh tạng chăng? Không thể, không có thời gian nhiều như vậy. Vì thế nhất định phải biết giáo huấn từ bi của Chư Phật Bồ Tát dạy chúng ta, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài.

Ngay nay trong thời đại này, một đời hai đời phải dùng phương pháp này cứu Phật giáo. Chính là thâm nhập một môn, gốc giới luật cắm rất chặt. Đối với văn tự phải nắm được chìa khóa, sau đó lại học tập dạy học. Phải đề xướng thâm nhập một môn, huân tu lâu ngày. Phải giúp họ được định, khai trí huệ, họ sẽ suốt đời cảm kích quý vị. Cách chỉ đạo này của quý vị rất hiệu quả. Thông một bộ kinh, họ khai trí huệ liền thông. Không phải đại triệt đại ngộ, đại triệt đại ngộ là họ kiến tánh, họ đã thành Phật. Họ thông triệt thế xuất thế gian pháp. Chưa đến cảnh giới đó, chúng ta gọi là đại ngộ, đây là điều không thể. Đại ngộ là cảnh giới gì? Có thể thông một tông phái, nghĩa là những thứ cùng sở học với tôi đều quán thông, không học mà thông.

Quý vị nói tôi hộc Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà và Kinh Quán Vô Lượng chưa học nhưng quý vị xem qua tự nhiên thông suốt. Nghĩa là những gì có liên quan đến Tịnh độ tông, chỉ cần xem qua là hiểu. Đây là điều xưa kia thầy Lý dạy tôi. Thượng căn lợi trí khai trí huệ, thông giáo lý, đó chính là hoàn toàn thông triệt. Không phải hàng thượng thượng căn, hàng thượng trung căn, bất đắc dĩ mà cầu thứ hai, quý vị phải thông giáo nghĩa. Giáo nghĩa là gì? Nhất tông. Giáo lý của Tịnh độ tông chúng ta có thể thông, đã thông kinh giáo của Tịnh độ tông, các tông phái khác có thể biết cái này đoán ra được cái nọ. Chính mình thật sự đã được độ, cũng là thật sự nắm chắc việc vãng sanh. Những thứ khác thông và không thông cũng chẳng sao, muốn học đến thế giới Cực Lạc học tiếp, không ở đây làm giang dỡ công phu của tôi, lãng phí thời gian của tôi.

Có nhân duyên, có người trẻ tuổi theo chúng ta học, hết sức vun bồi cho họ, hết sức giúp đỡ họ. Ngày sau có người kế thừa, Phật pháp sẽ không đoạn diệt, chánh pháp mới có thể cửu trú.

Tiếp sau trí huệ dõng mãnh chính là *“Thần thông tự tại”* có trí huệ họ sẽ thông. Nghĩa của chữ thần là thông suốt vô ngại, được tự tại. Chữ thần này trong Lục Thư là hội ý. Nếu dùng chữ triện viết ra quý vị sẽ rất rõ ràng. Bên cạnh một chữ thị, bên trái nó là thị, thị của thị phạm. Ở trên một nét ngang ngắn, bên dưới nét ngang dài. Chữ này là thượng, viết theo chữ triện cổ. Nếu ở trên là nét ngang dài, bên dưới nét ngang ngắn chính là hạ. Chữ cổ, trong chữ triện, hạ là viết như vậy, nhưng đây là thượng. Dưới chữ thượng có ba gạch xuống, đây tượng trưng cho điều gì? Thượng thiên thùy tượng. Dùng ý bây giờ nói, phù hiệu của chữ thị là tượng trưng cho hiện tượng vật chất, hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần, nó tượng trưng cho những điều này.

Bên này chữ thân quý vị xem dùng thể chữ triện viết sẽ rất rõ ràng, nó có nghĩa là thông. Trong đó điền là chướng ngại, chướng ngại ba đạo. Nó có thể quán thông từ trên xuống dưới chính là thông đạt, thiên thượng thùy tượng, dùng cách nói hiện nay là thông đạt hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất. Thông đạt, đây gọi là thân. Vì thế thân và thông cùng một nghĩa, hoàn toàn thông suốt.

Như thế nào mới thật sự hoàn toàn thấu triệt, kiến tánh sẽ thấu triệt. Chưa kiến tánh có thể thông một bộ phận, kiến tánh liền thông hoàn toàn. Thần thông tự tại là thông tất cả, tự tánh bát nhã hiện tiền. Tất cả pháp trong thế xuất thế gian, không có gì họ không thông *“thần thông vô ngại”.*

*“Như kinh vân, năng ư chưởng trung trì nhất thiết thế giới”* mđây là thần thông tự tại, là thật chăng? Hiện nay chúng ta huân tập kinh điển đại thừa cũng không ít thời gian. Câu này chúng ta khẳng định, hoàn toàn không có chút hoài nghi nào, là thật. Vì sao vậy? Trong tay họ có thể nắm giữ tất cả pháp giới, vì trong tay chúng ta cũng giữ tất cả pháp giới. Điều này có gì hoài nghi? Không hề có hoài nghi. Chỉ là nói họ có thể thấy được tất cả thế giới. Chúng ta giữ tất cả thế giới, không nhìn thấy tất cả thế giới, chúng ta kém hơn ở chỗ này.

Nếu quý vị hỏi trong tay tôi không có năng lực giữ tất cả thế giới. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: *“*Giới tử nạp tu di” đã từng học qua chưa? Đã học qua. Trong kinh luận đại thừa nói\_trước kinh này chúng ta đã đọc qua. Một sợi lông, một hạt vi trần. Điểm vi tế của sợi lông hạt bụi này, ngày nay gọi là lượng tử, không thể nhỏ hơn. Cũng chính là nhất niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói, hiện tượng trong một niệm đó là gì? Có hiện tượng vật chất, có hiện tượng tinh thần. Trong nhà Phật nói ngũ uẩn sắc thọ tưởng hành thức, nó đầy đủ. Vi điểm nhỏ như vậy, Đức Phật nói nó có thể dung chứa biến pháp giới hư không giới, quốc độ của tất cả Chư Phật đều ở trong đó. Trong vi trần có thế giới, trong thế giới lại có vi trần, trùng trùng vô tận, đây là tánh đức.

Trong bàn tay này của chúng ta, quý vị nói có thể giữ bao nhiêu vi trần? Trong vi trần có thế giới chỉ là chúng ta không có năng lực phát hiện. Đức Phật vừa nhìn, không sai, đích thực trong tay quý vị, tam thiên đại thiên thế giới đều ở trong tay quý vị. Tam thiên đại thiên thế giới là một cõi Phật. Quý vị tiếp tục suy nghĩ tường tận, vô lượng vô biên quốc độ chư Phật đều trong lòng bàn tay, tự tánh không có lớn nhỏ. Tướng lớn nhỏ dung hợp, lớn nhỏ không phải hai, điều này có gì hy hữu? Thế giới vi trần ai có thể vào được? Việc này trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta đã học, Bồ Tát Phổ Hiền có thể vào trong thế giới vi trần để tham học. Trong vi trần thế giới có cõi nước của Chư Phật, Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào trong đó để lễ Phật nghe kinh nghe pháp. Vi trần không phóng to, thế giới không thu nhỏ. So với các kinh điễn nói “giới tử nạp tu di*”* ý nghĩa đó càng sâu sắc, càng huyền diệu. Hạt cải rất lớn chúng ta có thể thấy được. Mao trần, vi điểm chúng ta mắt thịt không nhìn thấy được, trong đó có thế giới nên chân tướng sự thật này không phải ví dụ. Phật và pháp thân Bồ Tát đều biết.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo, sau khi có trí huệ, tự nhiên có thần thông. Thần thông nhất định trước phải có trí huệ, thiền định phát trí huệ. Vì thế trí huệ hiện tiền, thần thông sẽ tự tại.

*“Hựu Quán Kinh trung tường minh thượng bối chi tam phẩm. Thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Tư tiết lục gia tường Nghĩa Sớ, Vô Lượng Thộ Kinh Nghĩa Sớ. Đệ nhất vị thượng phẩm thượng sanh, phát bồ đề tâm, tu hành kinh thất nhật, tắc sanh bỉ quốc. Kiến bỉ Phật thân, văn thuyết diệu pháp, tắc ngộ vô sanh pháp nhẫn, đương tri thử thị thất địa vô sanh dã”.*

Chư vị cổ đức nói, những Bồ Tát vãng sanh họ cũng không phải nói tùy tiện, đích thực họ có căn cứ. Trong Quán Kinh nói thượng phẩm thượng sanh, có phát tâm bồ đề, có nhất hướng chuyên niệm. Tu hành kinh bảy ngày là nhất hướng chuyên niệm, sanh đến nước này thấy được Phật A Di Đà. Nghe Phật A Di Đà thuyết pháp, ngộ vô sanh pháp nhẫn, đây là thất địa.

Thứ hai là thượng phẩm trung sanh, không cần đọc tụng kinh điển đại thừa. *“Đản thiện giải nghĩa lý, thâm tín nhân quả, bất báng đại thừa. Thử công đức nguyện sanh bỉ quốc, tức đắc vãng sanh. Bỉ quốc thất bảo trì trung, đại liên hoa trung. Kinh nhất túc tắc khai, kinh nhất tiểu kiếp đắc vô sanh pháp nhẫn, thử diệc thị thất địa vô sanh”.* Căn của thất địa có lợi độn không giống nhau. Căn lợi thì thượng phẩm, liệt căn thì trung phẩm, thượng phẩm trung sanh. Không giống với ở trước là, họ không cần đọc tụng kinh điển đại thừa, nhưng họ có thể thiện giải nghĩa lý. Thiện giải nghĩa lý thật không đơn giản. Phải đầy đủ điều kiện, điều kiện này chính là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ mới có thể thiện giải nghĩa lý. Tâm không thanh tịnh sanh phiền não, không giống nhau.

Thâm tín nhân quả với Tịnh Nghiệp Tam Phước, cùng một ý nghĩa với những gì câu thứ ba nói “Phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả”, nhân quả này không phải nhân quả bình thường. Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, họ tin nhân quả này. Nhân quả này rất nhiều quyền giáo Bồ Tát đều không tin. Niệm Phật có thể thành Phật, đặc biệt là niệm Phật A Di Đà. Bất báng đại thừa, đại thừa ở đây cũng là đặc biệt chỉ Tịnh tông. Tịnh tông là đại thừa trong đại thừa, không có pháp môn nào thù thắng hơn Tịnh tông. Công đức này, lấy công đức này nguyện sanh vào nước này, liền được vãng sanh. *“Cực Lạc thế giới thất bảo trì đại liên hoa trung, kinh nhất túc hoa khai, hoa khai kiến Phật”,* nhưng vẫn không thể chứng vô sanh pháp nhẫn, chứng vô sanh pháp nhẫn nhất định phải trải một tiểu kiếp. Một tiểu kiếp này nghe kinh nghe pháp tu hành, mới có thể chứng được vô sanh pháp nhẫn. Chúng ta biết người của thế giới Cực Lạc đều là vô lượng thọ, cho nên trải qua một tiểu, một kiếp đại kiếp cũng không sao, thọ mạng rất dài!

Phẩm trước thấy Phật nghe pháp chứng được vô sanh nhẫn. Phẩm này trải qua một tiểu kiếp chứng được pháp vô sanh. Sai biệt là ở đây.

Thứ ba *“Thượng phẩm thượng sanh, thử nhân diệc tín nhân quả, bất báng đại thừa. Bỉ quốc hoa trung, nhất nhật nhất dạ nãi khai”*, ở đây chậm hơn ở trên, ở trên một đêm đã nở, họ cần một ngày một đêm. *“Phục kinh tam tiểu kiếp đắc bách pháp minh môn, trú hoan hỷ địa”* hoan hỷ địa chính là sơ địa. *“Kim thượng phẩm đắc sơ địa vô sanh, cố tri tiền thượng phẩm thị thất địa vô sanh. Hựu Di Đà Sớ Sao cánh vị, thượng thượng phẩm vãng sanh trung, tối thượng giả khả chí bát địa”* bát địa là bất động địa. *“Sao vân, tắc thượng thượng phẩm trung, từng nhất địa dĩ chí bát địa”* nhất địa là sơ địa, thượng thượng phẩm là nhất địa đến bát địa. “Dĩ dung đa phẩm, dư khả tri hỷ”, có thể thấy thượng bối vãng sanh, thấy Phật nghe pháp liền ngộ vô sanh có thể chứng bát địa đầy đủ, chứng được trí huệ dõng mãnh, đây là được Phật lực gia trì.

Vậy chúng ta phải như thế nào mới được Phật lực gia trì? Phật lực gia trì là bình thường, là phổ biến. Cũng chính là nói chúng ta có thể tiếp thu bao nhiêu, đó chính là lời của Ấn Quang đại sư. Tôi thường đọc cho mọi người nghe một phần thành kính quý vị sẽ tiếp thọ được một phần. Quý vị đạt được một phần lợi ích do Phật A Di Đà gia trì. Mười phần thành kính quý vị sẽ được mười phần. Một trăm phần thành kinh quý vị đạt được một trăm phần. Ngàn phần thành kính liền đạt được ngàn phần. Đây chính là từ nhất địa đến bát địa, không giống nhau!

Cấp bậc hiện nay của chúng ta tâm thành kính là khó nhất, thật không phát ra được. Không phát ra được có một cách, đọc nhiều đại thừa, vì sao không phát ra được? Chúng ta đối với đại thừa nhận thức quá ít, tâm cung kinh đối với Phật Bồ Tát không sanh khởi được. Đọc đại thừa lâu ngày chúng ta mới biết Phật Bồ Tát quá vĩ đại, Phật Bồ Tát quá từ bi. Phật Bồ Tát trí huệ vô lượng, thần thông vô cùng. Thật sự là thương yêu tất cả chúng sanh, toàn tâm toàn lực giúp tất cả chúng sanh, thành tựu tất cả chúng sanh. Chúng sanh đáng thương vô tri không nghe lời, điều này cũng không thể trách mọi người, vì sao vậy? Chúng ta từ nhỏ không dưỡng thành thói quen tôn trọng tổ tiên, tôn trong sư trưởng, không có thói quen này.

Tôi rất may mắn sanh trưởng ở vùng nông thôn. Lúc nhỏ cha mẹ vẫn dạy, nhưng người thành thị đã không còn dạy, đều đã lãng quên. Vùng quê, vùng quê của chúng tôi hưởng vinh quang của Đồng Thành Phái. Lư Giang, Thư Thành, Đồng Thành. Địa bàn này là nguồn gốc Đồng Thành Phái thời Minh Thanh, vì thế văn phong rất thịnh. Trẻ em ở nông thôn đều đi học, đều dùng từ đường làm lớp học, vì từ đường rất rộng rãi. Chỉ có xuân thu tế kỵ, một năm chỉ có hai lần tế tổ, bình thường đều để không, không dùng, nên dùng nơi này làm lớp học.

Thầy giáo tư thục, cha mẹ vẫn nỗ lực dạy dỗ. Thầy dạy chúng tôu hiếu thảo cha mẹ, nói những câu chuyện về hiếu thân cho chúng tôi nghe. Cha mẹ dạy chúng tôi tôn sư trong đạo. Đặc biệt là ngày đầu tiên đi học, phụ thân và thầy biểu diễn cho chúng tôi thấy, ấn tượng này rất sâu sắc. Phương pháp biểu diễn này vẫn phải xem đến mấy lần, vì sao vậy? Vì có học sinh mới đến. Khi chúng lạy thầy, học sinh cũ chúng tôi đứng một bên xem. Quý vị thấy phụ thân họ dẫn họ đến lạy thầy. Trong lễ đường, lễ đường chính là đại điện tế kỵ. Trong đó cúng một bài vị, bài vị lớn *“Đại thành chí thánh tiên sư Khổng Tử chi thần vị”,* tôi nhớ rất rõ. Thầy đứng một bên, đứng bên bài vị, học sinh đứng hai bên. Giống như bên đông bên tây trong nhà Phật vậy, đứng ra hai bên.

Gia trưởng của học sinh này trước là hướng lên bài vị Khổng Tử hành lễ ba quỳ chín khấu đầu. Phụ thân họ ở trước, học trò con của họ lạy theo ở sau. Khi lạy xong mời thầy ngồi lên chỗ ngồi của thầy, dưới bài vị Khổng Tử. Hướng lên thầy lễ ba quỳ chín khấu đầu, lạy thầy. Quý vị thử nghĩ xem, đây là cổ lễ Trung Quốc. Thầy nhận ba quỳ chín khấu đầu của gia trưởng họ, có thể không tận tâm dạy được sao? Không tận tâm dạy làm sao xứng đáng với gia trưởng của học sinh? Học sinh nhìn thấy phụ thân ba quỳ chính lạy đối với thầy, giám không nghe lời sao? Giám không học sao? Lễ bái sư này là bài học đến trường đầu tiên, rất long trọng khi còn nhỏ, nhưng suốt đời họ không bao giờ quên, suốt đời họ sẽ tôn sư trọng đạo. Bất kể là thầy dạy tôi hay không, nghe nói họ là thầy giáo dạy học, chúng ta đối với họ tự nhiên sanh khởi tâm cung kính, vì sao vậy? Thấy họ là giáo viên nhà trường chúng ta liền nghĩ đến thầy giáo trước đây dạy chúng ta, bây giờ không còn nữa.

Bây giờ thầy giáo quản học sinh nghiêm một chút, trẻ em trở về khóc lóc nói với cha mẹ, cha mẹ đến cục cảnh sát tố cáo thầy giáo này ngược đãi học sinh. Thầy giáo còn giám dạy sao? Không giám dạy, thầy giáo tiểu học đã không giám dạy, thầy giáo trung học cũng không giám dạy. Trung học, đại học là gì? Bây giờ là học sinh làm khó thầy, nhà trường muốn mời thầy giáo này hay không, phải xem học trò thích hay không. Học sinh thích thầy giáo này, học kỳ sau nhà trường sẽ mời họ, học sinh phản đối thì học kỳ sau không mời nữa, như vậy thầy giáo có thể dạy được chăng?

Vì thế biến thành như thế nào? Trở thành như những gì thầy Đông Phương Mỹ nói\_lời của 60 năm trước\_nhà trường hiện nay thầy không ra thầy, học sinh không ra học sinh, mọi người đều rất bừa bãi. Thầy giáo dạy học kiếm tiền sống quan ngày, học sinh cần văn bằng. Giáo dục đã thất bại, phải tìm ra nguyên nhân thất bại, phải biết. Quý vị nói thời đại trước đó, xã hội cũ đó lạc hậu. Người lạc hậu đều hiểu quy tắc, giáo dục lạc hậu ra được nhân tài, thật sự đào tạo được người tốt. Người tân tiến hiện nay không hiếu cha mẹ, không kính sư trưởng. Đối với công việc không tận tâm làm tròn trách nhiệm. Không những thánh hiền không có, mà người tốt cũng không.

Hiện tượng này của xã hội cũ và xã hội mới đáng để ta suy ngẫm khảo sát. Con đường tương lai chúng ta nên đi như thế nào, đây là vấn đề lớn.

Trung Quốc mấy ngàn năm nay tổ tông dạy chúng ta đều là cầu trí huệ, tu dưỡng phẩm đức, tu học trí huệ, đọc sách là vì điều này. Tôn chỉ dạy học của nhà trường, đọc sách chí ở thánh hiền. Tôn chỉ giáo dục ngày nay của nhà trường là ở chỗ mưu sanh. Sau khi học xong, tương lai trong xã hội có thể kiếm tiền, lấy điều này làm mục đích, hoàn toàn tương phản với ngày xưa.

Nhiều người hỏi tôi, tôi tán thành xã hội ngày xưa, tôi hoài niệm xã hội quá khứ. Xã hội ngày xưa quốc thái dân an, xã hội an định, giữa người và người sống rất êm ấm. Thật sự là cùng nhau quan tâm, cùng nhau hợp tác, xã hội giống như người một nhà vậy. Con người có thể dạy tốt, cũng có thể dạy hư, chính là xem quý vị dạy như thế nào.

Đoạn kinh văn tiếp theo nói: *“Dục ư kim thế kiến A Di Đà Phật”,* dục là muốn, hy vọng cầu mong, ngay trong đời này tôi thấy được Phật A Di Đà, câu này rất quan trọng! Đây là hy vọng duy nhất trong đời chúng ta, chính là muốn thấy Phật A Di Đà. *“Thử chỉ hiện tại dĩ chí đương lai nhất thiết chúng sanh”,* đương lai là tương lai. *“Dục ư đương thế”,* chính là ngay trong đời này. *“Thân tự nhãn kiến a Di Đà Phật”,* kỳ vọng ân cần khẩn thiết này chúng ta có thể cảm nhận được.

Khi chúng ta còn trẻ muốn thân cận một vị thiện tri thức, muốn thân cận một người thầy giỏi. Khát vọng, cung kính, mong cầu như vậy, hiện nay trong xã hội này hình như rất ít thấy. Chúng ta thật có tâm này, họ liền có cảm ứng. Cảm ứng đạo giao là thật, không phải giả, đương nhiên có liên quan đến nhân duyên. Thầy và học sinh mỗi người đều có nhân duyên, không có duyên làm sao có thể cùng trong một giảng đường? Cùng học trong một trường? Đó đều là có duyên nhưng trong đó phải có cảm ứng.

*“Quán Kinh vị thượng phẩm thượng sanh giả, A Di Đà Như Lai dữ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số hóa Phật, bách thiến tỳ kheo thanh văn đại chúng, vô lượng chư thiên, thất bảo cung điện. Quán Thế Âm Bồ Tát chấp kim cang đài dữ Đại Thế Chí Bồ Tát chí hành giả tiền. A Di Đà Phật phóng đại quang minh chiếu hành giả thân, dữ chư Bồ Tát thọ thủ nghinh tiếp”.*

Đây là đời này thấy Phật, khi nào? Lâm chung Phật đến tiếp dẫn. Cảnh giới này người vãng sanh tự thân chứng kiến. Khi họ còn chưa đoạn khí đã nhìn thấy được, nói với đại chúng bên cạnh: Phật đã đến tiếp dẫn tôi. Nói với mọi người tình hình này.

Trong Tịnh Độ Hiền Thánh Lục ghi rằng Huệ Viễn đại sư, đệ nhất tổ sư của Tịnh độ tông, người thời Đông Tấn. Ngài kiến lập một niệm Phật đường ở Lô Sơn\_Đông Lâm Niệm Phật Đường, hiện nay nơi này là Chùa Đông Lâm. Đương thời người cùng chí hướng, mọi người đều phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, có 123 người. Thật vậy, mỗi người đều vãng sanh. Khi ngài Huệ Viễn vãng sanh nói: tôi thấy được thế giới Cực Lạc, lại còn nói với các đồng tu khác, quang cảnh này trước đây ngài đã thấy ba lần nhưng không nói với người khác, ngài không nói, đây là lần thứ tư thấy Phật đến tiếp dẫn. Ngài nói với mọi người đã thấy được Phật A Di Đà.Thật thấy được. Như ở đây nói Quán Âm Thế Chí, vô số hóa Phật, trăm ngàn tỳ kheo chúng đại Thanh văn, vô lượng chư thiên. Thật vậy, ngài đã nhìn thấy mà còn có nhiều người vãng sanh trước của Liên Xã cùng đi với Phật đến tiếp dẫn ngài. Gặp mặt còn nói với ngài ông phát tâm sớm hơn chúng tôi, vì sao đến nay mới vãng sanh? Họ đến thế giới Cực Lạc từ lâu. Ngài Huệ Viễn đem chuyện này nói với mọi người, đây là thật không phải giả.

Bồ Tát Quán Âm trên tay nắm đài kim cang\_Đài sen trong hoa sen của ao bảy báu, cùng với Bồ Tát Đại Thế Chí đến trước người vãng sanh để tiếp dẫn họ. Phật A Di Đà phóng đại quang minh, đây là ánh sáng của Phật chiếu đến, chiếu đến người vãng sanh này. Phật quang chiếu đến là gia trì khiến công phu tu hành của họ lập tức nâng cao một bậc. Công phu chúng ta không đủ, công phu thành phiến chúng ta cũng chưa đạt được, nhất định khiến chúng ta nâng cao đến công phu thành phiến.

Công phu thành phiến là gì? Hoàn toàn chế phục được phiền não không còn khởi phiền não. Phiền não chưa đoạn chỉ chế phục, đây là oai thần của Phật giúp chúng ta. Nếu đạt được công phu thành phiến, Phật quang vừa chiếu liền biến thành sự nhất tâm bất loạn, sanh vào cõi phương tiện hữu dư. Nếu đã niệm đến sự nhất tâm bất loạn, Phật quang vừa chiếu đến liền trở thành sự nhất tâm bất loạn. Phật đến tiếp dẫn quý vị đi về đâu? Đến cõi thật báo trang nghiêm ở thế giới Cực Lạc, Phật quang vừa chiếu công phu liền nâng lên một bậc.

Vì thế Huyền Trang đại sư phiên dịch Kinh Di Đà, kinh văn là *“nhất tâm hệ niệm”* đại sư Cưu Ma La Thập dịch là *“nhất tâm bất loạn”,* nhất tâm hệ niệm là giống với nguyên văn tiếng phạn, nhất tâm bất loạn thì không giống. Bây giờ chúng ta hiểu đại sư La Thập dịch không sai, công phu quý vị thành phiến, khi vãng sanh Phật A Di Đà phóng ánh quang minh, nâng chúng ta đến cảnh giới nhất tâm bất loạn, dịch không sai.

Các chúng Bồ Tát đưa tay hoan nghênh, chào hỏi, đến đón tiếp quý vị. *“Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dữ vô số Bồ Tát, tán thán hành giả, khuyến tấn kỳ tâm”,* đây là nói tình hình vãng sanh, sau khi chúng ta đọc rồi cần phải hết lòng tranh thủ. Khi lâm chung rõ ràng minh bạch, tâm không điên đảo. Suốt đời chúng ta mong cầu, chính là mong cầu điều này, ngoài ra đều không cần, buông bỏ hết!

*“Hành giả kiến dĩ, hoan hỷ dõng dược”,* người vãng sanh thấy được cảnh giới này vô cùng hoan hỷ. *“Tự kiến kỳ thân thừa kim cang đài”*, Bồ Tát Quán Thế Âm đưa đài kim cang cho họ, họ liền nhìn thấy chính mình cũng là điều rất tự nhiên. Liền lên trên đài kim cang ngồi trên đài kim cang. *“Tùy tùng Phật hậu, như đàn chỉ khoảnh vãng sanh bỉ quốc”,* thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở ngay tại đây. Thời gian một khảy móng tay đã ở thế giới Cực Lạc. Đây là thượng phẩm, chúng ta phải giành được thượng phẩm, cầu không được còn có trung phẩm. Lời của Ngẫu Ích đại sư động viên chúng ta chỉ cần sinh đến thế giới Cực Lạc công đức sẽ viên mãn, không để ý đến phẩm vị.

Nên có người hỏi ngài, sư phụ vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc hy vọng được phẩm vị như thế nào thì ngài vừa lòng? Ngẫu Ích đại sư đáp rất hay: hạ hạ phẩm vãng sanh là tôi đã vừa lòng rồi. Chỉ cần đến thế giới Cực Lạc là vừa lòng. Chính xác, chỉ sợ là không đi được. Điều kiện đến đó nhất định phải biết, rất đơn giản, không phức tạp chút nào. Tin thật và thật sự muốn đi, chính là điều kiện này. Tin thật và bằng lòng, thế gian này thật sự buông bỏ được mới là thật tin thật đồng ý, còn một chút lưu luyến cũng không được. Như vậy quý vị là giả không phải thật. Đối với nơi này đích thực không có chút lưu luyến nào. Nhất định phải xem nơi này như là quán trọ, đây không phải nhà của tôi, nhà của tôi ở thế giới Cực Lạc.

Quý vị thấy hiện tượng vãng sanh này cùng với Phật A Di Đà đến tiếp dẫn quý vị là Bồ Tát, Thanh văn, đại chúng đều là người có duyên với quý vị. Từ trong vô lượng kiếp đến này, tất cả những người có duyên trong quá khứ họ niệm Phật và đã sớm vãng sanh. Ngày nay quý vị đi, họ đều biết hết, theo Phật A Di Đà đến tiếp dẫn quý vị, không phải người lạ. Vì thế đến thế giới Cực Lạc đừng nên sợ hãi, “tôi đến đây đất và người đều xa lạ”, đầu tiên có cảm giác khiếp sợ, bất an, đến đó mới biết toàn là người quen.

Trí huệ thần thông của quý vị hiện tiền, túc mạng thông hiện tiền, sự việc nhiều đời kiếp trong quá khứ, tất cả đều nhớ lại. Vì thế rất nhiệt náo, ở đó mở đại hội hoan nghênh. Về sau ngày ngày cùng nhau nghe kinh học tập, đều ở cùng nhau, hoàn toàn không hề xa lạ. Người có duyên vô cùng thân thiết, người không có duyên cũng giống người có duyên, đối với quý vị đều hoan nghênh thân thiết như vậy.

*“Hựu thượng phẩm trung sanh giả, mạng dục chung thời, A Di Đà Phật dữ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô lượng đại chúng quyến thuộc vi nhiễu, trì tử kim đài, chí hành giả tiền”*. Ở trước là kim cang đài còn đây là tử kim đài, phẩm vị thấp hơn một bậc. Đến trước mặt người vãng sanh *“Tán ngôn, nhữ hành đại thừa”,* niệm Phật chính là đại thừa, một niệm, mười niệm đều là đại thừa. *“Giải đệ nhất nghĩa”,* đệ nhất nghĩa là minh tâm kiến tánh, đệ nhất nghĩa chính là nhất tâm, chính là nhất niệm, cũng chính là trong lòng không có tạp niệm. Đây gọi là đệ nhất, không có nghi hoặc, không có tạp niệm. Nhất tâm nhất ý chính là Phật A Di Đà, chính là thế giới Cực Lạc, điều này được trưởng dưỡng trong cuộc sống hằng ngày. Trong tâm ngoài Phật A Di Đà ra, ngoài thế giới Cực Lạc ra không nghĩ đến điều gì nữa. Những gì trước mắt đều tốt đẹp, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Tùy duyên, mọi thứ đều hoan hỷ, thế giới Cực Lạc! Sao lại không thích?

Thuận cảnh thiện duyên hoan hỷ, nghịch cảnh ác duyên cũng hoan hỷ, không có gì không hoan hỷ. Thân thiết giúp tôi hoan hỷ, người hủy báng sĩ nhục hãm hại tôi cũng hoan hỷ, đây gọi là giải đệ nhất nghĩa. Không có nghi hoặc, không có tạp niệm. *“Thị cố ngã kim lai nghinh tiếp nhữ, dữ thiên hóa Phật. Thượng phẩm thượng sanh thị vô số hóa Phật”,* nơi này đã có số thiên Phật. *“Nhất thời thọ thủ, thượng phẩm trung sanh. Hành giả tự kiến tọa tử kim đài, hợp chưởng xoa thủ, tán thán chư Phật. Như nhất niệm khoảnh tức sanh bỉ quốc thất bảo trì trung”,* đây là trung phẩm vãng sanh, bên dưới là thượng phẩm hạ sanh, đây là thượng tam phẩm.

*“Hành giả mạng dục chung thời, A Di Đà Phật, cập Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dữ chư Bồ Tát, trì kim liên hóa, hóa tác ngũ bách Phật, lai nghênh thử nhân. Ngũ bách hóa Phật, nhất thời thọ thủ. Tán ngôn, pháp tử, nhữ kim thanh tịnh, phát vô thượng đạo tâm, ngã lai nghênh nhữ”.* Đây là thượng phẩm hạ sanh, nhìn thấy 500 vị hóa Phật. Thượng Phẩm trung sanh nhìn thấy là ngàn vị hóa Phật. Thượng phẩm thượng sanh là vô số hóa Phật. Cảnh quan này là nhân duyên hổ trợ, người niệm Phật tâm tưởng sanh.

Quý vị làm sao có thể nghĩ đến? Kinh đọc thông thuộc, hoàn toàn hiểu được tình huống. Khi lâm mạng chung nhìn thấy cảnh giới này liền biết được mình thuộc phẩm vị nào, đã đến thế giới Cực Lạc.

Nhưng tin tức này trong kinh điển Đức Phật nói rất tường tận, tất cả đều khiến chúng ta ngay trong đời này nỗ lực tranh thủ, vì sao vậy? Vì đây là thật. Đời sau kiếp sau nhất định quý vị đạt được lợi ích. Thế gian hiện tại này danh văn lợi dưỡng, ta không đem theo được thứ nào, ta không đạt được điều gì. Đích thực là: “nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”, nếu đem tâm tư để nơi chỗ bất khả đắc, đi tranh giành cái bất khả đắc này, như vậy là hoàn toàn sai lầm.

Hôm nay hết giờ rồi, ý của thượng phẩm thượng sanh chưa giảng xong. Bài học sau chúng ta tiếp tục học từ chỗ này.

Hết tập 407

# Tập 408

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời Gian:12.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 509 hàng thứ tư, bắt đầu xem từ câu thứ hai.

*“Hựu thượng phẩm hạ sanh giả, hành giả mạng dục chung thời, A Di Đà cập Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dữ chư Bồ Tát, trì kim liên hoa, hóa tác ngũ bách Phật, lai nghinh thử nhân. Ngũ bách hóa Phật nhất thời thọ thủ, tán ngôn, pháp tử, nhữ kim thanh tịnh, phát vô thượng đạo tâm, ngã lai nghinh nhữ. Kiến thử sự thời, tức tự kiến thân tạo kim liên hoa. Tọa dĩ hoa hợp, tùy Thế Tôn hậu, tức đắc vãng sanh thất bảo trì trung”.*

Đây là thượng bối vãng sanh hạ sanh, thượng bối hạ sanh. Trong Quán Kinh nói thượng phẩm hạ sanh, trong kinh này là thượng bối hạ sanh.

Người vãng sanh này khi họ mạng chung. “Mạng dục chung”, nói rõ họ vẫn chưa mạng chung, họ vẫn còn sống ở đây. Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí và chư Bồ Tát cầm kim liên hoa, hóa thành 500 vị Phật, đến nghinh đón người này. Hoan nghênh họ, tiếp dẫn họ đến thế giới Cực Lạc. *“Ngũ bách hóa Phật nhất thời thọ thủ”,* những vị Phật này đều đưa tay ra biểu thị hoan nghênh. Thọ thủ giống như hiện nay chúng ta bắt tay vậy, hoan nghênh họ, tán thán họ. Gọi họ là pháp tử ,có khi chữ này gọi là Phật tử. “Nhữ kim thanh tịnh”, câu này vô cùng quan trọng.

Trong kinh Đức Phật thường nói: “tâm tịnh tắc Phật độ tịnh”. Nói cách khác nguyên nhân chính vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc là tâm thanh tịnh. Trì danh niệm Phật là kỹ xảo. Quán tưởng, quán tượng vẫn là thuộc về kỹ xảo, mục đích là muốn tâm thanh tịnh hiện tiền. Đề kinh của bộ kinh này, nhân quả hiển thị một cách rõ ràng minh bạch. Nhân vãng sanh là thanh tịnh bình đẳng giác. Thượng bối vãng sanh là đại triệt đại ngộ, giác mà không mê. Trung bối vãng sanh là tâm bình đẳng hiện tiền. Hạ bối vãng sanh là tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm không thanh tịnh không thể vãng sanh, dù niệm Phật có nhiều cũng không được. Đây là chúng ta tu Tịnh độ, hy vọng đời này vĩnh viễn thoát ly luân hồi, không còn trôi lăn trong vòng lục đạo.Thật sự cầu sanh Tịnh độ thì không thể không biết. Làm thế nào để được tâm thanh tịnh? Then chốt là buông bỏ. Trì danh niệm Phật là dùng câu Phật hiệu này, thay đổi toàn bộ tạp niệm của mình. Chư vị cổ đức nói: “không sợ niệm khởi chỉ sợ giác chậm”. Niệm là ý niệm, bất luận là thiện niệm hay ác niệm, nói tóm lại toàn là niệm luân hồi. Có niệm chính là luân hồi, vô niệm chính là Bồ Tát. Dùng câu Phật hiệu này thay thế tất cả các ý niệm.

Niệm thứ nhất bất luận là ý niệm gì, niệm thứ hai chính là Phật A Di Đà, đây chính là giác chậm, nhanh. Không cho ý niệm này tạo thêm ác nghiệp, ý nghiệp là tư tưởng. Bất luận là thiện niệm hay ác niệm, thiện niệm là ba đường lành, ác niệm là ba đường ác, vì thế tất cả đều là luân hồi. Ý niệm vừa chuyển niệm A Di Đà Phật. Phật A Di Đà không ở trong thiện đạo cũng không ở trong ác đạo. Cũng chính là nói ý niệm này, ý niệm A Di Đà Phật này không tương ưng với luân hồi lục đạo, nó tương ưng với ai? Tương ưng với thế giới tây phương Cực Lạc, tương ưng với Phật A Di Đà. Niệm Phật vãng sanh thấy Phật, chính là đạo lý này. Chúng ta đối với đạo lý này phải thâm tín không nghi.

Hiện nay trong cuộc sống hằng ngày là luyện công phu, luyện công phu gì? Thay đổi ý niệm. Thay tất cả ý niệm thành A Di Đà Phật là đúng, đây gọi là chân thực tu hành, đây gọi là y giáo phụng hành. A Di Đà Phật, ý niệm này hay, hay đến không cách gì nói được, nói không cùng!

Ở trước chúng tôi đã giảng 800 tiếng đồng hồ. Nói không cùng tận, đều nói về công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn. Cũng chính là nói ưu điểm của ý niệm này không thể nghĩ bàn, vì sao không niệm? Vì sao không hành trì? Những ý niệm trong tám vạn bốn ngàn pháp môn đều không sánh được ý niệm A Di Đà Phật. Vì thế người dùng A Di Đà Phật làm ý niệm của chúng ta là chân thật đệ tử Phật Di Đà không phải giả. Người này nhất định được sanh Tịnh độ, chắc chắn thấy Phật A Di Đà, lâm chung có nhiều người như vậy đến tiếp dẫn. Kỳ lạ nhất những người này toàn người quen không phải người lạ. Thế nên đến thế giới Cực Lạc không nên sợ hãi rằng, tôi đi một mình nhân sự địa lý xa lạ, điều gì cũng không quen, như vậy quý vị hoàn toàn sai lầm. Quý vị đến đó sẽ thấy Bồ Tát và chúng Thanh văn đều quen biết hết, đều là người có nhân duyên với mình từ trong vô lượng kiếp đến nay. Không có nhân duyên sẽ không theo Phật đến tiếp dẫn quý vị.

Phàm những người theo Phật đến tiếp dẫn quý vị, tất cả đều là người có nhân duyên với quý vị, ở thế giới tây phương Cực Lạc gặp mặt, hoan hỷ vô lượng! Phật quang vừa chiếu, thần thông của quý vị liền hiện tiền. Đây là thần thông gì? Túc mạng thông. Đời quá khứ và trong đời quá khứ nữa, vô lượng kiếp trước, tất cả đều nhớ lại đều nghĩ ra được. *“Kiến thử sự thời”* đây là thật sự thấy Phật. Người này hơi thở chưa dứt, thật sự đã thấy được Phật, đây chính là hiện tiền thấy Phật. Tức là thấy được thân thể của mình ngồi trong kim liên hoa, ngồi xuống thì hoa khép lại theo sau Thế Tôn. Thế Tôn là Phật A Di Đà, chính là vãng sanh trong ao bảy báu, hoa trở về trong ao bảy báu.

*“Quán Kinh dữ bổn kinh, đồng vị hành giả ư mạng chung tiền kiến Phật lai nghinh. Thị tức kim thế kiến A Di Đà Phật dã”.*

Đây không phải là sau khi chết mới thấy, mà chưa đoạn khí đã tận mắt nhìn thấy Phật A Di Đà, Quan Âm Thế Chí Chư Phật Chư Bồ Tát đến nghinh tiếp. Chúng ta xem tiếp đoạn văn tiếp.

“*Ư thử ngũ trược ác thế, vô Phật chi thế”,* như thế giới hiện tại này của chúng ta, thế gian này hiện nay cũng không có Phật. Đức Thế Tôn đã diệt độ, vị Phật tiếp theo là Di Lặc Bồ Tát thành Phật, khoảng cách vô cùng xa vời với chúng ta. Trong thời gian dài đó, thời gian của nhân gian chúng ta là 56 ức bảy ngàn vạn năm, thời gian dài như vậy không có Phật. Phật Bồ Tát vẫn là từ bi, vẫn muốn giúp những chúng sanh khổ nạn này.

Chúng ta đọc Kinh Địa Tạng biết rằng Đức Thế Tôn đem đại sự cứu độ chúng sanh phó thác cho Địa Tạng Bồ Tát. Hay nói cách khác trong một thời kỳ dài như vậy, Bồ Tát Địa Tạng thay Phật. Kinh Địa Tạng là chứng cứ sau khi đọc rồi sẽ hiểu, đợi đến Bồ Tát Di Lặc hạ sanh đến thế gian này để thị hiện thành Phật. Thị hiện Địa Tạng Bồ Tát từ bi vô tận, ngài thay thế không phải thời gian ngắn, thay thế thời gian dài. Thời gian dài hơn nhiều so với Phật trú thế.

Pháp vận của Đức Thế Tôn, một vạn hai ngàn năm. Địa Tạng Bồ Tát thay Phật, 56 ức bảy ngàn vạn măm. Hiểu được đạo lý này, biết được những chân tướng sự thật này, chúng ta đối với Địa Tạng Bồ Tát có thể không cảm ân sao? Có thể không nghe giáo huấn sao?

*“Ư thử ngũ trược ác thế, vô Phật chi thế, năng kiến bỉ Phật”,* nghĩa là quý vị có thể thấy được Phật A Di Đà, *“thật thị hy hữu”* bốn câu này là từ quả mà nói, nhân duyên như thế nào mới thấy được? Bốn câu bên dưới là nói về duyên. *“Toàn bằng Di Đà nhất thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, bất tư nghị lực”* đây là duyên, Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên cho chúng ta, chúng ta được oai thần bổn nguyện Phật A Di Đà gia trì. Chúng ta tu pháp môn trì danh niệm Phật này, duyên như vậy mới cảm được. Có duyên đương nhiên còn có nhân, nhân này càng quan trọng. Duyên là tin Phật A Di Đà, nhân là tin chính mình.

*“Phục nhân hành giả phát bồ đề tâm”,* người cầu vãng sanh này họ đã phát tâm bồ đề. Tâm bồ đề này như ở trước Ngẫu Ích đại sư nói là: tin thật nguyện thiết. Thật sự tin, thật nguyện cầu sanh Cực Lạc. Tín và nguyện này rất khó, nếu chúng ta cố gắng hỏi thử, chúng ta có tín chăng? Không có tín, chúng ta có nguyện chăng? Không có nguyện, tín nguyện đều không có. Không nên tự mình cho rằng có tín có nguyện, rất nhiều người mê muội không biết gì, tự cho rằng có tín có nguyện.

Trước đây thầy Lý dạy tôi, tôi cũng đã mấy lần chia sẻ với mọi người. Tôi xuất gia hai năm mới thọ giới nhưng tôi xuất gia là bắt đầu giảng kinh dạy học. Sau khi thọ giới theo quy tắc của nhà Phật là phải đi tạ thầy. Thầy giáo tôi là cư sĩ Lý Bính Nam. Thân phận xuất gia đi lạy thầy. Thầy Lý là thân giáo sư của tôi, dùng cách nói của nhà Phật, thầy chính là hòa thượng của tôi, hòa thượng là thân giáo sư.

Tôi đến thư viện Từ Quang Đài Trung. Tôi chưa vào đến cửa, còn ở bên ngoài. Thầy ở trong thấy tôi, thấy tôi chỉ tay nói thật to: ông phải tin Phật, ông phải tin Phật. Nói rất nhiều tiếng như vậy khiến tôi ngơ ngác. Tôi không tin Phật có thể xuất gia sao? Tôi không tin Phật tôi có thể thọ giới sao? Làm tôi hồ đồ quá, sao lại lớn tiếng như vậy bảo tôi phải tin Phật? Sau khi tôi vào đương nhiên vẫn phải lễ bái. Lạy một lạy, thầy bảo tôi ngồi xuống, nói với tôi rằng: “rất nhiều người đến khi lâm mạng chung cũng không tin Phật”. Càng nói tôi càng hồ đồ, khi lâm chung vẫn không tin Phật, tôi nghe không hiểu, hai mắt tôi mở to nhìn thầy, thầy nói với tôi như thế nào gọi là tin Phật: Những điều Phật nói chúng ta đều không hiểu, Phật bảo chúng ta làm chúng ta không làm, như vậy không phải tin Phật. Thầy nói như thế, tôi liền hiểu rõ. Như thế nào gọi là tin Phật? Thật sự y giáo phụng hành đó là tin Phật. Điều này rà soát lại chính là thật, hoàn toàn không giả.

Quý vị nghiên cứu kinh giáo có thể hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai chăng? Câu này nói một cách rõ ràng là Võ Tắc Thiên nói, bài kệ khai kinh do bà ấy làm. “Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ, ngã kim kiến văn đắc thọ trì, nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”. Võ Tắc Thiên nói được nhưng bà cũng không hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai, chẳng qua là bà nguyện hiểu rõ. Nguyện thì nguyện nhưng bà không lý giải được. Nếu bà hiểu được thì bà đã không tạo nghiệp, sẽ không tranh quyền đoạt lợi, thật sự không hiểu.

Do đây mà biết, tin Phật rất khó! Người tin Phật chân chánh, xem kinh nghe giảng, nghe qua xem qua liền khai ngộ, liền khế nhập cảnh giới. Ngày nay chúng ta mấy trăm lần cũng không khai ngộ, nhiều nhất là sao? Là nhớ rất rõ, cũng có thể nói một cách lưu loát trôi chảy, vì sao không khai ngộ? Còn phiền não, vẫn chấp trước thân này là ta, vẫn còn tự tư tự lợi, vẫn còn danh văn lợi dưỡng. Người khác khen tôi hoan hỷ, người khác hủy báng tôi sẽ sân giận, như vậy làm sao là tin Phật được? Những lời Phật dạy chúng ta không hề chấp hành. Đọc kinh cũng vô ích, chỉ miệc đọc mà thôi, còn tâm không hề thay đổi, khẩu thiện tâm bất thiện.

Trì giới rất tốt nhưng chỉ bên ngoài hành thiện, ý niệm không thiện, toàn là giả không phải thật. Vì thế mới biết tin là khó. Nhà Phật đem tín để ở vị trí đầu tiên: “tín vi đạo nguyên công đức mẫu”, trước tiên phải kiến lập tín tâm, tín tâm không có, toàn là giả. Tất cả đều không có, giống như thực vật vậy, tín là gốc. Chúng ta không có gốc, Phật pháp như vậy, Nho giáo Đạo giáo cũng như vậy. Nếu không có tín tâm, quý vị học Nho giáo không phải thật Nho giáo, quý vị học Đạo giáo không phải thật Đạo giáo, đều là học vỏ bên ngoài mà thôi, thực chất chúng ta không học được gì.

Học Nho, Khổng Tử đến dạy quý vị cũng không đạt được. Học Phật, Đức Thế tôn đến dạy quý vị vẫn không học được gì, đây do nguyên nhân gì? Thầy không sai nhưng chúng ta không vào được. Cảnh giới chúng ta và cảnh giới của Phật, Khổng Tử không giống nhau, rất xa lạ, không tương ưng. Vì thế chúng ta có học lui học tới, học đến bao nhiêu năm cũng chỉ có thể học được cái thường thức, ngày nay gọi là gì? Gọi là tri thức. Phật là trí huệ, Nho là trí huệ, Đạo là trí huệ. Không liên quan đến trí huệ, chúng ta học được là tri thức. Cho nên ngày nay chúng ta lo lắng, lo lắng điều gì? Lo lắng truyền thống văn hóa sẽ mất đi. Hình như rất hưng thịnh nhưng thật ra đó là bên ngoài, như hoa đàm hiện, không phải thật, vì sao? Vì không truyền được truyền nhân đích thực. Truyền nhân đích thực là gì? Tin thật, họ không có chút hoài nghi nào, chính là tiêu chuẩn của cổ nhân. Tiêu chuẩn của cổ nhân là thật thà, nghe lời và thực hành, nhổ tận bệnh căn của mình. Bệnh căn của mình là gì? Phiền não chướng, sở tri chướng. Trong phiền não chướng đầu tiên gọi là căn bản phiền não chính là ta, chấp trước thân này là ta, đây là căn bản phiền não. Tất cả những sai lầm đều từ cái ta mà sanh ra. Vì thế mở đầu Kinh Kim Cang dạy chúng ta phá thân kiến: “Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”. Phá tứ tướng là địa vị gì? Tiểu thừa sơ quả Tu đà hoàn, trong đại thừa Kinh Hoa Nghiêm nói về địa vị là sơ tín vị của thập tín vị Bồ Tát. Phá tứ tướng nghĩa là kiến phiền não trong kiến tư phiền não đã đoạn. Tri kiến quý vị đã chánh, biết rằng thân không phải ta, không có ta, đương nhiên biên kiến cũng không có. Biên kiến là đối lập, ngày nay chúng ta nói là tương đối. Có mình nhất định có người, có thiện nhất định có ác, nó có phản diện. Có tà nhất định có chánh, có thị nhất định có phi, có Phật nhất định có chúng sanh, nó đối lập, đây gọi là biên kiến. Không có quan niệm này, tâm đã bình, tâm đã thanh tịnh. Cho nên chúng ta dùng ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, là tâm chúng ta không thanh tịnh.

Phật dạy chúng ta như vậy, trong sinh hoạt hằng ngày chúng ta phải rèn luyện. Chúng ta chấp trước bốn tướng này thời gian quá dài, làm sao để phá trừ bốn tướng này? Biết được bốn tướng này là giả, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, nó không phải thật. Giả thì phải buông bỏ, không nên để trong tâm, không nên tìm hiểu nó. Không tìm hiểu, không sao, không có chướng ngại. Chúng ta để trong lòng, tìm hiểu nó, nó liền khởi tác dụng, liền chướng ngại chúng ta. Đọc kinh, chướng ngại chúng ta lý giải, không cách nào hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai, nó chướng ngại điều này. Tu hành nó chướng ngại chúng ta được định, chướng ngại sự chứng quả, điều này rất phiền phức!

Vốn đọc kinh là khai trí huệ, quý vị đọc kinh đều trở thành sở tri chướng, vì sao vậy? Vì là tri thức. Tri thức chướng ngại, trí huệ không chướng ngại. Trí huệ giúp chúng ta khai ngộ, tri thức khiến ta sanh phiền não, công hiệu không giống nhau.

Ở trước kinh này chúng ta đọc được, Chư Phật Bồ Tát, chư vị tổ sư trong ngoài nước, có ai không tán thán? Phật là gì? Trí huệ cứu cánh viên mãn gọi là Phật tánh. Phật có nghĩa là giác, Phật tánh chính là giác tánh, giác mà không mê là mỗi người vốn có. Cho nên Đức Phật dạy: tất cả chúng sanh vốn là Phật. Hiện tai ta mê thất tự tánh, không nhận thức, không nhận ra mình, đã mê thất tự tánh. Mê thất tự tánh liền sanh phiền não, sanh phiền não thì nhận giặc làm cha. Không biết tự tánh là ta, ngộ nhận điều gì? Thân là ta, quý vị nói có tồi tệ hay không! Xem cái này là ta, đem những thứ có thể tưởng tượng là ta, sai! Thân không phải ta. Có thể tưởng tượng là thức thứ sáu, có thể chấp trước là thức thứ bảy - Mạt na, đều không phải ta. Sao có thể xem những thứ này là ta? Chính những thứ này hại chúng ta đời đời kiếp kiếp trôi lăn trong luân hồi, vĩnh viễn không ra được. Bây giờ chúng ta vẫn xem nó là ta, vẫn duy trì mối liên quan thân mật nhất với nó, đây không phải là nhận giặc làm cha sao?

Đến khi nào chúng ta mới giác ngộ được? Khó, rất khó! Ngày ngày nghe kinh cũng không dễ giác ngộ. Nghe kinh phải như thế nào mới có thể giác ngộ? Nghe kinh phải thực hành, nghe được bao nhiều hành trì bấy nhiêu. Hành trì ra sao? Buông xả mà thôi! Ta đã học đại thừa, những đạo lý này ta đều hiểu. Ta phân biệt chấp trước đối với thân này, năm này nhạt hơn năm trước, tháng này nhạt hơn tháng kia, như vậy là đã xuất hiện hiệu quả. Càng xem nhạt điều này thì trí huệ càng tăng trưởng.

Quý vị nhìn pháp thế xuất thế gian, với người ta nhìn pháp không giống nhau, dần dần tương ưng với những gì trong kinh nói. Trong kinh là tri kiến Phật, tri kiến Phật chính là bản tánh tri kiến của chúng ta. Chỉ cần có thể buông bỏ tất cả, nó liền tương ưng với tự tánh, liền nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa, nghĩa chân thật của Như Lai dần dần hiện ra, nó không phải lập tức liền hiện ra viên mãn, không phải. Ta giảm một phần chấp trước, nó liền hiện ra một phần, giảm hai phần nó hiện hai phần.

Vì thế cùng một bộ kinh\_tôi học Phật đã 60 năm, 30 năm trước cũng là ngày ngày đọc, ngày ngày giảng, không phát hiện. 30 năm sau giảng lại bộ kinh này, nói ra được rất nhiều ý mà 30 năm trước không nói đến. Đó là gì? Chúng ta đã làm được vài phần! Mấy phần mà có hiệu quả nhiều như vậy. Tín tâm đầy đủ mười phần, năm này buông bỏ nhiều hơn năm trước, ý trong kinh hiểu được năm này phong phú hơn năm kia. Ngày ngày đọc nó đều không phát hiện, bây giờ khi đọc lại mỗi lần đều có cái mới, mỗi lần đều không giống nhau. Nghĩa lý trong kinh điển sâu rộng vô biên, vì sao? Vì nó là tự tánh, tự tánh là thật.

Cổ nhân nói hai câu để hình dung nó: *“kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội”,* nó rộng đến đâu cũng không có bên ngoài, nó nhỏ cũng không có ở trong. Từ nhỏ mà nói ngày nay các nhà lượng tử lực học nói những thứ đó, chúng ta hiểu, không hề xa lạ. Những nhà vật lý học nghiên cứu hồng quan vũ trụ, báo cáo của họ chúng ta cũng hiểu, không có chút gì xa lạ, vì sao vậy? Vì trong kinh Phật thường nói chúng ta thường đọc được. Phát hiện của họ chính là thường thức của chúng ta, những điều ta thấu hiểu còn rõ ràng hơn họ. Vì thế tất cả pháp trong thế xuất thế gian, nếu ta muốn thành tựu được, thánh hiền thế gian, Phật Bồ Tát của xuất thế gian. Muốn đạt được chút trí huệ chân thật của họ, không có “hiếu thân tôn sư” thì không làm được, không có “thành kính khiêm hòa*”* không làm được. Hiếu thân tôn sư là nhân, thành kính khiêm hòa là duyên. Có nhân duyên này xem kinh Phật, xem điển tịch của Nho Đạo mới có thể lý giải được nghĩa chân thật của nó, đó chính là quả.

Hiện nay chúng ta muốn tìm một truyền nhân, truyền nhân của truyền thống văn hóa, truyền nhân của Nho Thích Đạo nên tìm ai? Phải tìm người hiếu thân tôn sư. Hiếu thân tôn sư còn phải thêm thành kính khiêm hòa. Không có thành kính khiên hòa họ không có duyên, có nhân không có duyên, vẫn như cũ không lý giải được nghĩa chân thật của Như Lai, tin thật khó biết bao!

Thầy Lý nói với tôi rất rõ ràng minh bạch, tôi mới hoát nhiên đại ngộ. Quay đầu nghĩ lại mới biết là thật, lòng tin của chúng ta gọi là lộ thủy đạo tâm, không chịu được thử thách. Thuận cảnh thiện duyên, nghịch cảnh ác duyên ngay trước mặt, có thể không động tâm chăng? Đây chính là thử thách. Một trận gió nhỏ cũng không chịu được làm sao có thể thành tựu? Đối với kinh giáo cho rằng không đến nỗi nào, tự mình có thể lên bục giảng giảng thông thạo lưu loát, thực ra như thế nào? Không hiểu. Những điều nói ra không phải nghĩa chân thật của Như Lai, mà là ý của mình. Có tạo tội nghiệt chăng? Tạo tội nghiệt. Mọi người đến nghe là gì? Nghe theo suy nghĩ của quý vị, cho rằng đây chính là nghĩa chân thật mà Như Lai nói. Đối với Như Lai sanh ra hoài nghi, chẳng phải là quý vị tạo tội nghiệp đó sao? Con người hiện nay luôn tự cho mình là đúng, nên không tiếp thu người khác khuyên nhủ.

Tôi theo thầy Lý mười năm, thầy rất có trí huệ. Người có cá tính mạnh, người có thành kiến rất sâu, thầy đều tùy thuận, sao cũng được. Không kết oán thù, tuyệt đối không khuyên quý vị, vì sao vậy? Vì quý vị không quay đầu được. Thật sự tiếp thu, có thể nghe lời, có thể thực hành thầy có đánh có mắng, thầy dạy rất nghiêm khắc, học trò chúng tôi đều thấy được thầy mắng người đánh người. Vì thế thầy lên lớp, xung quang đều cho người canh giữ, không để người khác đến gần, vì sao vậy? Âm thanh đánh mắng bên ngoài nghe được không hay. Học sinh đều là người ba bốn mươi tuổi, đều không phải trẻ con, trẻ con thì không sao. Học sinh trong lớp chúng tôi trẻ nhất cũng hơn 20 tuổi. Khi tôi theo thầy là 32 tuổi vì thế thầy phải để ý đến thể diện cho học sinh. Đánh mắng cũng không để người ngoài biết được, bạn học nhìn thấy không sao, vì sao vậy? Mỗi người đều từng bị mắng. Phàm những người nghe lời, thật sự thực hành thầy có đánh có mắng. Phàm những ai thầy nói hơi quá một chút, sắc mặt khó coi, thầy quan sát lời nói và sắc mặt người khác, từ đó về sau đối với họ rất khách sáo. Tuyệt đối không nói đến họ, như thế nào? Coi họ như học sinh dự thính. Đây là cách giảng dạy trong thời đại này, thầy Lý đã thị phạm cho chúng ta, chúng ta đã hiểu được.

Thầy thường cảnh cáo tôi không nên kết oán với người. Họ có vài sai lầm ta nói họ, họ không thể tiếp thu, ta nói họ họ không vui, như vậy là đã kết oán với người. Hữu ý hay vô ý đều rất dễ đắc tội người khác, đắc tội người khác mà mình không biết nhưng họ nhớ trong lòng. Tương lai gặp cơ hội nhất định trả thù, oan oan tương báo không bao giờ dứt, thật đáng sợ. Hiểu rõ ràng minh bạch những đạo lý này, không những là ngôn ngữ tạo tác, khởi tâm động niệm cũng rất cẩn thận, đều không giám tùy tiện. Thật muốn học, thầy thật tâm dạy quý vị, rất có lòng từ bi.

Tôi gặp được thầy Phương và Chương Gia đại sư chính là người như vậy. Học sinh chỉ mình tôi, đơn độc dạy, một người cũng dạy. Không phải cần có bao nhiêu người mới dạy, một người cũng dạy, đây chính là gì? Đây chính là hộ pháp mà trong nhà Phật nói. Hộ trì chánh pháp, chánh pháp cần người truyền. Một học sinh cũng có thể truyền, đều phải dạy họ. Thực tế suốt đời một người cũng không gặp được, rất nhiều không phải không có, phải làm sao? Trước tác sách lưu lại cho hậu nhân. Người đời sau xem được sách họ, có duyên với họ vừa xem liền sanh tâm hoan hỷ, y giáo phụng hành như thế là họ đã truyền.

Hoàng Niệm Tổ tôi không biết ông có truyền nhân hay không, nhưng hôm nay chúng ta biết ông viết bộ sách này, chúng ta xem xong hoan hỷ. Chúng ta đang nghiên cứu, nỗ lực tu tập, không phải đã truyền pháp của ông rồi sao? Chỉ cần có một người truyền pháp, pháp sẽ không diệt.

Đạt Ma tổ sư truyền Thiền tông đến Trung Quốc, năm đời trước đều là đơn truyền, chỉ có một người. Tổ sư Đạt Ma chỉ gặp được một người, ngài truyền cho Huệ Khả, Huệ Khả truyền cho Tăng Xán, từng người từng người đều là một người. Đến Lục tổ mới truyền cho 43 người, pháp duyên vô cùng thù thắng. Trước ngài Huệ Năng không nhìn thấy, chỉ thấy đơn truyền, truyền một người. Sau ngài Huệ Năng cũng không thấy, truyền hai ba người thì có. Đại khái tìm không thấy truyền trên năm người. 43 người, một thời cực thịnh!

Phá mê khai ngộ, minh tâm kiến tánh, nhất định phải thật thà, nghe lời và thực hành. Không có điều kiện này, không phải người để truyền pháp. Nhưng Tịnh tông không như vậy, sơ tổ Huệ Viễn kiến lập niệm Phật đường ở Lô Sơn, lãnh đạo 123 người niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, mỗi người đều vãng sanh còn thù thắng hơn cả ngài Huệ Năng, ngài Huệ Năng mới 43 người. Niệm Phật thành tựu vượt trên minh tâm kiến tánh, vượt trội hơn. Vì Thiền tông hoàn toàn dựa vào tự lực, Tịnh độ tông dựa vào tha lực. Chỉ cần tin vào Phật A Di Đà, thật muốn đến thế giới Cực Lạc. Chúng ta chỉ cần đầy đủ điều kiện như vậy, ngoài ra Phật A Di Đà đều đã chuẩn bị xong, không cần chúng ta lo lắng.

Sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc liền làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát là thân phận gì? Thân phận bằng với Thiền tông đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, quý vị thấy không tuyệt vời sao? Pháp môn này thật không thể nghĩ bàn! Pháp môn này chúng ta thật sự minh bạch, thật hiểu rõ ràng, có thể không tin chăng? Nhất định phải làm gương tốt cho chúng sanh.

Trong tứ đức của Hoàn Nguyên Quán, thứ nhất là *“*tùy duyên diệu dụng*”,* làm cho người khác noi theo. Thứ hai là *“*oai nghi hữu tắc”, oai nghi hữu tắc chính là hành trì giới luật. Trong cuộc sống hằng ngày, làm tấm gương tốt nhất cho mọi người noi theo. “Nhu hòa chất trực”, Bồ Tát đối đãi người, bất luận đối đãi với ai, người có xấu đến đâu đều mỉm cười nghênh đón, thân ái hòa hợp, hiện tướng của Di Lặc Bồ Tát, cần phải đối nhân tiếp vật giống như thế. Sau cùng là “đại chúng sanh khổ”, chúng sanh khổ, ở thế gian này để giúp chúng sanh, giúp mọi người như Đức Thế Tôn vậy. Đức Thế Tôn khi tại thế cũng làm như vậy cho chúng ta thấy, một đời vạn duyên buông bỏ. Dạy học, chịu khổ cực, ngài không phải không thể sống đời thoải mái, có thể.

Trong các đệ tử tại gia, có 16 vị quốc vương, nếu ngài muốn kiến lập đạo tràng quá dễ. Chỉ cần nói một tiếng người ta sẽ làm xong đem nó cúng dường ngài, huống chi phụ thân của ngài là quốc vương. Trong nhà cũng có thể làm cho ngài, nhưng ngài không cần vì ngài dạy đệ tử lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy. Tự mình không trì giới, không chịu khổ, như vậy không phải thành trò cười ư? Như vậy ai tin ngài? Ngài dạy người trì giới, ngài trước phải trì giới. Ngài dạy người chịu khổ, mình chịu khổ trước tất cả đều phải làm gương như vậy.

Ân đức này lớn biết bao, không phải ngài chỉ nói không làm, ngài thật sự làm như vậy. Vì thế ngài dạy học, phát sinh ảnh hưởng rất lớn, đến nay đã 3000 năm, vẫn còn ảnh hưởng rất lớn. Chúng ta tin rằng Phật pháp không bị đoạn diệt, nhất định đời đời có truyền nhân, có người y giáo phụng hành. Người xưa thường nói chân nhân bất lộ tướng, họ thật tu, thật hành trì nhưng vẫn chưa xuất hiện, mọi người chưa biết họ.

Ấn Quang đại sư biểu diễn trong thời đại chúng ta. Đại sư trước 70 tuổi không ai biết đến ngài, một vị hòa thượng bình thường trên núi Phổ Đà không ai để ý đến. Đến năm 70 tuổi có một vài học giả trong giới văn hóa, một vài nhân vật nỗi tiếng, chuyên gia học giả đên Phổ Đà sơn du lịch, ngẫu nhiên gặp được. Họ đàm luận với ngài Ấn Quang và thỉnh giáo ngài vài vấn đề, phát hiện vị hòa thượng này thật đáng khâm phục. Do đó học Phật có những vấn đề đối với Phật giáo, đều ra viết thử để thỉnh giáo ngài, ngài trả lời hết. Họ đem những thứ này đăng lên báo tạp chí, mới biết được, phát hiện được, có một vị hòa thượng thông tông thông giáo như vậy.

Ấn Quang đại sư thị phạm cho chúng ta, trong thời đại động loạn này hậu tích bạc phát, trẻ tuổi nổi tiếng không tốt, đố kỵ chướng ngại rất nhiều, người ta muốn hủy hoại quý vị. Nếu tự mình không có một vị hộ pháp mạnh, rất dễ bị người ta tiêu diệt. Chính tôi đi con đường này là con đường hiểm, cũng may còn có hai người bên cạnh bảo hộ tôi. Chương Gia đại sư đã viên tịch từ sớm nhưng thầy Lý và thầy Phương còn. Tôi gặp vấn đề khó khăn đến thỉnh giáo họ, nếu quý vị không có người như vậy phải làm sao? Ai dạy quý vị? Ngoài ra tôi còn hộ pháp bên ngoài chính là cả nhà Phật tử họ Hàn, hai vợ chồng họ chân tâm hộ trì. Không ở chùa, ở trong nhà họ, như vậy không sao. Sống trong nhà họ 17 năm, thật không dễ!

Sau 17 năm mới có một thư viện nhỏ, chính là thư viện Hoa Tạng Đài Bắc, không lớn. Diện tích thư viện ở Đài Loan lúc đó là 50 bình. Khi chúng tôi vừa mới mua được là 50 bình, 50 bình lớn bao nhiêu? Một bình bằng 36 mét của HongKong, đây tính theo mét anh. Một bình 36 mét, 50 bình. Sau 20 năm chúng tôi phát triển mới có phòng ở, tẩm thất, phòng khách nhỏ, nhà bếp, nhà ăn, tổng cộng 250 bình. Diện tích khi chúng tôi ra đi chỉ chiếm một góc nhỏ trong chung cư đại lầu. Một tầng của chung cư hình như có hơn 800 bình, chúng tôi ở đây có 250 bình. Chỗ rất nhỏ, thính chúng cũng không nhiều. Thính chúng bình thường đến, cũng chỉ hơn 100 người, không có gì chướng ngại, không có xung đột lợi và hại với mọi người, bình an vô sự.

Mấy năm gần đây chúng tôi dùng những công cụ khoa học, ảnh hưởng được khuếch đại. Mới đầu chúng tôi dùng internet, internet đại khái dùng cũng gần 20 năm. Sau cùng dùng đến truyền hình vệ tinh, điều này ảnh hưởng rất lớn. Truyền hình vệ tinh bắt đầu mở là nguyên đán năm 2003 đến bây giờ hình như cũng được 9 năm. Lợi dụng công cụ mạng và truyền hình, các vị đồng học Tịnh độ trên toàn thế giới đều có thể xem được. Điều này mới tạo thành ảnh hưởng nhưng cũng không chướng ngại. Chúng tôi không có đạo tràng, chúng tôi sống đời lưu lạc. Truyền hình thì các vị cư sĩ làm, không liến quan đến tôi.

Nếu tôi có một đạo tràng lớn, như vậy phiền phức rất lớn, cũng may không có đạo tràng, suốt đời sống cuộc đời lưu lạc. Hoằng pháp lợi sanh không phải dễ làm, chướng ngại khó khăn mà chúng ta sẽ không ngờ tới. Những điều này nếu quý vị tĩnh tâm tư duy quan sát sẽ rõ.

Chánh, ngạn ngữ có nói: “tà không thắng chánh” chỉ cần chúng ta chơn chánh, không bị bên ngoài làm ô nhiễm. Chúng ta phải làm như thế nào mới được? Không có gì khác\_trong đời này tôi lãnh hội được chính là ngày ngày giảng kinh. Ngoài việc giảng kinh ra tất cả đều buông bỏ, tôi đã dùng phương pháp này, vì sao vậy? Vì ngày ngày giảng kinh, quý vị phải ngày ngày đọc kinh. Không đọc thì lấy gì để giảng? Ngày ngày đọc kinh, chính là ngày ngày không xa rời Phật Bồ Tát, tiếp nhận giáo huấn của Chư Phật Bồ Tát. Thời gian lâu ngày, huân tu 60 năm, có thể lãnh hội được vài phần chân thật nghĩa. Không thể có tâm danh lợi.

Như trong A Nan Vấn Sự Phật Kiết Xung Kinh, Đức Phật nói: “Khả đắc vi thế gian sự, bất khả đắc vi thế gian ý”, điều này nhất định phải giữ vững. Tôi học kinh giáo trong lớp của thầy Lý, bộ thứ nhất học chính là Kinh A Nan Vấn Sự Phật Kiết Xung. “Việc thế gian có thể làm, không thể có ý thế gian”. Ý là gì? Ý là tham sân si mạn. Quý vị có tự tư tự lợi là ý thế gian, có danh văn lợi dưỡng đó là ý thế gian. Những điều này không dính vào được, dính vào là hư, Phật pháp hoàn toàn biến chất. Thật sự buông bỏ những thứ này mới có thể giữ vững được. Có thể giữ vững, có thể giữ ổn định, không đến nỗi biến chất, không đến nỗi đọa lạc. Tâm ta vĩnh viễn thanh tịnh, mãi mãi không mê, như vậy là rất khó được nhưng xa rời Phật pháp là không được.

Chúng ta đều biết nhiễm ô nghiêm trọng nhất là ti vi, mạng, báo chương tạp chí. Những thứ này tôi đã đoạn tuyệt. Ít nhất tôi cũng 50 năm không xem ti vi, mạng thì xưa nay chưa từng tiếp xúc, báo tạp chí cũng bỏ 50 năm nay, không xem những thứ này. Tất cả thời gian đều đọc kinh, xem sách thánh hiền, làm bạn với cổ nhân. Điều này tôi hai mươi mấy tuổi đã đề ra: “thượng hữu cổ nhân”, chúng ta mới có thể giữ được mình.

Xã hội này là một hồ nhuộm lớn, chúng ta không có nhận thức này, không kiên trì, nếu quý vị nói quý vị không bị ô nhiễm, đó là thánh nhân, không phải người phàm, đó là Phật Bồ Tát tái sinh. Người phàm nhất định không chịu được! Vì thế ở đây quý vị thấy có thành quả. Phật A Di Đà làm duyên cho chúng ta, chúng ta tự mình có duyên. Nhân là gì? Phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm, rộng tích công đức, phát nguyện hồi hướng, cầu sanh Cực Lạc, đây là nhân. Bên dưới là quả.

*“Dữ Phật nguyện tương ưng, cố năng kiến Phật”* Phật ở đâu? Tùy xứ hiện thân. Tâm nghĩ đến Phật, Phật liền hiện thân. Khổng Lão Phu Tử trong tâm thường nghĩ đến Chu công, Chu Công liền hiện thân, đây là thật không phải giả. Trong kinh đại thừa Đức Phật nói, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, không giả! Quý vị nên biết, chúng ta nghĩ đến Phật A Di Đà, Phật A Di Đà liền hiện thân, là tâm tưởng của ta. Ta nghĩ đến Quán Âm Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát liền hiện thân, cũng là tâm ta tưởng, đây mới là chân lý. Có phải là Quán Âm Bồ Tát đó hiện thân? Không thể nói không phải.

Chỉ cần quý vị minh tâm kiến tánh, vọng tâm không còn thì chân tâm hiện. Chân tâm biến pháp giới, chân tâm ở đâu? Biến pháp giới hư không giới, chính là chân tâm của chính mình. Là chân tâm của tôi, cũng là chân tâm của Di Đà, cũng là chân tâm của Quan Âm, là một tâm! Vì thế tôi nghĩ liền hiện tướng, hiện tướng này “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”. Quý vị minh bạch đạo lý này không có gì kỳ lạ. Hiện hay không hiện cũng không kỳ lạ, vì sao vậy? Vì đã thấu triệt được chân tướng sự thật. Đây không phải mê tín, đây là gì? Là cảm ứng. Trong tâm tôi có cảm, tự tánh sẽ có phản ứng.

Những đạo lý này nếu chúng ta không thâm nhập kinh tạng, sẽ không thấu triệt, không rõ ràng, không rõ ràng sẽ hoài nghi, hoài nghi sanh ra chướng ngại, chướng ngại khiến ta đọa lạc. Dần dần lòng tin của mình đối với chính mình bị mất đi, vì thế học Phật không dễ. Đời này đã đọa lạc, đời sau kiếp sau gặp được lại tiếp tục hành trì, nhưng đến đời sau kiếp sau rất dài. Trong bài kệ khai kinh nói: “trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được”. Sau khi mất thân người rồi, được lại thân người không dễ!

Quý vị không được thân người, rất khó có cơ duyên nghe pháp. Được thân người đáng quý nhất, chính là ta có cơ hội gặp được Phật pháp, có cơ hội tu hành. Nếu duyên thù thắng, trong đời này liền có thể có thành tựu, vĩnh viễn thoát lý luân hồi lục đạo, thoát lý mười pháp giới, lợi ích này quá lớn.

*“Do kiến Phật cố, tức đắc vãng sanh”.* Phật đến tiếp dẫn quý vị, quý vị liền thấy được, nhất định theo ngài đến thế giới Cực Lạc. Đến thế giới Cực Lạc, vĩnh viễn không thoái chuyển, “tất chứng được vô thượng bồ đề”. Đến thế giới Cực Lạc, quý vị sẽ được bảo chứng. Tất chứng vô thượng bồ đề là diệu giác vị trong Kinh Hoa Nghiêm, so với đẳng giác còn cao hơn một tầng. Là cứu cánh viên mãn vô thượng chánh đẳng chánh giác, lúc này quý vị rời xa cõi thật báo trang nghiêm, trở về thường tịch quang. Trong thường tịch quang thuần chân vô vọng, trong cõi thật báo 99 phần trăm là thật, còn có một phần là vọng. Trong thường tịch quang không có, thuần chân vô vọng.

Sau đoạn này có hai câu kinh văn như vầy: “ưng phát vô thượng bồ đề chi tâm, phục đương chuyên niệm Cực Lạc quốc độ”. Đây là Phật Bồ Tát đang khuyên chúng ta. Ở trên nói thật sự nghe rỏ ràng, thật nghe hiểu, thì nên phát tâm vô thượng bồ đề. Tâm vô thượng bồ đề là tin thật, thật muốn đến thế giới Cực Lạc, thật muốn thân cận Phật A Di Đà, đây chính là tâm vô thượng bồ đề. Khi đã phát tâm, quý vị cần phải chuyên niệm, mọi lúc mọi nơi trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra tất cả đều buông bỏ. Nếu thật sự đạt đến cảnh giới này, vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, tùy thời có thể đi. Quý vị muốn bây giờ tôi đi, bên đó Phật A Di Đà đã nhận được tin tức, ngài lập tức liền đến tiếp dẫn, hoàn toàn không có chút chướng ngại nào. Vì thế đến thế giới Cực Lạc, khi nào đi quyền này tự mình quyết định, không do người khác thao túng. Cũng không phải Phật A Di Đà thao túng, là do chính chúng ta. Muốn khi nào đi thì khi đó đi, chỉ cần tin thật nguyện thiết. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay, có thể làm chứng cho chúng ta. Trong Di Đà Yếu Giải nói: “có thể vãng sanh hay không, toàn là ở chổ có tín nguyện hay không”, không nói niệm Phật. Quý vị tin thật, đồng ý đi, liền quyết định được vãng sanh.

Sau khi vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, phẩm vị cao thấp, đó là công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn. Vì thế công phu niệm Phật, thế giới Cực Lạc là phẩm vị. Công phu thâm sâu thì phẩm vị cao, công phu cạn thì phẩm vị thấp. Nói một cách rỏ ràng, minh bạch. Thực tế mà nói, phẩm vị thế giới tây phương Cực Lạc, có thể không cần để trong lòng. Để trong lòng là chướng ngại, không nên quan tâm nó. Tin thật nguyện thiết, như Ngẫu Ích đại sư nói: “hạ hạ phẩm vãng sanh tôi đã rất vừa ý rồi”.

Vì sao vậy? Vì hạ hạ phẩm vãng sanh, sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, điều này không tuyệt vời sao? A Duy Việt Trí Bồ Tát là gì? Thượng thượng phẩm, ý này không phải chính là nói hạ hạ phẩm vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, hưởng đãi ngộ của thượng thượng phẩm, sự việc không phải như vậy sao? Vì sao có sự việc này? Đây là thù thắng của thế giới Cực Lạc, oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, trong quốc độ của chư Phật khác không có. Điều này chỉ có ở thế giới Cực Lạc, hạ hạ phẩm vãng sanh, những hưởng đãi ngộ của thượng thượng phẩm. Chúng ta tin rằng bổn nguyện của Phật A Di Đà, tuyệt đối không phải gạt chúng ta.

Nguyện nguyện của ngài đều thành tựu, nguyện nguyện đều viên mãn. Vì thế đến thế giới Cực Lạc, là thấy được 48 nguyện của Phật A Di Đà. Nên chúng ta thật rõ ràng, thật minh bạch, nên phát nguyện chăng? Thật nên pháp tâm vô thượng bồ đề, nên nhất tâm chuyên niệm Phật A Di Đà, chuyên niệm thế giới Cực Lạc, những điều khác đều không nghĩ đến. Nghĩ gì khác đều gọi là vọng tưởng, đều gọi là chướng ngại. Thế giới Cực Lạc chúng ta đã nắm chắc.

*“Cái thử nãi vãng sanh chi chủ nhân, gia chi dĩ tích tập thiện căn, ưng trì hồi hướng, dĩ thị thắng nhân, tất đắc diệu quả”.* Gia ở đây có nghĩa là gì? Hành thiện, thiện là gì? Giúp chúng sanh ly khổ đắc lạc. Phương pháp nào giúp đỡ chúng sanh? Điều này nên biết, chúng sanh khổ do đâu? Khổ do mê mà có. Trong mê quan trọng nhất là không biết Phật. Phật là gì? Ở trước chúng ta có học đến Phật là trí huệ cứu cánh viên mãn, Phật là phước báo cứu cánh viên mãn. Không biết Phật, hay nói cách khác trí huệ không có, phước báo không có, đáng thương, phải chịu khổ! Vì thế chúng ta phải giúp họ biết về Phật.

Suốt đời Đức Thế Tôn làm công việc này, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ. Mỗi ngày giảng kinh thuyết pháp dụng ý ở đâu? Những việc Đức Thế Tôn làm trong đời là:“phá mê khai ngộ, đoạn nghi sanh tín”, không phải là hai câu này sao? Phật là ai? Phật là chính mình. Trong tự tánh mình vốn đầy đủ trí huệ bát nhã, đức tướng. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ ràng, tất cả chúng sanh vốn có. Chính quý vị mê thất tự tánh nên không biết. Khi Phật chưa đến Trung Quốc, tổ tiên chúng ta biết, tổ tông không gọi danh từ Phật, mà gọi là “bổn tánh bổn thiện”.

Chư vị thử nghĩ coi, câu bản tánh bổn thiện này với trong Kinh Hoa Nghiêm nói tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai, phải chăng là một ý? Tôi cho rằng là cùng một ý nghĩa, vì thiện không phải thiện đối với ác, thiện đó là nói cứu cánh viên mãn, không có chút khiếm khuyết nào. Trong tự tánh chúng ta trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, không có gì không viên mãn, bổn thiện! Không có gì sai biệt với trong kinh đại thừa nói, chúng ta tường tận lãnh hội, nó khởi tác dụng.

*“Tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện”,* chỉ ư chí thiện, thiện này là thiện đối với ác. Thân dân là gì? Ngày nay chúng ta nói xã hội hòa mục. Tất cả chúng sanh cùng tôn trọng nhau, cùng thương yêu nhau, cùng quan tâm nhau. Tương thân tương ái, cùng hòa mục với nhau, đây là thân dân. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, không có gì không thiện. Đó là hoàn toàn tương ưng với luân thường, đạo đức, nhân quả. Đây là chỗ nào? Đây không phải là thế giới Cực Lạc sao? Thế giới Cực Lạc, không phải chính là chỉ ư chí thiện sao? Chỉ ư chí thiện, ở thế giới Cực Lạc đã làm được. Trong biến pháp giới hư không giới, thế giới tây phương Cực Lạc chính là khu thí nghiệm nhỏ, nó đã làm ra. Chẳng những là cõi thật báo, đến cõi đồng cư, cõi phương tiện của nó đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, không phải chỉ ư chí thiện sao? Những điều này rất ít người biết, họ không tiếp xúc đến Phật giáo.

Chúng ta ngày nay internet và truyền hình vệ tinh làm rồi, thật sự là việc tốt. Không có những công cụ này, chúng ta giảng kinh người nghe có được mấy người? Trong đời này tôi giảng kinh dạy học, nhân số thính chúng nhiều nhất trong giảng đường là trước đây ở Singapore. Giảng đường đó có thể ngồi 800 người, đây là hiện trường tôi giảng kinh nhân số nhiều nhất. Mấy mươi năm giảng kinh, hiện trường giảng đường không vượt qua 200 người, chỉ hơn 100 người, khi ít thì ba bốn mươi người. Nếu không phải internet quốc tế và truyền hình vệ tinh, ai biết được? Dùng công cụ này vượt ngoài dự tính của tôi, tôi cũng không biết ai làm, không biết. Internet rốt cuộc là người nào làm, đến bây giờ tôi cũng không biết.

Vệ tinh tôi biết là Trần Thái Quỳnh làm. Là một việc tốt, nhưng xưa nay chưa từng hỏi han, không liên quan đến tôi. Tôi không có nhân lực này, tôi cũng không có tài lực. Đây là người khác nghe thấy thích, họ đem nó khuếch đại ra, ngoài dự định của tôi. Ngày nay khoa học tiến bộ, giá cả máy móc những thiết bị này hạ thấp rất nhiều. Tôi nghe nói hiện nay muốn làm đài truyền hình vệ tinh này rất rẻ.

Thông thường làm xí nghiệp, họ có năng lực làm. Chính là không biết, nếu thật sự biết giáo dục thánh hiền, giáo dục Đức Phật, đem đến cho mọi người là trí huệ chân thật, phước báo cứu cánh viên mãn, ai không muốn làm? Mỗi người đều muốn làm. Tuyệt đối không để một mình Trần Thái Quỳnh làm. Phước báo, trí huệ đều bị một mình cô ta hưởng, những người khác đều biết làm. Thiếu sót chính là thiếu nhận thức, điều này chúng ta không thể không biết.

Người trẻ tuổi hiếu học nên đi con đường này, con đường này rất tốt. Trước đây thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu cho tôi, hưởng thụ cao nhất của đời người, tôi không phụ lòng thầy. Đời này của tôi đích thực là sống hưởng thụ cao nhất của đời người, thầy hoan hỷ. Trước đây thầy đơn độc dạy tôi không hoài công, tôi đã làm được. Vì thế phải chuyên niệm Phật A Di Đà, phải nên biết tích tập thiện căn, lấy đó để hồi hướng. Hồi hướng là đem tất cả công đức mà mình làm được, hồi hướng thực tế.

Hồi hướng thực tế là gì? Chính là hồi hướng tự tánh, dùng cách nói của triết học là hồi hướng bản thể, bản thể của vũ trụ vạn hữu. Hồi hướng bồ đề, chính là hồi hướng tôi chỉ cầu trí huệ, ngoài điều này ra tôi không cầu gì cả. Thứ ba là hồi hướng chúng sanh, hy vọng tất cả chúng sanh nghe được Phật pháp, mỗi người đều có thể giác ngộ, đều có thể đoạn ác tu thiện, đều có thể nâng cao cảnh giới chính mình, đều có thể sống cuộc đời viên mãn hạnh phúc nhất. Thầy Phương nói hưởng thụ cao nhất của đời người. Đáng để học, đáng để chúng ta hành trì. Làm ra thành tích mọi người đều biết, không làm ra thành tích mọi người không biết, không nhận thức được còn nói chúng ta mê tín.

Học Phật sao lại mê như vậy? Sau ba bốn mươi tuổi gặp mặt họ mới giác ngộ. Khi giác ngộ họ liền tán thán, còn nói anh đi con đường này đúng, thật đã đúng!

*“Dĩ thị thắng nhân, tất đắc diệu quả. Cố vân, do thử kiến Phật, sanh bỉ quốc trung, đắc bất thoái chuyển, nãi chí vô thượng bồ đề”.* Đời này đến thế giới Cực Lạc liền đắc bất thoái chuyển, đây là Phật pháp nói ba loại bất thoái. Thứ nhất là vị bất thoái, chúng ta nhất định không thoái chuyển vào trong lục đạo, tuyệt đối không thoái vào trong mười pháp giới, đây thật sự là bất thoái. Thứ hai, quý vị sẽ không thoái vào trong tiểu thừa, cũng chính là nói chúng ta không sợ khó khăn gian khổ. Có tinh thần đại vô úy, có thể đột phá tất cả chướng ngại. Thứ ba, mỗi niệm đều hướng đến vô thượng bồ đề tuyệt đối không thoái chuyển. Đời này nhất định thành vô thượng đạo. Sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, ba loại bất thoái này đều đạt được.

*“Bổn giải”,* đây là Hoàng Niệm Tổ viết chú giải này. *“Sùng thượng tha Phật”* ,tha Phật là gì? Phật A Di Đà. Trong nhà Phật hoặc là có người nghi hoặc, “*hữu muội tâm tông”,* tâm tông là minh tâm kiến tánh. Chỉ cầu vãng sanh Tịnh độ, quý vị không thể minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh mới có thể thành Phật. Sanh về tây phương, theo Phật A Di Đà học tập, không thể minh tâm kiến tánh vẫn là vô dụng. Có nghi hoặc này chăng? Có mà còn rất nhiều. Cổ kim trong ngoài đều không tránh khỏi, vấn đề này nhất định phải làm rõ. Vì sao vậy? Vì không làm rõ, chướng ngại tín tâm của mọi người. Nói rõ ràng minh bạch, đoạn nghi sanh tín. Ở đây Hoàng Niệm Tổ nói: *“tư dẫn tam luận”,* có ba đoạn luận có thể làm chứng minh.

Bên dưới luận thứ nhất Yếu Giải của Linh Phong đại sư nói\_đây là Ngẫu Ích đại sư\_trong Di Đà Kinh Yếu Giải ngài nói giả thiết một câu vấn đáp. *“Vấn, Phật ký tâm tác tâm thị. Hà bất cánh ngôn tự Phật, nhi tất dĩ tha Phật vi thắng, hà dã?”.* Đây là nguyên nhân gì? Đã là tự tánh thị Phật *“thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật”* vì sao không khởi tự Phật mà đi dùng tha Phật?

Ở đây Ngẫu Ích đại sư đáp rất hay: “*Thử chi pháp môn, toàn tại liễu tha tức Phật”,* đây là thật, liễu là thật sự thông đạt thấu triệt, Phật A Di Đà tức là chính mình. Trung Phong thiền sư, người thời nhà Nguyên. Quý vị thấy ngài biên tập Tam Thời Hệ Niệm Pháp sự, trong đó có một đoạn khai thị nói rất rõ ràng: “Tâm tôi tức là Phật A Di Dà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi”, tự tha không hai. “Nơi đây tức là Tịnh độ, Tịnh độ tức là nơi đây”, đây là vị đại đức của Thiền tông nói. Ngài thật đã thông mới có thể nói ra được lời này. Nếu ngài không thật sự thông triệt, thật sự kiến tánh, không nói ra được như vậy.

Bên dưới ngài phân tích nói: *“nhược húy ngôn tha Phật”,* húy là húy kỵ, không muốn nói tha Phật. *“Tắc thị tha kiến vị vọng”*, bốn tướng trong Kinh Kim Cang chưa phá, quý vị còn có tự có tha. Tự là ngã tướng, tha là nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng quý vị chưa phá. *“Nhược thiên trọng tự Phật, khước thành Phật ngã kiến điên đảo”,* hay nói cách khác tâm quý vị không thanh tịnh, quý vị là tâm luân hồi, không phải chánh tri chánh kiến.

*“Hựu tất đàn tứ ích, hậu tam ích sự bất qua khởi”,* đây là tứ tất đàn mà trong đại thừa kinh điển nói. Đàn là bố thí, tất là bố thí tất cả, bố thí viên mãn, Bồ Tát tu bốn loại này. Điều thứ nhất của tứ tất đàn là: *“thế giới tất đàn”,* khiến tất cả chúng sanh được hoan hỷ lợi ích. Thế giới tất đàn là gì? Di Lặc Bồ Tát biểu diễn, đó chính là thế giới tất đàn. Khiến tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ, bố thí hoan hỷ. Vì thế điều thứ nhất của tứ tất đàn. Thứ nhất là qua khởi, không có nhân duyên gì, đó chính là tâm hoan hỷ. Sau khi khế nhập Phật pháp, tâm đầy hoan hỷ. Đức Phật thường nói pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Tâm hoan hỷ này không phải do duyên bên ngoài dẫn đến mà từ nội tâm phát ra, Khổng Tử có.

Trong Luận Ngữ có câu*:* “học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”, ý này là làm được tất cả những gì mình đã học tập, đã làm được, đã thực hành. Thực hành trong cuộc sống, thực hành trong công việc, thực hành trong xử sự đối nhân tiếp vật, quý vị đều lòng đầy hoan hỷ. Hỷ duyệt này từ trong nội tâm phát ra, không phải bên ngoài. Lạc là do duyên bên ngoài đến, duyệt là từ nội tâm tự phát. Vì thế điều thứ nhất này thế giới tất đàn là từ nội tâm tự phát.

Thứ hai *“vi nhân”,* đây chính là có duyên, không phải qua khởi. Nhìn thấy người khác có khổ nạn đây là duyên, quý vị tự nhiên sẽ toàn tâm toàn lực đi giúp họ. Giúp họ ly khổ đắc lạc, đây là sanh thiện ích. Bồ Tát thấy tất cả chúng sanh, chúng sanh nào không có tai họa? Tai họa từ đâu đến? Do mê thất tự tánh mà có, trí huệ đức năng trong tự tánh hoàn toàn mất đi. Sống trong lục đạo, người làm chủ là ai? Là phiền não, là tập khí. Quý vị xem tập khí phiền não cho là tâm mình, quý vị đo lường tất cả sự vật đều là dùng tập khí phiền não, như vậy là sai hoàn toàn.

Cho nên quý vị sanh khởi thất tình ngũ dục, quý vị sẽ sanh khởi ý niệm này, trái ngược với tự tánh 180 độ. Tự tánh là thành Phật đảo ngược lại là tam đồ địa ngục, quý vị đi là con đường này, tự mình hoàn toàn không biết. Vì thế Bồ Tát biết chúng sanh khổ, Phật biết chúng sanh khổ. 49 năm vì mọi người giảng kinh thuyết pháp, đây là cứu tất cả chúng sanh, khiến tất cả chúng sanh ngay trong đời này, đạt được lợi ích chân thân. Phật pháp là lợi ích chân thật, quý vị cự tuyệt không tiếp thu là tự mình không có phước báo, là tự mình có nghiệp chướng sâu nặng, đương nhiên việc này không dễ.

Chúng tôi tự mình thật sự có nghiệp chướng sâu nặng. Khi chúng tôi còn trẻ, đều cho rằng đây là mê tín. Không những cho rằng Phật giáo mê tín, đến truyền thống văn hóa chúng tôi đều cho rằng nó lạc hậu, không thích ứng thời hiện đại này. Trong thời đại này truyền thống văn hóa không khởi tác dụng nên hoàn toàn vứt bỏ nó. Chúng ta bị ảnh hưởng tư tưởng học thuật này, hoàn toàn đưa chúng ta hướng đến phương hướng sai lầm, chúng ta còn tự cho rằng rất đắc ý. Đáng sợ biết chừng nào, bi thảm biết bao nhiêu. Tạo thành hiện tượng xã hội ngày nay, chúng ta tận mắt chứng kiến.

Cho nên tôi cảm ân thầy Phương Đông Mỹ. Nếu không gặp được thầy thì đời này tôi sai đến cùng. Vì sao vậy? Căn bản không đụng đến Phật pháp, không có ý tiếp xúc nó. Huống gì quý vị tiếp xúc những người xuất gia, họ nói không ra được đạo lý, chỉ vài vấn đề đã làm khó được họ. Làm khó được chúng ta ha hả cười, cho rằng chúng ta là đúng, quý vị nghĩ xem có hư hỏng hay không? Biện của chúng ta đa phần là cưỡng từ đoạt lý, sai lầm, đến truyền thống văn hóa cũng nhận thức sai, thầy Phương cố công khuyên bảo, đem những vấn đề này giải quyết cho chúng ta, chúng ta lại một lần nữa nhận thức truyền thống văn hóa.

Ví như y dược, tôi có một lần thương phong cảm hàn, tuần đó tôi không giám đến nhà thầy, thiếu một bài học. Tuần sau gặp lại thầy nói cảm mạo bây giờ đã lành, thầy nói y học Trung Quốc có 5000 năm lịch sử, tây y 300 năm. Tin 5000 năm hay là tin 300 năm? Hỏi tôi vấn đề như vậy. 5000 năm lịch sử rất lâu, nó cứ mãi truyền về sau đương nhiên có đạo lý. 300 năm cũng có căn cứ khoa học, cũng không thể phủ nhận. Thầy Lý nói với tôi tây y vào đệ nhị thế chiến phát minh ra thuốc kháng sinh, cứu được mạng của tây y. Nếu không phát minh thuốc kháng sinh, tây y đã tiêu. Thuốc kháng sinh có phải là thuốc vạn linh? Không phải, nó có tác dụng phụ. Nên nói với tôi trung y là tốt nhất định, phải tin tưởng nó. 5000 năm nay, lịch đại tổ tông đều dựa vào nó để bảo vệ sức khỏe. Tây y trong ngày nay mà nói, cống hiến lớn nhất của nó chính là kiểm tra. Kiểm tra của nó rất hay, dùng máy móc khoa học giúp chúng ta hiểu rõ mọi thứ, nhưng trị liệu nhất định phải dựa vào trung y. Chỉ có lớp người lớn họ hiểu được, họ mới nói cho chúng ta đạo lý này. Vì thế trong quan niệm của họ dùng tây y kiểm tra, dùng trung y trị liệu. Những người này đều đã ra đi không còn, không còn người nói ra đạo lý này nữa. Bây giờ thời đại này của chúng ta, bất luận đức hạnh hay học vấn so với đời trước kém quá xa. Đời trước là từ nhỏ bắt đầu học từ gốc, chúng ta là học từ giữa đường, đây là một tai họa.

Truyền thống, Phật pháp làm sao để phục hưng? Nhất định phải cắm rễ từ nhỏ. Bây giờ chúng ta nghĩ ra một phương pháp, nếu có cơ hội này mở một trường học. Nghĩa là từ mẫu giáo học đến nghiên cứu sở, cách nghĩ của tôi là giữa chừng không chiêu sinh. Mỗi năm chỉ chiêu sinh học sinh mẫu giáo, lớp lá, lớp mầm và lớp chồi đều có thể chiêu. Mỗi năm đều chiêu, không chiêu sinh tiểu học. Kết thúc lớp lớn tiểu học lên lớp một chúng tôi sẽ tổ chức lớp một, lên lớp hai chúng tôi sẽ tổ chức lớp hai. Một năm tăng thêm một lớp, 12 năm sau liền đã trở thành đại học. Vì thế trường này không có lớp học sinh xen vào giữa chừng, đều từ nhỏ bồi dưỡng lên, họ không bị bên ngoài ô nhiễm. Giáo dục thánh hiền, tôi muốn dùng phương pháp này, có thể từ nguồn gốc bồi dưỡng nên, như vậy mới có hiệu quả, đem truyền thống văn hóa bảo tồn lại mà còn có thể phát triển rộng rãi.

Ngoài phương pháp này tôi nghĩ không ra phương pháp thứ hai. Nhất định từ mẫu giáo dạy họ thuộc cổ văn cổ thư, điển tịch của các bậc thánh hiền. Lão Tử, Trang Tử và trong Kinh Phật chọn vài bộ, tất cả đều phải thuộc. Trẻ con thuộc rất nhanh, học thuộc lòng đến 12 tuổi lên trung học. Tiểu học tốt nghiệp lên trung học, trung học là có thể giảng giải. Dùng phương pháp này, trung học là sáu năm giảng giải học tập. Khi đến đại học chính là nhất môn thâm nhập trường thời huân tu, chỉ chuyên nghiên cứu một môn. Đại học lên lớp không phải thầy giảng cho họ nghe, trung học là thầy giáo giảng họ nghe, đến đại học là họ nói cho thầy nghe, họ nói cho đồng học nghe.

Đại học lên lớp, trên bục giảng học sinh lên bục giảng, thầy ngồi ở bàn sau cùng, vì sao ngồi bàn sau cùng? Âm thanh quý vị không cần dùng máy khuếch âm, hàng sau cùng có thể nghe được, xem như âm thanh của quý vị đạt tiêu chuẩn, tôi ở sau nghe không rõ là chưa đạt, đây là phương pháp có hiệu quả. Xem xem nếu có nhân duyên này chúng ta sẽ thành lập trường học. Thầy giáo của trường này, thầy dạy học sinh chính là bảo mẫu. Ví dụ thầy chủ nhiệm lớp này từ mẫu giáo dạy họ đến nghiên cứu sở, một đời của quý vị chính là sự nghiệp này, quan tâm học sinh lớp này. Đương nhiên học sinh dần dần lớn lên sẽ đào thải, ngày càng ít, sau cùng có thể chỉ còn hai ba người, như vậy tất cả đều thành tựu, thành thánh thành hiền!

Thánh hiền quân tử là dùng phương pháp này tạo thành, thí nghiệm này chúng ta nhất định phải làm. Thật sự có nhận thức này, chí đồng đạo hợp. Ý tưởng này của chúng ta, nếu có tài lực nhân lực, lập tức có thể làm. Học trò tôi tin tưởng rất nhiều, mỗi gia trưởng đều hy vọng con cái thành nhân. Bây giờ trường học họ cũng sợ, sợ ô nhiễm, sợ học hư. Trường học nối tiếp này có bảo đảm.

Hôm nay hết giờ rồi, tứ tất đàn vẫn chưa giảng xong.

Hết tập 408

# Tập 409

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập:Bình Minh

Thời gian:12.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 510, hàng thứ ba, bắt đầu xem từ câu thứ ba.

*“Hựu tất đàn tứ ích, hậu tam ích sự bất qua khởi, thảng bất tùng thế giới thâm phát khánh tín, tắc hân yểm nhị ích thượng bất năng sanh, hà huống ngộ nhập lý Phật”*.

Ngẫu Ích đại sư, trong Yếu Giải giả thiết một vấn đề, giải quyết nghi hoặc của vài người. Pháp môn niệm Phật này hoàn toàn tôn sùng Phật A Di Đà, chính là tha Phật. Có người nghi hoặc có phải là có muội tâm tông? Vì tôn chỉ tu học của đại thừa chính là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh có phát sanh xung đột với sự sùng kinh Phật A Di Đà chăng? Hoàng Niệm Tổ ở đây dẫn chứng, khai thị của ba vị tổ sư đã chứng minh được điều này.

Đoạn này là Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, trong Yếu Giải nói đến điều này. *“Vấn, Phật ký tâm tác tâm thị, hà bất cánh ngôn tự Phật, nhi tất dĩ tha Phật vi thắng, hà dã?”* Tại sao? *“Đáp, thử chi pháp môn, toàn tại liễu tha tức Phật”.* Câu này vô cùng quan trọng, tự tha không hai, tự tha là một. Tự là tự mình, tha là Phật A Di Đà. Tự mình và Phật A Di Đà đích thực là nhất thể, xác thực là nhất thể.

*“Nhược húy ngôn tha Phật, tắc thị tha kiến vị vọng. Nhược thiên trọng tự Phật, khước thành ngã kiến điên đão”.* Bài trước chúng ta đã học đến đây. *“Hựu tứ tất đàn”* Ngẫu Ích đại sư đưa ra ví dụ tứ tất đàn để nói. *Tứ tất đàn*, thứ nhất là “*thế giới tất đàn”,* khiến tất cả chúng sanh sanh lợi ích hoan hỷ. Ý này chính là nói đệ tử Phật, người học Phật ở mọi lúc mọi nơi nên học Bồ Tát Di Lặc, vì sao vậy? Vì hai chữ “tất đàn” này chính là bố thí. “Đàn” là bố thí, “tất” là bố thí phổ biến. Mọi lúc mọi nơi không phân biệt, không chấp trước, bình đẳng phổ biến bố thí. Thứ nhất là bố thí hoan hỷ, vì thế đối nhân đối sự đối vật phải dùng tâm hoan hỷ để tiếp đãi, vì sao vậy? Vì tự tha là một không phải hai, lợi ích tha chính là lợi ích chính mình. Họ hoan hỷ, mình hoan hỷ, mình hoan hỷ, họ cũng hoan hỷ, đây là điều thứ nhất.

Điều thứ hai *“vị nhất tất đàn”* dùng lời của chủ tịch Mao để nói là: toàn tâm toàn ý vì người phục vụ. Trong Phật pháp đại thừa phạm vi vô cùng rộng lớn, Ngài không nói vì nhân dân, ngài nói là vì chúng sanh. Trong chúng sanh bao gồm nhân dân, trong nhân dân không bao gồm chúng sanh, phạm vi của chúng sanh rất lớn. Chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi nên gọi là chúng sanh. Thật ra Chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát không gì không vì tất cả chúng sanh khắp biến pháp giới hư không giới, sanh thiện ích. Làm sao để giúp họ ly khổ đắc lạc.*“Vi nhân”,* chính là giúp họ đắc lạc, niệm niệm không quên! Từng thời từng khắc nhìn thấy chúng sanh khổ nạn phải giúp họ giải quyết.

Đệ tam tứ tất đàn là đối trị, đối trị là bạt khổ. Vì người là dữ lạc, trong kinh Phật nói từ bi. “Từ” là dữ lạc, “bi” là bạt khổ. Chúng sanh có khổ, nhất định phải giúp họ giải quyết. Hiện nay thế giới này, diễn biến đến tình trạng như ngày nay, có thể nói là khổ đến cực điểm. Chúng ta bình tĩnh quan sát, rốt cuộc nguyên nhân gì xảy ra vấn đề? Quan sát tường tận, suy nghĩ và nhận xét của chúng ta đã sai lầm.

Từ xưa, ở Trung Quốc thường nói 5000 năm nay. 5000 năm này là có lịch sử ghi chép, hoàng đế phát minh văn tự. Từ hoàng đế đến chúng ta hiện nay đã bốn ngàn, năm ngàn năm. Trên hoàng đế là thần nông 500 năm, trên nữa là Phục Hy cũng 500 năm. 500 năm này tuy không có văn tự nhưng đã có dấu tích văn tự nguyên thủy. Phục Hy vẽ bát quái, có thể nói là bắt đầu của văn tự. Phục Hy đến hoàng đế 1000 năm. Truyền thống văn hóa xưa, trước đây tôi đã báo cáo với quý vị, nhất định không ít hơn Ấn Độ.

Tôn giáo Bà la môn của Ấn độ. Họ nói với tôi lịch sử của họ ít nhất là một vạn ba ngàn năm. Họ không có văn tự ghi chép, đời đời tương truyền. Tôi tin rằng, tôi tin đất nước chúng ta kiểu văn minh dây chuyền này, ít nhất cũng một vạn ba ngàn năm, không ít hơn họ. Truyền miệng, có truyền sai chăng? Cổ nhân có trí huệ, tuyệt đối không thua chúng ta, họ dùng ngôn từ đơn giản nhất, thứ tinh hoa nhất. Cương lĩnh chung của văn hóa xưa, không ngoài bốn khoa mục, sẽ không truyền sai, truyền mười vạn năm cũng không truyền sai.

Thứ nhất là ngũ luân, 20 chữ: “phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín”. Quý vị nghĩ xem có thể truyền sai chăng? Không thể, truyền mười vạn năm cũng không truyền sai. Thứ hai là ngũ thường, chỉ có năm chữ “nhân nghĩa lễ trí tín”, quên được sao? Không thể. Thứ ba là tứ duy, bốn chữ *“*lễ nghĩa liêm sĩ”. Thứ tư là bát đức, tám chữ: “hiếu đệ trung tín nhân ái hòa bình”, có thể truyền sai chăng? Không thể. Đời này truyền qua đời khác, người người đều tuân thủ. Mỗi chữ đều hiện thực, mỗi chữ đều để trong lòng, không giám làm trái. Vì thế ngàn vạn năm nay, mãnh đất này, dân tộc này trị an lâu dài. Phát triển đến thời nhà Thanh.

Quý vị xem Càn Long biên tập Tứ Khố Toàn Thư, văn hiến lớn lao đó không rời bốn cương lĩnh này. Quý vị cầm lên bất luận bộ sách nào, tỷ mỷ quan sát nhất định phù hợp với tiêu chuẩn này. Bốn khoa này bao gồm tất cả truyền thống văn hóa, cho dù Phật giáo từ bên ngoài đến cũng không ngoại lệ, cũng không trái với tiêu chuẩn này. Khổng Phu Tử đem những khẩu truyền thời cổ đại, dùng văn tự ghi chép lại truyền cho hậu thế, cho nên Phu Tử là người tập đại thành. Hậu nhân chúng ta gọi ông là Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư, cũng là nói ông đem những gì cổ nhân truyền lại viết thành văn tự.

Tôi tin rằng rất nhiều lời trong Luận Ngữ, không phải Khổng Tử tự nói. Tuy là “tử viết”, nhưng đều là lời các bậc cổ thánh hiền truyền lại. Khổng Tử đem nó viết thành văn tự. Thái độ cầu học một đời của Phu Tử, ông nói rất rõ ràng, tôi tin rằng ông không gạt người. Ông nói suốt đời ông *“*thuật nhi bất tác, tín nhi háo cổ”, đáng cho chúng ta noi theo. Suốt đời của Khổng Tử không sáng tạo, không có phát minh. Chứng minh ngài là gì? Ngài là người chân thật, quy cũ chân thật. Sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền của ông, ông nói toàn là lời của các thánh hiền, không có của mình, điều này rất thật thà trung hậu.

“Tín nhi háo cổ”, ông đối với lời dạy dỗ của thánh hiền không hề hoài nghi, tinh tấn nỗ lực học tập. Đem nó thực hành trong sinh hoạt, trong công việc, trong xử sự tiếp nhân đãi vật, đây là thánh nhân. Bốn khoa này, ông thật sự đã làm được, một chữ cũng không làm trái, còn tận lực làm nó một cách viên mãn, làm thành một tấm gương tốt.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói: “oai nghi hữ tắc”, chính là làm gương cho đại chúng trong xã hội. Khổng Tử làm được, Mạnh Tử làm được. Truyền đến ngày nay, khoa học kỹ thuật đã phát đạt. Chẳng qua đây là việc của 300 năm trước. Mọi người tin khoa học, khoa học phải đem bằng chứng đến, không có bằng chứng thì không tin. Cổ thánh tiên hiền là truyền thuyết, không có bằng chứng, cho nên không tin, nhất định phải có chứng cứ. Vì thế chúng ta học rồi lại hoài nghi, đối với điều gì cũng hoài nghi, hoài nghi này phiền phức rất lớn. Đối với sự cung kính trước đây của cổ thánh tiên hiền, tâm cung kính đã suy yếu. Thậm chí đến nay hoàn toàn không tin, tùy ý phê bình, hủy báng, những thứ của cổ nhân đều không cần. Không cần “hiếu để trung tín”, không cần “lễ nghĩa liêm sĩ”, “nhân ái hòa bình” cũng không cần. Tôn sùng điều gì? Tôn sùng tự tư tự lợi, tôn sùng danh văn lợi dưỡng. Phát dương đến ngày nay, tôn sùng bạo lực sắc tình, sát đạo dâm vọng, thế giới này đã loạn. Mọi người cũng biết không những thế giới đã loạn, địa cầu cũng xảy ra sự cố, tai biến dị thường.

Trên địa cầu những thiên tai biến hóa này từ đầu đến? Họ luôn đi tìm nguyên nhân trong khoa học. Khoa học tìm nguyên nhân từ trong vật lý, tìm không được, không thể giải quyết. Cổ thánh hiền tìm nguyên nhân ở đâu? Họ từ trong tâm, tìm ra nguyên nhân. Cổ nhân cho rằng sơn hà đại địa, thiên địa quỷ thần với nhân tâm thiện ác có liên quan mật thiết. Nhân tâm thiện thì chẳng có gì không thiện, nhân tâm bất thiện thì chẳng có gì là thiện. Những điều này khoa học tìm không ra chứng cứ, cho nên tôn sùng vật chất, đem tâm lý hủy diệt.

Thật hiếm có, các nhà vật lý cận đại, đặc biệt là các nhà lượng tử vật lý học, phát hiện lượng tử, đây là vật chất nhỏ nhất. Đại khái như trong kinh Phật nói là cực vi chi vi, dùng kính hiển vi quan sát được. Đây là gì? Tìm vật chất rốt cuộc là gì? Đây là việc 30 năm gần đây, nhà vật lý học đầu tiên đưa ra báo cáo này là Phổ Lãng Khắc nhà lượng tử vật lý học người Đức, thầy của Ái Nhân Tư Thản. Căn cứ nghiên cứu kết luận của ông, ông nói trên thế giới này căn bản không có vật chất, vật chất không phải thật. Nền tảng của vật chất là ý niệm, chúng ta nói là ý niệm. Cách nói này hoàn toàn tương đồng với trong kinh đại thừa nói. Kinh điển đại thừa nói nguyên khởi của vũ trụ, nói A lại da. Nghiệp tướng của A lại da, giới khoa học nói là năng lượng. Chuyển tướng của A lại da, giới khoa học gọi là tin tức, cũng chính là ý niệm. Vì thế đức Phật nói tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, vật chất là từ tâm tưởng sanh ra. Vì có tâm tưởng, nó mới có vật chất.

Nếu chúng ta dùng tứ phần của A lại da để giải thích sẽ rất rõ ràng. Năng lượng là tự chứng phần của A lại da. Hiện tượng tâm lý, ý niệm là kiến phần của A lại da. Hiện tượng vật chất là tướng phần của A lại da, đây không phải là ba phần của A lại da sao? Hay quý vị nói nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng của A lại da cũng được. Các nhà khoa học phát hiện điều này, đối với các người học Phật như chúng ta là một việc tốt, vì chúng ta đối với A lại da không hiểu rõ, luôn hoài nghi. Các nhà khoa học chứng minh điều này, chúng ta tin hiện tượng vật chất là từ ý niệm sanh ra, nên bản chất của vật chất là ý niệm. Ý niệm chúng ta đương nhiên ảnh hưởng hiện tượng vật chất.

Thí nghiệm nước của tiến sĩ Giang Bổn người Nhật, đã nói rõ một phần đạo lý này. Vì thế chúng ta khởi tâm động niệm, không những ảnh hưởng hữu tình chúng sanh, đồng thời ảnh hưởng gì? Ảnh hưởng cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa. Ý niệm chúng ta thiện thì tất cả đều thiện.

Chúng tôi mười năm lại đây trồng trọt rau quả, những kinh nghiệm này nói rõ cây cỏ hoa lá có linh tánh, có thể câu thông với chúng ta. Chúng tôi thiện tâm thiện ý đối đãi nó, quan tâm nó, tôn trọng nó. Chúng tôi gọi cây cỏ hoa lá là chúng linh Bồ Tát. Chúng tôi gọi sơn hà đại địa là vi trần Bồ Tát, tôn trọng nó.

Chúng tôi trồng những rau quả này, sinh trưởng rất tốt, không cần dùng thuốc sâu, không cần dùng phân bón. Chúng tôi ở Âu Châu thí nghiệm mười năm rồi, mỗi năm thu hoạch rất nhiều. Chúng tôi trồng cây ăn quả có hơn 30 loại, chúng tôi câu thông với chim chóc, chỉ định mấy gốc cây cung cấp cho những chim chốc Bồ Tát này, không chỉ định chúng tuyệt đối không ăn. Chúng rất giữ chữ tín, vì thế chim chóc, sâu bọ, cây cỏ hoa lá ở đây đều có linh tánh, tất cả đều có thể câu thông.

Ý niệm chúng ta bất thiện đối với nó sẽ mang đến tai họa. Vì thế khiến chúng ta nghĩ đến trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Thế Tôn nói tham lam của chúng ta, ý niệm này chiêu cảm lấy thủy tai, thủy tai từ đâu đến? Tham lam. Hỏa tai, núi lửa bộc phát, nhiệt độ địa cầu tăng cao là sân nhuế chiêu cảm, sân giận quá nhiều. Phong tai, ngu si chiêu cảm ra. Ngạo mạn chiêu cảm lấy động đất. Ngu si càng đáng sợ, si là phong tai. Ở sau còn có nghi, sau tham sân si còn có ngạo mạn, hoài nghi. Ngạo mạn là động đất, nghi khiến cho sơn hà đại địa rời rạc, không kiên cố. Núi sẽ sập xuống, đại địa chìm xuống đáy biển, chúng có liên quan đến ý niệm. Điều này được các nhà khoa học thời cận đại phát hiện, nó giống với Phật pháp nói. Như vậy Phật pháp nói không phải mê tín, có thể giải quyết vấn đề chăng? Có thể. Chỉ cần chúng ta đoạn tận tham sân si mạn nghi, thế gian này tất cả những thiên tai trên địa cầu đều không có. Cho nên hiện nay chúng ta đã biết, không có gì gọi là thiên tai tự nhiên, không phải, tất cả đều do lòng người chiêu cảm ra.

Ngày nay chúng ta hoài nghi đối với giáo huấn thánh hiền, hoài nghi truyền thống văn hóa, hoài nghi chư Phật Bồ Tát, hoài nghi tôn giáo. Thậm chí đối với cha mẹ cũng hoài nghi, vợ chồng nghi ngờ nhau, thế gian này không có gì đáng tin. Thậm chí hoài nghi cả chính mình, niệm trước và niệm sau không giống nhau. Núi sẽ đổ xuống, đất sẽ chìm sâu, năng lực miễn dịch của mình hoàn toàn không có. Những bệnh tật đơn giản thường bị cảm nhiễm, đây là nguyên nhân gì? Chính là hoài nghi. Vì thế thánh giáo, giáo huấn của thánh nhân trong thế xuất thế gian, điều đầu tiên là nói về tín, “tín vi đạo nguyên công đức mẫu”, khi tin điều đầu tiên là tin chính mình.

Trong Yếu Giải Ngẫu Ích đại sư nói về tín nguyện hạnh. Tín nói đến sáu điều, điều đầu tiên là tin chính mình. Thứ hai mới là tin Đức Thế Tôn, tin Phật A Di Đà. Thứ ba là tin lý, tin sự, tin nhân, tin quả. Ngày nay những thứ này rất hữu dụng, chúng ta lại không cần, hoài nghi nên không cần. Dùng phương pháp vật lý để giải quyết, phương pháp vật lý giải quyết không được, đến cuối cùng thế giới này nổ tung.

Các nhà khoa học đều biết, năm sáu vạn năm về trước trên địa cầu khoa học kỷ thuật vô cùng phát đạt, có A Đặc Lan Đề Tư, nguồn năng lượng của họ lấy từ thái không, không có ô nhiễm. Khoa học tiến bộ, cũng là không tin tưởng đối với truyền thống, không tin tưởng các bậc thánh hiền, không tin đối với tôn giáo, sau cùng mãnh đất này chìm sâu vào lòng đất. Điều này phương tây rất nhiều người biết.

Trong tứ tất đàn nói: “vị nhân tất đàn, đối trị tất đàn”. Kinh điển đại thừa và các nhà khoa học hiện nay có thể tương ưng. Trong kinh Phật thường nói tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Ngày ngay khoa học đã chứng minh, tất cả pháp đích thực từ tâm tưởng sanh. Hay nói cách khác, thế giới Cực Lạc là tâm tưởng sanh, thuần tịnh thuần thiện. Vô gián địa ngục là tâm tưởng sanh, bất thiện nhiễm ô đến tột cùng, cảnh giới đó sẽ hiện tiền.

Thể, thể là tự tánh, thế giới Cực Lạc là tự tánh biến ra, địa ngục A tỳ cũng là tự tánh biến. Tự tánh là lý thể của vạn vật, tùy theo ý niệm chúng ta mà sanh ra biến hóa. Trong giáo lý đại thừa thường nói: “tâm hiện thức biến”, “thức” chính là phân biệt chấp trước. Xem chúng ta động ý niệm gì, nó liền hiện cảnh giới đó. Vì thế tam ích sau tứ tất đàn là sự bất qua khởi.

Thứ tư là “đệ nhất nghĩa”, điều thứ tư của tứ tất đàn là đệ nhất nghĩa tất đàn. Lợi ích của nó là nhập lý ích, nhập lý chính là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Ở đây đại sư nói: *“thường bất tùng thế giới thâm phát khánh tín”,* đây là hoan hỷ. *“Hân yểm, vi nhân thị hân, đối trị thị yểm”,* hai loại lợi ích này không thể sanh. Sau cùng là *“ngộ nhập Phật lý”* như vậy càng không làm được. Vì thế không có trí huệ sẽ không thể giải quyết vấn đề. Vật lý là tri thức, không phải trí huệ. Tâm lý là trí huệ, vật lý là tri thức.

Ở dưới nói: *“duy tức sự trì đạt lý trì”,* đây là nói trì danh niệm Phật. Bây giờ chúng ta niệm câu A Di Đà Phật này là sự trì, sự trì có thể thông đạt đến lý trì, vì sao vậy? Vì niệm thuần thục thấu suốt, không có hoài nghi, không xen tạp, chân tâm đã hiện tiền. Chân tâm là lý, chân tâm ly niệm, không có tạp niệm. Một câu Phật hiệu trì đến khi thuần tịnh, chân tâm liền hiện tiền, đó chính là lý trì. Ở trước chúng ta có nói đến, lý trì thật đáng nể. Lý trì niệm một câu Phật hiệu, sanh thế giới tây phương Cực Lạc. Sanh đến đâu? Thượng phẩm thượng sanh. Đến thế giới Cực Lạc hoa khai kiến Phật.

Ở trước chư vị tổ sư nói thất địa Bồ Tát, quý vị xem một niệm này sao lại vào được thất địa? Về lý có thể nói được, về sự thì rất khó. Về lý hoàn toàn nói được, vấn đề là thật sự chân tâm niệm Phật, không có chút tạp niệm nào. Chân tâm là quên tất cả thị phi nhân ngã, quên hết tánh tướng nhân quả sự lý, thuần nhất chân tâm. Nhất niệm này liền được vãng sanh, trong kinh nói nhất niệm thập niệm. Ở trước chúng ta thấy được những chú giải này của Hoàng Niệm Tổ dẫn chứng những kinh luận này. Chúng ta tin tưởng, không hoài nghi.

Cho nên Di Đà thánh chúng hiện tiền, tức là bản tánh hiển lộ. Điều này chúng ta dần dần có thể lãnh hội được. Khi lâm chung thấy Phật A Di Đà còn có rất nhiều hóa Phật. Quý vị thấy thượng phẩm thượng sanh vô lượng hóa Phật. Thượng phẩm trung sanh có ngàn hóa Phật. Thượng phẩm hạ sanh có 500 hóa Phật. Quan Âm, Thế Chí chư đại Bồ Tát đều đến nghinh tiếp chúng ta. Cảnh giới này là tha hay là tự? Nếu ở đây nói tha hay tự đều sai, nói tha nói tự cảnh giới này sẽ không còn, sẽ không thấy được nữa, vì sao vậy? Vì ý niệm này vừa khởi là chúng ta đã mê, quý vị đang dùng vọng tâm, không dùng chân tâm. Trong chân tâm không có tha không có tự.

Trong đại thừa giáo thường nói như thế nào gọi là chân tâm? Chân tâm ly niệm, trong chân tâm không có ý niệm, có ý niệm chính là vọng tâm. Chúng ta niệm câu Phật hiệu này có niệm chăng? Có niệm. Có niệm, niệm là sự trì, niệm đến sau cùng quên đi hữu niệm, nhập vào lý niệm. Phật hiệu vẫn là niệm, hữu niệm vô niệm, phân biệt chấp trước này không còn, đây là nhập lý.

Sự niệm, vãng sanh tây phương Cực Lạc là cõi đồng cư và cõi phương tiện. Lý niệm biến thành cõi thật báo. Tứ độ tam bối cửu phẩm, Thiện Đạo đại sư nói: “ở chỗ gặp duyên không giống nhau”. Câu này nói quá hay. Duyên tự mình thao túng, không phải người khác thao túng. Chúng ta hiểu được đạo lý này, trong sinh hoạt hằng ngày phải luyện công phu, luyện công phu gì? Luyện buông bỏ. Buông bỏ phân biệt, buông bỏ chấp trước, hạ thủ công phu từ chỗ này. Buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, đến tập khí cũng phải buông bỏ. Việc này nói thì dễ, làm rất khó. Rất khó cũng phải làm, vì sao vậy? Vì tương lai khi lâm mạng chung ra đi được thong dong, được tự tại, không có chút chướng ngại nào.

Buông không được mới có oán thân trai chủ làm phiền, chướng ngại quý vị. Thật đã buông xả, oán thân trai chủ tìm không thấy quý vị. Oán thân trai chủ không phải tìm thân quý vị, họ tìm gì? Tìm linh hồn của quý vị. Có vọng tưởng phân biệt chấp trước, quý vị sẽ có linh hồn. Vọng tưởng phân biệt chấp trước không có, thì linh hồn cũng không có, oán thân trai chủ đi đâu để tìm? Không tìm thấy được. Linh hồn không có, biến thành gì? Biến thành linh tánh, linh tánh oán thân trai chủ không tìm được. Nó không tìm thấy tánh vì oán thân trai chủ cũng là giả, không phải thật.

Giả chỉ có thể duyên cái giả, duyên không được thật, quý vị hiểu được đạo lý này, nên làm giả không được, làm giả phiền phức rất lớn. Chúng ta nhất định phải học, phải hành trì. Nhất là trong thời đại này phải học thành kính khiêm hòa. Chân thành, chân thành chính là chân tâm. Dùng chân tâm xử sự đối nhân tiếp vật, người khác dùng hư tình giả ý không sao, tôi dùng chân tâm đối đãi người, vì sao vậy? Vì tôi muốn đến thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc không dùng tâm chân thành thì không đi được. Người ta dùng hư tình giả ý đối với tôi, họ trôi lăn trong luân hồi lục đạo, họ không muốn đến thế giới Cực Lạc. Chúng ta cũng dùng hư tình giả ý, thì phiên phức rất lớn, rốt cuộc chúng ta vẫn lẫn quẩn trong luân hồi lục đạo, nhân duyên lần này lại bỏ lỡ. Phải luôn nắm bắt, gặp được nhân duyên không dễ, trăm ngàn vạn kiếp mới được một lần. Lần này bỏ lỡ lại trôi lăn thêm trăm ngàn vạn kiếp nữa, trăm ngàn vạn kiếp đó là luân hồi lục đạo. Vì thế thánh chúng đến nghinh tiếp, không thể nói là tự, cũng không thể nói là tha. Cũng có thể nói tự nói tha, tự mình cảm tự tánh ứng, cảm ứng đạo giao. Đây là thuộc hiện tượng tự nhiên, cảm ứng đạo giao. Chúng sanh có cảm, Phật Bồ Tát có ứng. Chư Phật Như Lai diệu giác quả vị, không có hình tướng. Họ ở thường tịch quang, thường tịch quang tồn tại mọi lúc mọi nơi. Vì thế chúng ta có cảm là chúng ta có tâm, họ ứng là vô tâm, họ không khởi tâm động niệm, tự nhiên mà ứng. Đây là bản năng tự tánh là đạo nguyện chư Phật Bồ Tát, họ có nguyện. Nguyện là duyên, bản năng là duyên, cảm của chúng ta cũng có duyên. Nhân duyên tụ hội, cảnh giới liền hiện tiền. Hiểu rõ ràng minh bạch sẽ không còn hoài nghi, xem việc này một cách nhẹ nhàng bình thường, cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Nên Di Đà thánh chúng hiện tiền, tức là bản tánh hiển lộ. Hiển thị ra một cách rõ ràng minh bạch. *“Vãng sanh bỉ quốc, kiến Phật văn pháp, tức thị thành tựu huệ thân, bất do tha ngữ”*. Vì sao vậy? Vì trí huệ bát nhã là trong tự tánh vốn tự đầy đủ, nó không phải từ bên ngoài đến. Đoạn tận chướng ngại nó tự nhiên hiện tiền, đức năng tướng hảo cũng đều như vậy.

Nên nhớ trong Kinh Hoa Nghiêm Phật thổ lộ thông tin: tất cả chúng sanh bao gồm chúng ta trong đó đều có đức tướng trí huệ của Như Lai. Như Lai chính là nói tự tánh, trong tự tánh vốn đầy đủ trí huệ bát nhã, vạn đức vạn năng, vô tận tướng hảo. Trong tự tánh đầy đủ tất cả, từ đâu thấy được điều này? Từ biến pháp giới hư không giới, trên từ cõi báo của Chư Phật Như Lai, dưới đến địa ngục A tỳ, y chánh trang nghiêm toàn là tự tánh biến hiện. Đây chính là điều ngài Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Đức Thế Tôn nói: “tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai”. Hiền Thủ quốc sư nói: “xuất sanh vô tận”, đều là nói về vấn đề này.

Nhất định không thể rời chính mình, rời tự tánh của mình là không có gì cả, tất cả đều bất khả đắc. Rời ý niệm của mình duyên sẽ không còn. Tự tánh là nhân, nó phải có duyên. Có nhân có duyên hiện tượng liền hiện tiền, hiện tượng là quả. Vì thế thấy Phật quan trọng, nghe pháp quan trọng. Ngày nay chúng ta Phật không ở trước mắt, chúng ta cúng dường tượng Phật, hãy xem tượng Phật như Phật thật, ngài liền có cảm ứng, cảm ứng đến từ sự thành kính.

Ấn Quang đại sư nói: “một phần thành kính được một phần cảm ứng”, nó đến từ thành kính. Chỉ cần chân thành cung kính đối với tượng Phật, bất luận là tượng Phật vẽ hay là tượng Phật điêu khắc cũng không sao. Có tâm thành kính ngài liền khởi cảm ứng. Chúng ta biết rằng cúng dường tượng Phật là tượng trưng, đối với chúng ta khởi tác dụng, khiến chúng ta từng giờ từng phút đừng quên thành kính đối với Phật. Nhìn thấy Phật, tâm thành kính liền sanh khởi, như vậy liền có thể đạt được.

Học Phật mà đối Phật không thành kính, thì học gì cũng không thành tựu. Đại sư Ấn Quang nói rất hay: “một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thánh kính được hai phần lợi ích, vạn phần thánh kính sẽ được vạn phần lợi ích”. Không có thành kính tự thân Phật đến dạy chúng ta, cũng không đạt được lợi ích, quý vị xem thành kính quan trọng biết bao.

Vấn đề hiện tại thì sao? Vấn đề hiện nay là không có thành kính. Không có tâm thành kính, đây là điều chúng ta thật sự lo lắng, làm sao để khôi phục tâm thành kính? Muốn khôi phục thành kính của con người không dễ. Thời đại chúng ta phải rất gian nan để biểu diễn làm điều này, biểu diễn cho ai xem? Đời kế chúng ta xem không hiểu, phải biểu diễn cho đời thứ ba, đời thứ tư xem. Đời thứ ba là cháu, đời thứ tư là chắt. Chúng vừa sanh ra phải làm gương cho chúng học theo, điều này rất khó! Trẻ con không thể để nó tiếp xúc sự ô nhiễm, phải nuôi dưỡng chúng trong một hoàn cảnh tốt. Xã hội phương diện này rất dơ bẩn, mặt trái nhất định không để nó được thấy, không nên để chúng nghe được, không nên để chúng tiếp xúc đến. Đây chính là điều sáng hôm nay chúng tôi nói đến biện pháp trường học nối tiếp. Phương pháp trường học nối tiếp này chính là bảo vệ môi trường thật sự. Trong hoàn cảnh này bồi dưỡng huấn luyện chúng, có mười năm, hai mươi năm giáo dục, họ sẽ không thay đổi. Đời này có thể xuất hiện thánh nhân, thế gian này thánh hiền nhân xuất hiện là được cứu.

Phải tin rằng con người dạy rất tốt, thánh hiền cũng từ dạy mà ra. Phật Bồ Tát cũng dạy mà ra, nhất định phải có lòng tin này. Nếu chúng ta không phụng hiến hy sinh, làm ra một tấm gương tốt nhất, đời sau vĩnh viễn không tốt hơn được. Chúng ta không chịu làm điều này, đời sau coi như xong, họ sẽ khổ, rất khổ. Đó là tạo nghiệp thọ báo đến bao giờ xong mới?

*“Pháp môn thâm diệu”,* pháp môn này là chỉ cho pháp môn Tịnh độ. Thật là thậm thâm, thật là vi diệu. *“Phá tận nhất thiết hý luận”,* hý luận là những ngôn luận không thiết thực, đều gọi là hý luận. Trong này không có lợi ích chân thật. *“Trảm tận nhất thiết ý kiến”,* ý kiến này đều thuộc về phàm tình. Nó tương ưng với phiền não, không tương ưng với chân tánh. “Trảm tận” nghĩa là từ bỏ một cách sạch sẽ, ai có thể làm được? Duy chỉ có Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh, chính là những nhân vật này. Họ có năng lực, có thể gánh vác triệt để việc này. Những người này đều là người minh tâm kiến tánh, đều là đại Bồ Tát. Đây không phải là tiểu Bồ Tát, là đại Bồ Tát. Trí Giả là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tái sanh. Vĩnh Minh là Phật A Di Đà tái sanh, họ đã diễn xuất viên mãn.

*“Kỳ dư thế trí biện thông, thông nho thiền khách”,* đây là người thông minh tài trí thế gian, nhà đại thông của Nho giáo, thiền khách trong Phật môn tham thiền chưa khai ngộ. *“Tận tư độ lượng”* ,vắt kiệt năng lực tư duy để đo lường, càng suy đoán càng xa, vì sao? Vì điều này không thể tư duy, không thể nghĩ bàn. Câu này là lời thật, không phải giả. *“Hựu bất nhược”,* lời này hay nói cách khác, mọi người dễ hiểu, trái lại không như *“ngu phu phụ lão thật niệm Phật giả”,* người ở nhà quê các ông các bà không biết chữ, họ không có tri thức, cái gì cũng không hiểu, nhưng họ rất thật thà, rất khiêm tốn. Tự biết mình không bằng ai, dạy họ niệm một câu A Di Đà Phật, họ thật thà niệm Phật. Niệm khoảng vài năm, họ vãng sanh đoan tướng hy hữu, đứng vậy vãng sanh, ngồi vậy vãng sanh. Phần tử tri thức không có cách nào sánh với họ được.

Đây chính là chỉ ở trước nói, *“thế trí biện thông, thông nho thiền khách”,* đều không sánh được với họ. Họ tu học thật sự có thành tựu, họ thật đã vãng sanh. Phẩm vị vãng sanh chúng ta không thể đoán được, vì sao? Vì có thể *“tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu dã”,* hai câu này nói rất hay, tám chữ này *“tiềm thông Phật trí”,* Phật trí là gì? Căn bản trí. Căn bản trí là trong tâm hoàn toàn sạch sẽ, nhất niệm bất sanh. Ngoài câu A Di Đà Phật ra, tất cả ý niệm đều không có. Sau cùng niệm đến trình độ nào? Tuy niệm Phật A Di Đà, trong tâm đến Phật A Di Đà cũng không chấp trước, đó chính là căn bản trí hiện tiền, đây là cảnh giới tiềm thông Phật trí, nên niệm mà không niệm, họ có niệm chăng? Họ niệm thật. Quý vị nghe họ Nam Mô A Di Đà Phật, từng chữ rõ ràng phân minh. Họ có phân biệt chấp trước chăng? Không có, đây chính là lý niệm. Đây chính là tiềm thông Phật trí, chính là am hợp đạo diệu.

Niệm Phật như vậy, họ vãng sanh là thượng bối vãng sanh, công phu giỏi thì thượng phẩm thượng sanh, công phu kém một chút thì thượng phẩm hạ sanh, sanh vào cõi thật báo trang nghiêm, cho nên không thể coi thường các ông các bà này được. Không nên cho rằng, họ niệm Phật tương lai đều vãng sanh hạ phẩm, sai! Tâm địa họ thanh tịnh, tâm địa họ lương thiện, không có ác niệm, tuyệt đối không hại người. Vì thế pháp môn niệm Phật rất vi diệu!

Chúng ta hiểu được đạo lý này, đó chính là trước đây thầy Lý thường nhắc với tôi, thầy muốn học ngu, không học thông minh tài trí. Thầy nói, tôi muốn học ngu phu ngu phụ, học những người này, học bao nhiêu năm cũng không giống, học ngu không dễ! Có câu: *“ngu bất khả cập”,* chúng ta không sánh kịp họ. Ý nghĩa chính là ở đây, không nên xem họ ngu. Họ niệm câu Phật hiệu này, họ sẽ niệm đến thượng phẩm thượng sanh. Hàm nghĩa thậm thâm trong này chính là nói rõ, người thật thà rất đáng nể, người thật thà rất tốt. Người thật thà không học Phật, họ không đọa ác đạo. Nếu họ có thể hành thiện, nhất định đến thiên đạo. Họ không thể hành thiện, đời sau vẫn là nhân đạo, vì sao vậy? Vì họ không có ý niệm hại người, không có ý niệm chiếm lợi ích người khác, không có ý niệm khống chế người, rất chân thật. Đoạn này là Ngẫu Ích đại sư nói.

Chúng ta xem đoạn thứ hai *“Nhị, Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận”,* Vô Lượng Thọ Kinh khởi Tín Luận là cư sĩ Bành Tế Thanh nói. Quý vị xem, thứ nhất là Linh Phong đại sư, người xuất gia, thứ hai là cư sĩ. Trong Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận cũng giả thiết một câu vấn đáp. *“Vấn, lâm chung kiến Phật, vi thị tự Phật, vi thị tha Phật”.* Vì tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Lâm chung Phật đến tiếp dẫn, phải chăng là Phật trong tâm ta nghĩ ra? Hay thật sự là Phật A Di Đà của thế giới tây phương Cực Lạc? Khởi lên nghi vấn này, khởi nghi vấn này có thể họ không thể vãng sanh, vì sao vậy? Vì công phu thành phiến đã bị phá hoại, nên khi lâm chung phải chú ý, Phật đến, một chút nghi hoặc cũng không, không có chút phân biệt nào. Khởi lên tâm chân thành cung kính để ứng đối, như vậy nhất định được sanh.

Nghi điều này, nghi điều kia, đây là nguyên nhân gì? Học và dạy học quá nhiều, dạy và học nhiều cũng tạo thành phiền phức, vì sao? Phân biệt chấp trước. Trong sở tri chướng lại thêm phiền não chướng, như vậy làm sao đi được? Chịu thiệt rất lớn.

*“Nhược tha Phật giả, tâm ngoại thủ Phật, tức thành ma nghiệp. Nhược tự Phật giả, tưởng lực sở thành, hư vọng bất thật, vân hà vãng sanh?”.* Câu hỏi này rất hay, vì sao vậy? Thật sự có người hoài nghi như vậy, đây là Bồ Tát tác lược, đem vấn đề này giải rõ cho chúng ta. *“Đáp, tự Phật tha Phật, tổng thành hý luận”*, vì sao vậy? Vì đây là phân biệt chấp trước. Nhân ngã đều là vọng, tự và tha không khác. Chẳng phải là khi lâm chung, mà ngay lúc bình thường, tốt nhất nên giữ được không khởi tâm không động niệm. Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Nếu có thể thường nghĩ đến bốn câu này thật đã thực hành, tự nhiên vọng tâm nhạt dần, chân tâm liền hiện tiền. Trong tâm rõ ràng minh bạch, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, như vật có thể buông bỏ được, không còn chấp trước.

*“Chư Phật pháp thân, trạm nhiên thường tịch”*. Pháp thân của Chư Phật không có hiện tượng. Trạm nhiên thường tịch, trạm nhiên là ví vụ. Giống như nước sạch sẽ không có ô nhiễm vậy, bình lặng không dao động. Phải duy trì tâm như vậy, đây là chân tâm. Có nhiễm ô, có dao động, gọi là vọng tâm. Chân tâm giống như một tấm gương, chiếu soi vạn pháp. Vô sở bất tri, vô sở bất năng. Vọng tâm cũng chiếu nhưng chiếu sai, vì nước này có nhiễm ô, và có gợn sóng. Tuy có thể chiếu nhưng không thể chiếu hiện tượng bên ngoài một cách hoàn chỉnh được, đều rất hỗn loạn, quý vị sẽ nhận sai lầm.

*“Dĩ bổn nguyện cố, cảm ứng đạo giao”,* đây là nói rõ lâm chung thấy Phật, nguyên nhân chính đã nói ra. Phật A Di Đà có nguyện, người niệm Phật có cảm, chính là có cầu. Cầu Phật Bồ Tát đến tiếp dẫn, Phật Bồ Tát liền có ứng, cảm ứng đạo giao. Nhân và duyên của ứng này ở trước chúng ta đã học. Nhân của cảm ưng, nhân của đến ứng là tự tánh. Trong Hoàn Nguyên Quán nói tự tánh thanh tịnh viên minh thể, nó tồn tại mọi lúc mọi nơi. Đây là nhân, nhân chính. Duyên là bổn nguyện của Phật A Di Đà, là tự ý niệm chúng ta cầu Phật A Di Đà gia trì, đây đều là duyên nên hiện tướng liền hiện tiền, hiện tướng là quả.

Hiện tướng này *“tức tự tức tha”,* “tức tự” là tự tánh, tự tánh biến hiện ra. “Tức tha”, nguyện lực Phật A Di Đà. *“Vô hư vô thật”,* “vô hư” là tự tánh, “vô thật” là hiện tướng. Tướng này không phải chân thật, vì sao vậy? Vì tướng đó không tồn tại vĩnh viễn, trong khoảng sát na đã không còn, quý vị đã đến thế giới Cực Lạc.

“*Duy nhất chân như, chu biến pháp giới”,* câu này nói rất hay! Ba cái đều như vậy. Ý niệm lúc lâm chung cầu vãng sanh là duy nhất chân như, chu biến pháp giới. Tánh đức của chúng ta cũng là duy nhất chân như chu biến pháp giới. Bổn nguyện của Phật A Di Đà cũng là duy nhất chân như chu biến pháp giới. Đạo lý này hiểu được rõ ràng minh bạch, thì tất cả nghi hoặc của chúng ta đều quét sạch tất cả. Tự tánh chúng ta chân thành cung kính, liền sanh khởi, vì sao vậy? Vì chân thành cung kinh là tánh đức.

Ngày nay chúng ta vì có ngạo mạn, có tham sân si mạn, làm chướng ngại tánh đức, nó không thể hiện tiền. Những phiền não tham sân si mạn này sau khi buông bỏ, tánh đức liền hiện tiền, nên đối người cung kính là tánh đức, chính là như vậy. Đối với người có lễ phép là tánh đức, vốn là như vậy. Hiện nay không như vậy, đó là ngạo mạn, tự đại, cuồng vọng, chỉ đeo mang những thứ này. Bồ Tát thật sự nhìn thấy tất cả chúng sanh, giống như Bồ Tát Di Lặc vậy, miệng luôn mỉm cười, hoàn toàn hòa khí, quý vị sẽ thấy được tự tánh hồn nhiên. Quý vị xem trẻ con, con nít, chúng thấy ai cũng cười. Chúng cười nhất định không phải giả, thiên tánh. Quý vị sẽ thấy được thiên tánh, chúng vui biết bao, hoan hỷ biết bao. Đến khi có phân biệt, có chấp trước, phiền phức rất nhiều, chúng có phiền não. Chúng thích người này, ghét người kia, phiền não liền khởi lên. Khi chưa có phân biệt, chân thật đó gọi là hồn nhiên. Ai bồng chúng cũng thích, đến khi nhân thức được cuộc sống là hết, chúng đã bị giáng xuống một cấp.

“*Chúng sanh y ư nghiệp duyên, huyễn hữu phân đoạn”,* đây là lục đạo phàm phu, lục đạo từ đâu mà có? Lục đạo đến từ nghiệp duyên. Thiện nghiệp là ba đường lành, ác nghiệp là ba đường ác. Thọ sanh trong lục đạo toàn là nghiệp duyên, vì thế tất cả trong lục đạo gọi là huyễn hữu. Đó không phải thật, là giả.

Phân đoạn là sanh đoạn sanh tử. Thông thường phân đoạn này là chúng ta nói đời này từ sanh đến chết, đây là một đoạn. Chết rồi đi đầu thai, đầu thai lại là sanh tử đây lại là một đoạn, đây là một cách nói. Nếu từ lý mà nói phân đoạn thật sự là gì? Bồ Tát Di Lặc nói một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm, chính là một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn đoạn, một niệm là một đoạn. Xưa nay chư vị tổ sư cũng có cách nói này, hợp lý. Niệm trước và niệm sau đích thực không giống nhau, na ná như nhau nhưng không thể hoàn toàn tương đồng.

*“Như cư ốc hạ, bất kiến thiên nhật”,* đây là ví như ở trong nhà, ngôi nhà đó che mặt trời nên không thấy được mặt trời. *“Niệm lực thành kiên”,* chân thành kiên định. *“Hoãn duyên tư tịnh”,* vọng tưởng vọng niệm không còn. Đây chính là lấy tâm chân thành kiên cố niệm Phật, niệm đến khi công phu đắc lực, vọng niệm sẽ không còn, nghi hoặc không còn. *“Như triệt ốc bộ”,* “ốc bộ” là nhà tranh, ngày trước thường thấy ở nông thôn đều làm bằng nhà tranh. Phá mái nhà tranh này mặt trời chiếu sáng. Không có gì che nên thấy được mặt trời, thấy được mặt trăng.

*“Nhậm vận vãng sanh, hoàn đồng bổn đắc”,* hai câu này quá hay, nhậm vận là tự tại vãng sanh. Vãng sanh là hiện tượng tự nhiên. Hoàn đồng bổn đắc, hình như chúng ta đã trở về nhà. Thật vậy, thế giới Cực Lạc chính là quê nhà, đến thế giới Cực Lạc là trở về nhà, hoàn hoàn là bình thường. Nhất định không có tâm trạng hoan hỷ, hôm nay tôi thoát ly luân hồi lục đạo, hình như thoát ly lao ngục, trở về quê nhà có niềm vui như vậy. Không có, tâm vĩnh viễn là yên tĩnh. Rời xa lục đạo mười pháp giới, tâm thanh tịnh. Vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, vẫn là thanh tịnh, trong minh tâm không có hỗn loạn. Cũng chính là nói quý vị không có khởi tâm động niệm, rời lục đạo không có động niệm. Đến thế giới Cực Lạc cũng không có khởi tâm động niệm, phẩm vị này rất cao. Thật vậy, đây là thượng phẩm vãng sanh. Đích thực chân tâm chính là lý, Tịnh tông nói là lý nhất tâm, cảnh giới lý nhất tâm.

*“Thử luận tảo tận nhất thiết phân biệt, tự tha sanh Phật tổng thành hý luận”.* Vì sao vậy? Vì trong tự tánh thanh tịnh tâm nhất niệm bất sanh, thì làm gì có tự tha? Làm gì có chúng sanh? Làm gì có Phật? Đây toàn là giả danh. Đức Thế Tôn hiện tại ở trên thế gian này, chúng sanh trong thế gian này đều có phân biệt chấp trước. Dùng phương pháp này để giáo hóa, trở về với tự tánh thì tất cả đều không cần. Cho nên trong Khởi Tín Luận Bồ Tát Mã Minh dạy: nghe kinh không nên chấp trước tướng ngôn ngữ, không thể chấp trước điều này không nên chấp trước tướng danh tự, toàn là giả. Ngôn ngữ là giả, danh từ thuật ngữ là giả. Không nên chấp trước tướng tâm duyên, khi nghe xong tôi nghĩ ý gì, sai! Làm gì có ý? Không có ý nghĩa. Nói cách khác, hoàn toàn dùng tâm thanh tịnh để nghe, khi nghe kinh cũng vậy. Không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước.

Nghe thật, như vậy nghe rồi sẽ đại triệt đại ngộ. Hiện nay chúng ta không ngộ được, là sao? Chúng ta nghe kinh có phân biệt có chấp trước, có khởi tâm có động niệm nên nghe không hiểu. Những gì nghe được đều trở thành tri thức, duy thức chúng ta đang biến. Đem trí huệ chân thật của Như Lai, tất cả đều biến thành tri thức. Đã biến chất, không phải Như Lai chân thật nghĩa. Nói thật, Như Lai không có nghĩa, Như Lai không có A lại da làm gì có nghĩa?

Những gì Như Lai biểu diễn, thị hiện biểu diễn. Những điều Như Lai nói toàn là tự tánh tự nhiên hiện ra. Từ đây chúng ta lãnh hội được, phàm là người minh tâm kiến tánh, thân thể này của họ vẫn còn ở thế gian, không có thay thân thể, nhưng cảnh giới của họ và trước khi họ kiến tánh, hoàn toàn khác nhau. Trước khi kiến tánh họ là phàm phu, khi kiến tánh rồi họ là Phật Bồ Tát, ít nhất là pháp thân Bồ Tát. Pháp thân Bồ Tát như thế nào? Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần như những gì vừa mới nói, khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước hoàn toàn không có. Cũng chính là nói họ dùng là chân tâm, cùng với chân tâm của Chư Phật Bồ Tát Ma Ha Tát. Tâm này khởi tác dụng là trí huệ chân thật. Tâm phàm phu là tâm vọng tưởng, chính là A lại da, 8 thức 51 tâm sở. Phàm phu chấp trước vào những thị hiện này, tâm này khởi tác dụng là sanh phiền não. Không sanh trí huệ, nó sanh tri thức. Tri thức không thể kiến tánh, trí huệ có thể kiến tánh, nó không giống nhau, cho nên không có khởi tâm động niệm.

Như vậy chúng ta liền nghĩ đến làm gì có tự tha, sanh Phật? Không có những điều này. Lúc này là gì? Toàn thể vũ trụ là nhất thể, toàn thể vũ trụ là một pháp tánh, minh tâm kiến tánh. Đây thuộc về pháp thân, cái gì là pháp thân? Biến pháp giới hư không giới là thân mình, tự tha không có, sanh Phật không có. Sanh là chúng sanh, Phật là chư Phật. Trở về thường tịch quang, trong thường tịch quang ba loại hiện tượng đều không có, đó là thật không phải giả.

*“Duy nhất chân như, trạm tịch chu biến”,* trạm nhiên tịch diệt, chu biến pháp giới. Bây giờ người ta gọi là chu biến vũ trụ. *“Nhậm vận vãng sanh Cực Lạc, hoàn tại bổn tâm chi nội”,* thế giới Cực Lạc không xa rời tự tánh, thế giới Cực Lạc là tự tánh sở sanh sở biến. Trong kinh giáo thường nói “duy tâm sợ hiện, duy thức sở biến*”* thế giới Cực Lạc chỉ có duy tâm sở hiện, không có duy thức sở biến. Vì những Bồ Tát vị vãng sanh trong cõi đồng cư nhất phẩm phiền não chưa đoạn, nguyện lực Phật A Di Đà gia trì, họ cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát chính là không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Đây là Bồ Tát trong cõi thật báo. Thế giới Cực Lạc đặc biệt chính là cõi đồng cư, cõi phương tiện và cõi thật báo là giống nhau. Có ba cõi này chăng? Có, nhưng xem ra ba cõi không có gì sai khác là tương đồng, đây chính là oai thần bổn nguyện thành tựu. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Đây là điều Bành Tế Thanh nói Trong Khởi Tín Luận, Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận.

Xem tiếp đoạn thứ ba trong Di Đà Sớ Sao là Liên Trì đại sư nói. *“Di Đà Sớ Sao vân, trước sự nhi mê lý, loại đồng mông đọc cổ thánh chi thư”.* Chấp trước sự, chấp trước tướng nên không minh bạch về lý, ví như điều gì? Ví như các trẻ nhỏ, thơ dại chưa biết gì. Đọc sách thánh hiền, chúng đọc được, thuộc nhưng là nghĩa gì chúng không biết, dùng điều này để ví dụ. *“Hôn trĩ vị văn, cẫn năng đọc văn, liễu bất giải nghĩa. Sở vị chung nhật niệm Phật, bất tri Phật niệm giả dã”. N*gười niệm Phật như vậy rất nhiều! Từ đó cho thấy, Đức Thế Tôn khi còn tại thế, giảng kinh thuyết pháp 49 năm, có đạo lý. Nếu ngài không giảng thì dạy người niệm, dù có niệm tốt cũng không thể vãng sanh, vì sao? Vì chấp trước sự, chấp tước lý.

Có một vài ông bà già, ông thật sự cũng mê lý, không hiểu gì cả. Họ chỉ niệm rốt ráo một câu A Di Đà Phật nhưng sao họ được vãng sanh? Phẩm vị của họ sao lại cao như vậy? Đó là họ ám hợp đạo diệu. Ở trước nói tiềm thông Phật trí, họ niệm câu Phật hiệu đó khiến phiền não đoạn diệt. Phiền não đoạn tận, Phật trí liền thông, vì phiền não chướng ngại Phật trí. Chỉ cần đoạn tận phiền não, họ liền thông suốt. Đây là trí huệ chưa khai, mê lý. Chưa phá trừ mê, phá trừ mê là được. Họ chưa phá trừ mê được, mê này là gì? Là vô minh, không thấu triệt. Đây là dùng tâm không giống nhau, công phu không tương đồng.

*“Chung nhật niệm Phật, bất tri Phật niệm”,* trong Tịnh Độ Tiệp Yếu của Hạ Liên Cư nói: “tôi niệm Di Đà, Di Đà niệm tôi, mỗi tiếng đều tương ưng! Có câu: “nhất niệm tương ưng niệm niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, vì sao vậy? Vì họ hiểu về lý, vì sao? Vì rự tha là một không phải hai. Họ hiểu được đạo lý này, không có phân biệt, không có chấp trước.

*“Chấp lý nhi di sự”,* chỉ chấp trước lý, không niệm Phật được chăng? *“Tỷ bần sĩ hộ hòa gia chi quyến, tự vân cự phú, bất tri số tha nhân bảo, ư kỷ hà thiệp”,* không liên can gì đến mình, đây là chấp trước lý. Sanh Phật không hai, như vậy tôi hà tất phải niệm? Di Đà tức là tâm tôi, tâm tôi tức là Di Đà, không cần niệm. Trên mặt lý nói thông suốt, về sự thì trở thành căn bệnh lớn, chúng ta lý sự chưa viên thông. Lý sự viên dung, như vậy là được, đó là thật không phải giả. “Lý”, chúng ta là Phật A Di Đà, “sự”, chúng ta là lục đạo phàm phu. Chúng ta vẫn chấp trước thân này là tôi, vẫn còn tự tư tự lợi, vẫn còn danh văn lợi dưỡng, Phật A Di Đà không còn. Tâm ta đã là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà là tâm chúng ta, những tập khí phiền não này tất cả đều không còn, như vậy là đúng.

*“Sở vị tuy tri tức Phật tức tâm, phán nhiên tâm bất thị Phật giả dã”,* đây là đem sự thật chân tướng nói ra. *“Thị cố ước lý tắc vô khả niệm”,* về lý nói vô khả niệm, về sự nói *“vô khả niệm trung, ngô cố niệm chi”* bịa đặt, vì sao vậy? Vì niệm tức là vô niệm. Vô niệm là gì? Không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm. Nam Mô A Di Đà Phật, hoặc là A Di Đà Phật, niệm niệm tương tục, không chấp tướng, lý sự vô ngại, lý sự nhất như. Lý không chướng ngại sự, sự không chướng ngại lý, như vậy là đúng.

*“Cố lý sự sông tu, tức bản trí nhi cầu Phật trí, phu nhiên hậu vị chi đại trí dã”.* Nói tóm lại chỉ một câu, chúng ta cần thiết phải buông bỏ tất cả phiền não. Phiền não là gì? Tóm lại mà nói khởi tâm động niệm là vô minh phiền não, phân biệt là trần sa phiền não, chấp trước là kiến tư phiền não. Kiến tư phiền não chính là nguyên nhân thứ nhất chế tạo luân hồi lục đạo, có kiến tư liền có lục đạo. Trần sa phiền não là nguyên nhân tạo ra tứ thánh pháp giới. Có trần sa là có Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật. Phiền não không đoạn tận, tự tánh không hiện tiền. Phải đoạn tận phiền não, phiền não cũng không phải thật, cũng là giả, nhưng ta chấp trước cái gọi là giả này, giả mà hình như biến thành thật vậy. Những lý và sự này ta không thể không hiểu.

Nên Chư Phật Bồ Tát, chư vị tổ sư dạy chúng ta lý sự song tu. Về mặt sự vô cùng nỗ lực, mặt lý thì sao? Không chấp trướng. Như trong Hoàn Nguyên Quán nói tứ đức. Đức thứ nhất trong tứ đức là “tùy duyên diệu dụng”, tùy duyên chính là tu sự, còn diệu dụng? Diệu dụng chính là tu lý. Diệu dụng là gì? Diệu dụng là không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước, dùng thái độ này để tùy duyên. Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, đây gọi là diệu!

Phàm phu không diệu, phàm phu là gì? Họ có phân biệt, có chấp trước, có vọng tưởng. Những thứ này xen tạp vào gọi là tạo nghiệp. Họ tạo tịnh nghiệp chính là tứ thánh pháp giới, nhiễm nghiệp chính là luân hồi lục đạo. Trong luân hồi lục đạo có thiện nghiệp, họ chính hai đường nhân và thiên. Ác nghiệp, là địa ngục ngạ quỷ, súc sanh. Họ hiện tướng này, tướng này đều là hư vọng, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, nhưng họ không hiểu hư vọng nên đã chấp nhận, giống như đang nằm mộng vậy. Mộng là giả, mọi người đều biết. Gặp ác mộng, quý vị xem giật mình đến toàn thân ướt mồ hôi lạnh, giật mình tỉnh giấc chỉ là một giấc mộng. Gặp một giấc mộng đẹp thì rất hoan hỷ, khi tỉnh giấc cũng không còn nữa. Nên biết rằng lục đạo là cảnh mộng, thật vậy không phải giả. Tuy Phật nói ví dụ nhưng là chân tướng sự thật, mộng huyễn bào ảnh.

Tứ thánh pháp giới vẫn là mộng. Không những tứ thánh pháp giới là cảnh mộng, đến cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai, chúng ta gọi nó là nhất chân pháp giới vẫn là một cảnh mộng. Vì sao vậy? Đã giác ngộ triệt để thì nó không còn nữa. Đẳng giác Bồ Tát nâng lên đến diệu giác vị, cõi thật báo cũng không còn. Cho nên “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, ở sau Phật không nói cõi thật báo của Chư Phật Như Lai là ngoại lệ, không nói. Cõi thật báo cũng là giả, điều gì là thật? Thường tịch quang là chân. Trong thường tịch quang ba loại hiện tượng đều không có, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần cũng không có hiện tượng tự nhiên, không sanh không diệt, còn như thế nào? Vốn tự đầy đủ. Tuy nó không có hiện tượng nào nhưng có thể sanh tất cả hiện tượng, có thể hiện tất cả hiện tượng, đó chính là hiện thực cõi báo.

Cõi thật báo và cõi phương tiện. Cõi phương tiện là tứ thánh pháp giới, cõi đồng cư chính là lục đạo. Lục đạo và tứ thánh pháp giới từ đâu mà có? Từ cõi thật báo biến hiện ra. Chúng sanh cư trú trong cõi thật báo, nếu khởi phân biệt liền biến thành tứ thánh pháp giới. Nếu khởi chấp trước họ liền biến thành luân hồi lục đạo, chính là như vậy. Vì thế duy tâm sở hiện là cõi thật báo, cõi thật báo của Chư Phật Như Lai. Duy thức sở biến, chính là mười pháp giới. Chân tướng sự thật này, chúng ta trong nhiều năm như vậy, huân tu đại thừa kinh giáo, cũng được coi là hiểu rõ ràng minh bạch, đây gọi là giải ngộ, chúng ta đã lý giải. Tuy đã lý giải nhưng không được lợi ích. Được lợi ích phải như thế nào? Phải chứng ngộ, chứng ngộ phải dựa vào tu.

Chứng ngộ là gì? Phải buông bỏ. Buông bỏ chấp trước thì lục đạo không còn. Đây là đã chứng được, đã nâng lên, lên đến tứ thánh pháp giới. Buông tiếp khởi tâm động niệm và phân biệt, tứ thánh không còn. Trở về với nhất chân pháp giới, trở về với cõi thật báo. Cõi thật báo tồn tại là vì tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn, là nguyên nhân này. Đoạn tận vô thỉ vô minh, tập khí vô thỉ vô minh vẫn còn. Nếu tập khí đã đoạn sạch, cõi thật báo không thấy nữa, không còn, xuất hiện gì? Xuất hiện thường tịch quang. Trở về thường tịch quang, trở về thường tịch quang gọi là cứu cánh viên mãn. Vì thế chúng ta biết khi mê, từ thường tịch quang nhất niệm bất giác xuất hiện A lại da. A lại da thông thường chúng ta nói là chủ tạo vật. Huệ Năng đại sư nói: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”. Vạn pháp đích thực là A lại da tạo ra. Quý vị xem A lại da rốt cuộc vẫn là trở về với tự tánh, A lại da không còn, chuyển thức thành trí. Chuyển này phải dựa vào sức mạnh trí huệ, đây là gì? Không còn mê. Khi mê mới có a lại da, tự tánh biến thành A lại da. Thật sự giác ngộ, A lại da trở về tự tánh. Pháp tướng tông chuyển thức thành trí, chuyển A lại da thành đại viên cảnh trí, chuyển Mạt na thức thành bình đẳng tánh trí, chuyển đệ lục ý thức thành diệu quan sát trí, chuyển tiền ngũ thức thành thành sở tác trí, cảnh giới đó chính là cõi thật báo.

Đoạn tận tập khí, đoạn tận tập khí vô thỉ vô minh rồi, cõi thật báo không còn, lại trở về thường tịch quang, đây là sự tuần hoàn của vũ trụ, một sự tuần hoàn lớn nhất. Từ khởi điểm rốt cuộc cũng trở lại khởi điểm. Vì thế trong Phật pháp tâm lý và vật lý là nói đồng thời trong tâm lý bao hàm vật lý.

Các nhà vật lý học hiện đại phát hiện trong vật lý có hiện tượng tâm lý. Trong phần chú giải của Hoàng Niệm Tổ ở trước chúng ta đã học, vi điểm của nhất mao nhất trần. Khi ông nói là niên đại 1980, các nhà lượng tử học phát hiện trung vi tử, đây là phát hiện mới. Trung vi tử lớn chừng nào? Trung vi tử hình như chính là lượng tử, lớn bao nhiêu? Là một phần trên một trăm ức của một điện tử, nhỏ đến không còn cách nào nhỏ hơn, một phần trên một trăm ức của điện tử. Hay nói cách khác, một trăm ức vi trung tử hợp lại mới là một điện tử. Vi trung tử này nó có sắc thọ tưởng hành thức. Sắc là nó có hiện tượng vật chất khiến chúng ta có thể nhìn thấy. Nó có thọ tưởng hành thức, do đó chúng ta liền nghĩ đến trong Tâm Kinh nói: Quán Tự Tại Bồ Tát khi hành thâm bát nhã ba la mật đa, thấy được ngũ uẩn đều là không.

Ngũ uẩn giai không là gì? Thấy được trung vi tử là không, trung vi tử không phải thật, trong tự tánh không có thứ này. Những thứ này thuộc về đâu? Thuộc trong A lại da. Trong tâm thanh tịnh nhất pháp bất lập, gọi là chân thanh tịnh.

Ngày nay chúng ta vì không thanh tịnh được mới dùng Phật A Di Đà. Buông bỏ tất cả các vọng niệm, chỉ lưu lại niệm này. Nếu nói một ý niệm cũng không có, điều này không làm được, đó là người nào? Hành thượng thượng căn như Đức Thế Tôn, ngài Huệ Năng. Những gì ở đây nói như ngài Trí Giả, Vĩnh Minh, các ngài hành và có thể làm được, người thường không làm được. Người thường phương pháp tốt nhất, dùng nhất niệm đối trị tất cả niệm. Đây là biện pháp Tịnh độ tông dùng. Kiên cố giữ chặt niệm này, khiến các niệm khác không thể xen vào, như vậy công phu phải thật tốt, cũng là gặp duyên khác nhau. Quả nhiên niệm sau cùng tương ưng với tự tánh, như vậy chúc mừng quý vị, đã đạt được thượng phẩm thượng sanh. Không thể thì sao? Không thể cũng là thượng phẩm hạ sanh, như vậy là quá tuyệt.

Nên trong tâm chỉ có một Phật hiệu này, tốt! Rất tốt, không có tạp niệm nào cả. Vị thứ vãng sanh thấp nhất là thượng phẩm hạ sanh. Chúng ta đang học ở đây, bây giờ chúng ta đang học đoạn này. Nguyên đoạn này là giảng về thượng bối tam phẩm, thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Công đức của câu Phật hiệu này thật không thể nghĩ bàn.

*“Hựu sớ vân, nhiên trước sự nhi niệm năng tương tục, bất hư nhập phẩm cho công. Chấp lý nhi tâm thật vị minh, phản thọ lạc không chi họa”* Lời này nói quá hay! Chúng ta không thể dễ dàng bỏ qua. Chấp trước sự, quý vị có thể tịnh niệm tương tục. Bất hư nhập phẩm chi công, nhất định được vãng sanh. Cõi phàm thánh đồng cư, cõi phương tiện hữu dư đều có phần. Ở sau nói trung bối vãng sanh, hạ bối vãng sanh đều có phần.

Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: “hạ hạ phẩm vãng sanh tôi đã rất hài lòng”. Ngài có phần, thật sự vãng sanh. Nếu quý vị chấp lý, chấp lý là gì? Chúng ta chưa khai ngộ. Tâm thật chưa minh, chưa khai ngộ. Không cầu, không có ý niệm cầu vãng sanh. “Phản thọ lạc không chi họa”, ta tiếp tục trôi nổi trong luân hồi lục đạo, chúng ta đã sai. Hai câu này khuyên chúng ta thật thà niệm Phật, tuyệt đối không bỏ qua vô ích. Nhất định phải tin thật, nhất định phải nguyện sanh Cực Lạc, nguyện này quan trong hơn bất cứ điều gì.

Nguyện vọng mãnh liệt cầu sanh tịnh độ, nhất tâm nhất ý nương tựa Phật A Di Đà. Nương vào ai cũng không chắc chắn, nương tựa Phật A Di Đà nhất định được sanh Tịnh độ. Trong đời này chúng ta ở thế gian này, chỉ tìm một người đáng tin, chúng ta nương tựa vào họ là được. Nếu dựa vào những ai khác, những pháp môn khác đều không đạt được mục đích, không đáng tin cậy. Nương tựa chắc chắn vào câu Phật hiệu này, chúng ta mới có thể chắc chắn được sanh.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta chỉ học đến đây.

Hết tập 409

# Tập 410

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập:Bình Minh

Thời gian:13.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 511, hàng thứ sáu, bắt đầu xem từ nửa đoạn sau. Bắt đầu xem từ chữ *“sao”,* sao là Di Đà Sớ Sao do Liên Trì đại sư nói. Hôm qua vì hết giờ, hôm nay chúng ta bổ sung thêm đoạn cuối cùng này.

Ở trước Liên Trì đại sư nói *“trước sự”* tu học chấp trước sự chính là niệm Phật. *“Nhi niệm năng tương tục”,* tôi hành trì và thật niệm mới có thể vãng sanh Tịnh độ, cho nên nói: *“bất hư nhập phẩm chi công”,* sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, vì họ chưa ngộ lý, nhất định sanh vào hai độ dưới, chính là cõi đồng cư và cõi phương tiện. Nếu *“chấp lý”* chấp trước đệ nhất nghĩa đế mà đại thừa nói, nói về chân đế. Vạn pháp giai không, niệm mà không niệm, không niệm mà niệm. Họ sẽ không niệm, không niệm chính là niệm, không niệm. Như vậy “*phản thọ lạc không chi họa”,* họ tương lai không thể vãng sanh, chẳng những không thể vãng sanh, trong lục đạo họ còn phải vào địa ngục chịu khổ. Nguyên nhân gì? Họ làm sai lầm như vậy. Tự mình bị hại đó là đáng, nhưng còn ảnh hưởng đến người khác, người khác thấy được, học theo cách của họ, trách nhiệm này quý vị không thể không chịu. Hại mình tội nhẹ, hại người khác tội nặng. Ảnh hưởng càng lớn tội càng nặng, thời gian ảnh hưởng dài, thời gian quý vị ở trong địa ngục càng dài, đây là điều rất đáng sợ.

Trong Di Đà Sớ Sao lại nói người như vậy rất nhiều, không phải số ít. Họ chưa khai trí huệ chân thật, họ là thế trí biện thông. Thông thường chúng ta nói cưỡng từ đoạt lý, hạng người này nghe kinh điển đại thừa, kinh giáo nói về không, họ cho rằng cái gì cũng có thể không chấp trước, hoàn toàn ngộ nhận nghĩa kinh đại thừa. Kinh đại thừa rất thâm sâu, tuyệt đối không phải thế trí biện thông có thể ngộ nhập. Hạng người nào có thể hiểu? Người chân thành cung kính có thể ngộ nhập. Chư vị cổ đức, đến Ấn Quang đại sư cũng thường dặn dò phó chúc chúng ta: “một phần thành kính được một phần lợi ích”. Chí thành cung kính mới có thể đạt được lợi ích, không liên quan đến trí huệ sâu hay cạn. Thậm chí không liên quan đến việc quý vị biết chữ hay không. Ngài Huệ Năng không biết chữ, kinh chưa từng nghe qua lần nào. Trong Lục Tổ Đàn Kinh, quý vị xem ở trước một đoạn lịch sử của ngài. Ngài ở Hoàng Mai tám tháng, chưa một lần vào thiền đường, cũng chưa bước vào giảng đường. Ngũ tổ Hoằng Nhẫn chỉ chia công việc cho ngài là vào trong nhà củi để bửa củi giả gạo, ở trong chùa làm khổ công. Thời xưa khi vào chùa nhất định trước phải phục vụ cho chùa 5 năm, vì sao vậy? Vì tu phước, không phải quý vị đến chùa để hưởng phước, có người cúng dường quý vị, phước báo quý vị lớn chừng nào! Vì thế vào chùa gọi là 5 năm học giới. Học giới gì? Học quy củ, cần lao phục dịch, mỗi người khi vào chùa đều phải làm, tu phước.

Người có phước báo mới có thể khai trí huệ, ngạn ngữ xưa có câu: *“phúc chí tâm linh”,* phước báo của quý vị đến, tâm quý vị sẽ linh, đột nhiên thông minh, trí huệ khai mở. Từ đó cho thấy, người không có phước báo tâm tư u ám, nghĩa là hồ đồ, ngu si, không khai trí huệ, không có phước báo. Nhưng người có phước báo nếu không có thiện hữu dẫn dắt, họ trở thành thế trí biện thông, biến thành trí huệ cuồng vọng, như vậy là sai. Trí huệ của họ đã đi vào phương diện tà, biến thành tà tri tà kiến, thì tạo nghiệp càng sâu. Hạng người này đối với người khác không có tâm cung kính, cuồng vọng tự đại, chắc chắn là như vậy.

Vì thế bên dưới nói: “*ư tự bổn tâm tằng vị khai ngộ”*, về việc minh tâm kiến tánh, họ hoàn toàn không biết. *“Nhi khinh đàm Tịnh độ, miệt thị vãng sanh, vi hại phi tế*”. Sự việc này chính bản thân chúng tôi ngày xưa là như vậy, đối với Tịnh độ không hiểu rõ, cho rằng đây là Đức Thế Tôn phương tiện độ những người không có tri thức, các ông các bà già, người không có văn hóa Phật khai phương tiện cho họ, cho rằng là như vậy. Còn tự cho rằng chúng ta thật tin thật thấu triệt. Thầy Lý tận tình khuyên bảo tôi mười năm, thường thường khuyên tôi. Tôi không phản đối nhưng tôi không chịu tu. Không chịu tu, luôn cho rằng đây là Thế Tôn đối với chúng sanh hạ ngu, vận dụng pháp môn phương tiện, không phải đối với hàng thượng căn lợi trí. Ý niệm sai lầm này rất sâu, đến thầy Lý cũng không cách nào nhổ nó giúp tôi.

Tôi từng nói với chư vị, tôi tin Tịnh độ là bắt đầu từ trong Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Những đại kinh đại luận này dẫn dắt tôi vào Tịnh độ, tôi học những đại kinh đại luận này đến sau cùng phát hiện ra điều gì? Những kinh luận này rốt cuộc đều dẫn về Tịnh độ, như vậy mới bắt đầu siêng năng nghiên cứu nó, chú ý đến nó. Về sau từ từ có tiến bộ, dần dần đã minh bạch, mới biết rằng Tịnh độ là pháp môn đệ nhất mà mười phương ba đời tất cả chư Phật độ chúng sanh thành Phật đạo.

Tôi từ trong bài tựa của Hoàng Niệm Tổ đã viết một câu, Hoàng Niệm lão xem bài tựa đó đặc biệt tán thán câu này. Không khế nhập cảnh giới không nói ra được, thật sự đã nhận thức, câu này tự nhiên hiển lộ ra.

*“Vi hại phi tế”* đây chính là chỗ hại quá lớn. Đối với Tịnh độ không thâm nhập nghiên cứu học tập, nghiên cứu phải cần thực hành mới hiểu thật sự. Ngày ngày nghe kinh, nghe rồi làm không được cũng vô dụng. Hai chữ vô dụng này ý nghĩa rất sâu, bao gồm điều gì? Bao gồm nghe kinh không hiểu, nghe hiểu làm gì có chuyện không hành trì? Nghe kinh không thực hành, chưa hiểu. Vì sao không hiểu? Không có thành kính, coi thường Tịnh độ, không để việc niệm Phật trong tâm, chính là đạo lý này.

Đối với chính mình mà nói, đời này đã bỏ qua nhân duyên vô cùng thù thắng, lỡ qua ngay trước mắt, vì sao vậy? Đời này quý vị có thể thành Phật, cơ hội này rất khó được, thật là năm ngàn vạn kiếp khó gặp. Đời này gặp được, khi gặp không có thiện hữu dẫn dắt, thật sự không dễ tin. Đời này tôi gặp được thiện tri thức thật sự, vẫn đi một đường vòng thật lớn. Bệnh này của tôi là bệnh của tri thức phân tử, tri thức phân tử chính là quảng học đa văn, thích làm như vậy. Nhất môn thâm nhập trường thời huân tu, biết nhưng không chịu làm, muốn quảng học đa văn. Đây là bệnh thông thường của phần tử tri thức, bây giờ mới biết nhất môn thâm nhập so với quảng học đa văn, không biết vượt trội hơn bao nhiêu bậc. Nhất môn thâm nhập trường thời huân tu, có thể được định, có thể khai huệ, quảng học đa văn không được, học điều gì? Học đều là bề ngoà, là tri thức, không khai trí huệ. Nó tạo thành chướng ngại đối với việc khai trí huệ, chướng ngại này gọi là sở tri chướng. Đức Thế Tôn vì chúng ta đã biểu diễn, đáng tiếc chúng ta tuổi trẻ xem không hiểu. Xem hiểu thì rất tốt, xem không hiểu, đến già mới hoát nhiên đại ngộ. Nếu tôi lúc trẻ 20 tuổi xem hiểu, ngày nay tôi thành tựu không phải như vậy. Tôi tin rằng phải có thể đạt đến trình độ của những người đại khai viên giải, chính là không hiểu.

Thầy đối với vấn đề này không giải thích một cách thấu triệt. Nếu giải thích thấu triệt tôi phục, phục rồi thì dễ xử lý. Tôi tôn kính đối với thầy, quý vị nghĩ xem nhân duyên này khó khăn biết bao! Cũng may trong Kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, nền tảng này ngộ được, thật sự đã minh bạch.

*“Sở vị khoát đạt không, bát nhân quả”,* khoát đạt không, chấp trước không, sai. Trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói chân không bất không. Ý này hiện nay chúng ta đã làm rõ, đã minh bạch. Vì sao nói chân không bất không? Nói chân không vì nó không có ba loại hiện tượng, đây là chân không. Vì sao nói bất không? Nó vốn tự đầy đủ, đầy đủ điều gì? Đầy đủ vạn pháp. Câu sau cùng khi ngài Huệ Năng khai ngộ nói: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”, đây là bất không. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm là từ nó biến hiện ra, vì thế nó năng sanh năng hiện, nhưng nó thật sự không có gì cả, nó không phải hiện tượng vật chất cũng không phải hiện tượng tinh thần cũng không phải hiện tượng tự nhiên, nên nói nó chân không. Chân không bất không, diệu hữu phi hữu. Diệu hữu là gì? Những thứ chúng ta hiện tiền tiếp xúc được, lục căn tiếp xúc được. Có thể tiếp xúc được là lục căn của chúng ta nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, những thứ tiếp xúc được là lục trần: sắc thanh hương vị xúc pháp. Năm căn trước và năm trần là sắc pháp, nói như bây giờ gọi là hiện tượng tự nhiên. Đệ lục ý thức và pháp trần là hiện tượng tinh thần, năng sanh năng hiện, sở sanh sở hiện đó là hiện tượng tự nhiên. Khoa học đem vũ trụ vạn hữu quy nạp lại, không ra ngoài ba loại hiện tượng lớn này. Ba loại hiện tượng lớn này trong tự tánh có. Tự tánh không thuộc về ba loại hiện tượng này, không có ba loại hiện tượng này, nhưng tự tánh gặp duyên có thể hiện ba loại hiện tượng này, có thể sanh ba loại hiện tượng này. Vì thế nói chân không bất không, diệu hữu phi hữu. Diệu hữu chính là nhất thiết hữu, chính là ba loại hiện tượng. Tuy ba loại hiện tượng là có, tướng có tánh không có, cho nên đương thể giai không, liễu bất khả đắc. Đừng tưởng rằng tướng là thật, tướng là giả. Thật sự đã giác ngộ, thấu triệt tướng là giả, không còn chấp trước không còn phân biệt, mới có thể làm đến tùy duyên diệu dụng. Tùy duyên diệu dụng chính là trong mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Chúng sanh, quý vị thích như thế nào cũng được. Bồ Tát có ý kiến chăng? Bồ Tát không có, vì sao không có ý kiến? Vì vạn pháp giai không, liễu bất khả đắc. Tâm Bồ Tát vĩnh viễn thanh tịnh, tâm địa Bồ Tát trong sạch, cái gì cũng không có, họ được đại tự tại.

Trong tâm phàm phu rất phức tạp hỗn loạn. Cổ nhân nói: “lý không rõ hiện tượng tạp loạn”, lý không rõ hiện tượng tạp loạn toàn là không, không có thứ nào là thật. Chỉ cần ta chịu buông bỏ, thật sự nhìn thấu buông bỏ, quý vị giống như Phật Bồ Tát. Lúc này tâm là gì? Trong kinh này nói tâm chúng ta là thanh tịnh bình đẳng giác. Thanh tịnh bình đẳng giác là tự tâm của ta, là bổn tánh của ta. Vì thế đối với định nghĩa không và hữu phải nhận thức rõ ràng, không thể ngộ nhận. Ngộ nhận đây chính là “khoát đạt không, bát nhân quả”, cho rằng không có nhân quả báo ứng. Có không ít người cho rằng, nhân quả báo ứng là mê tín, không hợp khoa học. Đó chính là “mãng mãng đảng đảng chiêu ương họa”, đối với chính mình mà nói là chiêu cảm bệnh khổ, đây là tai ương cá nhân, chiêu cảm đến tà kiến tà tri. Tà tri tà kiến dẫn dắt chúng ta vào trong tam đồ, đặc biệt là vào địa ngục, dẫn dắt ta vào địa ngục. Đọa vào địa ngục đó chính là tai họa.

Đối với hoàn cảnh mà nói: “khoát đạt không, bát nhân quả, mãng mãng đảng đảng chiêu ương họa”, chính là xã hội động loạn, trật tự xã hội thất thường. Tiếp đến chính là hoàn cảnh cư trú, sơn hà đại địa không kiên cố. Sơn hà đại địa sẽ mang đến rất nhiều tai biến, nó liên quan mật thiết với khởi tâm động niệm của chúng ta.

*“Đọc giả đương tam phục tư ngôn”.* Hoàng Niệm Lão từ bi, có thể gặp được bộ chú giải này, khi đọc nên đọc thêm vài biến, nên nghĩ nhiều đến giáo huấn trong kinh luận.

*“Thận vật chấp lý phế sự”,* phải cẩn thận, tuyệt đối không thể chấp trước lý mà bỏ phế việc tu sự. Trong sự tu nói là định khóa tán khóa. Trong Tịnh độ diệu pháp vô cùng thù thắng chính là niệm Phật, câu Phật hiệu này nên niệm thật tốt. Quý vị xem xưa nay người tu Tịnh độ tông là định khóa, hay là một ngày một vạn câu Phật hiệu, hai vạn câu Phật hiệu, mười vạn thanh Phật hiệu, định khóa.

Thế gian tại gia học Phật, công việc vô cùng bận rộn, không có thời gian niệm Phật. Từ Vân Quán Đảnh pháp sư khuyên họ tu thập niệm pháp, định khóa là thập niệm pháp. Sáng sơm thức dậy sau khi rửa mặt xong hướng mặt về phương tây. Có tượng Phật thì ở trước tượng Phật chắp tay cung kính. Một hơi là một niệm, một niệm bất luận được bao nhiêu Phật hiệu, hết một hơi gọi là nhất niệm, niệm mười hơi như vậy, thời khóa buổi tối cũng như vậy. Đây là thời tụng sáng và tối định ra cho người có công việc bận rộn, không có thời gian niệm Phật, phương pháp này dễ. Bình thường rảnh khi nào niệm khi đó, đây gọi là tán khóa. Tin thật, niệm thật, thật sự muốn vãng sanh tây phương. Quý vị nghĩ xem họ có phải tin thật nguyện thật chăng? Quý vị xem họ có thật thực hành hay không, họ thật thực hành là đúng. Nếu họ không hành trì thì chân tín chân nguyện của họ là giả. Quý vị xem thật hay giả đều nhìn từ đây. Đây chính là lời Tu Vô pháp sư nói: “nói được mà không làm được thì không phải chân trí huệ”. Nói được mà không làm được là giả, không phải thật!

Quý vị nói họ không tin, họ hình nhưng lại rất tin, quý vị nói họ tin, họ lại rất mong manh, không nắm chắc được. Vì thế trong cuộc sống nó không khởi tác dụng. Đây là chúng ta thấy người khác, người khác là tấm gương của chúng ta. Thấy người khác phải hồi quang phản chiếu, tôi như thế nào? Liền được lợi ích. Vì tự mình không thấy được bệnh của mình, luôn cho rằng cái gì mình cũng đúng, người khác đều sai. Đây là bệnh thông thường của phàm phu, người người đều có, chính mình cũng có. Vì thế nên biết người khác là tấm gương tốt nhất của mình.

Quý ở chỗ thấy người khác lập tức hồi quang phản chiếu, như vậy sẽ khởi tác dụng. Chúng ta soi gương nhìn thấy trên mặt có vết bẫn, lập tức quay lại rửa mặt sạch sẽ, đây là tác dụng của tấm gương. Mà không biết rằng thế gian này tất cả người sự vật đều là tấm gương của chúng ta, nhưng chúng ta soi tấm gương này không thể trở lại tu sửa chính mình, sai chính là sai ở chỗ này. Người tu hành chơn chánh gọi là biết soi, người không biết tu hành gọi là không biết soi.

*“Húy ngôn tha Phật, kinh thị Tịnh độ, nhi tự chiêu ương họa dã”.* Ương họa này chiêu quá lớn, không phải họa nhỏ là đại họa! Làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp tăng, đây là nghiệp địa ngục, nhất định đọa địa ngục. Pháp môn trì danh của Tịnh tông lại có năng lực giúp người ngũ nghịch thập ác, một đời đều có thể vãng sanh làm Phật, pháp môn này không vi diệu sao! Nó đích thực là vua trong các kinh, bậc tôn trong các pháp, không có gì vượt qua được nó. Quý vị không tin, hủy báng pháp môn này, khinh thị phê bình nó. Quý vị đáng bị tai ương ra sao, quý vị tự biết. Kết tội này không phải kết với mình, kết với mình không nặng như vậy. Vì quý vị làm như vậy, có ý hay vô ý đều ảnh hưởng rất nhiều người coi thường Tịnh độ, ảnh hưởng rất nhiều người đánh mất lòng tin với Tịnh độ, trách nhiệm này quý vị hoàn toàn phải gánh vác. Kết tội này sẽ rất phiền phức.

Sức ảnh hưởng càng lớn, thời gian ảnh hưởng càng dài, càng dài là sao? Không những phê bình, quý vị còn đem nó viết thành văn tự, văn tự lưu truyền cho đời sau, sẽ ảnh hưởng người đời sau, đây chính là ảnh hưởng thời gian dài. Truyền bá rộng rãi đó là không gian ảnh hưởng lớn. Kết tội như thế, quý vị lãnh lấy tai ương không thể tưởng tượng được.

Hiện nay tôi xem những đoạn kinh văn này trong lòng vẫn còn sợ hãi, vì sao vậy? Vì lúc trẻ khi mới học Phật tôi cũng là người như vậy, may mắn nay đã hồi đầu, nếu không quay đầu thật không tưởng tượng được! Không quay dầu, thật là đối với Phật A Di Đà, đối với pháp môn này bán tín bán nghi, khinh thị phê bình. Cũng may tôi không đánh mất giáo môn, rất có hứng thú đối với giáo môn, đặc biệt là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Tướng, rất thích những kinh này. Không biết Tịnh tông là đệ nhất pháp môn, không biết Tịnh tông là tất cả đại thừa rốt cuộc đều quy về đây. Điều này là tôi từ trong Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm mà phát hiện được. Kinh Lăng Nghiêm hai mươi lăm viên thông, sau cùng trở về với Đại Thế Chí, Quan Thế Âm. Kinh Hoa Nghiêm sau cùng Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc. Nếu không có những kinh điển đại thừa này, tôi đã tự chiêu ương họa, nhất định đọa địa ngục A tỳ. Thượng bối chúng ta chỉ học đến đây. Bên dưới là nói về trung bối, chúng ta đọc qua một lượt kinh văn.

*“Kỳ trung bối giả, tuy bất năng hành tác sa môn, đại tu công đức, đương phát vô thượng bồ đề chi tâm, nhất hướng chuyên niệm, A Di Đà Phật, tùy dĩ tu hành, chư thiện công đức, phụng trì trai giới, khởi lập tháp tượng. Phạn thực sa môn, huyền tăng nhiên đăng, tán hoa nhiễu hương, dĩ thử hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc”.* Đây là tu thiện nguyện vãng sanh. “*Kỳ nhân lâm chung, A Di Đà Phật, hóa hiện kỳ thân, quang minh tướng hảo, cụ như chân Phật, dữ chư đại chúng, tiền hậu vi nhiễu, hiện kỳ nhân tiền, nhiếp thọ đạo dẫn, tức tùy hóa Phật, vãng sanh kỳ quốc, trú bất thoái chuyển, vô thượng bồ đề, công đức trí huệ, thứ như thượng bối giả dã”.*

Đây là trung bối vãng sanh. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. *“Lược Luận vân, trung bối sanh giả, hữu thất nhân duyên”,* đây là những điều chúng ta cần phải học, trong tương lai bất luận chúng ta vãng sanh, sanh ở địa vị nào, hai phẩm kinh này vô cùng quan trọng, thượng bối vãng sanh và vãng sanh chánh nhân, vì sao vậy? Hai phẩm này chuyên nói về phương pháp vãng sanh. Nói cách khác, vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc phải đầy đủ điều kiện gì, chính là chỗ này. Điều này rất quan trọng. Như chúng ta hiện nay di dân ra nước ngoài, quý vị phải đầy đủ những điều kiện gì. Điều kiện đầy đủ hết sẽ thuận lợi thông quan. Hai phẩm này nếu chúng ta thuần thục, chúng ta có thể làm được tương đối, nắm chắc được chuyện vãng sanh.

Quý vị có tín tâm không hoài nghi mà tín tâm là điều kiện thứ nhất để vãng sanh, vì thế kiến lập tín tâm là điều không dễ chút nào. Vì sao quý vị tin pháp môn này? Vì sao tin vào Phật A Di Đà? Vì sao tin vào thế giới Cực Lạc? Những thứ này quý vị không thấy được, cũng không nghe được và cũng không xúc chạm đến được, vì sao quý vị tin? Y cứ đầu tiên khiến ngày nay chúng ta tin gọi là thánh ngôn lượng. Chúng ta tin Đức Thế Tôn không gạt người, lời của Chư Phật Chư Bồ Tát nói đều là thật.

Thời xưa, xã hội ngày xưa sự qua lại giữa con người và con người, điều kiện tiên quyết chính là tin tưởng nhau. Tôi tin mình, tôi tin người khác. Người khác cũng tin tưởng tôi. Xã hội bây giờ không có sự tin tưởng lẫn nhau, chẳng những không có sự tin tưởng lẫn nhau, đến mình cũng không tin chính bản thân mình, họ còn có thể thành tựu gì? Người không tín chính mình, đó là hạng người nào? Người trong tam đồ địa ngục, ngạ quỹ, súc sanh. Có người nói, con người bây giờ không bằng ngạ quỹ súc sanh. Chúng ta thử nghĩ xem họ nói có đạo lý hay không? Thẩm tra tường tận mới biết họ nói là có đạo lý. Vì sao trở thành như vậy? Giáo dục có vấn đề, không phải ngày nay có vấn đề. Vấn đề xảy ra từ 200 năm lại đây. Nói cách khác, đã dạy sai. Bây giờ quay đầu lại không phải là việc đơn giản, không quay đầu lại được. Không quay đầu được thì xã hội tiếp tục động loạn, thiên tai tiếp tục nhiều, ngày càng nhiều, ngày càng nghiêm trọng. Xem nghiêm trọng đến trình độ nào, con người mới tỉnh ngộ lại. Tỉnh lại tìm tổ tông, tìm người khác đều vô dụng.

Như các bạn nhỏ, trẻ em ba bốn tuổi gặp chuyện khó khăn nhất chúng làm gì? Chúng tìm ba mẹ chúng, không phải tìm ai khác. Chúng ta gặp chuyện thực tế không thể giải quyết, chỉ có tìm về tổ tông, các bậc tổ tông thật sự có cách. Họ đem những biện pháp này đều ghi vào trong kinh điển, lưu truyền cho hậu thế, giúp con cháu đời sau giải quyết nghi na tạp chứng. Con cháu đời sau nếu không đọc không học, đó là họa đáng phải chịu. Tai họa này quý vị đáng phải lãnh chịu, vì không nghe lời tổ tông. Ngạn ngữ có câu: “không nghe lời người trên thiệt thòi ngay trước mắt”. Thiệt thòi này chính là tai họa.

Bảy nhân duyên của trung bối vãng sanh chính là bảy điều kiện.

*“Nhất giả, phát vô thượng bồ đề tâm”.* Hoàn toàn tương đồng với thượng bối tam phẩm ở trước. Từ đó cho thấy, phát tâm bồ đề là điều kiện tiên quyết để vãng sanh. Phàm là vãng sanh không ai không phát tâm bồ đề. Tâm bồ đề, dùng cách giải thích của Ngẫu Ích đại sư sẽ dễ hiểu. Ngài giải thích rất đơn giản, tin thật không có chút hoài nghi nào, tin thật có Phật A Di Đà, tin thật có thế giới Cực Lạc, tin thật y theo giáo huấn của Phật A Di Đà, khi lâm mạng chung Phật A Di Đà nhất định tiếp dẫn ta vãng sanh, đây gọi là tin thật. Tin thật tiếp theo là nguyện thật. Thế giới này còn gì lưu luyến chăng? Không còn. Có lưu luyến, đó chính là trong kinh Phật nói: “phú quý học đạo nan”. Người phú quý cảm thấy thế gian này không tệ, rất tốt đẹp, không muốn rời xa.

Cho nên Đức Phật dạy đệ tử, dạy họ điều gì? Dạy họ chịu khổ, dạy họ trì giới. Suốt đời nghiêm trì giới luật, sinh hoạt vô cùng khó khăn. Họ đối với thế gian này không có lưu luyến. Hai điều sau cùng Đức Thế Tôn dạy về giới, làm nghịch tăng thượng duyên cho đệ tử, đây là việc tốt. Sinh hoạt càng khổ càng tốt, càng khổ chúng ta sẽ càng tinh tấn, càng dõng mãnh, đối với thế gian này sẽ không còn lưu luyến. Ăn quá đầy đủ, mặc quá đẹp, ở quá thoải mái, không muốn đi, nơi này không tệ. Tuy thế giới Cực Lạc tốt nhưng tôi chưa từng thấy còn ưu điểm hiện tại tôi đã nhìn thấy, đã hưởng thụ được.

Đức Như Lai một đời giảng kính giáo hóa không có giảng đường, chúng ta ngày nay xây dựng giảng đường phú lệ huy hoàng như cung điện, nên không đành bỏ để ra đi, sau khi chết phải làm sao? Tiếc giảng đường này. Trong giảng đường có gì? Có chuột, có gián, có kiến, quý vị liền biến thành những thứ này, đầu thai làm những con này, vì sao vậy? Vì không dành lòng ra đi, quý vị xem đáng sợ biết bao!

Đức Thế Tôn rất có trí huệ, có phương tiện thiện xảo. Vì thế ngài làm gương cho chúng ta noi theo, suốt đời không cần giảng đường, không cần phòng nhà để ở. Buổi tối ngủ dưới gốc cây, ba y một bát, ngày ăn một bửa. Đây chính là lúc đức Phật tại thế, phương thức sinh hoạt của 49 năm thuyết pháp độ sanh, thật đã xã bỏ. Chúng ta phải hiểu, phải lãnh hội được tâm từ bi chân thành của Đức Phật. Từng giờ từng phút từng niệm đều nghĩ cho chúng ta, làm thế nào để chúng ta đối với thế gian này, thế giới hư huyễn không thật này, không sanh lưu luyến. Ngài nghĩ ra nhiều phương pháp như vậy, chúng ta có thể y giáo phụng hành, đó chính là đệ tử ngoan, học trò ngoan.

Vì thế khi chịu khổ chịu nạn, lập tức nghĩ đến Đức Thế Tôn. Như vậy chúng ta chịu chút khổ chút nạn này thì có thấm vào đâu. Phật chịu khổ nhiều hơn chúng ta gấp nhiều lần, lớn hơn nhiều và nhiều hơn rất nhiều, tâm chúng ta sẽ bình tĩnh, không còn cho rằng đây là việc khó khăn nên cần phải phát tâm.

*“Nhị giả, nhất hướng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật”*, chính là Phật A Di Đà. Hai câu này tam bối cửu phẩm hoàn toàn tương đồng. Như vậy quý vị biết đây là điều kiện quan trọng nhất. Một phương hướng là chuyên niệm, chuyên niệm là không hoài nghi, không xen tạp. Mọi lúc mọi nơi niệm niệm không quên Phật A Di Đà.

*“Tam giả, đa thiểu tu thiện, phụng trì trai giới”,* điều này quan trọng. Trai: không ăn quá ngọ gọi là trai. Trai không có nghĩa là ăn chay, quá ngọ không ăn gọi là trai. Đức Phật ngày ăn một bữa, bữa cơm này là cơm trưa nhưng không được quá ngọ. Không quá ngọ là khi nào? Như hiện nay mà nói là từ 11 giờ đến 11 giờ 30, giờ này không quá ngọ. Đây là thời gian ăn cơm mỗi ngày, sáng tối đều không ăn. Công việc sáng sớm là khất thực, thời gian sáng sớm đi khất thực. Khất thực nhất định ở thành thị, làng quê và thị trấn, nơi đông người mới có thể khất được bát cơm.

Tăng đoàn này của Đức Phật rất lớn, xuất gia có 1255 người, thêm Đức Thế Tôn là 1256 người, đây là tăng đoàn của Phật. Chúng ta nhất định sẽ nghĩ đến còn có những cư sĩ\_người xuất gia ở nơi khác, người xuất gia trong các Tôn giáo khác, có không ít người theo Đức Thế Tôn học tập. Họ không phải theo ngài suốt đời, có người học một hai tháng, một năm, nửa năm, ba năm, năm năm, rất nhiều. Phương thức sinh hoạt của họ hoàn toàn giống với tăng đoàn, cũng đều là ba y một bát. Đệ tử tại gia của Phật, họ có quốc tịch khác nhau, dân tộc khác nhau, văn hóa khác nhau, tôn giáo tín ngưỡng khác nhau đều theo Đức Thế Tôn học. Đức Thế Tôn là nhà giáo dục, ngài không phải là tôn giáo.

Vì thế trước đây khi thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật giáo cho tôi, nói rằng Đức Thích Ca là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới, kinh điển Phật giáo là triết học đỉnh cao nhất trên toàn thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người. Thầy giới thiệu với tôi như vậy. Người hiếu học, bất luận là dân tộc nào, tín ngưỡng tôn giáo nào, họ đều cầu học. Họ đều muốn đi nghiên cứu sự uyên bác của triết học, chân tướng của vũ trụ họ đều muốn nghiên cứu. Suốt đời Đức Thế tôn truyền dạy điều này. Vì thế nếu có người muốn hỏi, đặc biệt là những người đệ tử học Phật như chúng ta, bất luận tại gia hay xuất gia, người ta hỏi chúng ta, Phật rốt cuộc là gì? Phật giáo nhiều kinh điển như vậy, trong đó nói về điều gì? Quý vị phải đáp được.

Phật giáo là gì? Phật giáo là giáo dục. Trong kinh Phật nói gì? Chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Nói như cách nói hiện nay là triết học tối cao, khoa học tối cao. Những gì ngài nói là chân tướng nhân sinh vũ trụ, cũng chính là ba hiện tượng mà khoa học và triết học ngày nay nghiên cứu: hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tâm lý và hiện tượng vật chất, nó không phải mê tín. Nó nâng cao trí huệ chúng ta, nâng cao linh tánh của chúng ta, và tự nhiên nâng cao phước báo của chúng ta. Có trí huệ nhất định có phước báo, có phước báo không nhất định có trí huệ. Phật là người có trí huệ viên mãn, ngài sẽ có phước báo viên mãn. Chúng ta muốn cầu trí huệ, cầu phước báo nên đến đây để học tập, trường học đó truyền dạy những điều này.

Điều kiện thứ ba này Phật dạy chúng ta “đa thiểu tu thiện”, hoặc nhiều hoặc ít, đừng quên phải tu thiện, xa rời tất cả bất thiện. Tiêu chuẩn thiện hay bất thiện, chính là Đức Thế Tôn nói Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo chính là tiêu chuẩn, điều đầu tiên là không sát sanh, thật sự làm được không sát sanh, quý vị nhất định không được ăn thịt. Cho nên có rất nhiều người nghe câu này không dám học Phật, vì sao vậy? Vì họ phải ăn thịt, không có thịt họ ăn cơm không nổi. Vì mạng sống của mình nên họ nhất định phải ăn thịt chúng sanh, cho rằng ăn thịt mới có dinh dưỡng, hiện tại lời này có vấn đề. Ngày xưa thịt chúng sanh có thể ăn, bây giờ thì không thể ăn thịt, vì sao vậy? Hiện nay thịt có độc, những thức ăn gia súc của vật chăn nuôi này, quý vị xem thấy sẽ giật mình.

Mấy năm trước là bốn năm năm trước\_cư sĩ Tề Tố Bình mời tôi đến Khánh Vân tham quan, bà ta ở nơi đó xây dựng chùa Hải Đảo Kim Sơn. Khi tôi đến xem vẫn chưa hoàn chỉnh. Lãnh đạo ở đó rất hoan nghênh chúng tôi đến tham quan, ngày thứ hai cùng tôi đi xem căn cứ nuôi vịt, quy mô rất lớn, dẫn tôi đi xem. Trong đó có địa vị cũng tương đối cao, lãnh đạo của căn cứ này đi tham quan cùng tôi. Tôi thấy đàn vịt nhỏ, họ bắt một con để lên tay tôi, lớn bằng bàn tay tôi, dài như vậy, vịt con dài như vậy. Họ hỏi tôi, họ nói: Pháp sư thầy xem con vịt này sinh ra được mấy ngày rồi? Tôi đoán ít nhất từ một tuần đến mười ngày, bảy ngày đến mười ngày nó mới có thể lớn như vậy. Họ nói: mới sanh hôm qua, tôi ngẫn người, mới sanh hôm qua, hôm nay đã lớn như vậy. Vịt này lớn lên bán ra thị trường, tổng cộng bao nhiêu ngày? Hai tuần. Trước đây ở nông thôn tôi đã từng nuôi vịt, khi vịt lớn đi bán, thời gian bao lâu? Gần nữa năm. Sao bây giờ hai tuần là có thể bán? Chúng ăn những gì? Toàn là phân bón hóa học, chất kích thích, làm cho chúng phình ra, những thứ này có thể ăn được sao? Họ nói với tôi, một phần ba vịt nướng Bắc Kinh là chỗ họ cung cấp. Tôi quay lại nói với những người cùng đi: không được ăn trứng vịt nữa. Đừng nói không được ăn thịt vịt, trứng vịt cũng không được ăn, vì sao vậy? Chúng không bình thường! Nên người hiện nay mắc rất nhiều bệnh lạ, bệnh từ đâu đến? Cổ nhân nói rất hay: “bệnh vào từ miệng”.

Tôi nghe các bạn đồng tu Đài Loan nói hiện nay nuôi heo, sáu tuần heo đã bị bán đi để giết, đã lớn rồi. Trước đây phải nuôi mười tháng đến một năm, chúng mới có thể lớn được như vậy, bây giờ sáu tuần đã lớn như vậy rồi. Như gà, vịt hai ba tuần là được bán, cho nên hiện nay không thể ăn. Tôi theo thầy Phương nhiều năm, sau khi thầy qua đời tôi thường đến nhà Thầy thăm sư mẫu. Có một lần tôi hỏi bà, tôi nói: sư mẫu, bà nghĩ thử xem, hiện nay quý vị ăn những loại thịt này, như thịt heo, thịt gà với bốn năm mươi năm trước quý vị ăn những thứ đó, mùi vị giống nhau hay không? Bà ta suy nghĩ khoảng năm sáu phút sau đó nói với tôi, không giống nhau. Thật vậy, chẳng những ăn thịt không giống nhau, chúng ta ăn gạo và rau tươi cũng không giống nhau.

Trước đây rau rất thơm, mùi vị tươi ngon, bây giờ không còn. Chúng ta từ nhỏ đã ăn nấm, hương vị của nấm ở xa cũng ngửi được, mùi thơm thật sự, hiện nay không còn. Bây giờ ăn cũng không có mùi vị, chúng lớn rất nhanh, rất đẹp nhưng không có mùi vị. Điều này có liên quan đến tu thiện nhiều hay ít, có liên quan gì? Nhân tâm người xưa rất lương thiện, ảnh hưởng đến động vật lương thiện, thực vật cũng lương thiện. Lương thiện, nó sẽ sinh trưởng một cách bình thường, cho nên nó có năng lượng bình thường, nó có mùi vị bình thường, hiện nay hoàn toàn là phản thường!

Thường là gì? Người xưa nói ngũ thường. Thường đạo, không thể thay đổi, vĩnh hằng không thể thay đổi. Năm chữ, nhân\_nhân ái, nghĩa\_nghĩa là y theo đạo lý và tôn trong quy luật, việc gì cũng đều hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Lễ phép, lễ phép giữa người và người không thể mất, lễ mất đi con người sẽ loạn. Trật tự trrong nhà sẽ loạn, trật tự xã hội cũng loạn, không còn lễ. Trí\_trí là lý trí, không thể dùng tình cảm, phải dùng lý trí. Đối nhân xử thế không nên dùng tình đối đãi nên dùng trí đối đãi. Sau cùng là tín, nhân nghĩa lễ trí tín. Trong Tả Truyện nói: “nhân khí thường tắc yêu hưng”, câu này nói gì? Người nếu đánh mất ngũ thường, cũng chính là bất nhân, bất nghĩa, vô lễ, vô trí, bất tín, người này không phải là người. Là gì? Là yêu ma quỷ quái. Yêu ma quỷ quái bất nhân, bất nghĩa, vô lễ, vô trí, bất tín, họ không còn là người nữa. Vì thế nhà không giống nhà, xã hội không như xã hội, đất nước không ra đất nươc, thế giới không thành thế giới.

Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức là thiện. Thiện chẳng thể không tu, hôm nay người khác không tu thiện, tự mình tu thiện, vì sao vậy? Vì trong cộng nghiệp có biệt nghiệp, thiện nhân kết thiện nghiệp, ác nhân chiêu ác báo, sao có thể không làm? Làm sao có thể không làm? Sanh ở xã hội này, không đọc sách thánh hiền, không biết được tiêu chuẩn thiện ác nên sách thánh hiền vẫn phải đọc. Tối thiểu nhất là Đệ Tử Quy, tiêu chuẩn thiện thế gian. Thập thiện nghiệp là tiêu chuẩn pháp thế xuất thế. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên là tiêu chuẩn nhân quả. Ba phần này là ba cái gốc của Nho Thích Đạo, không thể không học. Nỗ lực học tập chính là tu thiện, trì giới. Ba thứ này là cơ sở giới luật Phật pháp, căn bản giới luật.

Ngày nay học Phật, giới luật rất lỏng lẻo, do nguyên nhân gì? Không học ba gốc này nên giới luật này là giả, không phải thật. Nếu chúng ta lấy thiện tâm đối đãi chính mình, phải lấy thiện tâm đối người, phải lấy thiện tâm đối với tất cả chúng sanh. Thế giới tây phương Cực Lạc hoan nghênh hạng người này. Bất nhân, bất nghĩa, vô lễ, vô trí, bất tín. Những người này một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu cũng không thể vãng sanh, nguyện nhân gì? Vì họ không phải thiện nhân, làm ra vẻ bên ngoài là giả thiện nhân, ngụy thiện nhân. Hạng người này không thể vãng sanh. Chúng ta nhất định phải nhớ, nếu mình học ngụy thiện, thế giới Cực Lạc không có phần, nhất định phải chân thiện.

*“Tứ giả, khởi lập tháp tượng”,* đây là gì? Đây là thuộc về chánh pháp cửu trú. Xây tháp tạo tượng, tiếp theo chính là cúng dường kinh điển, cũng thuộc về loại này. In kinh, bố thí, cúng dường, đây là tu phước. Xây tháp chúng ta liền nghĩ đến chùa, xây tháp cúng Phật, dựng chùa an tăng, để người xuất gia có nơi tu học, họ có nơi cư trú, có chỗ học tập, đây là đại phước báo. Nên biết rằng người học Phật là người tốt, nếu có thể hộ trì họ, có thể thành tựu họ. Họ một đời thành tựu chính là thành tựu của quý vị, có gì vui hơn, sao không làm?

Vì sao họ có thể thành tựu? Vì quý vị giúp họ mới có thành tựu, nếu quý vị không giúp họ sẽ không thành tựu. Họ có bao nhiêu thành tựu, quý vị sẽ có bấy nhiêu phước báo. Quý vị không nhất định có trí huệ nhưng quý vị có phước báo. Nếu quý vị học Phật thì phước huệ đều tăng trưởng, còn không học Phật thì nên cúng dường, hộ trì họ, quý vị có phước báo lớn.

Quý vị thử nghĩ xem, đế vương thời cổ đại, tại sao phước báo lớn như vậy? Trong xã hội thông thường chúng ta nói, giàu không qua ba đời. Quý vị đã phát, rất có phước, đời này của quý vị, con cái có thể đến đời cháu là suy yếu. Trong thời hiện đại quý vị thử quan sát kỹ, bao nhiêu người đại phú đại quý, ngay trong đời họ cũng không giữ được. Khi trẻ phát tài đến bốn năm mươi tuổi là bại, năm sáu mươi tuổi phát nhưng bảy tám mươi tuổi là không còn. Rất nhiều, công ty đóng cửa, phá sản. Trong nước, nước ngoài chúng ta đều thường thấy, một đời cũng không giữ được.

Quý vị thử nghĩ xem, trước đây các bậc đế vương đại thần, đại phú trưởng giả, họ có thể truyền đến mười mấy đời, dựa vào điều gì? Dựa vào tu thiện tích đức. Thiện và đức với văn hóa cùng giáo dục Phật giáo có sự liên quan mật thiết với nhau. Đế vương, đại thần, đại phú trưởng giả, không ai không hộ trì Phật pháp. Chính mình có học hay không không nhất định, nhưng đều hộ trì Phật pháp, vì sao vậy? Vì họ biết điều này có thể tu đại phước, rất nhiều. Vì thế các vị đế vương có thể truyền mười mấy đời, hai mươi mấy đời, truyền mấy trăm năm, đây là phước báo lớn, tu rất tốt. Họ biết tu phước, biết tích đức, không phải một hai đời là hết.

Điều này phải có trí huệ, phải nghĩ đến tu điều gì mới có thể khiến con cháu mình đời đời hưởng thụ. Cho nên công đức dựng tháp tạo tượng thật không thể nghĩ bàn, như tạo tượng Phật, bất luận người nào thấy được tượng Phật, trong A lại da liền trồng được chút thiện căn. Ấn tượng của Phật in vào trong A lại da. Đời này không thể thành tựu, đời sau kiếp sau gặp được duyên, chủng tử này liền khởi hiện hành. Chủng tử này ai trồng cho họ? Là quý vị trồng cho họ. Vì thế tạo một tượng Phật hoặc tượng Bồ Tát trang nghiêm có thể trồng thiện căn cho rất nhiều người. Ấn tống kinh sách, lưu thông pháp bảo, đó là tiếp điều gì? Đó là tiếp những người chịu đọc sách, đây là thiểu số. Đến chùa tham quan, nhìn thấy tượng Phật, đó là đa số. Đây đều là việc tốt, đạt được đều là đại phước báo.

*“Ngũ giả, phạn thực sa môn”.* Đây chính là cúng dường người xuất gia, thấy người xuất gia đi khất thực nhất định phải cúng dường. Thời cổ Ấn độ nó trở thành một tập quán, mỗi nhà nấu cơm họ đều nấu nhiều hơn một chút, vì sao vậy? Vì nếu có người xuất gia đến khất thực, cúng dường họ một bát cơm, ngoài ra họ không cần gì cả. Mỗi ngày chỉ cần một bát cơm mà thôi. Thời xưa đem cơm cúng dường sa môn, hiện nay đều dùng tiền để thay thế. Người Trung Quốc cúng dường bao thư, chính là thay thế phạn thực sa môn, cũng chính là giúp họ về mặt vật chất không đến nỗi thiếu, khiến họ có thể an cư. Có câu: “tâm an thì đạo mới tiến”, họ mới có thể an tâm làm việc đạo.

Nhưng cúng dường nhất định phải có chừng mực. Cúng dường quá nhiều khiến họ khởi tâm tham, như vậy là quý vị đưa họ vào địa ngục. Cúng dường này chẳng những không có phước mà quý vị còn tạo thêm tội nghiệp. Vốn họ là một người xuất gia tốt, bây giờ khiến họ khởi tham sân si mạn. Họ đọa lạc, quý vị phải chịu trách nhiệm. Cúng dường đương nhiên là tu phước, phước cũng sẽ biến thành họa.

Quý vị xem hai chữ phước và họa bằng chữ hán có cách viết rất giống nhau, không cẩn thận phước liền biến thành họa, đây chính là ý này nên văn tự Trung Quốc là phù hiệu của trí huệ. Không cẩn thận, vốn là trồng phước về sau trở thành họa hại.

Vì thế cổ nhân, thời cổ rất tốt. Thời xưa xây dựng một ngôi chùa, kinh tế trong chùa vốn dựa vào điều gì? Có một vài tín đồ cúng dường đất ruộng. Những đất ruộng này họ có thể cho nông dân thuê để trồng trọt, thu tiền thuê ở nông dân. Nông dân thu hoạch lương thực trên đất đó, chia một ít cho chùa, nguồn gốc kinh tế của chùa sẽ cố định. Họ không cần quyên góp, họ cũng không cần làm Phật sự, cũng không cần làm kinh sám. Không cần thiết, cuộc sống rất ổn định nên ngày ngày họ nghiên cứu kinh điển, tinh tấn tu hành.

Không như bây giờ, hiện nay trong chùa không có nguồn gốc kinh tế, nguồn gốc kinh tế dựa vào điều gì? Hoàn toàn dựa vào sự cúng dường của tín đồ, đây quả là điều đáng lo ngại, tệ hại sẽ phát sanh. Trở thành người xuất gia không thể không phan duyên, không phan duyên tín đồ không đến, kinh tế trong chùa sẽ đoạn tuyệt. Chúng ta hiểu được đạo lý này, nên ngày nay thành lập đạo tràng, nếu hoàn cảnh cho phép, có thêm một ít đất cũng tốt, để trồng trọt. Mình không trồng trọt được thì nhờ nông dân trồng.

Chúng tôi ở Úc Châu trồng trọt chính là nhờ nông dân, nông dân ở đó, chúng tôi trả tiền công. Ngày công bao nhiêu tiền, tôi trả tiền công cho họ. Quý vị trồng cho tôi bao nhiêu ngày, tôi sẽ trả chừng đó tiền công, thu hoạch xong tất cả đều là của chúng tôi. Chúng tôi canh tác đại quy mô là bắt đầu từ năm ngoái, năm ngoái thu hoạch không tệ, đây là làm thí nghiệm. Chúng tôi trồng lúa, thu hoạch được một vạn ba ngàn cân. Hy vọng trong tương lai món chính và món phụ của chúng tôi, cùng rau xanh đều có thể tự cung cấp đầy đủ, mà còn có thể bán ra thị trường. Cuộc sống của chúng tôi sẽ ổn định, không cần dựa vào sự cúng dường ở bên ngoài, chúng tôi cũng có thể sống qua ngày. Cho nên tín đồ cúng dường tiền cho chúng tôi, chúng tôi đem đi mua đất, hiện nay có khoảng hơn một vạn mẫu đất.

Chúng tôi kế hoạch về mặt thức ăn chính chúng tôi trồng lúa, lúa mì, bắp, khoai lang, khoai tây, đậu phụng, những thứ này đều có thể dùng làm thức ăn chính. Rau xanh, vườn rau chúng tôi rất lớn. Mỗi ngày có thể cung cấp cho 500 người là không vấn đề, chúng tôi tự sản xuất. Bách Trượng đại sư nói: “một ngày không làm, một ngày không ăn”. Chúng tôi làm nông canh, chỉ có như vậy, thức ăn mới đáng tin. Hiện nay sợ điều gì? Sợ thuốc sâu, sợ phân bón. Chúng tôi làm không có thuốc, không có phân bón, thật là thực phẩm an toàn. Tôi cảm thấy tự viện am đường nên dùng phương pháp ngày xưa. Chúng ta kiến lập ở nông thôn, ở làng quê không nên kiến lập ở đô thị, đô thị không có đất để canh nông. Hoàn cảnh tu học nhất định phải u nhã, phải thanh tịnh. Người quá đông không tốt, người đông trở thành đạo tràng náo nhiệt, biến thành đô hội, ở đó không thể tu hành. Người đông thì giao tiếp nhiều, như vậy không phải đã làm kinh tế du lịch rồi sao, như vậy làm sao tu hành được? Nên những đạo lý này cần phải hiểu, không hiểu không được.

*“Lục giả, huyền tăng nhiên đăng, tán hoa thiêu hương”.* Việc này chính là hiện nay nói tuyên dương Phật giáo, làm việc hoằng pháp lợi sanh đối với quần chúng. “Tăng” là vật dệt may, nhà Phật gọi là tràng phan. Dẹp gọi là phan, tròn gọi là tràng. Tròn rất giống ống gió ở sân bay, hình tròn. Thời xưa đây là một tín hiệu của chùa đối với đại chúng, hôm nay chùa có pháp hội, chùa có cột cờ, trên cột có treo cờ, người ta thấy có cờ, chùa hôm nay treo cờ, biết rằng hôm nay chùa có pháp hội. Người thích tham gia pháp hội thì tự đến. Ngày xưa không có cách nào thông báo nên dùng phương pháp này. Nếu trong chùa có giảng kinh thì treo tràng, nhìn thấy treo tràng hình tròn, biết rằng chùa hôm nay giảng kinh, thích nghe kinh họ sẽ đến.

Bây giờ không có, hiện nay dùng điện thoại, dùng mạng internet để thông báo. Dùng báo chí, trên báo chí đăng quảng cáo. Hoặc là đài truyền hình quảng cáo, cũng được.

Thời xưa không có những công cụ này, vì thế phải treo tràng phan. Dùng cái này làm tin tức truyền bá, đây đều thuộc về hoạt động, một loại tuyên truyền cho phương diện hoạt động.

“Nhiên đăng”, “tán hoa”, “thiêu hương” đây là cúng Phật. Đăng tượng trưng cho trí huệ, thời Phật thắp sắp, thắp đèn dầu là tượng trưng cho trí huệ, một nghĩa khác là tượng trưng phụng hiến. Thiêu đốt mình để soi sáng người khác, chính là nói xả mình vì người. Đốt hương, người xuất gia đốt hương trên đỉnh đầu, chấm liều. Có người nói đây là dấu thọ giới, sai lầm. Giới làm gì có dấu, thọ giới không có dấu, đốt hương mới có dấu. Đốt hương có ý gì? Ở trước Phật tiền phát thệ, con đốt thân mình để chiếu soi người khác. Ý này chính là hy sinh mình, tôi muốn phụng hiến cho người khác, vì người khác phục vụ, chính là ý này.

Trên đầu đốt rất nhiều, nhưng tự tư tự lợi, keo kiệt, như vậy hoàn toàn chỉ là gạt người, quý vị gạt ai? Gạt Phật Bồ Tát. Trước Phật Bồ Tát đốt hương phát nguyện, mà chính mình không thực hiện, như vậy là hoàn toàn sai. Quý vị đốt chấm hương này là có tội, gạt Phật, gạt chúng sanh. Thông thường đệ tử tại gia đốt hương trên cánh tay, xuất gia đốt hương trên đỉnh đầu. Thực tế đây đều là người xưa y giáo phụng hành. Toàn thế giới không có đốt hương trên đĩnh đầu, đốt ở cánh tay. Trong kinh Phật có, nó nói với quý vị, quý vị phải hiểu ý nghĩa này. Trước Phật Bồ Tát phát thệ xả thân vì người, không nhất định phải đốt hương, nên hiểu ý này. Chúng ta thật sự đã đốt, đốt rồi cũng tốt. Từng giờ từng phút cảnh tỉnh mình, khiến mình đừng quên, điều này rất tốt. Cho nên nhất định phải hiểu được dụng ý của nó, không biết dụng ý của nó, là quý vị sẽ sai lầm.

Tán hoa, đây đều là cúng dường. Hoa tượng trưng điều gì? Hoa tượng trưng cho nhân. Thực vật trước khai hoa sau mới kết quả, hoa nở đẹp, quả nhất định ngon, nên hoa tượng trưng nhân, đây là biểu pháp, biểu thiện nhân thiện quả, ác nhân ác quả, tượng trưng cho ý này. Cho nên cúng hoa lên đức Phật, quý vị hiểu được ý nghĩa cúng hoa, không phải Phật muốn nhìn, mà là nhắc nhở chúng ta thiện nhân thiện quả, chính là ý này.

Đăng tượng trưng thiêu đốt mình, chiếu soi người khác. Đốt hương, hương tượng trưng tín, tượng trưng giới định. Nhà Phật nói giới định là chân hương, nên đốt cây hương này quý vị phải nghĩ đến trì giới, tu định, nhắc nhở quý vị, tác dụng là ở đây. Nếu nói cây hương này là cúng Phật, không liên quan đến mình, sai hoàn toàn. Phật cần hương này để làm gì? Phật không cần gì cả. Đốt hương trước Phật là xin ngài chứng minh cho chúng ta, chúng ta phải học tập, chính là ý này. Con muốn tu giới, tu định, Phật hãy chứng minh cho con, đây không phải là Phật cần.

Hương còn tượng trưng cho tín, gọi là tín hương, ý nghĩa này cũng rất sâu. Ngày xưa truyền tin tức, không có khoa học kỹ thuật như ngày nay. Biên phòng ở ngoài mấy ngàn dặm, nếu địch nhân xâm phạm chỗ chúng ta ở, làm sao đem tin tức này lập tức thông báo cho hoàng thượng? Nên đã nghĩ ra phương pháp. Phòng ngự của phương bắc Trung Quốc là Trường thành, Trường thành cứ cách một đoạn lại có một phong hỏa đài, quý vị đến Trường thành tham quan sẽ thấy được. Phong hỏa đài là gì? Giống như lư hương vậy. Biên giới có việc gì, họ sẽ đốt phân sói để báo động, phân của con sói, đốt phân sói. Vì khói của sói không dễ bị gió thổi đi, không dễ thổi bay đi được. Đốt khói này lên, người thứ hai nhìn thấy lập tức đốt chỗ của mình lên. Như vậy khoảng mấy tiếng đồng hồ là có thể truyền đến Bắc Kinh, ở Bắc Kinh liền biết ngay, dùng phương pháp này truyền tin tức. Phong hỏa đài giống như lư hương vậy. Đốt cây hương này biểu chúng ta đã truyền tin tức đến với Chư Phật Bồ Tát, tức là ý này, là biểu pháp. Nếu quý vị không biết là biểu pháp, thắp đèn chỉ uổng phí, đốt hương cũng uổng, rãi hoa cũng vô ích, quý vị hoàn toàn không hiểu được ý của nó. Nếu quý vị hiểu từng giờ từng phút đều đang cảnh tỉnh mình, nói với mình nên tu hành như thế nào. Nó là giáo dục, dùng thuật ngữ hiện nay thì nó giáo cụ, công cụ dạy học. Bao gồm đắp nặn\_ở trước nói khởi lập tháp tượng, cũng là công cụ, giáo cụ. Khiến quý vị khi thấy tượng Phật, cũng muốn tu hành được như ngài vậy. Tôi vốn là Phật, vì sao biến thành thế này? Phải siêng năng nổ lực tu hành, trở về bổn vị. Phật tượng trưng tánh đức, tự tánh vốn có. Bồ Tát tượng trưng tu đức, nếu tôi không siêng năng tu hành, tôi không trở về được bổn vị.

Tu là gì? Tu là tu chánh, tu hành. Hành là gì? Hành là hành vi, hành vi của chúng ta sai, nhất định phải cải chánh lại. Tiêu chuẩn chính là kinh luật luận, những gì Đức Phật dạy trong 49 năm, đó là tiêu chuẩn. Kinh luận là tu chánh tư tưởng hành vi của chúng ta. Tư tưởng kiến giải chúng ta là chánh hay tà, phải dùng kinh luận làm tiêu chuẩn.

Giới luật, những giới điều này là miệng của chúng ta, là thân chúng ta, là hành vi của thân khẩu. Chúng ta nói chuyện có nói sai hay không, động tác chúng ta có sai lầm chăng, đó là giới luật. Cho nên giới luật là tiêu chuẩn tu chánh hành vi thân khẩu. Kinh luận là tiêu chuẩn tu chánh hành vi tư tưởng, phải hiểu được dụng ý của nó. Trong Phật pháp chúng ta thật sự thấu triệt được, hành vi đoan chánh đối với lợi ích hiện tiền của chính mình\_chính là những gì thầy Phương Đông Mỹ nói, trong đời này quý vị đã hưởng thụ cao nhất của nhân sinh. Hưởng thụ cao nhất là gì? Sinh hoạt tinh thần, quý vị sống cuộc sống của Chư Phật bồ Tát. Quý vị có thể đạt đến trình độ này, tâm thanh tịnh tiết dục, không có phiền não, không lo lắng, không vướng bận, hiện nay gọi là không có áp lực.

Thân tâm quý vị không có bệnh hoạn, mạnh khỏe trường thọ, vô cùng an vui, đây là hạnh phúc mỹ mãn chân thật. Hạnh phúc mỹ mãn không phải địa vị cao, không phải sở hữu bao nhiêu tài sản, không liên quan đến những điều này. Chúng ta thấy người có địa vị cao, cũng thấy người sở hữu vạn ức của cải, nhưng cuộc sống họ không hạnh phúc, họ không an vui như tôi, không tự tại như tôi. Nhân sinh an vui tự tại không hề liên quan đến địa vị hay của cải.

Trong sách tịch cổ chúng ta thấy được, Khổng Tử là bình dân, hoàn cảnh vật chất không tốt lắm. Trong số học sinh, điều kiện sinh hoạt vật chất kém nhất là Nhan Hồi, nhưng Phu Tử tán thán trong số học sinh sống hạnh phúc nhất, an vui nhất chính là Nhan Hồi, Khổng Tử khen ngợi ông như vậy. Nhan Hồi đích thực như ngày nay chúng ta nói hoàn toàn thanh bần, nhưng ông có cuộc sống tinh thần rất mỹ mãn. Từ đâu mà có? “Học nhi thời tập chi bất diêc duyệt hồ”. Ông vui vô cùng, khi đọc sách thánh hiền, thực hành giáo huấn của thánh hiền. Thường có chỗ ngộ, làm sao không vui được?

Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác không trái với giáo huấn của thánh hiền. Có nghĩa là tương truyền từ xưa đến nay, chính là cương lĩnh chung, nguyên tắc chung của truyền thống văn hóa. Tứ khoa, đều làm được. Ngũ luân đã làm được, “phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín”. Đã thực hiện được, làm sao không vui! Ngũ thường đã làm được, “nhân lễ nghĩa trí tín”, đều làm được hết. Tứ duy bát đức cũng làm được, tứ duy bát đức tổng cộng có 12 chữ: “Hiếu đệ trung tín, lễ nghĩa liêm sĩ, nhân ái hòa bình”. Hoàn toàn làm được, trong lòng hoan hỷ. Trong Phật pháp nói pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Khổng Tử, Nhan Hồi thật đã sống cuộc sống như thế.

Sau cùng là thứ bảy *“dĩ thử hồi hướng, nguyện sanh an lạc”,* an lạc chính là thế giới Cực Lạc. Đem công đức tu hành của thân khẩu ý, không vì mình, cũng chính là đối với thế gian này không có mong cầu gì. Hồi hướng, hồi hướng những gì tôi cầu.

Thứ nhất, hồi hướng thực tế, thực tế là gì? Trở về tự tánh. Mục tiêu rốt ráo cuối cùng của chúng ta chính là minh tâm kiến tánh. Hồi hướng thực tế chính là cầu minh tâm kiến tánh.

Thứ hai là hồi hướng bồ đề. Bồ đề là trí huệ, là giác ngộ, không chút liên quan đến danh văn lợi dưỡng.

Thứ ba là hồi hướng chúng sanh, hồi hướng chúng sanh chính là dạy học. Dạy học điều đầu tiên là thân giáo, tôi nhất định thực hành những gì đã học, thực hành trong sinh hoạt, công việc, đối nhân tiếp vật của mình. Đại chúng đều nhìn thấy, đại chúng đều theo quý vị học tập, đây là hồi hướng. Tôi được giáo huấn của thánh hiền, đạt được lợi ích thù thắng của giáo huấn thánh hiền, đó chính là đời sống tự tại. Tôi phải đem đời sống tự tại này chia sẽ với mọi người, không phải hưởng cho riêng mình.

Đức Thế Tôn 30 tuổi đại triệt đại ngộ, hồi hướng này, hồi hướng thực tế ngài đã làm xong, hồi hướng bồ đề cũng làm xong. 49 năm giảng kinh thuyết pháp là hồi hướng chúng sanh. Sinh hoạt thường ngày của ngài, hồi hướng chúng sanh là làm gương cho chúng sanh. Quý vị xem ngài thể hiện không tranh với người, không mong cầu với thế gian, tri túc thường lạc. Suốt cuộc đời vui vì việc dạy học không hề mệt mỏi, vì sao? Sự nghiệp này là sự nghiệp vĩ đại nhất của cõi trời cõi người. Giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc, không có gì vĩ đại hơn sự nghiệp này. Làm sự nghiệp lớn lao, tâm tình thư thái biết bao, an vui biết bao. Nên pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ, không học không thể hội được điều này, quý vị thật sự học mới thật sự cảm nhậ được.

60 năm trước, Chương Gia đại sư dạy tôi học Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tôi rất nghe lời. 60 năm này tôi đi theo con đường này, càng đi càng thích, càng đi càng tự tại, pháp hỷ sung mãn. Tham dự những hoạt động trên quốc tế, đó là sau sự kiện 11/9. Đại học Côn Sĩ Lan và đại học Cách Lí Phi Tư, hai vị hiệu trưởng đến tìm tôi. Hy vọng tôi có thể giúp Liên Hiệp Quốc hóa giải xung đột, xúc tiến xã hội an định, thế giới hòa bình, làm công việc này. Tôi nghĩ đây là đau khổ của con người hiện nay trên toàn thế giới. Người xuất gia chúng ta nên có chút tâm từ bi, dốc thêm chút sức đại diện nhà trường tham gia hội nghị Liên Hiệp Quốc.

Mười mấy lần hội nghị, tôi đều đem truyền thống văn hóa, đặc biệt là truyền thống dạy học, Phật pháp đại thừa giới thiệu cho họ. Nói rất nhiều lần mà còn có biểu diễn. Biểu diễn việc chúng tôi làm thí nghiệm ba năm ở Thang Trì, báo cáo lên Liên Hiệp Quốc biết. Họ đã nghe được, đã nhìn thấy. Việc của tôi không còn nữa, đã làm xong. Đây chính là chấm một dấu chấm, tôi trở về bổn vị. Bất cứ hoạt động nào tôi cũng không muốn tham gia, làm tốt tấm gương của một người xuất gia chân chính. Người xuất gia chân chính là sao? Như Đức Như lai vậy, ngày ngày dạy học, ngoài việc này ra không còn việc gì khác. Hiện tại tôi rất tự tại, ngày ngày có thể đọc kinh bốn tiếng, có thể cùng với mọi người chia sẽ bốn tiếng đồng hồ, an vui vô cùng! Sống một ngày làm một ngày, ngày nào không làm là ngày đó tôi ra đi. Đây là chánh nghiệp của người xuất gia, không thể không biết. Đức Thế Tôn suốt đời vui vì điều này, không hề biết mệt. Tôi rất may mắn, vô cùng cảm kích Chương Gia đại sư dạy tôi con đường này, con đường này tôi nhất định đi đến cùng, làm tấm gương tốt cho người xuất gia.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 410